

BỘ Y TẾ
CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO QUỐC GIA

BÁO CÁO SƠ KẾT
HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

THÁNG 9 – 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN 1.....	4
PHẦN 1 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CTCQLQG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022	5
I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CHỐNG LAO Ở VIỆT NAM.....	5
1. Tình hình bệnh lao trên thế giới	5
2. Tình hình bệnh lao ở Việt Nam.....	5
3. Tình hình bệnh lao và ảnh hưởng của đại dịch COVID-19	6
4. Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động năm 2022	7
5. Chỉ tiêu Kế hoạch Quỹ toàn cầu năm 2022.....	7
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022.....	9
A. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9
1. Kết quả chính đã đạt được.....	9
2. Khó khăn	10
B. KẾT QUẢ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	11
CÁC HOẠT ĐỘNG THƯỜNG QUI.....	11
1. Công tác phát hiện, điều trị và quản lý bệnh nhân lao 6 tháng đầu năm 2022	11
2. Hoạt động điều trị.....	21
3. Hoạt động xét nghiệm	25
4. Hoạt động giám sát – quản lý thông tin chương trình Chống lao	29
5. Hoạt động vận động chính sách - truyền thông - huy động xã hội (ACSM)	30
6. Hoạt động cung ứng thuốc, vật tư, trang thiết bị.....	33
CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN ĐẶC THÙ	35
1. Hoạt động phát hiện chủ động lao trong các nhóm có nguy cơ cao	35
2. Phối hợp y tế công - tư và Thực hành tiếp cận sức khỏe phổi (PPM/PAL).....	40
3. Hoạt động quản lý bệnh nhân lao kháng đa thuốc	42
4. Hoạt động phối hợp lao/HIV.....	45
5. Hoạt động lao tiềm ẩn	45
6. Hoạt động lao trẻ em	47
7. Hoạt động nghiên cứu khoa học.....	47

C. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC CHỐNG LAO 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 CỦA CÁC SR NGUỒN QUỸ TOÀN CẦU	49
1. Hội Nông dân	49
2. Trung tâm Phát triển Sức khỏe cộng đồng (CCHD)	56
3. Trung tâm nghiên cứu và phát triển sức khỏe cộng đồng (RCSCH)	59
4. Hội Chống lao Hoàng gia Hà lan (KNCV)	62
5. Cục Y tế - Bộ Công an	65
6. Cục C10 - Bộ công an	66
7. Học viện Quân y.....	68
8. MOLISA	69
9. Hội y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh.....	74
10. Trung tâm nghiên cứu môi trường và sức khỏe (CEHS)	76
11. Tổ chức Health Poverty Action tại Việt Nam (HPA)	79
12. Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (SCDI).....	83
13. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	87
14. Dự án USAID – SET – Hỗ trợ kết thúc bệnh lao.....	90
D. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN.....	98
1. Công tác lập kế hoạch	98
2. Hoạt động quản lý tài chính	100
3. Hoạt động đối ngoại	101
PHẦN 2 - CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022	105
1. Các hoạt động trọng tâm	105
2. Các hoạt động chuyên môn cụ thể	106
PHẦN 3 - KẾT LUẬN	112
PHẦN 4 - PHỤ LỤC	113

TỪ VIẾT TẮT

ACSM	Vận động chính sách, truyền thông và huy động xã hội
AFB	Trực khuẩn kháng cồn kháng toan
Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động thương binh xã hội
CBYT	Cán bộ y tế
CTCLQG, CTCL	Chương trình Chống lao quốc gia, Chương trình chống lao
Cục PC HIV/AIDS	Cục phòng chống HIV/AIDS
Cục PCTNXH	Cục Phòng chống tệ nạn xã hội
DAPTMLYTCS	Dự án Phát triển màng lưới y tế cơ sở
DOTS	Điều trị ngắn ngày có kiểm soát trực tiếp
ĐTLSBT	Điều trị lại sau bỏ trị
HTNN	Hoá trị ngắn ngày
HTĐT	Hoàn thành điều trị
MDR	Kháng đa thuốc
NVYT	Nhân viên y tế
PAL	Thực hành xử trí tốt bệnh hô hấp
PPM	Phối hợp y tế công – tư / công cộng
QTC	Quỹ Toàn Cầu
SL	Số lượng
TCYTTG	Tổ chức y tế Thế giới
TP-TB-ĐTL	Tái phát – thất bại - điều trị lại
TTGDSK	Truyền thông giáo dục sức khỏe
TT.05-06	Trung tâm 05 – 06
TT-HĐXH	Truyền thông – huy động xã hội
TTYTDP	Trung tâm y tế dự phòng
BN	Bệnh nhân

PHẦN 1

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO QUỐC GIA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CHỐNG LAO Ở VIỆT NAM

1. Tình hình bệnh lao trên thế giới

Theo báo cáo của Tổ chức Y tế thế giới (TCYTTG - WHO Report 2021 - Global Tuberculosis Control), mặc dù đã đạt được một số thành tựu đáng kể trong công tác chống lao trong thời gian qua, bệnh lao vẫn đang tiếp tục là một trong các vấn đề sức khỏe cộng đồng chính trên toàn cầu. TCYTTG ước tính năm 2020 trên toàn cầu có khoảng 10 triệu người hiện mắc lao, tuy nhiên, do ảnh hưởng của COVID-19 chỉ có 5,8 triệu người được phát hiện, giảm đáng kể so với con số 7,1 triệu người được phát hiện năm 2019. Bệnh lao tiếp tục là nguyên nhân gây tử vong đứng hàng thứ hai trong các bệnh nhiễm trùng với khoảng 1,3 triệu người tử vong do lao (con số này năm 2019 là 1,2 triệu người), trong đó có khoảng 214.000 người chết do lao trong số những người nhiễm HIV. Số tử vong này làm cho lao là một trong các bệnh gây tử vong hàng đầu ở nữ giới.

Việc giảm phát hiện các trường hợp mắc lao mới được dự báo sẽ còn trầm trọng hơn trong năm 2021 và 2022. Một số những ảnh hưởng khác có thể kể đến giữa 2 năm 2019 và 2020 là số người được điều trị lao kháng thuốc, con số này cũng giảm 15% (từ 177.100 ca xuống còn 150.359 được điều trị, đáp ứng nhu cầu cho khoảng 1/3 số bệnh nhân) và số điều trị dự phòng lao cũng giảm khoảng 21% (từ 3,6 triệu trường hợp xuống còn 2,8 triệu trường hợp).

Trên toàn cầu trong năm 2020, hầu hết các ca mắc lao đều nằm trong khu vực Đông Nam Á (43%), Châu Phi (25%) và Tây Thái Bình Dương (18%), với một số ít ở khu vực Đông Địa Trung Hải (8,3%), Châu Mỹ (3%) và Châu Âu (2,3%). 30 quốc gia có gánh nặng bệnh lao cao chiếm 86% tổng số ca mắc mới trên toàn thế giới, và 8 quốc gia trong số này chiếm 2/3 tổng số ca trên toàn cầu: Ấn Độ (26%), Trung Quốc (8.5%), Indonesia (8.4%), Philippines (6.0%), Pakistan (5.8%), Nigeria (4.6%), Bangladesh (3.6%) và Nam Phi (3.3%).

2. Tình hình bệnh lao ở Việt Nam

Việt nam hiện vẫn là nước có gánh nặng bệnh lao cao, đứng thứ 10 trong 30 nước có số người bệnh lao cao nhất trên toàn cầu, đồng thời đứng thứ 11 trong số 30 nước có gánh nặng bệnh lao kháng đa thuốc cao nhất thế giới (báo cáo WHO 2021).

Bảng 1: Tình hình dịch tễ bệnh lao tại Việt nam 2021

Ước tính gánh nặng bệnh lao – 2020	Số lượng (nghìn người)	Tỷ lệ (trên 100.000 dân)
Tử vong do lao (loại trừ HIV)	12 (8,7-16)	12 (9-17)
Lao mới mắc các thể (bao gồm cả HIV +)	169 (109-241)	173 (112-247)
Lao /HIV dương tính mới mắc	5,1 (3,3-7,4)	5 (3,0-8,0)
Tỷ lệ phát hiện các thể (%)	46 (32-71)	
Tỷ lệ kháng đa thuốc trong bệnh nhân mới (%)	4,3 (4,2 – 4,5)	
Tỷ lệ kháng đa thuốc trong bệnh nhân điều trị lại (%)	15 (14 – 16)	
% bệnh nhân lao được xét nghiệm HIV	82%	
% HIV dương tính trong số người xét nghiệm HIV	3%	

*** Nguồn: Draft Vietnam Country Profile 2022 - WHO**

3. Tình hình bệnh lao và ảnh hưởng của đại dịch COVID-19

Trong năm 2021, với tình hình dịch bệnh COVID-19 gây ra những biến động trong xã hội, sự giãn cách xã hội bắt buộc tại nhiều địa phương trên toàn quốc, số liệu phát hiện của CTCLQG đã giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2020, khi mà COVID-19 mới xảy ra tại Việt Nam, và đợt tấn công lần thứ 4 này của dịch COVID-19 là đợt tấn công nguy hiểm nhất với quy mô lớn nhất từ trước đến nay. Với việc chỉ phát hiện được 78.935 ca lao trong năm 2021, giảm 22,7% so với năm 2020 và chỉ đạt 65,2% chỉ tiêu kế hoạch phát hiện cả năm cho số bệnh nhân lao các thể (121.000 ca), CTCLQG đã gặp vô vàn khó khăn thách thức cho việc hoàn thành chỉ tiêu đặt ra trong năm 2021 và cả giai đoạn 2021 – 2023.

Trong khi đó, công cuộc chống dịch COVID-19 trên cả nước chỉ mới bắt đầu có những tín hiệu tích cực đầu tiên, mặc dù việc giãn cách xã hội đã không còn diễn ra trên toàn quốc, tuy nhiên các ca bệnh COVID-19 vẫn xảy ra với tần suất tương đối cao ở khắp các tỉnh thành trong quý 1 năm 2022. Tuy nhiên, sang đến quý 2 năm 2022, quá trình “bình thường mới” đã thực sự được bắt đầu, các hoạt động công tác lao động trong xã hội đã bắt đầu trở lại. Việc đẩy mạnh tăng cường phát hiện chủ động – an toàn với Covid, ở cả cộng đồng và tại các cơ sở y tế, đồng thời sử dụng tối đa xe XQ kỹ thuật số nhằm tăng số bệnh nhân lao được phát hiện đang được tích cực thực hiện để đẩy mạnh kết quả, nhằm phát hiện được các ca bệnh nhiều hết sức có thể. Tuy nhiên, vẫn có một số tỉnh thành và một số khu vực, các can thiệp phòng chống lao còn tương đối thận trọng.

Trong năm 2022, đại dịch COVID-19 vẫn chưa thể kết thúc, số ca mắc COVID-19 trong cộng đồng vẫn còn tồn tại, do đó, song song với tăng cường công tác phòng chống

lao tại các tuyến, các biện pháp đảm bảo an toàn bệnh viện, an toàn của cộng đồng trước đại dịch COVID-19 cũng cần phải được lưu tâm.

4. Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động năm 2022

Bảng 2: Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH 2022
1	Duy trì mạng lưới phòng chống lao 4 cấp từ Trung ương đến địa phương ở 100% xã, phường	%	100%
2	Dân số được CTCLQG bảo vệ	%	100%
3	Tổng số ca bệnh lao mới và tái phát được phát hiện	bệnh nhân	139.000
4	Tỷ lệ điều trị thành công các ca bệnh lao mới và tái phát	%	92%
5	Số lượng ca bệnh lao được thông báo trong số các nhóm nguy cơ cao/nhóm dân cư bị ảnh hưởng chính (nhà tù)	bệnh nhân	2200
6	Tỷ lệ bệnh nhân lao được xét nghiệm HIV	%	94%
7	Số bệnh nhân lao kháng thuốc được thu dung điều trị	bệnh nhân	4912
8	Tỷ lệ điều trị thành công bệnh nhân lao kháng thuốc	%	78%
9	Số người có nguy cơ được điều trị lao tiềm ẩn	Người	120.000
10	Số bệnh nhân lao được phát hiện và báo cáo với sự đóng góp của các đơn vị y tế tư nhân và công lập ngoài lao	Bệnh nhân	23.630

5. Chỉ tiêu Kế hoạch Quỹ toàn cầu năm 2022

Bảng 3: Các chỉ số chính hoạt động nguồn Quỹ toàn cầu năm 2021

Module	Số chỉ số	Chỉ số	Chỉ số 6 tháng đầu năm 2022	Chỉ số cả năm 2022
Module 1: Điều trị và dự phòng lao				
1	1	Số ca bệnh lao các thể được thông báo (có bằng chứng vi khuẩn học hoặc được chẩn đoán lâm sàng, mới và tái phát)	55.600	139.000
1	2	Tỷ lệ phần trăm các ca bệnh lao các thể, có bằng chứng vi khuẩn học hoặc được chẩn		92% (127.880)

		đoán lâm sàng, được điều trị thành công (khỏi cộng hoàn thành điều trị) trong số các ca bệnh lao mới được đăng ký điều trị trong kỳ, bao gồm cả mới và tái phát		/ 139.000)
1	5	Số lượng người tiếp xúc với bệnh nhân lao bắt đầu điều trị dự phòng IPT	48.000	120.000
1	6a	Số lượng ca bệnh lao (các thể) được thông báo trong số các nhóm nguy cơ cao/nhóm dân cư bị ảnh hưởng chính (trại giam)	880	2.200
1	7a	Số lượng các ca bệnh lao được ghi nhận (các thể) do các tổ chức tư nhân/phi chính phủ - ngoài CTCLQG cung cấp	2.780	6.950
1	7b	Số lượng các ca bệnh lao được ghi nhận (các thể) do các đơn vị công lập – ngoài CTCLQG cung cấp	6.672	16.680
1	8	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân lao mới và tái phát xét nghiệm bằng test nhanh do WHO khuyến cáo trong thời gian chẩn đoán	18% (25.020/ 139.000)	45% (62.550/ 139.000)
Module 2: Lao/HIV				
2	5	Tỷ lệ bệnh nhân lao mới và tái phát đã đăng ký với tình trạng HIV được ghi nhận	94% (52.264 / 55.600)	94% (130.660/ 139.000)
2	6	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân lao mới và tái phát dương tính với HIV điều trị ARV trong khi điều trị lao	91% (863/ 949)	91% (2.158/ 2.372)
2	7	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân dương tính với HIV hiện đang điều trị ARV được bắt đầu điều trị dự phòng IPT	92% (4.048/ 4.400)	92% (10.120/ 11.000)
Module 3: Lao kháng thuốc				
3	2	Số lượng ca bệnh kháng thuốc lao (RR-TB và/hoặc MDR-TB) được báo cáo	2.112	5.281
3	3	Số lượng ca bệnh kháng thuốc lao (RR-TB và/hoặc MDR-TB) bắt đầu điều trị hàng hai	1.964	4.912
3	6	Tỷ lệ phần trăm bệnh nhân lao với kháng sinh đồ với ít nhất là Rifampicin trong tổng số ca	85% (37.808/ 	85% (94.520/

		bệnh được ghi nhận (mới và tái trị)	44.480)	111.200)
3	7.1	Tỷ lệ phần trăm ca bệnh lao kháng thuốc được khẳng định được xét nghiệm kháng các thuốc lao hàng hai	82% (1.611/ 1.964)	82% (4.028/ 4.912)
3	8	Số lượng ca bệnh siêu kháng thuốc lao (XDR) được thu dung điều trị	100	275
3	9	Tỷ lệ thành công điều trị của lao kháng thuốc: Tỷ lệ phần trăm các ca bệnh lao kháng thuốc điều trị thành công		78% (2.668/ 3.420)

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

A. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Kết quả chính đã đạt được

- CTCL vẫn duy trì mục tiêu triển khai công tác chống lao tại 100% số quận huyện và 100% số xã, phường. Tỷ lệ dân số được chương trình chống lao tiếp cận đạt 100%.
- Mạng lưới chống lao: Hiện nay 51 trên 63 tỉnh, thành trên toàn quốc đã thành lập Bệnh viện Phổi, Bệnh viện lao và bệnh phổi. CTCL đã tiếp tục triển khai các hoạt động phát triển mạng lưới phối hợp với các đối tác như: Bộ Công an; Cục phòng chống HIV/AIDS; WHO; KNCV; CDC: CHAI, ... các bệnh viện đa khoa tuyến trung ương, tuyến tỉnh và nhiều đối tác khác như Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Cục Y tế - Bộ Công an; đồng thời hỗ trợ tham mưu BHYT về cơ cấu tổ chức; hoạt động của 12 tỉnh không có bệnh viện chuyên khoa để đảm bảo nhân lực triển khai công tác chống lao. Hiện nay có 13 tỉnh đang sáp nhập trong trung tâm CDC, có duy nhất tỉnh Phú Yên với mô hình “Trạm CK Lao Phú Yên” vẫn hoạt động độc lập, không sáp nhập vào trung tâm CDC, để đảm bảo triển khai công tác phòng chống lao tại địa phương.
- Quỹ Hỗ trợ người bệnh chiến thắng bệnh lao - PASTB phối hợp với Cổng thông tin nhân đạo Quốc gia 1400 mở cổng nhấn tin ủng hộ Quỹ PASTB. Kết thúc chiến dịch nhấn tin ủng hộ Quỹ, chương trình đã tiếp nhận được 49 nghìn tin nhắn, tương đương hơn 980 triệu đồng ủng hộ.
- Hoạt động phát hiện: trong 6 tháng đầu năm 2022, số liệu phát hiện của CTCLQG đã có sự cải thiện đáng kể và phục hồi lại chất lượng và tác động tích cực của chương trình so với cùng kỳ năm 2021 và thậm chí còn cao hơn cả cùng kỳ năm 2020, thời điểm COVID-19 chỉ mới xảy ra tại Việt Nam. Mặc dù COVID-19 vẫn còn tác động đến khu vực miền Bắc trong 3 tháng đầu năm, tuy nhiên sự phục hồi mạnh mẽ của khu vực miền Nam và miền Trung đã đóng góp rất lớn trong số liệu phát hiện trên toàn quốc. Trong 6 tháng đầu năm, CTCLQG đã phát hiện được

48.056 ca bệnh, cho thấy tiềm năng đạt được con số 100.000 ca phát hiện trong cả năm 2022 là vô cùng khả thi.

- Duy trì và tiếp tục triển khai hệ thống thu thập, quản lý thông tin, báo cáo trên internet từ tuyến tỉnh và mở rộng triển khai ở trên 857 huyện và các điểm tương đương.

2. Khó khăn

- Dịch tễ lao ở Việt nam còn cao, xếp thứ 10 trong 30 nước có gánh nặng bệnh nhân lao cao trên thế giới và xếp thứ 11 trong số 30 nước có gánh nặng bệnh lao kháng đa thuốc cao nhất trên toàn cầu.
- Tác động nặng nề của dịch COVID-19 lần thứ 4 với quy mô rộng và tác động mạnh nhất từ trước tới nay, mang tính chất thảm họa. Bệnh nhân không tiếp cận các CSYT do sợ lây nhiễm, phải làm xét nghiệm COVID-19 trước khi khám tại một số cơ sở. Giãn cách xã hội cũng làm giảm khả năng đi lại và tiếp cận, dẫn đến hoạt động điều trị cho lô bệnh nhân trong 6 tháng đầu năm 2021 đã bị ảnh hưởng rất rõ rệt. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát mới chỉ đạt 76,4%, thấp hơn rất nhiều so với chỉ tiêu của WHO (85%) và của CTCLQG (90%). Tỷ lệ hoàn thành điều trị ở đa số các tỉnh đều rất cao. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn có một số tỉnh có tỷ lệ điều trị khỏi cao rất đáng khen như Bắc Cạn (100%), Khánh Hoà (94%) và Hậu Giang (99%). Tỷ lệ âm hóa đờm sau 2(3) tháng điều trị của bệnh nhân trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 86,3%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Với ảnh hưởng của COVID-19 và tỷ lệ hoàn thành điều trị cao tuyệt đối, việc theo dõi bệnh nhân để đảm bảo quy trình điều trị được hoàn thành và báo cáo một cách chính xác nhất vẫn cần rất nhiều nỗ lực từ các tỉnh.
- PMDT: 6 tháng đầu năm 2022, tổng số người được xét nghiệm Xpert MTB-Rif là 105.718, phát hiện 1.665 bệnh nhân RR/MDR, số bệnh nhân thu dung là 1.552 chiếm 93% số phát hiện, mới đáp ứng được 34% chỉ tiêu đăng ký với QTC. Tuy nhiên tỷ lệ điều trị thành công của lô bệnh nhân đăng ký quý I-II/2020 đạt 75%, cao hơn 7% so với lô BN đăng ký Q1-II/2019 (ở mức 68%).
- Việc chuyển đổi cơ chế mua sắm thuốc chống lao từ NSNN sang BHYT đã bắt đầu được triển khai tuy nhiên nhiều địa phương gặp khó khăn và vướng mắc do đây là lần đầu tiên thực hiện thanh toán thuốc chống lao từ quỹ BHYT
- Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine gây đứt gãy, gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hóa nói chung và dược phẩm nói riêng trên toàn cầu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nhập khẩu, phân phối thuốc, vật tư thiết bị của các nhà thầu cung cấp
- Ảnh hưởng của dịch COVID-19 khiến tình hình phát hiện và thu nhận bệnh nhân lao kháng thuốc thấp hơn chỉ tiêu rất nhiều (năm 2021 đạt 53% chỉ tiêu đề ra) đã dẫn tới nguy cơ quá hạn một số thuốc hàng 2; chỉ tiêu phát hiện bệnh nhân lao nhi không đạt yêu cầu dẫn tới nguy cơ thừa thuốc lao nhi từ nguồn QTC

- Công tác phối kết hợp trong hoạt động PPM vẫn còn hạn chế. Mặc dù hầu hết các tỉnh đã tham gia triển khai, tài liệu hướng dẫn về triển khai PPM đã được ban hành nhưng nhiều tỉnh vẫn còn lúng túng trong việc triển khai do thiếu nhân lực, thiếu kinh phí và sự chỉ đạo của Sở Y tế. Sự gắn kết giữa các cơ sở y tế công-tư còn chưa thật sự khăng khít do nhiều yếu tố như sự phản hồi 2 chiều chưa được thường xuyên, kinh phí hỗ trợ cho y tế tư không có trong khi các cơ sở y tế tư rất ngại ghi chép báo cáo mất nhiều thời gian và ảnh hưởng đến thu nhập của họ. Kinh phí cho hoạt động PAL còn hạn chế trong khi nhân lực và năng lực của CBYT tuyến tỉnh còn thiếu đã cản trở một số tỉnh triển khai các hoạt động bệnh phổi mạn tính.
- 3 tháng đầu năm 2022 do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn ảnh hưởng tại một số tỉnh, tới cuối tháng 3 vẫn còn tới 11 bệnh viện chuyên khoa Lao tỉnh thực hiện 100% công suất giường bệnh chăm sóc, điều trị covid đã ảnh hưởng nhiều tới công tác sàng lọc, phát hiện và thu nhận điều trị lao tiềm ẩn.
- Tự chủ về tài chính tại các tuyến có ảnh hưởng nhất định tới hoạt động CTCL, nhiều Bệnh viện lao có lượng người bệnh khám và điều trị thấp gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí phải nợ lương cán bộ, nhiều đơn vị thắt chặt hơn về nhân lực và tần suất đi giám sát CTCL.
- Thay đổi mô hình tổ chức y tế tại tuyến tỉnh, huyện có ảnh hưởng không nhỏ tới CTCL như thay đổi cán bộ làm công tác chống lao, đơn vị mới chưa ổn định nên việc triển khai hoạt động CTCL gặp khó khăn, tâm lý cán bộ làm công tác chống lao không ổn định...
- Công tác chống lao tại 12 tỉnh chưa thành lập bệnh viện lao và bệnh phổi, sát nhập Trung tâm CDC còn khó khăn do thiếu nhân lực....

B. KẾT QUẢ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

CÁC HOẠT ĐỘNG THƯỜNG QUI

1. Công tác phát hiện, điều trị và quản lý bệnh nhân lao 6 tháng đầu năm 2022

1.1. Số bệnh nhân được phát hiện.

Bảng 4: Kết quả phát hiện bệnh nhân lao 6 tháng đầu năm 2022, toàn quốc

Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
6 tháng 2022	28.762	2.445	391	8.237	8.205	16	48.056
%	59,85	5,09	0,81	17,14	17,07	0,03	100

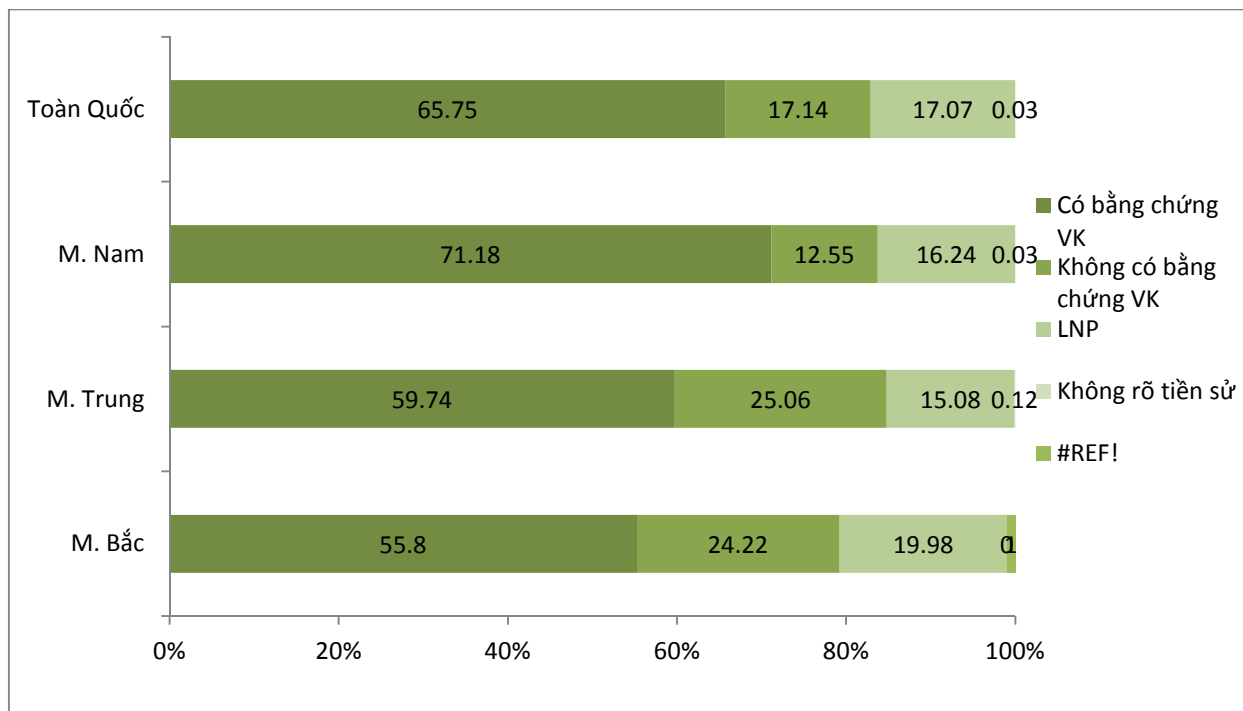
Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
6 tháng 2021	26.435	2.583	560	8.323	9.780	55	47.736
%	55,38	5,41	1,17	17,44	20,49	0,12	100
SS số lượng	2.327	-138	-169	-86	-1.575	-39	320
SS TL %	4,47	-0,32	-0,36	-0,30	-3,41	-0,08	0,00
SS TL/SL	8,80	-5,34	-30,18	-1,03	-16,10	-70,91	0,67

* SS = so sánh

Tổng số bệnh nhân lao các thể được phát hiện trong 6 tháng đầu năm 2022 là 48.056 bệnh nhân, tỷ lệ phát hiện lao các thể trên 100.000 dân là 48,32/100.000 dân. Trong đó có 31.598 bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn, chiếm 65,75%, tỷ lệ phát hiện lao phổi có bằng chứng vi khuẩn là 31,77/100.000 dân. Tỷ lệ lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn trên tổng số bệnh nhân là 17,14%, lao ngoài phổi là 17,07%.

Số bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn mới phát hiện trong 6 tháng đầu năm 2022 đã tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021, với 2.327 ca bệnh, tương đương với 4,47%. Tổng số bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn tăng 2.020 bệnh nhân, tương đương với 6,8%. Số bệnh nhân lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn giảm 86 trường hợp, số bệnh nhân lao ngoài phổi giảm 1.575 trường hợp (3,41%). Tất cả những con số này đều cho thấy nỗ lực rất lớn của CTCLQG, với toàn bộ các đơn vị chống lao trên toàn quốc hiện đang hoạt động rất tích cực khi việc giãn cách xã hội chấm dứt và các hoạt động của người dân và của hệ thống y tế hiện đã được khôi phục trở lại. Trong 6 tháng đầu năm 2022, tổng số bệnh nhân được phát hiện đã cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 và cả cùng kỳ năm 2020 (47.210), thời điểm Việt Nam chưa bị ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19. Con số này cho thấy CTCLQG đang đi đúng hướng trên đà phục hồi lại khả năng phát hiện trước khi xảy ra dịch COVID-19, và dự báo trong năm 2022, việc phát hiện được trên 100.000 bệnh nhân là hoàn toàn khả thi.

So sánh với chỉ tiêu đặt ra cho hoạt động phát hiện cả năm 2022, với chỉ số cam kết với Quỹ Toàn Cầu, tỷ lệ phát hiện bệnh nhân lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học trên toàn quốc 6 tháng đầu năm 2022 là 31,77/100.000 dân, đạt 37,1% chỉ tiêu kế hoạch phát hiện cả năm (85,6/100.000 dân) và tỷ lệ phát hiện lao các thể 6 tháng đầu năm là 48,32/100.000 dân, đạt 34,8% chỉ tiêu kế hoạch phát hiện cả năm (139/100.000 dân).



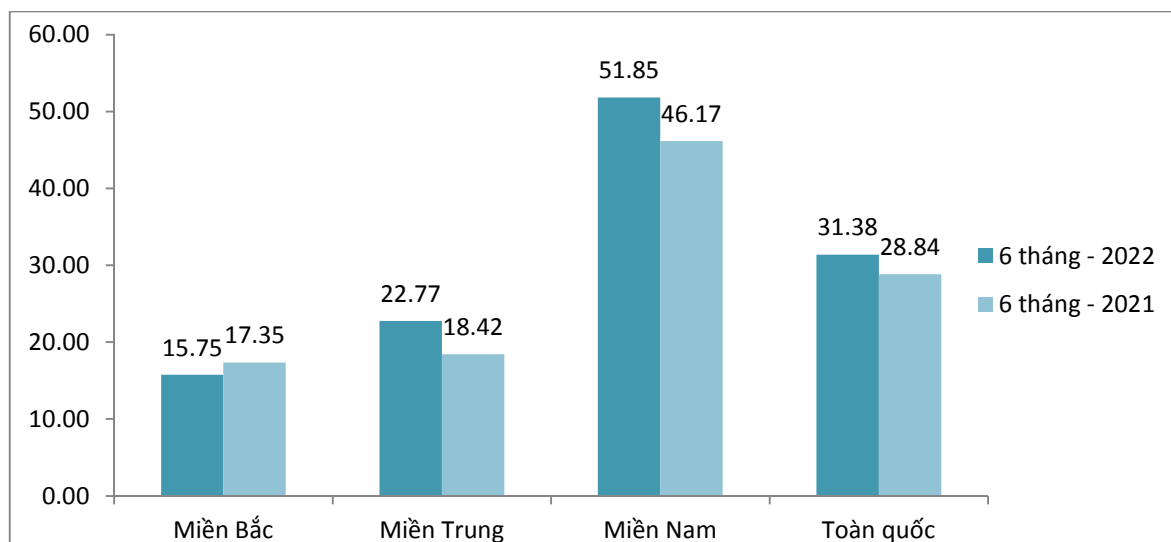
Biểu đồ 1: Tỷ lệ % các thể bệnh theo miền, 6 tháng đầu năm 2022

Khu vực miền Nam có số bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học tăng đáng kể nhất, với 2.439 trường hợp so với cùng kỳ năm 2021 (21.056 trường hợp so với 18.617 trường hợp). Về mặt tỷ lệ bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học / tổng số bệnh nhân phát hiện, miền Nam vẫn là khu vực có tỷ lệ cao nhất trên toàn quốc với 71,18%. Tổng số bệnh nhân không có bằng chứng vi khuẩn/tổng số bệnh nhân chiếm 12,55%, tăng nhẹ 252 trường hợp so với cùng kỳ năm 2021. Miền Nam cũng là khu vực đầu tiên có dịch tễ về phát hiện bệnh lao phức hồi sau COVID-19 trên toàn quốc

Khu vực miền Trung tăng nhẹ 522 trường hợp bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn so với cùng kỳ năm 2021. Tổng số bệnh nhân không có bằng chứng vi khuẩn học tăng 165 trường hợp, trong khi đó số bệnh nhân lao ngoài phổi giảm 227 trường hợp so với 6 tháng đầu năm 2021.

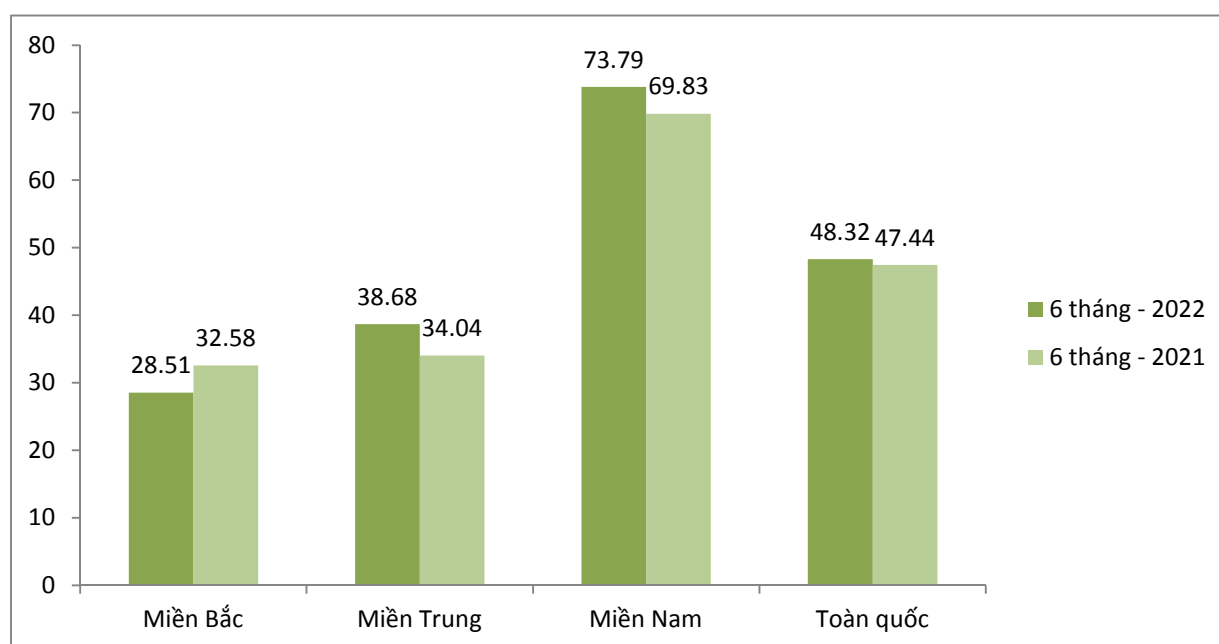
Các tỉnh miền Bắc luôn có tỷ lệ bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học thấp nhất trong 3 miền là 55,8%, và là khu vực duy nhất có số lượng bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học giảm so với cùng kỳ năm 2021, với 941 trường hợp (7.019 so với 7.960 trường hợp). Điều này cũng phản ánh sự ảnh hưởng của COVID-19 đối với các tỉnh miền Bắc vào đầu năm 2022. Tỷ lệ bệnh nhân không có bằng chứng vi khuẩn học chiếm 24,22% trên tổng số bệnh nhân phát hiện, giảm 503 trường hợp, số bệnh nhân lao ngoài phổi cũng giảm 680 trường hợp so với cùng kỳ năm 2021.

Tương tự cùng kỳ năm 2021, tỷ lệ bệnh nhân lao ngoài phổi / tổng số cao nhất ở các tỉnh miền Bắc (19,98%) so với các tỉnh miền Nam (16,24%) và thấp nhất ở các tỉnh miền Trung (15,08%).



Biểu đồ 2: So sánh tỷ lệ phát hiện lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học trên 100.000 dân 8 tháng đầu năm 2020, 2021 theo miền.

Tương tự với việc tăng số lượng bệnh nhân được phát hiện, tỷ lệ phát hiện lao các thể trên toàn quốc trong 6 tháng đầu năm 2022 cũng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2021. Tăng rõ rệt nhất là khu vực miền Nam, với tỷ lệ phát hiện lao các thể là 73,79/100.000 dân, tăng so với cùng kỳ năm 2021 là 69,83/100.000 dân (tăng 1.984 trường hợp lao các thể, tương ứng với 7,19% so với năm 2021). Khu vực miền Bắc là khu vực duy nhất có tỷ lệ giảm trong 3 miền, với tỷ lệ phát hiện lao các thể là 28,51/100.000 so với 32,58/100.000 năm 2021. Khu vực miền Trung có tỷ lệ phát hiện lao các thể là 38,68/100.000 dân so với kết quả cùng kỳ năm 2021 là 34,04/100.000 dân (tăng 462 trường hợp, tương ứng với 8,5%). Trên toàn quốc, tỷ lệ phát hiện các thể trên 100.000 dân là 48,32/100.000 dân tăng so với cùng kỳ năm 2021 là 47,44/100.000 dân.

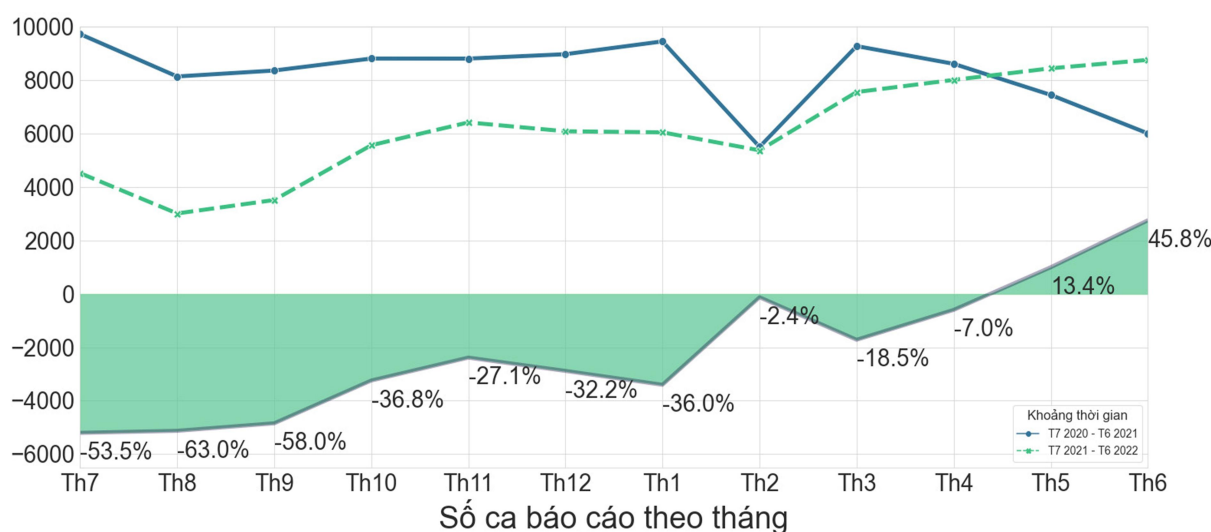


Biểu đồ 3: So sánh tỷ lệ phát hiện lao các thể trên 100.000 dân 6 tháng đầu năm 2022 và 2021 theo miền.

❖ **Tác động của Covid-19 tới công tác phát hiện trong năm 2021, 6 tháng đầu năm 2022 và xu hướng phục hồi trên toàn quốc:**

Đợt tấn công lần thứ 4 của COVID-19 vào Việt Nam có thể tính từ ngày 27/4/2021, với ảnh hưởng nặng nề nhất từ trước đến nay. Kể từ khi dịch bệnh xuất hiện trở lại, số lượng người đến khám bệnh, chữa bệnh bắt đầu có xu hướng giảm, số lượng bệnh nhân đến khám giảm lên đến 30%-50% ở nhiều đơn vị. TP.HCM bắt đầu triển khai giãn cách xã hội từ ngày 9/7, sau đó là 19 tỉnh miền Nam bắt đầu từ ngày 18/7. Các tỉnh miền Bắc, đặc biệt là Bắc Ninh và Bắc Giang đã xuất hiện dịch từ đầu tháng 5, và chính thức thực hiện giãn cách xã hội từ khoảng giữa tháng 5/2021. Hà Nội bắt đầu thực hiện giãn cách xã hội từ ngày 24/7.

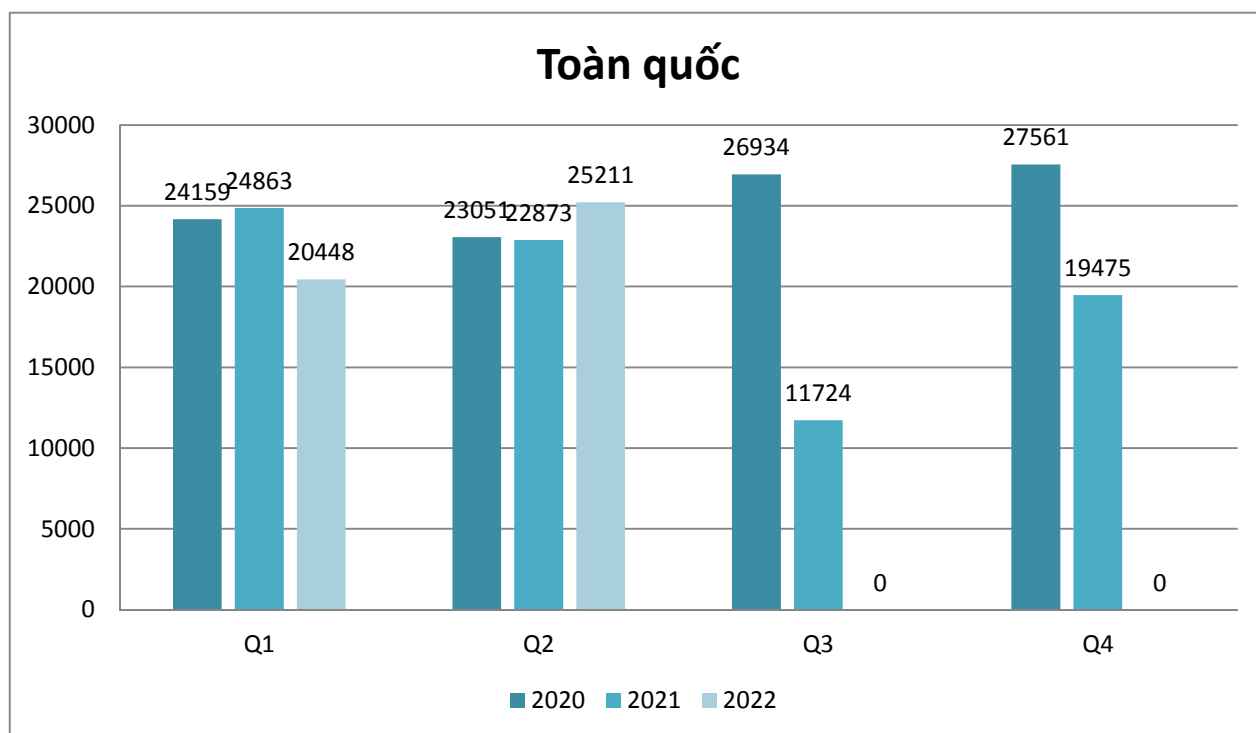
Năm 2021 là năm có sự ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch COVID-19 trong 3 năm trở lại đây, với số ca mắc sụt giảm so với thời điểm năm 2019 trước khi đại dịch xảy ra. Tình trạng giãn cách xã hội vẫn diễn ra tại nhiều địa phương trên toàn quốc, và chỉ mới bắt đầu chấm dứt vào cuối tháng 9, đầu tháng 10 trên toàn quốc. Số liệu trên toàn quốc cũng cho thấy, số liệu phát hiện bắt đầu có dấu hiệu tăng và hồi phục trong Quý 4 của năm 2021, khi hoạt động của chương trình đã bắt đầu trở lại bình thường. Tuy nhiên đa phần các can thiệp vẫn được triển khai tương đối thận trọng ở tất cả các tỉnh thành, đặc biệt là những khu vực có tỷ lệ mắc mới COVID-19 theo ngày cao.



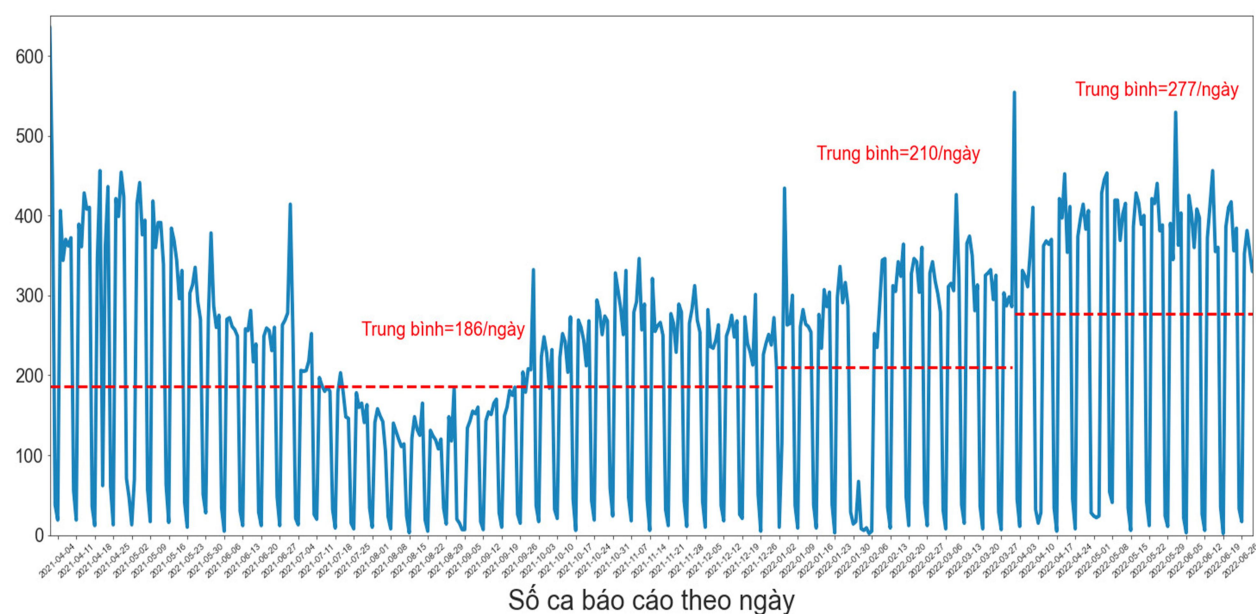
Biểu đồ 4: Diễn tiến tình hình thu nhận bệnh nhân lao theo từng tháng, từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 6 năm 2022

Sang năm 2022, khi miền Trung và miền Nam đã có sự khôi phục trở lại tình hình phát hiện thì miền Bắc, trong đó đặc biệt là thành phố Hà Nội lại đón đợt dịch COVID-19 tương đối nặng nề, với biến thể Omicron. Do đó, miền Bắc là khu vực duy nhất có tình hình phát hiện bệnh nhân giảm so với 6 tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực của cả hệ thống chống lao trên toàn quốc, và đặc biệt ở khu vực miền Nam và miền Trung, số liệu phát hiện của chương trình đã hồi phục rất mạnh mẽ, với tiềm năng trở về tốc độ trước COVID-19 là rất rõ ràng trong năm 2022.

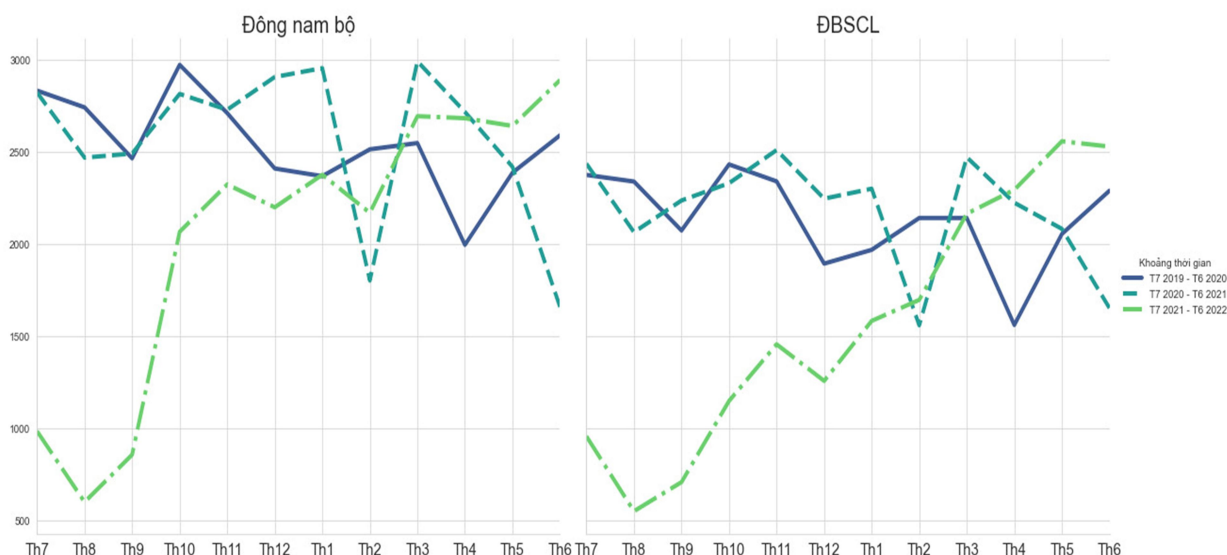
Về phân bố tình hình thu nhận bệnh nhân trong giai đoạn 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 theo vùng miền, miền Nam là khu vực có mức giảm thu nhận nhiều nhất nhưng cũng là khu vực có quá trình phục hồi sớm nhất trên cả nước. Trong khi đó ở miền Bắc, việc giảm số lượng phát hiện bắt đầu rõ ràng hơn trong Quý 1 năm 2022.



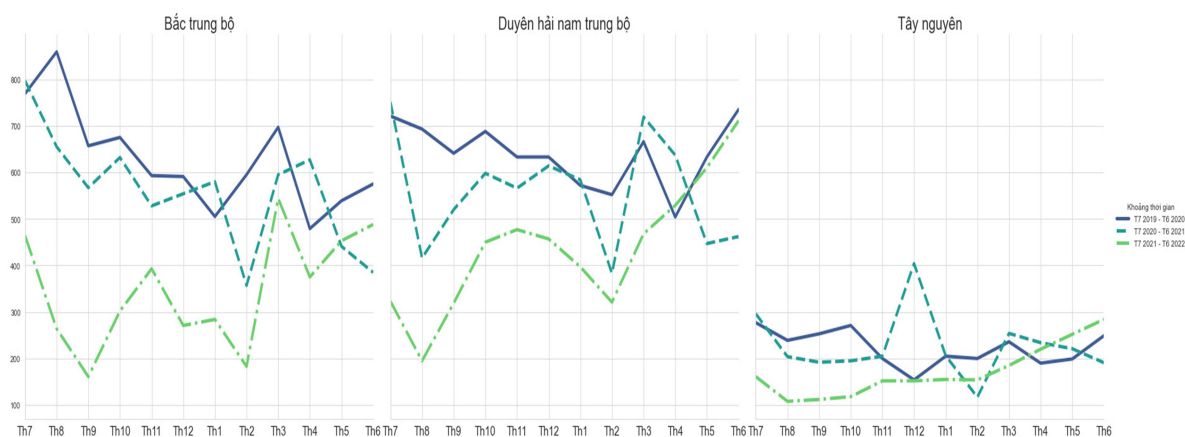
Biểu đồ 5: Số liệu phát hiện bệnh nhân trong từng quý năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022



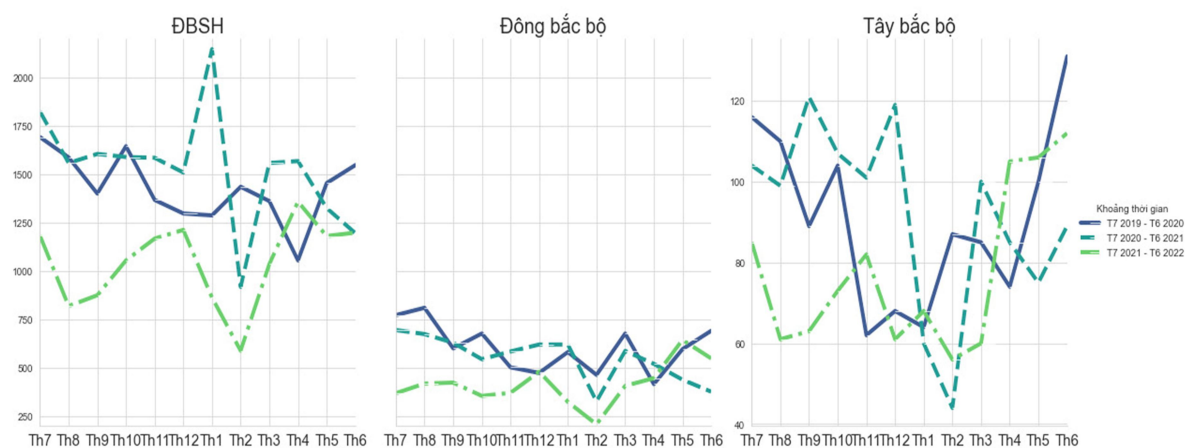
Biểu đồ 6: Biểu đồ thu nhận bệnh nhân theo ngày từ tháng 4/2021 đến tháng 6/2022 với đường trung bình thu nhận là đường nằm ngang



Biểu đồ 7: Xu hướng phục hồi tình hình phát hiện của khu vực miền Nam từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2022



Biểu đồ 8: Xu hướng phục hồi tình hình phát hiện của khu vực miền Trung từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2022



Biểu đồ 9: Xu hướng phục hồi tình hình phát hiện của khu vực miền Bắc từ tháng 7/2021 đến tháng 6/2022

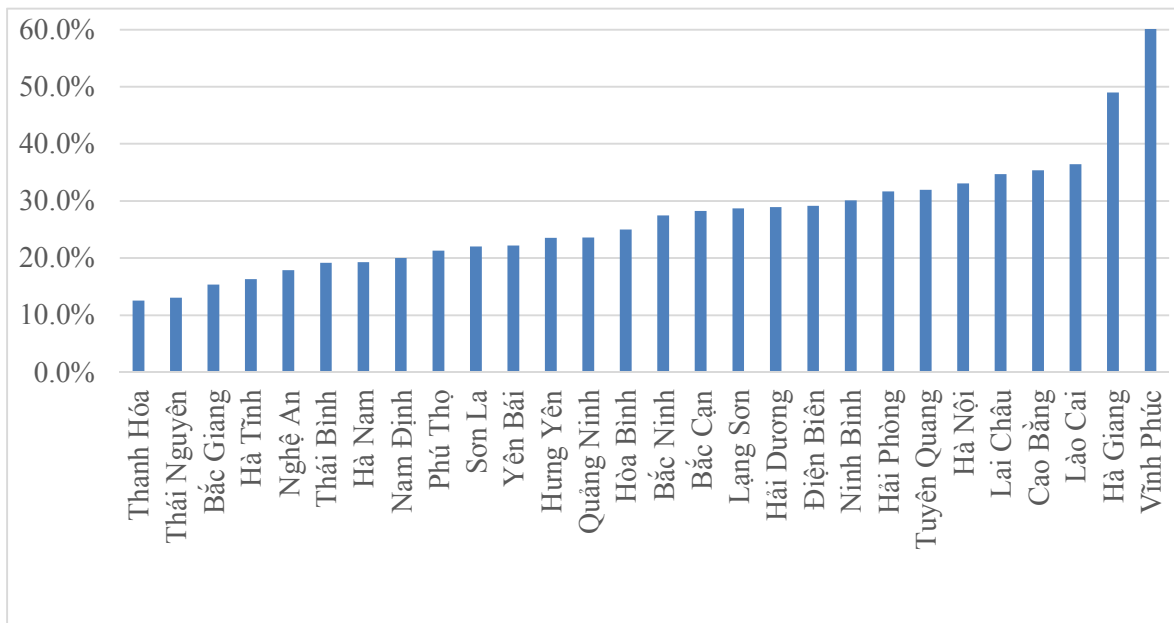
❖ **Tình hình phát hiện trong 6 tháng đầu năm 2022 tại từng khu vực:**

Khu vực miền Bắc:

Tại khu vực miền Bắc, trong 6 tháng đầu năm 2022, số bệnh nhân lao phổi mới có bằng chứng vi khuẩn học giảm 775 trường hợp (10,68%) so với cùng kỳ năm 2021. Tổng số bệnh nhân lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn giảm 503 trường hợp (14,17%) và lao ngoài phổi giảm 680 trường hợp (21,3%) so với cùng kỳ năm trước. Tổng số bệnh nhân lao các thể trong 6 tháng đầu năm 2022 phát hiện là 12.578 bệnh nhân, giảm 2.126 bệnh nhân (14,5%) so với cùng kỳ năm 2021 (**Bảng 5 – Phụ lục 1**).

So sánh số lượng bệnh nhân lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học phát hiện trong 6 tháng năm 2022, một số tỉnh có số lượng bệnh nhân giảm đáng lưu ý so với cùng kỳ năm 2021 có thể kể đến như sau: Thanh Hóa (47,8%), Thái Nguyên (38,9%), Hà Nội (37,6%), Bắc Ninh (30,7%), Nam Định (24,6%) và Thái Bình (21,5%). Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có một số tỉnh có tỷ lệ tăng phát hiện bệnh nhân đáng kể như Vĩnh Phúc (63%), Lai Châu (40,8%), Hải Dương (24,5%), Hưng Yên (21,6%) và Quảng Ninh (19,5%).

So sánh với chỉ tiêu đặt ra cho hoạt động phát hiện lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học năm 2022, 28 đơn vị tỉnh khu vực miền Bắc phát hiện được 6.951 bệnh nhân mới, đạt 27,4% kế hoạch phát hiện cả năm (25.290 bệnh nhân) và 23.384 tổng số bệnh nhân mới và tái phát, đạt 57,7% kế hoạch phát hiện cả năm 2022 (40.486 bệnh nhân).



Biểu đồ 10: Tỷ lệ % số BN lao mới và tái phát được phát hiện 6 tháng đầu năm 2022 so với chỉ tiêu kế hoạch cả năm, theo tỉnh. Khu vực miền Bắc

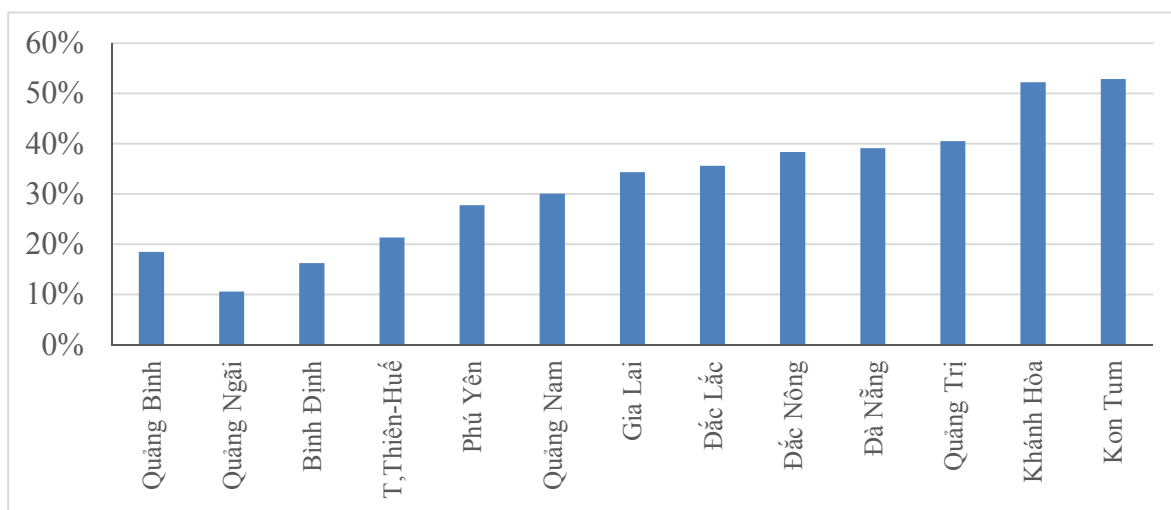
Khu vực miền Trung:

Tại khu vực miền Trung, trong 6 tháng đầu năm 2022, số bệnh nhân lao phổi mới có bằng chứng vi khuẩn học tăng 516 bệnh nhân so với cùng kỳ năm 2021, tương đương

19,1%. Số bệnh nhân lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn tăng 165 bệnh nhân, còn lao ngoài phổi giảm nhẹ 227 bệnh nhân. Tổng số bệnh nhân phát hiện là 5.897, tăng 462 bệnh nhân (8,5%) so với cùng kỳ năm 2021. (**Bảng 6 – Phụ lục 1**).

So sánh với số lượng bệnh nhân lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học phát hiện trong 6 tháng năm 2022, có 2 tỉnh có tỷ lệ bệnh nhân mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học giảm đáng lưu ý so với cùng kỳ năm 2021 là: Quảng Ngãi (39%) và Bình Định (13,8%). Còn lại, đa số các tỉnh đều có tỷ lệ phát hiện bệnh nhân tăng, có thể kể đến một số tỉnh đáng chú ý như Quảng Trị (160%), Kon Tum (64,6%), Đắk Nông (54%), Đà Nẵng (38,3%), Khánh Hòa (34,9%) và Quảng Bình (32,7%).

So sánh với chỉ tiêu đặt ra cho hoạt động phát hiện lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học năm 2022, các tỉnh khu vực miền Trung phát hiện được 3.472 bệnh nhân mới, đạt 30,5% kế hoạch phát hiện cả năm (11.388 bệnh nhân) và 5.808 tổng số bệnh nhân lao mới và tái phát, đạt 31,8% kế hoạch phát hiện cả năm 2022 (18.230 bệnh nhân).



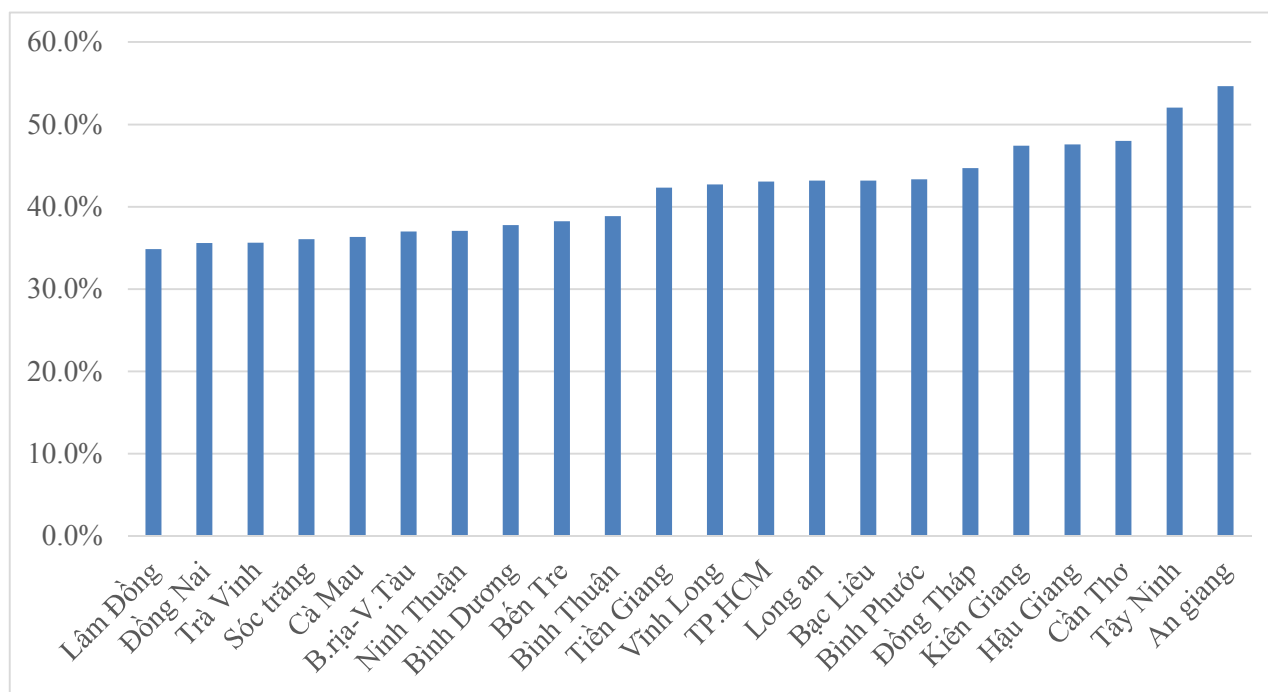
Biểu đồ 11: Tỷ lệ % số BN lao các thể phát hiện 6 tháng đầu năm 2022 so với chỉ tiêu kế hoạch cả năm, theo tỉnh. Khu vực miền Trung

Khu vực miền Nam:

Khu vực miền Nam, trong 6 tháng đầu năm 2022, có tổng số bệnh nhân lao các thể phát hiện tăng 1.984 bệnh nhân (7,19%) so với cùng kỳ năm 2021. Số bệnh nhân mới có bằng chứng vi khuẩn học phát hiện tăng 2.586 bệnh nhân (15,7%). Số bệnh nhân lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn tăng 252 bệnh nhân (7,28%). (**Bảng 7 – Phụ lục 1**)

So sánh với số lượng bệnh nhân lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học phát hiện trong 6 tháng đầu năm 2022, hầu hết tất cả các tỉnh tại miền Nam đều tăng về số lượng bệnh nhân mới trừ tỉnh Bình Dương (giảm 10,2%). Các tỉnh có số lượng bệnh nhân tăng đáng chú ý có thể kể đến: Ninh Thuận (30,5%), Bình Phước (24,7%), Long An (23,7%), Tây Ninh (23,1%), Bình Thuận (20,9%), An Giang (20,6%), Lâm Đồng (20,5%), Vũng Tàu và Đồng Nai (20,2%).

So sánh với chỉ tiêu đặt ra cho hoạt động phát hiện lao phổi mới và tái phát có bằng chứng vi khuẩn học năm 2022, các tỉnh khu vực miền Nam phát hiện được 20.784 bệnh nhân mới, đạt 42,9% kế hoạch phát hiện cả năm (48.412 bệnh nhân) và 29.192 tổng số bệnh nhân lao mới và tái phát, đạt 37,7% kế hoạch phát hiện cả năm 2022 (77.504 bệnh nhân).



Biểu đồ 12: Tỷ lệ % số BN lao các thể phát hiện 6 tháng đầu năm 2022 so với chỉ tiêu kế hoạch cả năm, theo tỉnh. Khu vực miền Nam

1.2. Phân bố bệnh nhân lao mới và tái phát theo giới

Tỷ suất Nam/Nữ ở số bệnh nhân mới và tái phát 6 tháng đầu năm là 2,53/1, tăng so với cùng kỳ năm 2021 (2,45). Tỷ suất này vào năm 2020 là 2,54. Tỷ suất Nam/Nữ cao nhất ở các tỉnh miền Trung (3,0) so với các tỉnh miền Bắc (2,49) và miền Nam (2,46). Tỷ suất này trên cả 3 miền vẫn thấp hơn so với tỷ suất Nam / nữ trong bệnh nhân lao phổi AFB (+) mới của điều tra hiện mắc lao toàn quốc mới nhất vào năm 2017 (4,2). Tỷ suất Nam/Nữ giảm đi có thể do tình hình dịch tễ bệnh lao trong nam giới có xu hướng giảm, hoặc vẫn có một bộ phận nam giới chưa được phát hiện bằng các hoạt động của chương trình.

Tóm lại: trong 6 tháng đầu năm 2022, có thể nói số liệu phát hiện của CTCLQG đã có sự cải thiện đáng kể để phục hồi lại chất lượng và tác động tích cực của chương trình so với cùng kỳ năm 2021 và thậm chí còn cao hơn cả cùng kỳ năm 2020, thời điểm COVID-19 chỉ mới xảy ra tại Việt Nam. Mặc dù COVID-19 vẫn còn tác động đến khu vực miền Bắc trong 3 tháng đầu năm, tuy nhiên sự phục hồi mạnh mẽ của khu vực miền Nam và miền Trung đã đóng góp rất lớn trong số liệu phát hiện trên toàn quốc. Tuy nhiên, do chỉ tiêu cam kết với QTC cho giai đoạn 2021 – 2023 ở mức cao nhằm hướng

đến quá trình thanh toán bệnh lao trong những giai đoạn tiếp theo, CTCLQG trong 6 tháng đầu năm cũng mới chỉ đạt được 34,6% chỉ tiêu kế hoạch cả năm (48.056 ca bệnh/chỉ tiêu 139.000 ca), CTCLQG sẽ gặp vô vàn khó khăn thách thức trong giai đoạn 6 tháng cuối năm. Tuy nhiên, với những tín hiệu vô cùng tích cực đầu tiên, việc phục hồi lại hoạt động phát hiện và công tác chống lao tại các địa phương ngang bằng với giai đoạn trước COVID-19 cũng đã cho thấy những nỗ lực to lớn của hệ thống chống lao trên toàn quốc, và việc đạt được con số 100.000 ca phát hiện trong cả năm 2022 là vô cùng khả thi.

2. Hoạt động điều trị

2.1. Kết quả điều trị bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát.

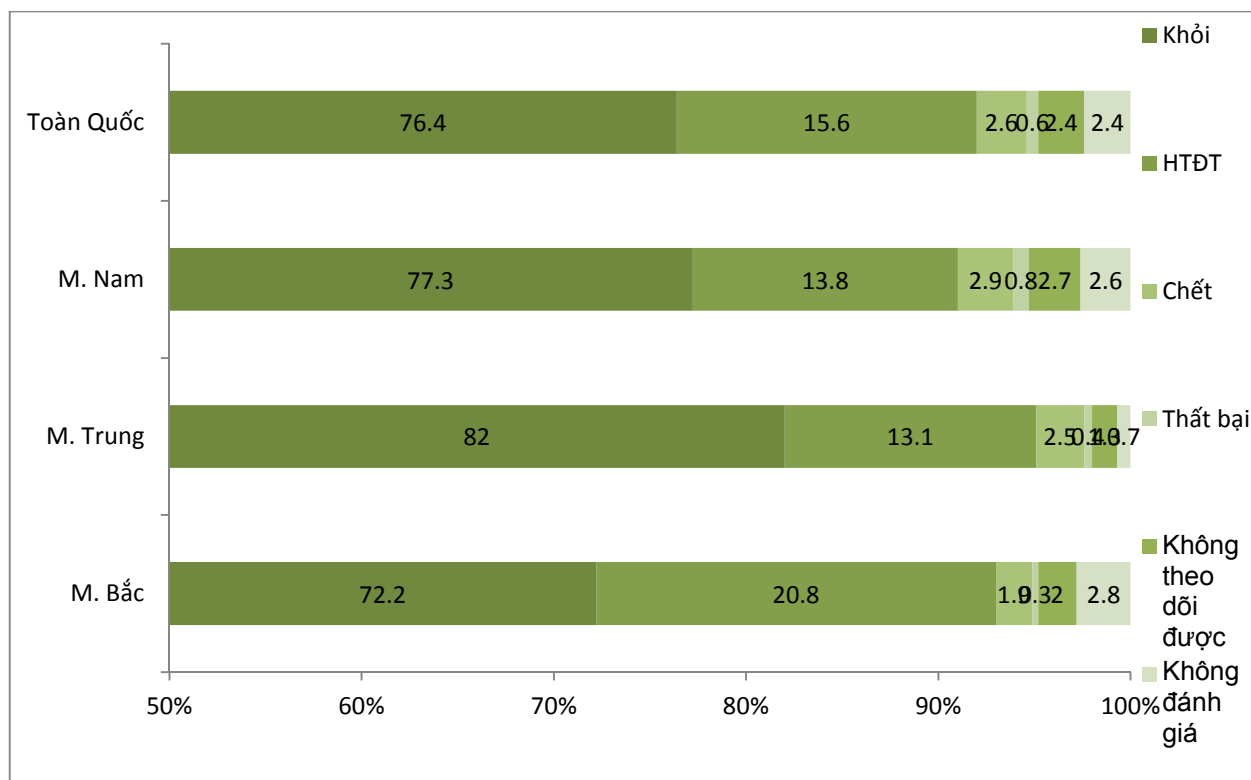
❖ Toàn quốc:

Bảng 8: Kết quả điều trị lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát

Năm		Số BN đánh giá	Kết quả điều trị					
			Khỏi	HTĐT	Chết	Thất bại	Không theo dõi được	Không đánh giá
6 tháng 2021	Số BN	28073	21446	4388	725	168	660	686
	%		76,4	15,6	2,6	0,6	2,4	2,4
6 tháng 2020	Số BN	27159	23049	1893	806	202	655	554
	%		84,9	7,0	3,0	0,7	2,4	2,0

Số bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát được thu nhận và đánh giá kết quả trong 6 tháng đầu năm 2021 là 28.073 bệnh nhân, tăng 914 bệnh nhân so với cùng kỳ năm 2020.

Tỷ lệ điều trị khỏi là 76,4%, giảm mạnh so với tỷ lệ khỏi cùng kỳ năm 2020 (84,9%), trong khi đó tỷ lệ hoàn thành điều trị cao gấp đôi (15,6% so với 7%). Công tác điều trị của CTCLQG năm 2021 đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch COVID-19 do giãn cách xã hội và những thiếu sót trong việc cung cấp dịch vụ điều trị trong thời điểm xảy ra đại dịch.



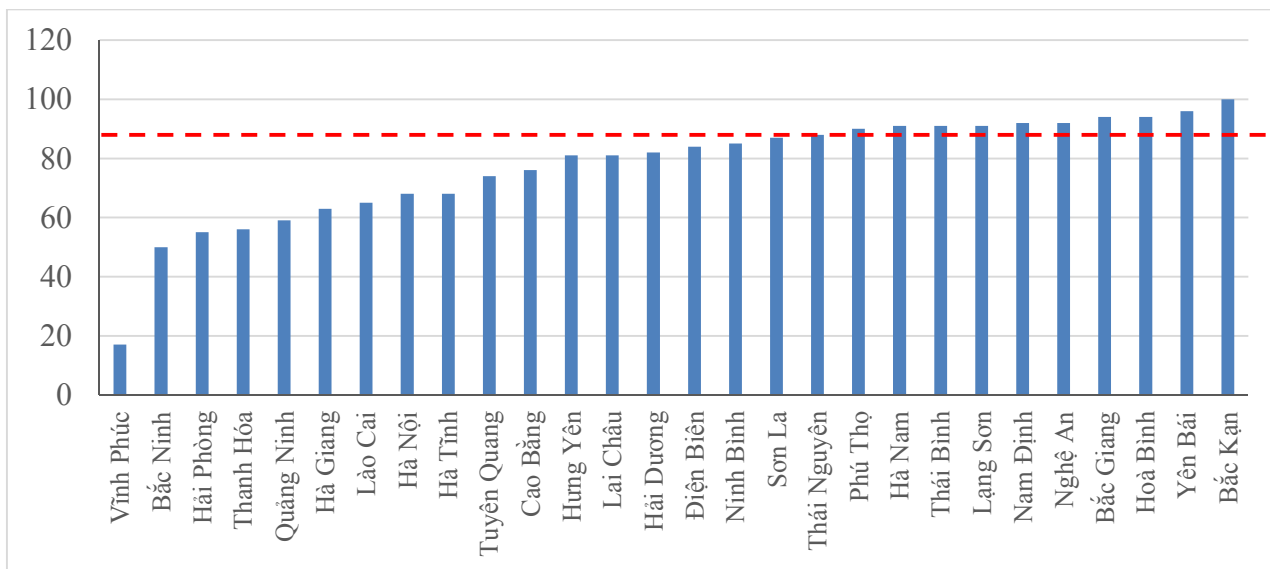
Biểu đồ 13. Kết quả điều trị bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát thu nhận tại 3 miền trong 6 tháng năm 2021

❖ **Kết quả điều trị bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát 6 tháng năm 2021 theo miền:**

Khu vực miền Bắc:

Tỷ lệ điều trị khỏi lô bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát mới khu vực miền Bắc trong 6 tháng năm 2021 là 72,2%, giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2020 (82%). Tỷ lệ hoàn thành điều trị tăng gấp đôi (20,8% so với 10,9%) so với năm 2020. (**Bảng 9 – Phụ lục I**)

Kết quả điều trị lô bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát thu nhận trong 6 tháng đầu năm 2021 khu vực miền Bắc có 15/28 tỉnh có tỷ lệ điều trị khỏi dưới 85%: Vĩnh Phúc (17%), Bắc Ninh (50%), Hải Phòng (55%), Thanh Hoá (56%), Quảng Ninh (59%), Hà Giang (63%), Lào Cai (65%), Hà Nội (68%), Hà Tĩnh (68%), Tuyên Quang (74%), Cao Bằng (76%), Hưng Yên (81%), Lai Châu (81%), Hải Dương (82%) và Điện Biên (84%). Nguyên nhân tỷ lệ điều trị khỏi thấp ở các tỉnh này là do tỷ lệ hoàn thành điều trị rất cao do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Tuy nhiên, đặc biệt đáng lưu ý có Vĩnh Phúc với tỷ lệ bệnh nhân không đánh giá được rất cao, với 61%. Tại khu vực miền Bắc, tỉnh đạt kết quả điều trị khỏi cho bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát cao nhất là Bắc Cạn với tỷ lệ 100% (35 bệnh nhân)

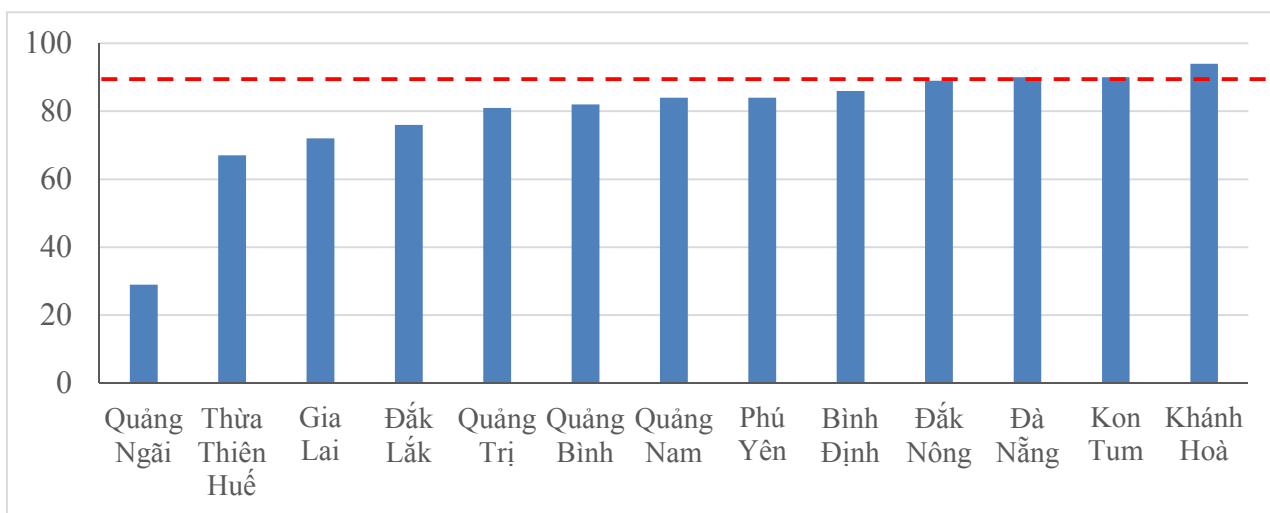


Biểu đồ 14. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát tại các tỉnh khu vực miền Bắc trong 6 tháng đầu năm 2021

Khu vực miền Trung:

Tỷ lệ điều trị khỏi lô bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát trong 6 tháng đầu năm 2021 khu vực miền Trung là 82%, giảm so với cùng kỳ năm 2020 (86%). Tỷ lệ bệnh nhân hoàn thành điều trị tăng 4,7% (từ 8,4% lên 13,1%) so với cùng kỳ năm trước. Các tỷ lệ còn lại không có thay đổi gì đáng kể. (**Bảng 10 – Phụ lục 1**)

Kết quả điều trị lô bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát trong 6 tháng đầu năm 2021 khu vực miền Trung có 8/13 tỉnh có tỷ lệ điều trị khỏi dưới 85% là Quảng Ngãi (29%), Huế (67%), Gia Lai (72%), Đắk Lắk (76%), Quảng Trị (81%), Quảng Bình (82%), Quảng Nam (84%) và Phú Yên (84%). Nguyên nhân tỷ lệ điều trị khỏi thấp ở các tỉnh này là do tỷ lệ hoàn thành điều trị cao. Đặc biệt có Quảng Ngãi tỷ lệ hoàn thành điều trị là 68%. Khánh Hoà đạt tỷ lệ điều trị khỏi cao nhất tại khu vực này (94%).

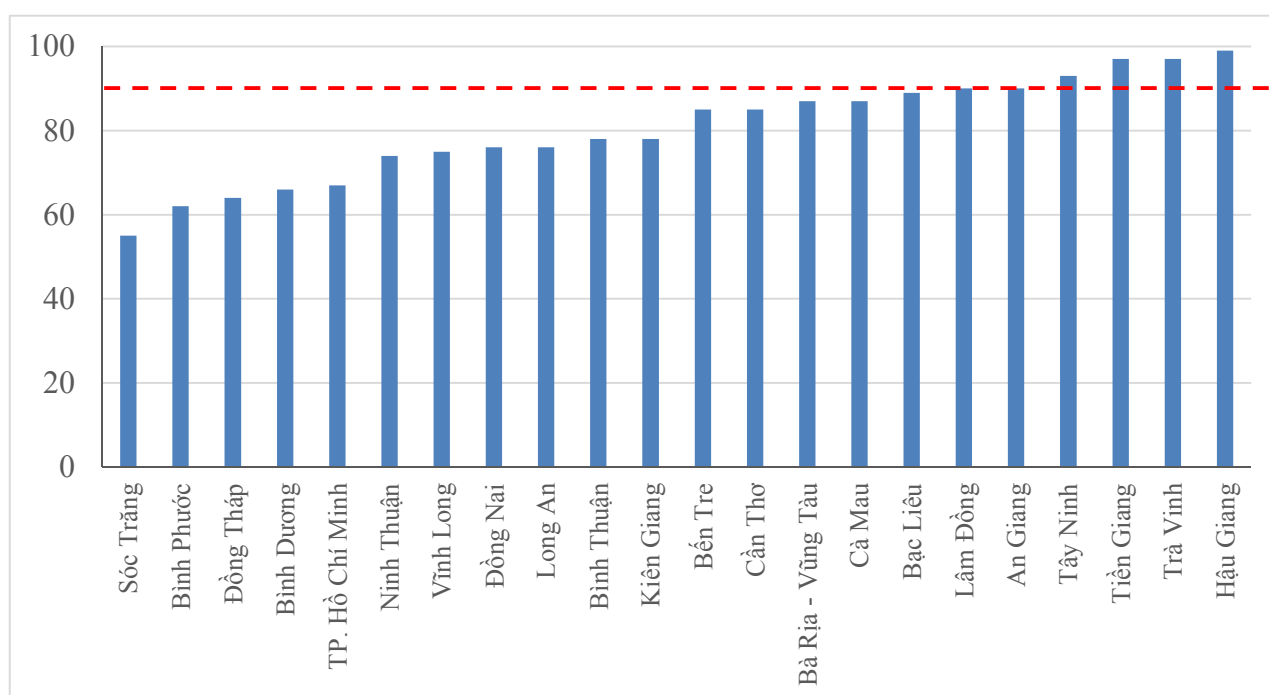


Biểu đồ 15. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát tại các tỉnh khu vực miền Trung trong 6 tháng đầu năm 2021

Khu vực miền Nam:

Tỷ lệ điều trị khỏi lâm bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát trong 6 tháng đầu năm 2021 khu vực miền Nam là 77,3%, theo xu hướng chung của toàn quốc cũng giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2020 là 85,8%. Tỷ lệ hoàn thành điều trị tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2020 (từ 5,2% lên 13,8%). (**Bảng 11 – Phụ lục 1**).

Khu vực miền Nam có 11/22 tỉnh có tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát dưới 85% là Sóc Trăng (55%), Bình Phước (62%), Đồng Tháp (64%), Bình Dương (66%), TP.HCM (67%), Ninh Thuận (74%), Vĩnh Long (75%), Đồng Nai (76%), Long An (76%), Bình Thuận (78%) và Kiên Giang (78%). TP.HCM có tỷ lệ không theo dõi được tương đối đáng lưu ý với 7%. Tỉnh Hậu Giang đạt tỷ lệ điều trị cao nhất tại khu vực này (99%).



Biểu đồ 16. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát tại các tỉnh khu vực miền Nam trong 6 tháng đầu năm 2021

2.2. Tỷ lệ âm hoá đờm sau giai đoạn tấn công

Tỷ lệ âm hoá đờm sau 2(3) tháng điều trị 6 tháng đầu năm 2022 là 86,3%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2021 (86,7%). Tỷ lệ âm hoá đờm sau 2(3) tháng điều trị cao nhất ở khu vực miền Bắc (87,3%) so với khu vực miền Trung (85,1%) và miền Nam (86,2%).

Tỷ lệ âm hoá ở nhóm bệnh nhân điều trị lại là 82,1%. Tỷ lệ âm hoá đờm trong bệnh nhân điều trị lại cũng tương tự, cao nhất ở khu vực miền Bắc (84,1%) so với miền Trung (80,1%) và khu vực miền Nam (81,9%). Tỷ lệ không xét nghiệm trong nhóm điều trị lại là 12,2% và cao hơn tỷ lệ này trong nhóm bệnh nhân mới (10,6%). (**Bảng 12 – Phụ lục 1**)

Tóm lại: Trong lô bệnh nhân 6 tháng đầu năm 2021, nhìn chung, do ảnh hưởng của dịch COVID-19, số lượng tỉnh có tỷ lệ điều trị khỏi thấp trên toàn quốc cao hơn rất nhiều so với kết quả điều trị bệnh nhân cùng kỳ năm 2020. Số tỉnh có tỷ lệ hoàn thành điều trị cao đã tăng hơn nhiều, và tỷ lệ hoàn thành điều trị cũng cao tuyệt đối ở một số tỉnh. Tỷ lệ điều trị khỏi bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát mới chỉ đạt 76,4%, thấp hơn rất nhiều so với chỉ tiêu của WHO (85%). Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn có một số tỉnh có tỷ lệ điều trị khỏi cao như Bắc Cạn (100%), Khánh Hoà (94%) và Hậu Giang (99%). Tỷ lệ âm hóa đờm sau 2(3) tháng điều trị của bệnh nhân trong 6 tháng đầu năm 2022 đạt 86,3%, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Với ảnh hưởng của COVID-19 và tỷ lệ hoàn thành điều trị cao tuyệt đối, việc theo dõi bệnh nhân để đảm bảo quy trình điều trị được hoàn thành và báo cáo một cách chính xác nhất vẫn cần rất nhiều nỗ lực từ các tỉnh.

3. Hoạt động xét nghiệm

Các hoạt động đã triển khai như đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, lập kế hoạch chuyển kinh phí và cung ứng vật tư, trang thiết bị xét nghiệm lao, thực hiện ngoại kiểm (LQAS, panel) nhằm duy trì và tăng cường năng lực, đảm bảo chất lượng hệ thống xét nghiệm lao trên toàn quốc.

- Về đào tạo:

- Tổ chức 5 lớp tập huấn kỹ thuật mới Truenat, trong đó có 1 lớp online cho 4 phòng xét nghiệm vùng là NRL, Đà Nẵng, Phạm Ngọc Thạch và Cần Thơ; 4 lớp còn lại tập huấn trực tiếp tại Hà Nội, Đà Nẵng, TP. HCM và Cần Thơ cho tổng cộng 160 học viên là các cán bộ lâm sàng, chỉ đạo tuyến và xét nghiệm đến từ 34 đơn vị dự kiến phân phối máy Truenat trong tháng 6-7 năm 2022.
- Tổ chức lớp đào tạo trực tuyến kỹ thuật Truenat cho Nghiên cứu FIT tại Hà Giang, số lượng học viên: 4 (bao gồm 1 Trưởng khoa Xét nghiệm, 1 KTV trưởng và 2 KTV) trong tháng 2 năm 2022.

- Về ngoại kiểm đảm bảo chất lượng xét nghiệm:

- Thực hiện kiểm định cho toàn bộ tuyến tỉnh định kỳ hàng quý.
- Sản xuất panel ngoại kiểm kháng sinh đồ cho 7 PXN lao
- Thực hiện KSD hàng 1, hàng 2, PZA, thuốc mới cho chương trình chống lao quốc gia
- Hợp Webinar với các nước khu vực để tiến hành triển khai Chương trình ngoại kiểm năm 2022 thành công
- Gửi Dự trù mua sắm sinh phẩm, vật tư cho sản xuất bộ mẫu ngoại kiểm trong và ngoài nước
- Sản xuất 1000 bộ mẫu cho 2 vòng ngoại kiểm khu vực cung cấp cho 3 nước PNG, Phillipines, Bangladesh
- Sản xuất 350 bộ mẫu cho 2 vòng ngoại kiểm trong nước với hơn 150 điểm máy

- Đã hoàn thiện và sử dụng phần mềm ePT cho hoạt động ngoại kiểm trong và ngoài nước.
 - Đã hoàn thành Vòng 1 ngoại kiểm trong và ngoài nước (phân phát mẫu, thu thập, phân tích và gửi báo cáo phản hồi kết quả ngoại kiểm cho các đơn vị). Riêng tỉnh Bình Dương do không thông quan bộ mẫu ngoại kiểm được nên không có kết quả phản hồi Vòng 1 năm 2022.
- **Hoạt động cung ứng phân phối:**
- Thực hiện phân phối 29 máy Truenat kèm theo sinh phẩm và 38 máy GeneXpert cho các điểm triển khai trên toàn quốc.
 - Đảm bảo cung ứng đầy đủ sinh phẩm Xpert MTB cho các điểm máy GeneXpert, phục vụ sàng lọc bệnh lao thường quy và cho sàng lọc chủ động tại các tỉnh, các dự án: FIT, RCSC, SET, HPA...
 - Điều chuyển sinh phẩm Xpert cận hạn giữa các Đơn vị
 - Cung ứng sinh phẩm Xpert MTB cho các Đối tác là Đơn vị Nghiên cứu đã được sự phê duyệt: Woolcock, OUCRU
 - Đề xuất phân phối 38 máy Truenat và sinh phẩm cho các Đơn vị cấp máy lần đầu
 - Đề xuất phân phối 78 máy GeneXpert 6 màu và 7 máy GeneXpert 10 màu, 46 bộ UPS+ Điều hòa
 - Cung ứng, phân phối sinh phẩm LPA 1,2 và KSD thuốc lao mới cho các phòng xét nghiệm tuyến tỉnh và khu vực
- **Bảo dưỡng trang thiết bị xét nghiệm lao:**
- CTCLQG đã mua thành công 30 gói bảo hành hạn đến ngày 30/9/2024 và 28 gói bảo hành hành đến ngày 01/05/2025.
 - Hiệu chuẩn: đã phân phối 50 bộ kit Xpert check theo danh sách hãng yêu cầu thực hiện CV số 814 ngày 13/4/2022
 - Nhập khẩu, phân phối, thay thế Module: trong 6 tháng đầu năm nhập khẩu tổng số 90 module, hiện nay đã phân phối 70/90 module đang tiếp tục ra soát đơn vị hỏng nhiều module để phân phối tiếp tục 20 module
 - Hoạt động lắp máy mới: hiện nay đã phân phối 37/98 máy và hoàn thành lắp đặt 21/37 máy
- **Hoạt động giám sát:**
- Hỗ trợ kỹ thuật TST cho các tỉnh: An Giang, Cần Thơ, Tây Ninh, Tiền Giang theo dự án SET
 - Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật, lắp đặt máy mới tại Bắc Ninh, Hà Giang, Bắc Giang, Hải Phòng, Hưng Yên, Hải Dương, Cao Bằng, Phú Thọ, Nam Định, Ninh Bình, Bình Dương, Tiền Giang, An Giang, Đồng Tháp.
 - Giám sát hỗ trợ kỹ thuật Xpert phân tại Đồng Tháp.

- Giám sát hỗ trợ kỹ thuật cấy vi khuẩn lao tại Khánh Hòa, Bình Thuận.
- **Xây dựng tài liệu, chỉnh sửa, cập nhật:**
 - Xây dựng tài liệu đào tạo, hướng dẫn triển khai xét nghiệm Truenat cho các đơn vị PCL trên toàn quốc:
 - Xây dựng quy trình xét nghiệm Truenat cho bệnh phẩm đờm (áp dụng toàn tuyến) và chủng (áp dụng Nhóm cấy - BVPTW)
 - Xây dựng biểu mẫu sổ sách, báo cáo xét nghiệm Truenat
 - Xây dựng poster hướng dẫn quy trình Truenat
 - Cập nhật, chỉnh sửa mẫu phiếu M2 và các biểu mẫu báo cáo xét nghiệm phù hợp với tình hình thực tế.
- **Hoạt động nghiên cứu khoa học:**
 - Đang triển khai nghiên cứu R2D2, EndTBQ
 - Hoàn thành thu thập 750 mẫu nước tiểu và đang phân tích kết quả nghiên cứu LF-LAM nguồn FIT tại BV Phổi Trung ương.
 - Đã thu thập được 100 mẫu đờm của bệnh nhân lao kháng thuốc cho nghiên cứu Giải trình tự toàn bộ hệ gen Newton. Tiếp tục thực hiện các xét nghiệm nuôi cấy, kháng sinh đồ hàng 1,2 và chạy giải trình tự toàn bộ các mẫu đờm và chủng thuộc nghiên cứu.
- **Một số hoạt động khác:**
 - Cung cấp thông tin cho việc thực hiện gói thầu mua phần mềm kết nối dữ liệu hệ thống GeneXpert trên toàn quốc.
 - Lập kế hoạch triển khai thí điểm giám sát kháng thuốc bằng phần mềm kết nối dữ liệu xét nghiệm Xpert tại các tỉnh có dịch tể lao kháng thuốc cao.
 - Tham gia đào tạo triển khai xét nghiệm Truenat cho các phòng xét nghiệm Khu vực, tỉnh, huyện được phân phối máy.
 - Tổ chức lớp đào tạo nâng cao năng lực về Hệ thống ISO 17043:2012.
- ❖ **Thuận lợi:**
 - Nhân lực thực hiện ngoại kiểm xét nghiệm trực tiếp có kinh nghiệm
 - Có sẵn nguồn chủng để sản xuất mẫu ngoại kiểm từ phòng xét nghiệm quốc tế Adelaide.
 - Tranh thủ được nguồn hỗ trợ kinh phí của các dự án như CDC, KNCV, IDDS, SET ... cho việc thực hiện các hoạt động giám sát xét nghiệm.
 - Sự phối hợp tốt giữa các Kho miền trong cung ứng sinh phẩm Xpert MTB.
 - Nhận được sự hỗ trợ của CDC US trong việc triển khai và hỗ trợ kinh phí cho hoạt động ngoại kiểm EQA Xpert, LPA

❖ **Khó khăn:**

- Không có kinh phí thực hiện kiểm định tiêu bản, hiện tại nhân lực làm chuyên môn tại bệnh viện đã hết thời gian nên tham gia hoạt động ngoại kiểm XNTT ngoài giờ.
- Thủ tục phân phối trang thiết bị xét nghiệm khá phức tạp, cần có định mức trang thiết bị theo danh mục kèm theo công văn, phê duyệt của Sở Y tế hoặc UBND cho phép tiếp nhận máy thì CTCLQG mới có cơ sở phân phối máy cho đơn vị. Do đó hiện tại tồn đọng nhiều trang thiết bị (9/38 máy Truenat và 60/98 máy GeneXpert) vẫn trong kho CTCLQG chưa phân phối được cho các đơn vị.
- Hiện nay còn 102 máy GeneXpert đã hết hạn bảo hành cần mua gói gia hạn bảo hành.
- Hiệu chuẩn: còn 87 máy đến hạn thực hiện Xpert Check nhưng chưa nhận được Kit
- Module thay thế: hãng còn 72 module đã đồng ý thay thế nhưng chưa chuyển module về Việt Nam nên tình trạng module hỏng tại đơn vị còn tồn đọng. Nguyên nhân do xin thủ tục nhập khẩu miễn thuế, thời gian để nhập khẩu sẽ dài hơn và tình trạng module hỏng sẽ lâu được thay thế hơn.
- Hoạt động lắp máy mới: còn 61 máy GX trong kho CTCLQG chưa phân phối được, nếu tình trạng này kéo dài máy sẽ trôi bảo hành và khi lắp đặt tỉ lệ lỗi module cao hơn do hệ thống máy sinh học phân tử cần khởi động liên tục (hãng khuyến cáo nếu 1 tuần liên tục không thực hiện xét nghiệm sẽ phải bật cho máy khởi động). Với các điểm đặt máy mới hoàn toàn chưa có kinh phí cho cán bộ CTCLQG đi triển khai và kinh phí đào tạo cho kỹ thuật viên điểm máy mới.
- Chưa triển khai được gói thầu tiếp tục gia hạn sử dụng phần mềm kết nối dữ liệu hệ thống GeneXpert trên toàn quốc.
- Do dịch bệnh Covid-19, lượng sinh phẩm Xpert MTB cận hạn tháng 06/2022 nhiều gây khó khăn cho quá trình điều chuyển: vận chuyển, nhận hàng, điều phối điều chuyển, quản lý hàng cận hạn dồn về Khoa Vi sinh-Đơn vị LAB.
- Hoạt động Xpert MTB trở lại với việc mở rộng triển khai 2X, 1X và các Dự án dẫn đến nhu cầu tăng đột ngột gây khó khăn trong phân phối và điều phối xét về các Kho miền: nhu cầu về phân phối xét từ các Đơn vị đến liên tục, báo gấp do triển khai SLCD và các Dự án, Kho miền sợ xét cận hạn không đồng ý lưu kho nhiều dẫn đến thiếu xét khi nhu cầu tăng.
- Việc triển khai thêm xét nghiệm Truenat gây áp lực quá tải lên nhân sự phụ trách phân phối sinh phẩm vì bị cắt giảm do thiếu nhân lực, kiêm nhiệm chuyên môn.
- Quá tải về nhập liệu báo cáo hệ thống GeneXpert do nhân sự kiêm nhiệm công việc.
- Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động ngoại kiểm EQA từ CDC phải thanh toán trước tháng 9 nên toàn bộ hoạt động của 2 vòng phải diễn ra trước tháng 9, áp lực về thời gian triển khai và cường độ công việc.

- Khó khăn trong quá trình gửi mẫu ngoại kiểm đến các nước khu vực vì mỗi nước có yêu cầu về hải quan khác nhau, đặc biệt những nước gửi hàng lần đầu

❖ **Giải pháp:**

- Đề xuất xin kinh phí thực hiện ngoại kiểm XNTT
- Đề xuất nguồn kinh phí QTC bổ sung kinh phí mua gói bảo hành cho 60 máy đã hết hạn bảo hành
- Module và linh kiện thay thế: đang chờ công ty Minh Tâm trao đổi với hãng stock module thay thế và linh kiện tại Việt Nam rút ngắn thời gian nhập khẩu và tình trạng module hỏng kéo dài
- Hoạt động lắp máy mới: CTCLQG tiếp tục hỗ trợ đơn vị xin cấp định mức để phân máy mới tiến hành lắp đặt sớm.
- Tiếp tục hỗ trợ nhóm Mua sắm CTCLQG triển khai gói thầu mua sắm phần mềm kết nối dữ liệu hệ thống GeneXpert trên toàn quốc.
- Bổ sung nhân sự tham gia cung ứng Xpert MTB và Truenat: nhận báo cáo, nhập liệu, quản lý tồn kho, nhận đề xuất, tính toán phân phối, điều chuyển, báo cáo nhà tài trợ và kiểm toán.
- Xây dựng và đưa vào hoạt động phần mềm hỗ trợ thu thập và tổng hợp báo cáo Xpert
- Cần có các hoạt động trao đổi nhiều hơn với các nước về thủ tục thông quan bộ mẫu, làm việc chặt chẽ hơn với bên chuyển mẫu đi (FEDEX)
- Tiếp tục triển khai chương trình ngoại kiểm trong nước và khu vực cho Vòng 2 năm 2022. Quyết toán các hoạt động liên quan đến chương trình ngoại kiểm đúng hạn.

4. Hoạt động giám sát – quản lý thông tin chương trình Chống lao

4.1. Hoạt động giám sát

❖ **Các hoạt động đã triển khai:**

- Xây dựng kế hoạch triển khai giám sát quốc gia tại các tỉnh theo hình thức mới (nguồn QTC)
- Xây dựng kế hoạch triển khai giám sát các đối tác của dự án - nguồn QTC.
- Xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề PMDT phối hợp với giám sát khác (nguồn QTC)
- Chuyển kinh phí nguồn QTC để triển khai giám sát Vùng Đông Nam Bộ và Vùng Tây Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ và Tây Bắc.
- Triển khai hoạt động Hội thảo cập nhật tài liệu giám sát CTCLQG (nguồn TIFA)

- Tập huấn nâng cao năng lực giám sát CTCLQG cho mạng lưới GSV trong toàn quốc: 05 lớp (nguồn TIFA)
- Xây dựng quy trình giám sát Online chuyển cho 63 tỉnh thực hiện
- Triển khai giám sát online tại tỉnh Thái Nguyên
- Triển khai thực hiện giám sát thường quy nguồn quỹ toàn cầu: 30/63 tỉnh.

❖ **Khó khăn:**

- Do tình hình dịch bệnh mới ổn định nên hoạt động giám sát mới bắt đầu được triển khai từ tháng 6/2022.
- Các nhóm kỹ thuật còn tập trung triển khai các hoạt động ưu tiên khác nên hoạt động giám sát chưa được tập trung triển khai trong 6 tháng đầu năm

4.2. Hoạt động CNTT - QL DL

Các hoạt động đã triển khai:

- Chuyển kinh phí hoạt động “Ghi chép và báo cáo định kỳ và đảm bảo chất lượng số liệu (tuyến TU và tuyến tỉnh)” năm 2022 (mục 301): Đã giải ngân 100% so với kế hoạch
- Phối hợp với tổ chức FHI360 và công ty phần mềm hoàn thiện việc triển khai cập nhật hệ thống Vitimes (bổ sung module lao kháng thuốc) và tập huấn cho tuyến dưới để đưa vào hoạt động.
- Hoạt động mHealth:
 - Chuyển kinh phí Internet cho các huyện triển khai Vitimes: đã chuyển kinh phí cả năm 2022 cho các đơn vị, giải ngân 100% kinh phí theo kế hoạch.
 - Tin nhắn hỗ trợ bệnh nhân tuân thủ điều trị: Đã giải ngân 37% kinh phí theo kế hoạch (Do kinh phí năm trước còn dư chưa chi hết nên số kinh phí chuyển 6 tháng đầu năm thấp)
 - Kinh phí thuê bao internet cho văn phòng Trung Ương: Đã giải ngân 83% kinh phí theo kế hoạch

5. Hoạt động vận động chính sách - truyền thông - huy động xã hội (ACSM)

❖ **Kết quả hoạt động**

- Giới thiệu, quảng bá hình ảnh, các dịch vụ, hoạt động của Bệnh viện, Chương trình chống lao Quốc gia. Truyền thông quảng bá Bệnh viện, Chương trình gắn với an toàn bệnh viện ứng phó COVID-19. Các thành tựu nổi bật, các hoạt động trọng tâm của Bệnh viện, Chương trình Chống lao Quốc gia năm 2022.
- Bám sát các hoạt động của Bệnh viện, CTCLQG để tham dự và đưa tin, bài trên trang tin điện tử, Fanpage của Bệnh viện, CTCLQG. Tổng số tin bài, video đã đăng cho tới 21/6/2022 trên website Bệnh viện là 78 tin/bài với tổng lượt truy cập 955.440 lượt; trên website CTCLQG là 16 tin/bài; trên fanpage Bệnh viện là 143 tin/bài với số người theo

đổi 7.679 người và 842.518 lượt người tiếp cận; trên fanpage Chương trình CLQG là 60 tin/bài với số người theo dõi trang 21.787 người và 112.106 lượt người tiếp cận.

- Phối hợp với các phóng viên báo chí, truyền hình thực hiện các tin, phóng sự, bài viết về đăng tải trên truyền hình, báo chí theo các chuyên đề hoặc theo các sự kiện. Tổng số tin bài báo chí đã đăng cho tới ngày 21/6 là 112 tin bài. Hỗ trợ các đoàn phóng viên báo chí tác nghiệp tại Bệnh viện.
- Thực hiện truyền thông về công tác chống dịch: Truyền thông PTT Vũ Đức Đàm tới thăm và chúc Tết Bệnh viện, kiểm tra công tác phòng chống dịch tại phường Vĩnh Phúc; Phối hợp với phường Vĩnh Phúc truyền thông hoạt động điều trị cho F0 tại nhà; Truyền thông hướng dẫn đào tạo chăm sóc F0 tại nhà cho 9 quận/ huyện trong địa bàn TP Hà Nội.
- Thực hiện truyền thông về Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/02. Tổ chức cuộc thi Bản lĩnh Bệnh viện Phổi Trung ương; Truyền thông về Đoàn Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương đến thăm và chúc mừng Bệnh viện nhân Ngày 27/02; Truyền thông về Hội thảo Ngày nắm phổi toàn cầu; Truyền thông về thay đổi địa điểm khoa khám bệnh chuyên khoa và ngày khai trương địa điểm mới; Truyền thông kêu gọi ủng hộ cho các trường hợp bệnh lao có hoàn cảnh khó khăn; Truyền thông về ngày Công tác xã hội Việt Nam 25/3: thiết kế banner chúc mừng, viết tin bài; phối hợp tổ chức và truyền thông sự kiện Hoa Kỳ trao tặng thêm thiết bị và thuốc điều trị nhằm giúp Việt Nam thu hẹp khoảng cách trong phát hiện và điều trị bệnh lao.
- Các hoạt động nhân Ngày Thế giới phòng, chống lao 24/3/2022:
 - Phối hợp với Dự án phòng, chống lao hướng dẫn tỉnh, thành phố tổ chức Chiến dịch truyền thông nhân Ngày Thế giới phòng, chống lao 24/3/2022. Thực hiện viết thông cáo báo chí và hướng dẫn các tỉnh triển khai hoạt động truyền thông.
 - Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức sự kiện hưởng ứng Ngày Thế giới phòng, chống lao 24/3/2022.
 - Phối hợp sáng tác bài hát và phim hoạt hình “Đâm lao không theo lao”.
 - Xây dựng nội dung, thiết kế, lắp đặt các ấn phẩm truyền thông 24/3: banner, banner ngang và dọc, backdrop, photobooth, standee, tờ rơi, poster..
 - Xây dựng kịch bản và thực hiện phóng sự Phụ nữ Việt Nam chiến thắng Covid – Chấm dứt bệnh lao.
 - Xây dựng kịch bản và làm trailer phát động ủng hộ Quỹ PASTB.
 - Thực hiện làm MV phim hoạt hình về bệnh lao.
 - Lên danh sách và mời phóng viên tham dự sự kiện 24/3.
 - Truyền thông về chiến dịch "thế hệ trẻ - chiến binh chống lao".
- Truyền thông, kêu gọi 03 nhà mạng hỗ trợ 27 triệu tin nhắn quảng bá đầu số 1402 vận động ủng hộ Quỹ Hỗ trợ người bệnh chiến thắng bệnh lao - PASTB. Kết thúc chiến dịch

nhắn tin ủng hộ Quỹ, Chương trình đã tiếp nhận được hơn 49 nghìn tin nhắn, tương đương hơn 980 triệu đồng ủng hộ.

- Truyền thông về Dự án ACT5: Chẩn đoán và điều trị nhằm xóa bỏ bệnh lao; Truyền thông Khóa học nghiên cứu y sinh học VICORE 2022 nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu cho cán bộ y tế chuyên ngành lao và bệnh phổi; Truyền thông về Hội thi Điều dưỡng viên – Kỹ thuật y giỏi lần thứ 10 và chung kết cuộc thi “Rung chuông vàng”;
- Xây dựng và thuyết trình Đề án cải tiến đẩy mạnh truyền thông Trung tâm dịch vụ hỗ trợ, đạt giải Ba; Truyền thông về ngày điều dưỡng 12/5, 113 năm về ngày sinh bác sỹ Phạm Ngọc Thạch; Xây dựng kế hoạch truyền thông, họp và báo cáo với TCG4 USAID; Phối hợp với Johnson&Johnson hoàn thiện kế hoạch giai đoạn 2 chiến dịch “Thế hệ trẻ-Chiến binh chống lao”; Xây dựng nội dung và thiết kế các thông điệp phụ nữ phòng chống lao; Truyền thông lớp tập huấn hướng dẫn phát hiện điều trị lao và lao tiềm ẩn; Truyền thông về Khóa học phát hiện sớm điều trị lao và bệnh phổi tắc nghẽn.
- Truyền thông về hoạt động khám chuyên khoa nhi và cấp thuốc miễn phí nhân dịp Ngày Quốc tế thiếu nhi ngày 1/6; Truyền thông Lễ tuyên dương các cháu con cán bộ, viên chức người lao động có thành tích học tập xuất sắc năm 2021-2022.
- Triển khai các hoạt động truyền thông nhân dịp kỷ niệm 65 năm thành lập Bệnh viện:
 - Truyền thông trên báo chí về sự kiện kỷ niệm 65 năm thành lập Bệnh viện: Đăng tải 2-3 bài trên các kênh báo chí.
 - Thiết kế banner, logo 65 năm thành lập Bệnh viện đăng tải trên website, fanpage.
 - Xây dựng nội dung và thiết kế sự kiện Hội thi “Hạnh phúc gia đình chống lao” gồm giấy mời, backdrop, photobooth...
 - Truyền thông sự kiện nghệ thuật Hội thi “Hạnh phúc gia đình chống lao”: Thực hiện chụp ảnh tư liệu về sự kiện nghệ thuật Hội thi “Hạnh phúc gia đình chống lao”.
 - Mời 3-5 báo chí tham dự và đưa tin về sự kiện.
 - Phối hợp thực hiện livestream trực tiếp sự kiện và phát zoom echo cho 63 tỉnh/TP.
- Phối hợp với Johnson&Johnson triển khai truyền thông chiến dịch “Thế hệ trẻ - chiến binh chống lao” với mục tiêu trao quyền cho thế hệ trẻ trong công cuộc chấm dứt bệnh lao. Chiến dịch được triển khai tại 4 Quốc gia: Việt Nam, Indonesia, Philippines, Thái Lan. Các hoạt động trong chiến dịch bao gồm:
 - Phối hợp với nhạc sỹ Phúc Bô sản xuất MV ca nhạc “Đâm lao không phải theo lao”; Thiết kế vũ đạo đặc biệt, truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội (facebook, youtube, tiktok ...) truyền cảm hứng mạnh mẽ tới thế hệ trẻ (MV và vũ đạo sẽ được phát hành trong giai đoạn 2 của chiến dịch).
 - Soạn thảo nội dung thông cáo báo chí của chiến dịch, đăng tải trên các kênh truyền thông xã hội, báo chí...
 - Phối hợp với các KOL đẩy mạnh truyền thông của chiến dịch, đa dạng hóa hình thức truyền thông nhằm đạt hiệu quả cao.

Nhìn chung, các hoạt động truyền thông trong 6 tháng đầu năm 2022 đã thu được nhiều kết quả tốt: hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra, đồng thời chất lượng hoạt động cũng tăng đáng kể.

❖ **Khó khăn**

- Kinh phí, nguồn lực cho các hoạt động truyền thông không bền vững, phụ thuộc vào nguồn tài trợ và Ngân sách nhà nước.
- Do dịch bệnh nên một số hoạt động công tác xã hội phải tạm dừng.

6. Hoạt động cung ứng thuốc, vật tư, trang thiết bị

❖ **Kết quả hoạt động**

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc lao nguồn ngân sách nhà nước từ nhiệm vụ chi thường xuyên do Bộ Y tế phân bổ tại Quyết định số 683/QĐ-BYT ngày 18/03/2022 (29.999.951.880 tỉ đồng), thuốc chống lao được mua sắm từ gói thầu này sẽ được cấp phát cho các đối tượng bệnh nhân không có thẻ BHYT và bệnh nhân đang quản lý điều trị tại các cơ sở y tế chưa đủ điều kiện thanh toán thuốc từ nguồn BHYT. Ngày 24/06/2022 BHYT đã phê duyệt kế hoạch hoạt động và CTCLQG sẽ khẩn trương thực hiện mua sắm đấu thầu, dự kiến sẽ có thuốc để phân phối vào Quý 4/2022, đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc lao cho các đối tượng theo quy định.
- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng của Bệnh viện Phổi TƯ thực hiện nhiệm vụ đơn vị đầu mối quốc gia mua sắm tập trung thuốc chống lao hàng 1 nguồn BHYT theo Quyết định 2050/QĐ-BYT ngày 28/4/2021 của Bộ trưởng BHYT: đã hoàn thành việc đấu thầu tập trung, ký kết các thỏa thuận khung với các nhà thầu trúng thầu, tổ chức hướng dẫn các cơ sở y tế ký kết hợp đồng mua thuốc theo thỏa thuận khung, hỗ trợ các địa phương khẩn trương thực hiện việc ký kết hợp đồng, điều tiết, quản lý, báo cáo thuốc nguồn BHYT.
- Triển khai các hoạt động các mua sắm thuốc Dự án viện trợ của Quỹ Toàn cầu năm 2022 với tổng kinh phí hơn 23 triệu USD, chiếm gần 60% tổng kinh phí được phê duyệt, bao gồm các khoản mua sắm thuốc, trang thiết bị, hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế phục vụ hoạt động chống lao thường niên và kinh phí bổ sung để tăng cường ứng phó, giảm thiểu tác hại của Covid-19 đối với bệnh lao và sốt rét. Theo yêu cầu của Nhà tài trợ, trong giai đoạn 2021-2023, các sản phẩm y tế chính sẽ đặt hàng qua các kênh mua sắm của Quỹ Toàn cầu như GDF và WAMBO để đảm bảo Dự án được tiếp cận với những mặt hàng chất lượng cao, giá cả hợp lý và giảm thiểu các thủ tục đấu thầu cho Dự án.
- Triển khai các gói mua sắm thuốc Dự án hỗ trợ hoạt động của Chương trình chống Lao Quốc gia do CDC Hoa Kỳ tài trợ năm 2022, bao gồm mua sắm trang thiết bị y tế và vật tư tiêu hao thuộc kế hoạch xây dựng trung tâm ngoại kiểm khu vực cho xét nghiệm Xpert MTB/RIF, cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và bảo trì hệ thống phần mềm GxAlert cho các máy GeneXpert, tiếp nhận thuốc điều trị lao tiềm ẩn từ nước ngoài...

- Tiếp nhận đơn hàng mua sắm thuốc hàng 2 từ IDA: hoàn thành việc tiếp nhận các đợt hàng của hợp đồng 1 năm 2021 trong tháng 5/2022. Thực hiện các hoạt động tiếp cận và chuẩn bị thuốc hàng 2 cho việc áp dụng khuyến cáo mới của TCYTTG ở Việt Nam từ 6 tháng cuối năm 2023.
- Điều chuyển khẩn một số loại thuốc hàng 2, thuốc trẻ em cận hạn để hạn chế tối đa lượng thuốc quá hạn. Thực hiện rà soát, giải trình nguyên nhân có lượng thuốc quá hạn với Nhà tài trợ và đề xuất hướng giải quyết tới Ban điều hành để thông báo cho địa phương.
- Tổ chức họp định kỳ nhóm mua sắm cung ứng quốc gia tại Đà Nẵng để xây dựng kế hoạch phân phối hàng quý, giải quyết các khó khăn vướng mắc về cung ứng phân phối từ Trung ương đến các khu vực, lập kế hoạch điều chuyển thuốc, vật tư, trang thiết bị định kỳ để phục vụ cho việc đấu thầu dịch vụ vận chuyển hàng quý theo khuyến cáo của các đơn vị kiểm toán Dự án.
- Duy trì được hoạt động cung ứng phân phối thuốc thường quy trong điều kiện thiếu thuốc NSNN và chuyển đổi nguồn giữa NSNN và BHYT cũng như ảnh hưởng của dịch bệnh, chiến tranh dẫn tới hoạt động cung ứng của các nhà cung cấp bị gián đoạn. Đã kịp thời phân phối thuốc chống lao hàng 1 nguồn NSNN theo đúng kế hoạch đảm bảo đủ thuốc cho bệnh nhân trong điều kiện nguồn thuốc BHYT ở nhiều địa phương chưa sẵn sàng từ 1/7/2022. Đảm bảo cung ứng thuốc hàng 2 đầy đủ, liên tục và kịp thời cho bệnh nhân Lao kháng thuốc tại tất cả các điểm thuộc PMDT (Danh mục và số lượng thuốc chống lao cho bệnh nhân lao nhạy cảm, bệnh nhân lao kháng thuốc, lao trẻ em, lao tiềm ẩn trong Phụ lục đính kèm).
- CTCLQG đã thực hiện phân phối một số lượng lớn hoá chất vật tư, trang thiết bị phục vụ chẩn đoán và điều trị được mua sắm hoặc được viện trợ từ nguồn QTC và các nguồn kinh phí khác cho các đơn vị/ địa phương để đảm bảo phục vụ công tác chống lao toàn tuyến: 10 máy Xquang kỹ thuật số cầm tay kèm phần mềm kết nối máy tính (CAD4TB); 38 máy Gene xpert trong đó có 3 máy Gene Xpert 10 màu; 29 máy xét nghiệm Realtime RT-PCR (máy TrueNat); Kính hiển vi 2 mắt đèn Led; Máy lắc...
- Trước tình hình đại dịch Covid -19 trong 6 tháng đầu năm 2022, CTCLQG đã phân phối: 67.050 test sinh phẩm xét nghiệm Covid – Xpert Xpress SARS - CoV- 2 (test Covid), 48.800 bộ dụng cụ lấy mẫu và 68.275 test nhanh kháng nguyên, 51.880 chiếc khẩu trang N95, 1.093.900 chiếc khẩu trang y tế, 141.700 bộ quần áo phòng chống dịch, 3.233 chai nước rửa tay cho các đơn vị thuộc CTCLQG và các bệnh viện ĐK/TU' trên cả nước có nhu cầu; Các vật tư hóa chất phòng dịch đã được các đơn vị sử dụng rất hiệu quả, góp phần đảm bảo được sự an toàn của đơn vị cũng như sàng lọc phát hiện được các ca dương tính với Covid -19.

❖ **Khó khăn**

- Chuyển đổi cơ chế mua sắm thuốc chống lao từ NSNN sang BHYT, lần đầu tiên thực hiện thanh toán thuốc chống lao từ quỹ BHYT nên các địa phương gặp rất nhiều khó, bở ngỡ, vướng mắc.

- Do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 và xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine gây đứt gãy, gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hóa nói chung và dược phẩm nói riêng trên toàn cầu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động nhập khẩu, phân phối thuốc, vật tư thiết bị của các nhà thầu cung cấp.
- Ảnh hưởng của dịch COVID-19 khiến tình hình phát hiện và thu nhận bệnh nhân lao kháng thuốc thấp hơn chỉ tiêu rất nhiều (năm 2021 đạt 53% chỉ tiêu đề ra) đã dẫn tới nguy cơ quá hạn một số thuốc hàng 2; chỉ tiêu phát hiện bệnh nhân lao nhi không đạt yêu cầu dẫn tới nguy cơ thừa thuốc lao nhi từ nguồn QTC.
- Thông tin báo cáo bị chậm trễ hơn thường quy do cán bộ được huy động đi chống dịch, việc phân phối và tiếp nhận thuốc cũng bị ảnh hưởng và thời gian chờ lâu hơn.
- Yêu cầu điều chuyển khẩn một số loại thuốc xảy ra thường xuyên và với số lượng nhỏ để giải quyết nguy cơ quá hạn.
- Việc tiếp nhận thuốc mua năm 2021 có trục trặc trong thủ tục gây chậm trễ trong nhận thuốc dẫn tới tình trạng thiếu thuốc Linezolid cục bộ ở 1 số địa phương trong tháng 2,3,4/2022 (CTCLQG đã có công văn hướng dẫn thay thế tạm thời thuốc LZD bằng thuốc khác trong thời gian chờ thuốc về).
- Việc dự báo nhu cầu mua sắm thuốc hàng 2 gặp nhiều khó khăn do: khó dự báo mức độ hồi phục hoạt động phát hiện sau COVID-19, chuyển đổi phác đồ theo khuyến cáo mới, thuốc thuộc phác đồ cá nhân rất khó dự báo tỷ lệ sử dụng, thuốc có hạn ngắn, số lượng đặt mua ít.
- Mặc dù CTCLQG đã có hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung định mức trang thiết bị y tế (CV số 1248/BVPTU–DAPCL ngày 01/06/2021 và họp trực tuyến với các địa phương trong tháng 02/2022) nhưng đến thời điểm hiện tại còn nhiều đơn vị chưa hoàn thiện được các thủ tục cần thiết cũng như xây dựng/ bổ sung định mức trang thiết bị để có đủ căn cứ tiếp nhận trang thiết bị.
- CTCLQG chưa có được 1 phần mềm hiệu quả phục vụ cho công tác thống kê báo cáo, đặc biệt trong việc quản lý thuốc chống lao nhất là khi thuốc lao sẽ được mua sắm và thanh quyết toán từ nguồn quỹ BHYT từ ngày 1/7/2022.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN ĐẶC THÙ

1. Hoạt động phát hiện chủ động lao trong các nhóm có nguy cơ cao

1.1. Phát hiện chủ động lao tại các khu vực khó khăn

Chiến dịch phát hiện chủ động sử dụng nguồn kinh phí QTC phòng, chống lao

- Trong tháng 3 - 4/2022, đơn vị đã xây dựng kế hoạch và thực hiện các thủ tục chuyển kinh phí tới 10 tỉnh/ 20 huyện triển khai các chiến dịch phát hiện chủ động, bao gồm: Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Trị, Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nghệ An, Quảng Ngãi.

- Tháng 3/2022 tổ chức 03 Hội nghị triển khai tại Lạng Sơn, Nam Định, Nghệ An cho 10 tỉnh triển khai hoạt động phát hiện chủ động.
- Dự kiến các chiến dịch phát hiện chủ động tại 20 huyện sẽ triển khai từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2022.

❖ **Kết quả**

- Triển khai hoạt động theo đúng tiến độ, riêng Nghệ An xin triển khai 02 huyện từ tháng 6 năm 2022 do thay đổi về công tác tổ chức nhân sự làm việc tại tỉnh.
- Truyền thông trực tiếp tại các điểm trước khi triển khai phát hiện chủ động.
- Tiến hành phát hiện chủ động bằng phỏng vấn, chụp phim và xét nghiệm Gen-Xpert.
- Đưa vào điều trị các trường hợp đủ tiêu chuẩn sau khi xét nghiệm và hội chẩn các trường hợp AFB (-) đưa vào điều trị ngay khi tiến hành xong tại mỗi điểm.

Chiến dịch phát hiện chủ động áp dụng 2X sử dụng nguồn kinh phí QTC – Covid (C19RM)

- Chuyển kinh phí triển khai PHCD áp dụng chiến lược 2X để phát hiện bệnh nhân lao tại 27 điểm/ 19 tỉnh, bao gồm: Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Thái Nguyên, Hưng Yên, Hòa Bình, Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Ninh Bình, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Quảng Nam, Bà Rịa - Vũng Tàu.

❖ **Kết quả**

- Xây dựng và phê duyệt kế hoạch: tháng 4-5/ 2022.
- Chuyển kinh phí cho 19 tỉnh: tháng 5/ 2022.
- Các tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai: tháng 5 – 12/ 2022.

❖ **Khó khăn**

- Thời gian xây dựng kế hoạch chuyển kinh phí kéo dài do một số tỉnh như Đồng Nai không muốn triển khai vì đã tự xin điều chỉnh kinh phí từ Văn phòng QTC để cho 02 huyện làm PHCD và nhân lực rất ít.
- Một số tỉnh từ ngày 1/4/2022 mới bắt đầu chuyển từ điều trị Covid sang hoạt động chống lao.
- Khi triển khai thiếu Tuberculine do thủ tục mua sắm đầu thầu sinh phẩm chậm so với tiến độ.

1.2. Phát hiện chủ động bệnh lao tại khu vực biên giới

❖ **Kết quả**

- Tổ chức Hội thảo triển khai hoạt động với sự tham gia của 2 tỉnh Long An và Kiên Giang nhằm phổ biến các nội dung hoạt động cần triển khai, đạt được cam kết của tỉnh trong việc triển khai đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng hoạt động và đạt được các chỉ tiêu đề ra.

- Tổ chức 2 lớp tập huấn tại Long An và Kiên Giang về quy trình phát hiện chủ động bệnh lao, lao tiềm ẩn khu vực biên giới với sự tham gia của 90 học viên tới từ CTCL tỉnh, đơn vị chống lao huyện, xã, bộ đội biên phòng, công an huyện.
- Dự kiến trong tháng 7-12/2022 các tỉnh sẽ rà soát kinh phí, lập kế hoạch triển khai, chuẩn bị hậu cần, nhân sự và triển khai chiến dịch phát hiện chủ động khu vực biên giới tại 6 huyện tỉnh Long An và 5 huyện tỉnh Kiên Giang.

❖ **Khó khăn**

- Kiên Giang và Long An là 2 tỉnh chưa được phân xe XQ nên triển khai các chiến dịch phát hiện chủ động sẽ phụ thuộc việc thuê xe của đơn vị bên ngoài, thời gian triển khai chiến dịch do vậy khó chủ động.
- Hai tỉnh chưa có kinh nghiệm triển khai các chiến dịch phát hiện chủ động nên còn nhiều lúng túng.

Tập huấn đã dành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận phương thức triển khai giữa các đơn vị tuyến tỉnh, huyện, xã. Kế hoạch triển khai cũng được hướng dẫn xây dựng, các bản kế hoạch mẫu được gửi cho tỉnh tham khảo. Hỗ trợ kỹ thuật sẽ được tiến hành từ tuyến trung ương tới các điểm triển khai.

1.3. Phát hiện sớm bệnh lao cho phạm nhân trong trại giam

Năm 2022 CTCLQG phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng (C10) – Bộ Công An, CTCL các tỉnh/TP tổ chức sàng lọc định kỳ phát hiện sớm bệnh lao cho 120.000 phạm nhân trong 54 trại giam tại 44 tỉnh/tỉnh phố. Đồng thời, triển khai sàng lọc định kỳ kế hoạch của năm 2021 do dịch Covid chưa triển khai được và đã hoàn thành vào tháng 5 năm 2022 tại 28 trại giam trên toàn quốc nên kế hoạch 2022 sẽ triển khai vào Quý III - IV năm 2022.

❖ **Thuận lợi – Khó khăn**

- Năm 2021, có 26 trại giam do CTCL tỉnh trực tiếp phối hợp với Trại giam sàng lọc phát hiện chủ động bệnh lao cho phạm nhân (các tỉnh đã được cấp xe ô tô XQ KTS). Do dịch bệnh bùng phát nên Bộ Công an chưa đồng ý cho triển khai vì sợ lây nhiễm cho phạm nhân khi có người bên ngoài vào trong trại giam. Vì vậy kế hoạch này phải chuyển sang đầu năm 2022 tổ chức sàng lọc định kỳ tại các trại giam do CTCL tỉnh phối hợp với các trại giam tiến hành tổ chức và kết thúc vào tháng 5 năm 2022.
- Số còn lại (28 trại giam) CTCL đã ký hợp đồng với công ty Việt Nhật và tổ chức sàng lọc và hoàn thành vào cuối tháng 5 năm 2022.

Bảng 13: Số liệu sàng lọc phạm nhân trong trại giam 2021 - 2022

TT	Địa điểm	Số người được sàng lọc	Số người được chụp XQ	Số người có XQ bất thường nghi lao	Số BN được làm Xpert	Tỷ lệ BN được làm Xpert	Số BN lao và LKT có BCV KH	Tổng số chẩn đoán lao	Tỷ lệ BN có BC VKH/Xn Xpert
1	Trại giam Xuyên Mộc	1904	1904	171	175	9.2%	6	43	3.4%
2	Trại giam Ngọc Lý	4000	4000	161	240	6.0%	12	29	5.0%
3	Trại giam Đắc Tân	1403	1403	101	44	3.1%	2	26	4.5%
4	Trại giam Đắc Trung	1585	1585	66	40	2.5%	1	16	2.5%
5	Trại giam Xuân Lộc	2767	2767	225	240	8.7%	20	65	8.3%
6	Trại giam Cao Lãnh	1908	1908	249	249	13.1%	8	19	3.2%
7	Trại giam Gia Trung	2904	2904	82	99	3.4%	8	30	8.1%
8	Trại giam Nam Hà	2818	2818	264	180	6.4%	8	33	4.4%
9	Trại giam Suối Hai	1518	1518	118		0.0%	9	15	
10	Trại giam Thanh Xuân	2130	2130	119		0.0%	11	27	
11	Trại giam Xuân Hà	1760	1760	76	55	3.1%	9	9	16.4%
12	Trại Giam Hoàng Tiến	3500	3500	160	210	6.0%	13	33	6.2%
13	Trại giam Xuân Nguyên	2797	2797	280	213	7.6%	5	21	2.3%
14	Trại giam A2	1895	1895	210	203	10.7%	18	27	8.9%
15	Trại giam số 3	2160	2160	252	250	11.6%	13	65	5.2%
16	Trại giam số 6	3500	3500	284	283	8.1%	8	73	2.8%
17	Trại giam Ninh khánh	4509	4509	316	270	6.0%	32	38	11.9%
18	Trại giam Tân Lập	3909	3909	188		0.0%	1	47	
19	Trại giam Nghĩa An	1692	1692	73	105	6.2%	8	20	7.6%
20	Trại giam Cây Cầy	2112	2112	160	120	5.7%	4	9	3.3%
21	Trại Giam Phú Sơn 4	5300	5300	312	312	5.9%	15	42	4.8%
22	Trại Giam Thanh Phong	4359	4359	272	272	6.2%	24	62	8.8%
23	Trại giam số 5	3146	3146	192	192	6.1%	13	34	6.8%
24	Trại giam Thanh Lâm	3504	3504	271	271	7.7%	29	89	10.7%
25	Trại giam Thanh Cẩm	2487	2487	211	211	8.5%	22	63	10.4%
26	Trại giam Quyết Tiến	4604	4604	167	60	1.3%	8	40	13.3%
27	Trại giam Hồng Ca	2697	2697	142	151	5.6%	15	19	9.9%
28	Trại giam Đăk P'Lao	1018	1018	31	11	1.1%	3	3	27.3%
29	Trại giam An Phước	3377	3377	128	126	3.7%	10	40	7.9%
30	Trại giam Quảng Ninh	2245	2245	157	129	5.7%	16	17	12.4%

TT	Địa điểm	Số người được sàng lọc	Số người được chụp XQ	Số người có XQ bất thường nghi lao	Số BN được làm Xpert	Tỷ lệ BN được làm Xpert	Số BN lao và LKT có BCV KH	Tổng số chẩn đoán lao	Tỷ lệ BN có BC VKH/Xn Xpert
31	Trại giam Xuân Phước	1932	1932	83	81	4.2%	0	0	0.0%
32	Trại giam Châu Bình	1586	1586	102	120	7.6%	5	17	4.2%
33	Trại giam Kim Sơn	1527	1527	57	40	2.6%	1	3	2.5%
34	Trại giam Nà Tấu	1500	1500	78	90	6.0%	2	13	2.2%
35	Trại giam Cái Tàu	1475	1475	93	93	6.3%	9	46	9.7%
36	Trại giam Thủ Đức	5706	5706	292	294	5.2%	18	86	6.1%
37	Trại giam Huy Khiêm	1583	1583	82	82	5.2%	7	82	8.5%
38	Trại giam Yên Hạ	2097	2097	118	80	3.8%	3	22	3.8%
39	Trại Giam Vĩnh Quang	2303	2303	138	150	6.5%	4	17	2.7%
40	Trại giam Đại Bình	1503	1503	34	90	6.0%	3	3	3.3%
41	Trại giam kênh 7	1794	1794	115	90	5.0%	7	15	7.8%
42	Trại giam Tổng lê Chân	2012	2012	93	120	6.0%	13	18	10.8%
43	Trại giam Bến giá	995	995	65	65	6.5%	5	5	7.7%
44	Trại giam Bình Điền	1564	1564	66	64	4.1%	7	10	10.9%
45	Trại giam Phước Hòa	2461	2461	429	194	7.9%	26	44	13.4%
46	Trại giam Mỹ Phước	1586	1586	194	121	7.6%	12	29	9.9%
	TỔNG SỐ	115.132	115.132	7.477	6.485	86.7 %	473	1.464	7.3%

1.4. Sàng lọc bệnh lao cho người nghiện Ma túy uống Methadol ngoài cộng đồng, người gia cô đơn, tâm thần mạn tính, nhóm công nhân, thợ mỏ.

- Sàng lọc đầu vào cho phạm nhân tại 57 trại giam trên toàn quốc: nhóm đã xây dựng kế hoạch và chuyển kinh phí cho các tỉnh; có 02 trại thuộc Bộ Công An nhóm chuyển kinh phí để Bộ Công An triển khai. Tổng kinh phí năm 2022 là: 3.182.400.000 đ.
- Sàng lọc bệnh lao cho người nghiện Ma túy uống Methadol, người già cô đơn, người nghiện thuốc lá. Triển khai sàng lọc cho 40.000 người nghiện uống Methadol ngoài cộng đồng tại 10 tỉnh/TP: Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Yên Bái, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Bình, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng với tổng kinh phí: 6.604.200.000 đ.
- Sàng lọc bệnh lao cho nhóm thợ mỏ, công nhân tại 05 tỉnh: Thái Nguyên, Đồng Nai, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Trị. Triển khai sàng lọc cho 10.000 đối tượng tại 5 tỉnh với tổng kinh phí: 2.953.250.000 đ.

- Hiện tại đã có kế hoạch chi tiết và chuyển kinh phí cho địa phương. Các địa phương đang xây dựng kế hoạch triển khai và chưa có kết quả gửi về CTCL.

1.5. Truyền thông cho nhóm đồng đẳng trong các trại giam

- Đã chuyển kinh phí cho Cục C10 và lập kế hoạch triển khai.

1.6. Đào tạo, tập huấn

Năm 2022 tổ chức 07 lớp đào tạo về Phòng chống lây nhiễm, chẩn đoán, điều trị bệnh lao cho cán bộ y tế, quản giáo các trại giam và đã hoàn thành đào tạo cho 700 cán bộ y tế, quản giáo tại 07 trại giam: Suối Hai, Ngọc Lý, Quảng Ninh, Xuân Nguyên, Tân Lập, A2 và Đại Bình.

2. Phối hợp y tế công - tư và Thực hành tiếp cận sức khỏe phổi (PPM/PAL)

❖ Kết quả hoạt động

- Xây dựng kế hoạch và chuyển tiền hoạt động PPM/PAL cho 63 tỉnh/TP với tổng số kinh phí chuyển là 4.347.000.000 đ.
- Chuyển kinh phí tập huấn PAL/PAM tuyến huyện cho 3 tỉnh: Hà Nam, Ninh Bình và Quảng Trị, số kinh phí chuyển là 200.400.000 đ.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức 3 lớp tập huấn giảng viên tuyến tỉnh về bệnh lao và bệnh hô hấp cho 3 khu vực miền Bắc, Trung và Nam với tổng số 150 CBYT tuyến tỉnh của 30 tỉnh tham gia.
- Phối hợp với Tổ chức FIT triển khai các hoạt động PPM nguồn CDC và hỗ trợ cho CTCLQG tại 9 Bệnh viện lớn là: BV Đại học Y Hà Nội, BV Nguyễn Tri Phương TP. HCM, BV Bệnh nhiệt đới Trung ương, BV Medlatec, BV Bạch Mai, BV Nhi Hải Phòng, BV Nhi Trung ương, BV Nhi đồng TP Hồ Chí Minh và BV ĐH Y Dược TP Hồ Chí Minh.
- Xây dựng kế hoạch, chuyển kinh phí tổ chức Hội thảo khởi động và mở rộng PPM mô hình 5 cho FIT triển khai tại 5 tỉnh/ thành phố: Thanh Hóa, Huế, Bình Dương, Long An và Bà Rịa Vũng Tàu. 5 Hội thảo triển khai hoạt động đã được tổ chức tại 5 tỉnh với sự tham dự của đại diện Sở Y tế, CTCLQG, CTCL tỉnh và các đơn vị liên quan, thể hiện cam kết mạnh mẽ của hệ thống y tế công-tư ngoài lao trong triển khai công tác phòng chống lao.
- Xây dựng kế hoạch Hội thảo Tăng cường sự tham gia của các cơ sở y tế công – tư cho công tác phòng chống lao cho 20 tỉnh năm 2022.
- Kết quả triển khai hoạt động PPM mô hình 5:
 - Mô tả, lập bản đồ mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ y tế: gửi Công văn yêu cầu các tỉnh, thành phố gửi danh sách thu thập thông tin về các cơ sở y tế ngoài CTCLQG.
 - Vận động sự tham gia của các cơ sở y tế: làm việc với Sở Y tế và CTCL 10 tỉnh/TP (Hà Nội, Thanh Hóa, Hải Phòng, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, TP HCM, Bình Dương, Cần Thơ, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An) để triển khai các hoạt động tại các cơ sở y tế.

- Hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động PPM mô hình 5;
- Hỗ trợ và theo dõi cán bộ thực địa trong vận hành hệ thống chuyển gửi điện tử (eReferral), cơ chế phiếu chuyển điện tử (eVoucher) và áp dụng hệ thống tin nhắn tuân thủ điều trị.
- Triển khai cơ chế phiếu chuyển điện tử (eVoucher) và hệ thống chuyển gửi điện tử (eReferral);
- Hội thảo để chia sẻ Hồ sơ quan tâm (EOI): Đã hoàn thành tổ chức Hội thảo và chia sẻ Hồ sơ quan tâm cho 10 tỉnh triển khai năm 2022;
- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế theo PPM mô hình 5: đã tổ chức tập huấn cho 1.497 nhân viên y tế (618 nam, 879 nữ) tại 9 Tỉnh/TP.
- Triển khai hoạt động PPM mô hình 5 và gói hỗ trợ bệnh nhân lao nhạy cảm.
- Ứng dụng mHealth cho theo dõi tuân thủ điều trị;
- Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho các nhà cung cấp công - tư trong mạng lưới PPM.

Bảng 14. Kết quả hoạt động của mô hình PPM trong 6 tháng đầu năm 2022

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số cán bộ y tế công - tư được tập huấn	3.995
2	Tổng số BN lao phát hiện do y tế tư chuyển đến	5.506
3	Tổng số BN lao các thể phát hiện do y tế ngoài CL chuyển đến	6.493
4	Tổng số BN lao phát hiện do y tế công - tư chuyển đến	11.999

❖ Thuận lợi và khó khăn

- Mặc dù đã có Thông tư 02/2013 của Bộ Y tế ban hành quy định về việc phối hợp giữa các cơ sở y tế trong quản lý bệnh lao, tài liệu hướng dẫn về triển khai PPM đã được ban hành nhưng nhiều tỉnh vẫn còn lúng túng trong việc triển khai do thiếu nhân lực, thiếu kinh phí và sự chỉ đạo của Sở Y tế.
- Trong 6 tháng đầu năm 2022, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến tháng 3/2022 nên các hoạt động đã bị chậm tiến độ triển khai. Tuy nhiên, nhóm PPM/PAL vẫn cố gắng triển khai kịp tiến độ, hoàn thành kế hoạch năm.
- Nhiều cơ sở y tế tư nhân, cơ sở y tế đa khoa công lập đã tham gia PPM, tuy nhiên mức độ phối hợp còn hạn chế, sự đóng góp vào hoạt động phát hiện bệnh nhân lao còn chưa được như mong muốn.
- Sự phản hồi 2 chiều giữa CTCL tỉnh với các cơ sở y tế công-tư đã tham gia phối hợp còn chưa thật sự khăng khít nên ảnh hưởng đến sự tích cực chuyển gửi người nghi lao từ hệ thống các cơ sở y tế ngoài CTCL.
- Kinh phí cho hoạt động PAL còn hạn chế trong khi nhân lực và năng lực của CBYT tuyến tỉnh còn thiếu đã cản trở một số tỉnh triển khai các hoạt động bệnh phổi mạn tính.

3. Hoạt động quản lý bệnh nhân lao kháng đa thuốc

Năm 2022, chỉ tiêu thu nhận bệnh nhân lao kháng thuốc ở mức 4.500 bệnh nhân là áp lực đối với CTCLQG đặc biệt trong bối cảnh dịch bệnh. Các hoạt động quản lý lao kháng thuốc vẫn được tiếp tục triển khai với việc mở rộng tiếp cận phác đồ ngắn hạn sử dụng thuốc uống bao gồm thuốc mới Bedaquiline (Bdq) theo tài liệu hướng dẫn cập nhật điều trị lao kháng thuốc được Bộ Y tế phê duyệt (Quyết định số 2760/QĐ-BYT ngày 03 tháng 06 năm 2021). Do tình hình dịch bệnh COVID-19 phức tạp, dịch vụ phát hiện và điều trị nội trú tại các bệnh viện Phổi đã bị ảnh hưởng đáng kể dẫn đến tiến độ đạt chỉ tiêu và thu nhận người bệnh vào phác đồ Bdq bị chậm trễ trong 6 tháng đầu năm 2022. Theo báo cáo đến hết tháng 6/2022, chỉ tiêu thu nhận người bệnh lao kháng thuốc chỉ đạt mức 34% so với chỉ tiêu kế hoạch đăng ký với Quỹ toàn cầu; tuy nhiên tỷ lệ điều trị thành công của lô bệnh nhân đăng ký quý I-II/2020 đạt 75%, cao hơn 7% so với lô BN đăng ký Q1-II/2019 (ở mức 68%).

Song song với các hoạt động sàng lọc và thu nhận điều trị thường quy, hiện nay Đơn vị quản lý lao kháng thuốc đang chuẩn bị các bước để tiếp cận phác đồ điều trị lao kháng thuốc cập nhật theo khuyến cáo mới đây (2022) của TCYTTG.

❖ Kết quả hoạt động

➤ Tình hình sàng lọc, thu nhận và thực hiện chỉ tiêu chuyên môn:

Các chỉ số	Chỉ tiêu 2022	Kết quả đạt được (6 tháng 2022)
Tỷ lệ % thu nhận/phát hiện	> 90%	93 %
Số BN Lao kháng thuốc được thu nhận	4.500	1.552 (34 %)
Tỷ lệ điều trị thành công (Lô BN đăng ký Q1-2/2020)	77 %	75%.
	Số lượng	%
XN XPert (a)	105.718	
Kháng R phát hiện từ Xpert (b)	1.518	b/a=1,5%
Tổng kháng R phát hiện (c)*	1.665	
Thu nhận kháng R (d)	1.552	d/c=93%
XN LPA 2 (e)	1.115	e/d=72%
Kháng FQ phát hiện (f)**	120	f/e=11%
Thu nhận kháng FQs (g)	84	g/f=70%

* Phát hiện từ Xpert và các XN khác

** Bao gồm kháng FQs đơn hoặc kháng thêm thuốc khác

Đến hết tháng 6/2022, tổng số người được xét nghiệm Xpert MTB-Rif là 105.718, số bệnh nhân phát hiện kháng Rifampicin là 1.665 (bao gồm số người phát hiện bằng các xét nghiệm Xpert, LPA và KSD). Số bệnh nhân thu dung là 1.552 chiếm 93% số phát hiện (Phụ lục 4, Bảng 4.1) tuy nhiên chỉ đạt 34% so với chỉ tiêu năm 2022. Nếu

tình hình dịch bệnh tiếp tục được kiểm soát trong 6 tháng cuối năm thì tốc độ phát hiện và thu nhận sẽ được cải thiện mặc dù khó đạt mức cao theo chỉ tiêu của Quỹ toàn cầu vì hiện nay diện bao phủ các đối tượng được làm Xpert vẫn còn hạn chế.

Số bệnh nhân làm xét nghiệm LPA với thuốc lao hàng hai là 1.115, đạt 72% số bệnh nhân kháng R được phát hiện và thu nhận, tương đương với năm 2021 (ở mức 70%). Trong số người bệnh sàng lọc LPA, phát hiện 120 BN lao kháng Fluoroquinolones-FQs, tuy nhiên chỉ thu nhận 84 BN chiếm 70% số phát hiện. Như vậy, tỷ lệ bao phủ xét nghiệm LPA chưa đạt mức tối đa, 30% người bệnh kháng FQs phát hiện chưa được thu nhận điều trị là nguy cơ dẫn tới việc tiếp tục lây lan và khuếch đại kháng thuốc trong cộng đồng, đặc biệt khi CTCLQG đang mở rộng triển khai toàn quốc phác đồ mới. Các đơn vị cần lưu ý chỉ định LPA2 đối với 100% bệnh nhân kháng R, đồng thời theo dõi sát kết quả xét nghiệm để điều chỉnh phác đồ ngay sau khi phát hiện kháng FQs, tránh tình trạng bỏ sót như hiện nay.

Tỷ lệ điều trị thành công của lô BN đăng ký điều trị của 2 Quý (Q1-Q2) năm 2020 (đánh giá trên 1.498 bệnh nhân) đạt 75%, tăng so với các lô bệnh nhân thu dung trước đó (ở mức <70%). Tỷ lệ bỏ trị tiếp tục có xu hướng giảm (9% so với các kỳ trước đó 10-11%, xem chi tiết tại Phụ lục 4, Bảng 4.2).

Các hoạt động thuộc lĩnh vực khác nhau trong quản lý lao kháng thuốc:

- Xây dựng, cập nhật một số tài liệu kỹ thuật trong quản lý lao kháng thuốc:
 - Xây dựng và cập nhật một số quy trình về giám sát chuyên đề lao kháng thuốc, phân tuyến và quản lý điều trị ngoại trú, hướng dẫn lâm sàng quản lý các biến cố bất lợi, quy trình thực hiện aDSM dành cho tuyến trung ương (hỗ trợ của FHI);
 - Cập nhật tài liệu Hướng dẫn chăm sóc giảm nhẹ cho bệnh nhân lao kháng thuốc;
 - Phát triển và thí điểm module lao kháng thuốc trên phần mềm New Vitimes (hỗ trợ của FHI), hoàn thiện module quản lý biến cố bất lợi online hỗ trợ hoạt động theo dõi và quản lý chủ động tính an toàn của các thuốc chống lao (aDSM) để tích hợp vào New Vitimes (hỗ trợ từ WHO).
- Đào tạo, tập huấn, hội thảo: CTCL đã triển khai các khóa đào tạo, tập bao gồm cập nhật quy trình quản lý lao kháng thuốc, quy trình quản lý biến cố bất lợi aDSM, quy trình theo dõi tái phát lao kháng thuốc sau 24 tháng tại các tỉnh thí điểm, tập huấn sử dụng bảng kiểm và hướng dẫn giám sát chuyên đề PMDT.
- Cung ứng thuốc: Phân phối và điều chuyển thuốc kịp thời bao gồm điều chuyển khẩn một số loại thuốc cận hạn để hạn chế tối đa lượng thuốc quá hạn, đề xuất hướng giải quyết và thông báo cho địa phương. Hoàn thành việc tiếp nhận các đơn hàng mua sắm từ IDA thuộc hợp đồng 1 năm 2021. Thực hiện rà soát tồn kho, tính toán đơn hàng để tiếp cận và chuẩn bị cho việc áp dụng khuyến cáo mới của TCYTTG ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Điều chỉnh hướng dẫn chi 2022 nguồn QTC cho các hoạt động quản lý lao kháng thuốc trên toàn quốc (bao gồm hỗ trợ bệnh nhân và hoạt động xét nghiệm) và chuyển kinh phí cho 66 đơn vị triển khai (47% trên tổng kinh phí gần 78 tỷ theo kế hoạch).
- Triển khai hoạt động cảnh giác được aDSM: Mặc dù từ năm 2021 CTCL đã giao chỉ tiêu báo cáo biến cố bất lợi cho các đơn vị, tỷ lệ báo cáo thu nhận được trong 2 quý năm 2022 vẫn còn rất hạn chế (662 mẫu M1 và 121 mẫu M2 trong tổng số 1.552 bệnh nhân lao kháng R/MDR-TB thu nhận, chỉ chiếm 43%, giảm hơn so với năm 2021 ở mức 60%). Hiện báo cáo ghi nhận còn trùng lặp, thiếu thông tin ở nhiều địa phương.
- Hỗ trợ kỹ thuật: Tiếp tục nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác trong hoạt động PMDT như WHO, KNCV, FHI, CHAI, JNJ, IRD.
- Triển khai nghiên cứu, dự án phối hợp: Tiếp tục triển khai các nghiên cứu mở rộng sử dụng thuốc mới bao gồm kết thúc nghiên cứu phác đồ thuốc uống dài hạn, hoàn thiện nghiên cứu phác đồ ngắn hạn thuốc uống có Bdq và chuyển tiếp sang nghiên cứu theo dõi tỷ lệ tái phát, xúc tiến thu nhận bệnh nhân vào nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 3 không nhóm đối chứng đánh giá hiệu quả và tính an toàn của phác đồ BPaL, thực hiện dự án EPIC hỗ trợ hoạt động của nghiên cứu BPaL tại 04 điểm nghiên cứu, phối hợp tổ chức FHI triển khai thí điểm hoạt động khám và sàng lọc bệnh nhân lao kháng thuốc sau hoàn thành điều trị tại Nghệ An, An Giang và Tây Ninh.
- Duy trì hoạt động thường quy bằng hình thức trực tuyến của Hội đồng lâm sàng tuyển quốc gia và khu vực, tham gia giám sát hoạt động thường quy của Đội giám sát quốc gia theo phân công. Kết quả giám sát cho thấy do tác động của dịch bệnh COVID việc khám, phát hiện, tái khám cho BN lao kháng thuốc bị hạn chế, BN lao kháng thuốc không đến tái khám đầy đủ.

❖ **Khó khăn, bất cập**

Ngoài tác động khách quan chung của đại dịch Covid liên quan tới nhân sự, cơ sở vật chất và cung ứng gây ảnh hưởng tới các hoạt động phát hiện và quản lý điều trị, một số bất cập tồn tại của hệ thống PMDT bao gồm:

- Hoạt động sàng lọc phát hiện và quản lý tiền/ siêu kháng bằng xét nghiệm LPA với thuốc lao hàng hai còn rất hạn chế.
- Cung ứng thuốc hàng hai chưa thực sự thuận lợi, việc điều chuyển giữa các đơn vị và các thay đổi hướng dẫn sử dụng thuốc trong tình trạng mất cân bằng (thừa/thiếu) khiến cho bác sĩ điều trị lúng túng và khó nắm bắt thông tin kịp thời.
- Quản lý biến cố bất lợi còn nhiều hạn chế. Báo cáo aDSM với tỷ lệ thực hiện thấp, báo cáo trùng lặp và chưa đầy đủ kịp thời. Chưa có đầy đủ các phương tiện và dịch vụ thuận lợi để thực hiện xét nghiệm theo dõi biến cố bất lợi cho người bệnh lao

kháng thuốc nhằm đáp ứng yêu cầu mới (các XN chuyên khoa như đo phản xạ thần kinh, đo thị lực, điện tim và một số XN khác).

- Quản lý BN lao kháng thuốc tại một số địa phương và khu vực (đặc biệt khu vực trại giam) còn nhiều bất cập, chưa có sự phối hợp chặt chẽ với đơn vị PMDT, quản lý lâm sàng chưa theo quy trình hướng dẫn.
- Chưa kiểm soát được việc sử dụng thuốc FQs ở cơ sở y tế tư và công ngoài CTCL.
- Hệ thống giám sát và lượng giá về lao kháng thuốc còn hạn chế. Giám sát chuyên đề về lao kháng thuốc chưa phát hiện được các bất cập và vấn đề tồn đọng tại địa phương. Hệ thống báo cáo còn nhiều bất cập, phụ thuộc nhiều vào báo cáo giấy và chưa ứng dụng đầy đủ được phần mềm quản lý ca bệnh và chuỗi cung ứng.
- Kế hoạch nguồn QTC chưa đáp ứng đủ nhu cầu các hoạt động cần thiết (đào tạo cho tuyến cơ sở, các hỗ trợ cho người bệnh). Hoạt động giải ngân kinh phí cho quản lý điều trị lao kháng thuốc khó thực hiện đối với một số dòng hoạt động tại một số địa phương.

4. Hoạt động phối hợp lao/HIV

❖ Kết quả hoạt động

- Lập kế hoạch phân bổ kinh phí nguồn Quỹ toàn cầu năm 2022 tới 63 tỉnh/thành và 03 Bệnh viện trung ương (BV Phổi Trung ương, BV 71 và 74 Trung ương):
 - Đã chuyển 8.606.200.000 đ kinh phí phục vụ hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV cho người bệnh lao và khám phát hiện lao cho người nhiễm HIV. Kinh phí tổ chức giao ban định kì hàng quý giữa chương trình HIV và chương trình lao.
- Triển khai xét nghiệm HIV cho bệnh nhân lao và duy trì phòng PITC/ 63 tỉnh cho các đơn vị chống lao tuyến tỉnh/ huyện có gánh nặng về HIV với người bệnh lao và phát hiện bệnh lao ở người có HIV bằng xét nghiệm Xpert-MTBRIF.
 - Tổng số bệnh nhân lao thu nhận: 48.137 các thể, trong đó có 47.559 bệnh nhân mới và tái phát.
 - Số người được tư vấn xét nghiệm HIV: 40.225 người, chiếm tỷ lệ 84,6%.
 - Số người bệnh lao/HIV: 933 người, chiếm tỷ lệ 2.3%
 - Số người được điều trị cả lao và ARV: 625 người, chiếm 67%..

5. Hoạt động lao tiềm ẩn

❖ Kết quả hoạt động

- ***Chuyển kinh phí triển khai hoạt động Lao tiềm ẩn:*** Ngay trong tháng 4/2022 sau khi nhận được thông báo kinh phí hoạt động QTC, CTCLQG đã khẩn trương làm công văn thông báo chỉ tiêu cho từng tỉnh về thu nhận điều trị lao tiềm ẩn, hướng dẫn triển khai, hướng dẫn chi tiêu với các dòng kinh phí cụ thể được hỗ trợ từ Quỹ Toàn Cầu. Tổng kinh phí khoảng 13.804 triệu đồng đã được chuyển tới 41 tỉnh với yêu cầu khẩn trương triển khai ngay các hoạt động sàng lọc, chẩn đoán và tư vấn, thu nhận điều trị lao tiềm ẩn cho cán bộ y tế, các nhóm đối tượng nguy cơ và đặc

biệt là sàng lọc, phát hiện, chẩn đoán và đưa vào điều trị lao tiềm ẩn với nhóm người tiếp xúc hộ gia đình bệnh nhân lao phổi.

- **Cung ứng sinh phẩm xét nghiệm lao tiềm ẩn:** Nhóm Lao tiềm ẩn đã phối hợp với Đơn vị KHCLHC quản lý cung ứng sinh phẩm xét nghiệm TST. Trong tháng 5/2022, 10.000 lọ Tuberculine đã được cung ứng tới 41 tỉnh/ thành trên toàn quốc, trong tháng 7/2022, CTCL tiếp tục cung cấp bổ sung trên 10.000 lọ Tuberculin tới 19 tỉnh khu vực phía Bắc, 6 tháng cuối năm sẽ tiếp tục rà soát và cấp bổ sung cho các tỉnh còn lại.
- Nhóm Lao tiềm ẩn - Đơn vị Kỹ thuật phối hợp với nhóm Cung ứng - Đơn vị KHCLHC thường xuyên cập nhật báo cáo hàng tháng về tình hình sử dụng và tồn kho Tuberculine tại các địa phương để có kế hoạch điều chuyển cho phù hợp, tránh tình trạng sinh phẩm thừa – thiếu hoặc hết hạn sử dụng
- **In ấn, phân phối sổ sách, biểu mẫu, báo cáo:** CTCLQG đã tiến hành in ấn các biểu mẫu, sổ sách, báo cáo hoạt động lao tiềm ẩn và đã thực hiện các thủ tục phân phối tài liệu tới các tỉnh triển khai.
- **Phân phối thuốc điều trị lao tiềm ẩn:** Đơn vị Kỹ thuật phối hợp với Đơn vị KHCLHC dựa trên báo cáo sử dụng thuốc và đề xuất của các tỉnh triển khai đã tiến hành xây dựng bảng phân và phân phối thuốc (3HP, 3RH) để điều trị bệnh nhân lao tiềm ẩn tại các tỉnh triển khai hoạt động.
- **Điều chỉnh các Hướng dẫn kỹ thuật:** Nhóm Lao tiềm ẩn hiện đang phối hợp với nhóm cập nhật tài liệu Hướng dẫn quốc gia về chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh lao để cập nhật lại hướng dẫn quản lý lao tiềm ẩn và hệ thống biểu mẫu, sổ sách, ghi chép, báo cáo theo các khuyến cáo mới của Tổ chức Y tế Thế giới.
- **Kết quả triển khai hoạt động:**

Bảng 15: Kết quả hoạt động Lao tiềm ẩn ở NTX HGD ≥ 5 tuổi và nhóm nguy cơ cao

STT	Kết quả hoạt động (*)	Người tiếp xúc HGD		Nhóm nguy cơ cao		Tổng
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Số người sàng lọc	37.015	100	36.097	100	73.112
2	Số người tiêm Mantoux	25.824	70%	13.287	37%	39.111
3	Số người có kết quả (+)	3.539	14%	1.143	9%	4.682
4	Số người thu nhận điều trị (**)	3.305	93%	1.045	91%	4.350

(*) Số liệu hoạt động tổng hợp của Quý 1, 2/2022 (trong đó, Quý 1/2022 có 29 Tỉnh báo cáo và Quý 2/2022 có 30/31 Tỉnh báo cáo – trừ Đồng Nai).

Bảng 16: Kết quả hoạt động Lao tiềm ẩn ở trẻ em từ 0 – 4 tuổi (số liệu toàn quốc)

STT	Hoạt động (**)	Số lượng	Tỷ lệ
1	Số trẻ tiếp xúc được đăng ký sàng lọc	1.800	100%
2	Số trẻ đủ tiêu chuẩn dự phòng	1.389	77%
3	Số trẻ đồng ý điều trị dự phòng INH	643	46%

(**) Số liệu hoạt động tổng hợp của Quý 1, 2/2022

❖ **Khó khăn bất cập**

- 3 tháng đầu năm 2022 do tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn ảnh hưởng tại một số tỉnh, tới cuối tháng 3 vẫn còn tới 11 bệnh viện chuyên khoa Lao tỉnh thực hiện 100% công suất giường bệnh chăm sóc, điều trị covid. Ngoài ra tình hình dịch Covid diễn biến nặng nề tại Hà nội và các tỉnh trên toàn quốc trong quý 1/2022 cũng ảnh hưởng tới công tác sàng lọc, phát hiện và thu nhận điều trị lao tiềm ẩn.
- Việc mua sắm và nhập khẩu Tuberculine chậm hơn so với kế hoạch do mất nhiều thời gian (hơn 3 tháng) xin giấy phép nhập khẩu.

6. Hoạt động lao trẻ em

❖ **Kết quả hoạt động**

- Chuyển kinh phí và hướng dẫn cho 13 tỉnh thực hiện sàng lọc phát hiện chủ động Lao, lao tiềm ẩn cho trẻ em trong nhóm suy dinh dưỡng (nguồn QTC).
- Triển khai đón tiếp và làm việc với chuyên gia lao trẻ em của CDC Atlanta Hoa Kỳ tại Việt Nam.
- Tổ chức 03 khóa đào tạo: Nâng cao năng lực chẩn đoán - điều trị lao trẻ em cho chuyên gia hội chẩn tuyến tỉnh – để chuẩn bị cho triển khai hoạt động hội chẩn hỗ trợ chẩn đoán lao trẻ em tuyến tỉnh (nguồn CDC).
- Xây dựng kế hoạch hoạt động lao trẻ em 2023 (nguồn CDC).
- Xây dựng kế hoạch triển khai ARI lồng ghép với lao trẻ em năm 2022 trình Bộ Y tế phê duyệt để triển khai.

7. Hoạt động nghiên cứu khoa học

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Trung tâm VICTORY tiếp tục là đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị trong nước và quốc tế tổ chức triển khai thực hiện các nghiên cứu lớn trong lĩnh vực lao và bệnh phổi, cụ thể:

Nhóm nghiên cứu về bệnh lao bao gồm các nghiên cứu về chính sách quản lý, phát hiện, phương pháp chẩn đoán, phác đồ điều trị lao tiềm ẩn, lao nhạy cảm và lao kháng thuốc, hướng tới kết thúc bệnh lao tại Việt Nam vào năm 2030. Các nghiên cứu đã và đang triển khai trong 6 tháng đầu năm 2022:

Các đề tài là nhiệm vụ khoa học cấp Nhà nước:

- Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ mới mHealth nhằm tăng cường quản lý lao đa kháng thuốc tại Việt Nam (VSMART).

- Nghiên cứu Giải trình tự toàn bộ hệ gen của vi khuẩn lao nhằm dự báo tính nhạy cảm với thuốc kháng lao ở bệnh nhân lao kháng đa thuốc ở Việt Nam.
- Đề tài Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ chẩn đoán và dự báo dịch tễ địa không gian (geo-spatial epidemiology) bệnh lao phổi bằng ảnh X-quang ngực ở Việt Nam.

Các đề tài nghiên cứu cấp Bộ:

- Đã nghiệm thu đề tài Đánh giá tính an toàn và hiệu quả của Molnupiravir trong điều trị Covid-19 thể vừa và nhẹ (thử nghiệm lâm sàng) và Đánh giá chương trình sử dụng Molnupiravir trong điều trị Covid-19 thể nhẹ và không triệu chứng tại một số tỉnh Việt Nam (nghiên cứu can thiệp cộng đồng).
- Các nghiên cứu hợp tác quốc tế với trường đại học UCSF: Nghiên cứu DRAMATIC, nghiên cứu EndTB-Q, nghiên cứu R2D2, Nghiên cứu Đánh giá vai trò phản ứng Protein C trong sàng lọc chẩn đoán bệnh lao (Nghiên cứu CRP).
- Nghiên cứu ACT5.
- Nghiên cứu đánh giá sử dụng 2 tháng Rifampin liều cao so với 4 tháng Rifampin liều chuẩn trong điều trị lao tiềm ẩn (2R2).
- Hỗ trợ một số nghiên cứu đa quốc gia như TB-PORTAL.

Các đề tài nghiên cứu cấp cơ sở:

- Tìm hiểu sự tiến hóa của vi khuẩn lao bằng phương pháp giải trình tự bộ gen các chủng vi khuẩn phân lập từ hai cuộc điều tra mắc lao toàn quốc.

Các đề tài nghiên cứu hợp tác quốc tế đang chuẩn bị triển khai:

- Nghiên cứu điều trị lao tiềm ẩn PHOENIX – Hợp tác với trường ĐH North Carolina
- Nghiên cứu vaccine lao người lớn – Gates MRI
- Nghiên cứu UNITE4TB – Đại học USCF
- Nghiên cứu đánh giá hiệu quả điều trị xơ phổi bằng tế bào gốc

Nhóm nghiên cứu bệnh phổi: tiếp tục phối hợp với các khoa lâm sàng thực hiện trên 20 nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm về Hen, COPD, Ung thư, Nấm phổi và Lao trẻ em như:

- Adriatic, Flaura 2, Wave, Celltrion, Aegean, Kalos, SURE-31TB, NeoADAURA, Aslem, MerMaid1, MerMaid2, Mahale, Incyte, Early EGFR, Insight 2, kalos, Mahale, Oberon, Oasis, F2G, Laura, Saffron, Pacific -9, ARC-10, ...
- Ngoài ra, Trung tâm cũng phối hợp với các Nhà tài trợ, thực hiện khảo sát, đánh giá ban đầu và chuẩn bị triển khai một số nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng mới như Avanzar và NeoCoast.
- Các nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng có đội ngũ nghiên cứu viên nhiều kinh nghiệm, đảm bảo thực hiện quy trình theo đúng GCP và đề cương nghiên cứu, triển khai các công việc đúng tiến độ, được các nhà tài trợ (AstraZeneca, Pfizer, Parexel, Novartis, IQVIA, Smart...) đánh giá cao.

❖ **Quản lý nghiên cứu khoa học**

- Thẩm định và phê duyệt 11 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Trong đó có 01 đề tài liên quan đến phác đồ mới sử dụng trong điều trị lao đa kháng thuốc, 02 đề tài liên quan xét nghiệm vi khuẩn lao ước tính khả năng kháng thuốc của quần thể gene tại Việt Nam và 01 đề tài nhánh của đề tài cấp Nhà nước về amiang.
- 6 tháng đầu năm 2022, Trung tâm có 02 bài báo được tăng tải trên các tạp chí quốc tế thuộc hệ thống Scopus.

❖ **Hợp tác Quốc tế**

- Trung tâm VICTORY là đầu mối thực hiện hoạt động quan hệ quốc tế theo định hướng hợp tác và hội nhập, huy động sự tham gia của các chuyên gia và tổ chức kỹ thuật tiên tiến trên thế giới về chuyên ngành lao và bệnh phổi như WHO, KNCV, CDC, NIH, WIMR, LSTM, LSHTM, FIT, USAID, FIND, Đại học UCSF, Đại học UNC và nhiều tổ chức quốc tế khác.

❖ **Đào tạo**

Trung tâm VICTORY đã tổ chức thành công khóa đào tạo nghiên cứu khoa học VICORE 2022 lần thứ nhất tại Phú Quốc vào tháng 6/2022, với sự tham gia của 16 giảng viên trong và ngoài nước. Trong số hơn 120 đơn đăng ký từ các cán bộ y tế thuộc mạng lưới Chương trình chống lao quốc gia, đội ngũ giảng viên đã lựa chọn ra 46 học viên tiềm năng nhất để tham gia khóa học, đạt kết quả học tập cao.

C. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC CHỐNG LAO 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 CỦA CÁC ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ PHỤ (SR) NGUỒN QUỸ TOÀN CẦU

1. Hội Nông dân

Nhằm triển khai thực hiện các mục tiêu hoạt động của Dự án phòng chống lao giai đoạn 2021-2023, Ban quản lý Dự án Trung ương Hội đã chỉ đạo Tổ chống lao 17 tỉnh, thành Hội duy trì và mở rộng hoạt động:

- 51 mô hình “Nông dân phòng chống lao” cấp huyện tại 17 tỉnh, thành phố: Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Thái Bình, Hải Phòng, Hải Dương, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Cần Thơ, An Giang.
- 330 mô hình “Quản lý lao tiềm ẩn” tại 330 xã, phường, thị trấn thuộc 11 tỉnh, thành phố: Bắc Giang, Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Trị, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, An Giang.
- 5 mô hình “Ứng dụng M-Health trong hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân lao” trên 5 huyện tại 2 tỉnh: Thái Bình, Quảng Bình.

- Thành lập mới 5 mô hình “Ứng dụng M-Health trong hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân lao” trên 5 huyện tại 2 tỉnh: Phú Thọ, Quảng Nam.

Hướng dẫn chỉ đạo 206 mô hình “Nông dân phát hiện sớm người nghi mắc lao, tư vấn và hỗ trợ bệnh nhân lao điều trị theo DOTS” thành lập giai đoạn 2011-2020 tự duy trì hoạt động bằng nguồn kinh phí Hội và của địa phương. Các mô hình tự duy trì tổ chức sinh hoạt hàng quý; nội dung sinh hoạt xoay quanh chủ đề phòng chống lao trong nông dân, nông thôn lồng ghép với các hoạt động công tác Hội, đảm bảo tính bền vững của dự án.

Hoạt động truyền thông, vận động huy động cộng đồng nông dân, nông thôn tham gia công tác phòng chống lao tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cấp Ủy Đảng, Chính quyền địa phương, sự tham gia từ các đối tác, truyền hình và báo chí. Với tiêu chí tăng cường hoạt động truyền thông, tạo tính đột phá trong việc mở rộng các kênh truyền thông xã hội. Hội Nông dân Việt Nam - Dự án Quỹ Toàn cầu phòng chống lao đã phối hợp với các đơn vị truyền thông triển khai: Xây dựng phóng sự tuyên truyền và hội thảo tại các mô hình về hoạt động phòng chống lao của Hội Nông dân Việt Nam để phát sóng trên VTV1; Xây dựng các tin bài, hình ảnh tuyên truyền về công tác phòng chống lao trong khu vực nông thôn đăng trên Báo Nông thôn ngày nay, Tạp chí Nông thôn mới và Website Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

Trong năm 2022, Hội Nông dân Việt Nam - Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống lao tiếp tục duy trì hoạt động 51 mô hình “Nông dân phòng chống lao” cấp huyện tại 17 tỉnh, thành Hội thuộc cả 3 miền Bắc, Trung, Nam. Cán bộ hội viên nông dân tham gia mô hình đã tổ chức thực hiện 13.500 lượt thăm hỏi các bệnh nhân lao đang điều trị; thông qua đó tuyên truyền, tư vấn các kiến thức về phòng chống lao cho người bệnh và gia đình; theo dõi, giám sát quá trình điều trị, đảm bảo người bệnh không bỏ trị; đồng thời vận dụng các nguồn lực, chính sách của Hội để hỗ trợ các bệnh nhân lao nghèo cả về vật chất lẫn tinh thần, giúp người bệnh vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, yên tâm điều trị. Ngoài ra đối với những bệnh nhân khó tiếp cận trực tiếp, nơi cư trú không ổn định cán bộ Hội cũng linh hoạt thực hiện thăm hỏi bệnh nhân qua điện thoại di động. Kết quả cho thấy tại những địa bàn triển khai xây dựng mô hình, tỷ lệ bỏ trị giảm rõ rệt, tăng tỷ lệ bệnh nhân điều trị thành công. Năm 2022, khi tình hình dịch Covid-19 dần được kiểm soát, kết quả thực hiện các chỉ số của mô hình “Nông dân phòng chống lao”, đặc biệt là số vận động đi khám và số phát hiện mắc lao mới đã gia tăng rõ rệt so với cùng kỳ năm 2021.

Các số liệu cụ thể đạt được của 51 mô hình tại 17 tỉnh, thành Hội:

STT	Các chỉ số	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021	Tăng/giảm so với cùng kỳ (%)
1	Số người được tư vấn hỗ trợ các thông tin, kiến thức về phòng chống lao	49.665	32.156	54,45
2	Số người nghi mắc lao vận động đi khám.	7.370	4.142	77,93
3	Số lượt thăm bệnh nhân tại nhà.	13.500	4.500	200
4	Số người phát hiện mắc lao mới.	1.305	722	80,75
5	Số người mắc lao AFB (+)	1.134	651	74,19
6	Số người mắc lao vận động điều trị theo DOTS.	1.322	742	78,17
7	Số người phát hiện mắc lao ngoài phổi.	140	91	53,85
8	Số người phát hiện mắc lao/HIV.	15	13	15,38
9	Số người phát hiện mắc lao kháng thuốc.	52	29	79,31
10	Số người tử vong do lao.	7	1	600

Cán bộ hội viên nông dân tham gia mô hình đã thực hiện 2.160 lượt đến thăm và tư vấn, khuyến khích người nhà bệnh nhân lao tham gia khám sàng lọc lao tiềm ẩn. Các thành viên mô hình thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các thông tin, kiến thức về lao tiềm ẩn đến người dân trên địa bàn, đặc biệt là các đối tượng tiếp xúc gần với bệnh nhân lao hoặc có các yếu tố làm tăng nguy cơ phát triển từ nhiễm lao thành bệnh lao. Đối với các trường hợp phát hiện nhiễm lao tiềm ẩn, cán bộ Hội tích cực tư vấn, vận động người nhiễm tham gia điều trị lao tiềm ẩn để ngăn nguy cơ chuyển thành bệnh lao, đồng thời theo dõi, hỗ trợ giúp người bệnh tuân thủ và hoàn thành điều trị.

Các số liệu cụ thể đạt được của các mô hình tại các tỉnh, thành Hội:

STT	Các chỉ số	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
1	Số lượt thăm hỏi, tư vấn, vận động	2.160	2.160
2	Số người nguy cơ cao nhiễm lao tiềm ẩn vận động đi khám sàng lọc	4.140	3.684
3	Số người phát hiện nhiễm lao tiềm ẩn	1.897	1.517
4	Số bệnh nhân lao tiềm ẩn đăng ký điều trị	1.106	1.035
5	Số bệnh nhân lao tiềm ẩn hỗ trợ điều trị thành công	565	

So với cùng kỳ năm 2021, cả số người vận động đi sàng lọc, số phát hiện nhiễm lao tiềm ẩn đều được gia tăng đáng kể, đặc biệt có 565 trường hợp nhiễm lao tiềm ẩn đã được đội ngũ cán bộ hội viên nông dân của mô hình tư vấn đi khám sàng lọc đồng thời hỗ trợ điều trị thành công lao tiềm ẩn.

Triển khai mô hình “Ứng dụng M-Health trong hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân lao” trên 10 huyện tại 4 tỉnh Hội đã có khoảng 300 bệnh nhân được nhận tin nhắn hỗ trợ từ chương trình M-Health với các nội dung: nâng cao nhận thức về phòng chống lao, tái khám, xét nghiệm đúng hẹn, phản ứng phụ khi dùng thuốc điều trị lao... Đội ngũ cán bộ hội viên nông dân tham gia chương trình đã thực hiện 455 lượt giám sát, thăm hỏi, theo dõi đối với các bệnh nhân đang điều trị lao, trong đó tập trung vào các nội dung: nhắc nhở người bệnh tuân thủ nội dung tin nhắn, động viên người bệnh tuân thủ điều trị, vận động người bệnh tái khám xét nghiệm với những trường hợp không tái khám đúng hẹn, vận động người bệnh tiếp tục điều trị theo chỉ định của bác sỹ với những người bệnh có dấu hiệu bỏ trị hoặc bỏ trị, hỗ trợ gia đình người bệnh bằng nguồn lực, chính sách của Hội, giúp gia đình bệnh nhân phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống, người bệnh yên tâm điều trị.

Các hoạt động hỗ trợ bệnh nhân lao của Hội Nông dân sử dụng nguồn lực của Hội Nông dân cùng sự hỗ trợ giúp đỡ của các cơ quan ban ngành, đoàn thể và các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm địa phương:

- Ưu tiên hỗ trợ cho 786 hộ gia đình có bệnh nhân mắc lao được vay vốn từ các nguồn Quỹ hỗ trợ nông dân, Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ phát triển khoa học công nghệ, các tổ Tiết kiệm và vay vốn với tổng số tiền vay lên tới 18 tỷ đồng để phát triển sản xuất kinh doanh, đồng thời góp vốn quay vòng cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn vay không tính lãi để tăng gia sản xuất, chăn nuôi trồng trọt, tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Giúp đỡ 320 hộ hội viên nông dân có người mắc lao thoát nghèo.
- Vận động các nguồn lực để thăm hỏi, tặng 265 suất quà trong các dịp lễ, tết trị giá 480 triệu đồng cho các gia đình bệnh nhân lao có hoàn cảnh khó khăn cần được quan tâm, giúp đỡ, động viên tinh thần.
- Tổ chức ký chương trình phối hợp với các doanh nghiệp hướng dẫn kỹ thuật, cung ứng giống, phân bón và bao tiêu sản phẩm; tư vấn kỹ thuật xây dựng chuồng trại, kỹ thuật chăn nuôi, thú y, ứng dụng và giới thiệu con giống, hướng dẫn thành lập tổ hợp tác về chăn nuôi lợn; hỗ trợ cung ứng 1.600 kg chế phẩm và 1.130 tấn phân bón trả chậm cho 302 hộ gia đình có bệnh nhân lao nghèo; phối hợp với các ngành chuyên môn tổ chức 17 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và phòng trừ sâu bệnh, sử dụng phân bón, cải tạo đất nông nghiệp... giúp các thành viên mô hình, gia đình bệnh nhân mắc lao xóa nghèo bền vững và yên tâm điều trị.
- Hỗ trợ xây dựng và sửa chữa 24 nhà tình thương, ổn định chỗ ở cho các bệnh nhân lao nghèo.
- Tổ chức 8 lớp dạy nghề ngắn hạn, tập huấn hướng dẫn chuyển đổi tiến bộ khoa học công nghệ cho các hộ gia đình có bệnh nhân lao.
- Hỗ trợ hơn 5.000 con giống, 2.500 cây giống cho các bệnh nhân mắc lao.

- Trao tặng 30 sổ tiết kiệm trị giá 76 triệu đồng cho gia đình bệnh nhân lao; tặng 65 suất quà bao gồm sách vở, quần áo, xe đạp cho con em bệnh nhân lao.
- Tổ chức quyên góp, hỗ trợ thêm kinh phí đi lại điều trị, hỗ trợ dinh dưỡng cho các đối tượng mắc lao và nghi mắc lao có hoàn cảnh khó khăn.
- Huy động nguồn lực từ các mạnh thường quân hỗ trợ thăm hỏi bệnh nhân lao hàng tháng với tổng số tiền trên 30 triệu đồng; duy trì hoạt động phát cháo tình thương định kỳ tại một số bệnh viện Phổi cho các bệnh nhân lao nghèo.
- Hỗ trợ mua hơn 700 thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho bệnh nhân lao nghèo với tổng giá trị trên 380 triệu đồng.
- Phối hợp với ngành y tế địa phương, các đơn vị chống lao và Bệnh viện Phổi tỉnh, thành phố đa dạng hóa công tác tuyên truyền, vận động người dân phòng chống lao bằng nhiều hình thức.
- Hướng ứng Tháng hành động phòng chống lao, Ngày thế giới phòng chống lao 24/03, Tổ chống lao các tỉnh, thành Hội triển khai nhiều hoạt động truyền thông phong phú, đa dạng như: tổ chức 16 cuộc mít tinh, diễu hành truyền thông về công tác phòng chống lao trên địa bàn tỉnh, thành phố với sự tham gia của hơn 12.800 lượt cán bộ hội viên nông dân; treo, dán hơn 1.300 băng rôn, pa nô, áp phích, phát gần 29.000 tờ rơi, sổ tay truyền thông về phòng chống lao cho người dân; viết và đưa 840 tin, bài tuyên truyền công tác phòng chống lao trên hệ thống loa đài phát thanh địa phương và website Hội Nông dân tỉnh, thành phố; nhấn hơn 2.000 tin ủng hộ Quỹ hỗ trợ người chiến thắng bệnh lao - PASTB

Thuận lợi.

- Công tác phối hợp với ngành y tế diễn ra thường xuyên và liên tục.
- Công tác tuyên truyền, vận động và huy động cộng đồng có tính lan toả mạnh mẽ trong nông dân, nông thôn. Người dân đã thay đổi nhận thức, hành vi trong việc chăm sóc sức khỏe, khi có biểu hiện bệnh lao cũng như các bệnh khác tự giác đến cơ sở y tế để được khám chữa bệnh kịp thời.
- Công tác theo dõi, giám sát, quản lý điều trị được thực hiện thường xuyên và sát sao giúp người bệnh điều trị đúng phác đồ, không bỏ trị.
- Các cấp Hội tích cực thực hiện công tác phòng chống lao lồng ghép với các hoạt động công tác Hội, vận dụng các nguồn lực, chính sách của Hội trong việc hỗ trợ bệnh nhân lao nghèo ổn định cuộc sống, yên tâm điều trị.
- Dự án triển khai sang đến năm thứ 12 nên cán bộ Hội ở các cấp đã có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện hoạt động, giám sát, hướng dẫn, chỉ đạo, lựa chọn địa điểm, lựa chọn thành viên mô hình, tổ chức hoạt động và báo cáo.
- Các tỉnh, thành Hội tham gia dự án lâu năm tiếp tục phát huy nguồn lực của địa phương, ngày càng đẩy mạnh công tác phòng chống lao trên địa bàn. Đối với các

tỉnh, thành Hội mới tham gia dự án, đội ngũ cán bộ Hội làm công tác chống lao ngày càng hoàn thiện hơn về kiến thức, kỹ năng để thực hiện tốt nhiệm vụ phòng chống lao trong khu vực nông thôn.

- Công tác kiểm tra, giám sát từ Trung ương đến địa phương diễn ra thường xuyên, liên tục, qua đó đôn đốc, hỗ trợ các tỉnh, thành Hội cũng như các cấp cơ sở Hội triển khai hoạt động để đảm bảo tiến độ của dự án.

Khó khăn, tồn tại.

- Giai đoạn 3 tháng đầu năm 2022, ngành y tế các địa phương tập trung vào công tác chống dịch Covid-19 nên việc triển khai thực hiện công tác phòng chống lao chưa được quan tâm đúng mức.
- Trình độ nhận thức của người dân chưa đồng đều, sự hiểu biết của người dân về phòng chống lao còn hạn chế, nhất là đối tượng người cao tuổi.
- Nhiều nơi người dân còn có thái độ kỳ thị, xa lánh đối với người mắc lao; bản thân người bệnh còn tâm lý mặc cảm, nhiều bệnh nhân khi đi khám khai tên giả, giấu địa chỉ nhà, khiến cho việc thăm hỏi, giám sát gặp khó khăn; nhiều bệnh nhân lao đi làm xa, di trú không khai báo nên khó theo dõi.
- Ở một số nơi, cộng đồng xã hội chưa vào cuộc, chưa quan tâm đến công tác phòng chống lao, vẫn coi chống lao là công việc của riêng ngành y tế.
- Một số đơn vị y tế tuyến huyện chưa có thuốc làm xét nghiệm Mantoux khiến cho việc sàng lọc các đối tượng lao tiềm ẩn gặp trở ngại, một số nơi chưa có thuốc điều trị lao tiềm ẩn cho bệnh nhân.
- Định mức kinh phí một số hoạt động còn thấp, chưa phù hợp với tình hình thực tế, không tạo động lực cho cán bộ Hội, đội ngũ tuyên truyền viên tham gia vì người thực hiện phần lớn là không hưởng lương.
- Tổ chống lao tỉnh, huyện, xã, các mô hình cơ sở thiếu trang thiết bị tuyên truyền như loa, đài, băng rôn, pano, áp phích...
- Không có kinh phí mua quà thăm hỏi người bệnh khi cán bộ Hội thực hiện hoạt động “Thăm khám tại nhà bệnh nhân lao” dòng hoạt động 62.
- Tại một số nơi có địa bàn rộng lớn, khoảng cách người dân đến trung tâm y tế còn xa, việc đi lại của người bệnh gặp khó khăn khi không được hỗ trợ tiền đi lại, cán bộ hội viên nông dân cũng gặp nhiều trở ngại trong việc thực hiện các hoạt động đến thăm nhà bệnh nhân.
- Một số cán bộ Hội còn lo lắng việc lây nhiễm khi đến thăm bệnh nhân tại nhà do chưa được tập huấn để nâng cao nhận thức về kiểm soát chống nhiễm khuẩn khi thực

hiện chương trình; kiến thức về lao, khả năng tuyên truyền của nhiều cán bộ Hội mới tham gia còn hạn chế.

- Không có kinh phí để mở rộng quy mô các mô hình phòng chống lao ra toàn tỉnh, thành phố.
- Việc hoàn thuế Giá trị gia tăng gặp nhiều khó khăn.
- Việc thanh lý tài sản cũ, hỏng, hết khấu hao còn vướng mắc, chưa rõ quy định quản lý.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

- Thực hiện dự án theo đúng nội dung, kế hoạch hoạt động, đối tượng, định mức kinh phí đã được phê duyệt.
- Duy trì và mở rộng hoạt động 51 mô hình “Nông dân phòng chống lao” cấp huyện, 330 mô hình “Quản lý lao tiềm ẩn” cấp xã và 10 mô hình “Ứng dụng M-Health trong hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân lao” cấp huyện tại 17 tỉnh, thành Hội theo đúng kế hoạch.
- Chỉ đạo các tỉnh, thành Hội phối hợp với các ban, ngành chức năng thực hiện công tác tuyên truyền phòng chống lao trong nông thôn, nông dân, nâng cao ý thức người dân, giảm nguồn lây nhiễm lao, lao kháng thuốc; lồng ghép nội dung về công tác phòng chống lao trong các buổi sinh hoạt chi tổ Hội.
- Tăng cường phát hiện chủ động lao trong nông thôn, các đối tượng có nguy cơ mắc lao cao, lao trẻ em và lao đồng nhiễm HIV; hỗ trợ, giám sát điều trị bệnh nhân lao, lao kháng thuốc; quản lý điều trị lao tiềm ẩn.
- Phối hợp với ngành y tế tự duy trì và mở rộng các mô hình; tăng cường hoạt động truyền thông thông qua sinh hoạt mô hình, câu lạc bộ, đảm bảo tính bền vững; phối hợp khám lưu động, cán bộ y tế xã cùng đi vận động.
- Tăng cường hoạt động hỗ trợ về tinh thần, dinh dưỡng, thuốc, sinh kế cho các bệnh nhân lao có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt là nhóm đối tượng lao kháng thuốc. Vận động nông dân tương trợ, giúp đỡ bệnh nhân lao về giống, vốn, vật tư, ngày công, tiền nhằm giúp họ yên tâm chữa trị dứt điểm bệnh lao.
- Triển khai phòng chống lao lồng ghép với các nhiệm vụ thường xuyên của Hội, đặc biệt các hoạt động tương trợ, dịch vụ hỗ trợ như: vay vốn phát triển kinh tế, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm để nâng cao thu nhập...
- Tăng cường các hoạt động can thiệp khác nhằm mục tiêu phát hiện sớm các ca mắc lao trong cộng đồng, giảm tỷ lệ bỏ trị, tăng tỷ lệ điều trị thành công, giám sát sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân, hỗ trợ bệnh nhân về kiến thức, vật chất, cơ hội học tập, việc làm, phát triển sản xuất để bệnh nhân lao có điều kiện tốt nhất, yên tâm điều trị.
- Hướng dẫn 63 tỉnh, thành Hội chỉ đạo các cơ sở Hội vận động toàn thể nông dân có triệu chứng mắc lao đi khám và chữa bệnh đúng phác đồ điều trị.

2. Trung tâm Phát triển Sức khỏe cộng đồng (CCHD)

Trung tâm PTSKCĐ tiếp tục triển khai các hoạt động đã được phê duyệt trên cơ sở các hoạt động dự án QTC - PCLgiai đoạn 2021 – 2023. Một hoạt động được bổ sung trong năm 2022 là Phát hiện lao chủ động bằng chiến lược 2X đã được thực hiện tại 28 huyện (do tỉnh Đồng Nai chỉ thực hiện tại 04 huyện và tỉnh Thái Nguyên thực hiện 7 huyện). Phạm vi triển khai tại 5 tỉnh: Thái Nguyên, Thanh Hóa, Yên Bái, Khánh Hòa và Đồng Nai, có 57 huyện (100% số huyện) và 1.128 xã, với trên 10 triệu dân số được dự án can thiệp.

Như vậy năm 2022, hoạt động tập trung vào 4 nội dung chính đó là (1) Phát hiện, chẩn đoán, điều trị và quản lý lao tiềm ẩn; (2) Phát hiện lao chủ động tại cộng đồng bằng chiến lược 2X (3) Giám sát, thu thập số liệu báo cáo và (4) Cung cấp kiến thức về một số bệnh trong chiến lược PAM.

- Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực: hội thảo về Tăng cường Phát hiện lao trong giai đoạn hậu covid; đào tạo về Phát hiện, chẩn đoán điều trị và quản lý lao tiềm ẩn, đặc biệt việc lồng ghép phát hiện lao tiềm ẩn và lao chủ động bằng chiến lược 2X; đào tạo cho cán bộ y tế tuyến xã, huyện về tăng cường Phát hiện lao, vai trò của tuyến xã trong hoạt động lồng ghép phát hiện lao tiềm ẩn và lao chủ động, giới thiệu một số bệnh không lây nhiễm (Chiến lược PAM) và thực hiện thu thập số liệu báo cáo tại tuyến xã, huyện.
- Đơn vị CMU thuộc 05 tỉnh từ quý 2/2022 bắt đầu hoạt động thường xuyên do dịch COVID đã được khống chế tốt. Tiếp tục ổn định về qui trình khám quản lý bệnh nhân hô hấp mạn tính và phối hợp tốt với các khoa khám bệnh và đã thu hút được bệnh nhân Hen, COPD đến khám và tư vấn. Hoạt động hướng dẫn phục hồi chức năng hô hấp cho số bệnh nhân Hen, COPD vẫn còn hạn chế.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2022 có 5 đơn vị CMU hoạt động khám và quản lý được bệnh nhân Hen, COPD. Thể hiện báo cáo trong bảng sau:

Tỉnh	Tổng số KCB	TS khám bệnh phổi mạn tính		Đo CNHH	Gen Expert		Quản lý	
		Hen	COPD		Thực hiện	PH Lao	Hen	COPD
Thái Nguyên	1030	601	409	173	4	0	508	522
Yên Bái	819	9	54	14	10	0	7	59
Thanh Hóa	319	55	185	0	0	0	383	728
Khánh Hòa	235	5	230	0	457	0	14	243
Tổng	2403	670	878	187	471	0	912	1552

- Đơn vị quản lý bệnh không lây nhiễm tại tuyến huyện (DCMU): Việc quản lý bệnh nhân mới thực hiện ở 1 số Huyện có phòng khám ngoại trú để quản lý khám định kỳ

cho bệnh nhân tập trung chính vào bệnh Tiểu đường và Tăng huyết áp, tâm thần, còn lại vẫn chưa thực hiện quản lý được trong đó có cả hen, COPD. Tuyến xã cũng chưa có thông tin 2 chiều từ tuyến Huyện gửi danh sách bệnh nhân về để quản lý. Triển khai hoạt động khám sàng lọc lao chủ động đơn vị DCMU đóng vai trò quan trọng trong việc lập danh sách bệnh nhân mắc bệnh không lây nhiễm như tiểu đường, cao huyết áp, hen, COPD, tâm thần kinh, v.v. Có 1 số phòng khám đa khoa thuộc TTYT huyện và bệnh viện đa khoa huyện đã quản lý tốt bệnh nhân tiểu đường, cao huyết áp tại tuyến huyện nên thuận lợi cho việc khám sàng lọc lao chủ động. Bệnh nhân có thể thực hiện các bước tiếp theo như chụp XQuang, thử đờm, ... tại Huyện mà không cần di chuyển nhiều.

Báo cáo hoạt động DCMU 6 tháng đầu năm 2022:

STT	Hoạt động	Thái Nguyên	Yên Bái	Thanh Hóa	Khánh Hòa	Tổng cộng
I	TS lần KCB	167342	113550	511755	68763	861410
1	Hen	576	63	1362	1284	3285
2	COPD	659	141	5712	932	7444
3	Đái tháo đường	29766	9868	80406	3988	124028
4	Tăng Huyết áp	39504	8183	28571	0	76258
5	Ung thư	1464	498	7278	52	9292
6	Béo phì	0	19	4	474	497
7	Rối loạn tâm thần, thần kinh	308	275	5118	4586	10287
8	Suy dinh dưỡng	4	1943	101	3231	5279
II	Quản lý bệnh KLN	40658	14897	70012	8597	134164
1	Hen	472	374	772	1202	2820
2	COPD	371	158	2316	329	3174
3	Đái tháo đường	16592	3447	43083	5477	68599
4	Tăng Huyết áp	22931	8183	20266	0	51380
5	Ung thư	221	498	932	131	1782
6	Béo phì	0	19	0	0	19
7	Rối loạn tâm thần, thần kinh	72	275	2639	1458	4444
8	Suy dinh dưỡng	0	1943	4	0	1947

- Hoạt động Lao tiềm ẩn: xây dựng kế hoạch triển khai khám sàng lọc lao tiềm ẩn năm 2022 cho 5 tỉnh, phân bổ chỉ tiêu cho Huyện và có kế hoạch đưa vào khám thường xuyên tại tuyến Huyện.

Một số kết quả hoạt động về LTA 6 tháng đầu năm 2022:

- o Tổng số khám sàng lọc: 2.748 người;
- o Trẻ dưới 15 tuổi chiếm 15.3% (421/2.748);

- Tiêm mantoux đạt 99,3% trong số đối tượng cần tiêm (2.654/2.673);
- Kết quả mantoux (+): 284/2654 – 10.7%, trong đó:
 - Kết quả từ 10mm trở lên: 7,8%;
 - Kết quả 5 – 9mm: 4,6%.
- Số đối tượng đủ điều kiện điều trị LTA: 7,8% so với số tiêm mantoux (207/2.654);
- Số đối tượng đồng ý điều trị: 86% (178/207). Số trẻ em < 5 tuổi đồng ý điều trị đạt 72.5% (37/51).
- Tháng 4/2022, Trung tâm PTSKCD được phê duyệt thêm hoạt động Phát hiện lao chủ động bằng chiến lược 2X TTPTSKCD đã xây dựng kế hoạch “Hoạt động lồng ghép giữa triển khai khám sàng lọc lao tiềm ẩn và Phát hiện lao chủ động bằng 2X” cho 5 tỉnh, xác định các đối tượng có nguy cơ cao mắc lao, trước hết tập trung vào 05 nhóm 1/ Đối tượng tiếp xúc với bệnh nhân lao phổi 2/ Bệnh nhân hoàn thành điều trị Lao trong thời gian trước 2022; 3/ Bệnh nhân mắc bệnh phổi mạn tính như hen, COPD, K phổi; 4/ Bệnh nhân tiểu đường và 5/ Đối tượng trên 70 tuổi không thuộc các nhóm trên. Số lượng 04 đối tượng cần khám sàng lọc để phát hiện lao chủ động (không tính đối tượng tiếp xúc với bệnh nhân lao phổi đã được đưa vào nhóm khám lao tiềm ẩn) của các đơn vị thống kê là trên 600.000 người, tuy nhiên năm 2022 số đối tượng được khám phát hiện là 81.678 - tương đương 12,5% nhu cầu. Sau khi kết thúc tập huấn vào tháng 06/2022 về phát hiện lao chủ động bằng 2X, các huyện (28 huyện) đã triển khai hoạt động, tuy nhiên chưa có số liệu chính thức để báo cáo.

Thuận lợi:

- Năm 2022 là năm thứ 2 của chu kỳ dự án nên không mất thời gian về việc ổn định tổ chức, tuy nhiên Trung tâm được giao thêm hoạt động mới là “ Phát hiện lao chủ động bằng 2X” nên Trung tâm đã dành nhiều thời gian nghiên cứu cách thức triển khai và biên soạn tài liệu cho phù hợp với thực tế. Với tinh thần huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng và toàn bộ hệ thống y tế cơ sở để hoạt động có kết quả tốt.
- Bước đầu triển khai hoạt động phối hợp khám phát hiện lao chủ động bằng phương pháp 2X đã được sự ủng hộ của Ban quản lý dự án tại các tỉnh và chỉ đạo rất quyết liệt để triển khai đến các TTYT huyện.
- Ngay sau khi Bệnh viện Lao & Phổi của tỉnh được trả lại với đúng chức năng nhiệm vụ, các Đơn vị quản lý bệnh phổi tại tuyến tỉnh đã ổn định và triển khai khám quản lý bệnh nhân mắc bệnh hô hấp mạn, bệnh không lây nhiễm tại tuyến Tỉnh và Huyện trong đó có bệnh nhân Hen, COPD.

Hạn chế - khó khăn:

- Nhân sự thiếu và khối lượng công việc trong phòng chống dịch COVID như tiêm chủng và hỗ trợ điều trị bệnh nhân trong các địa phương tăng lên nhất là giám sát dịch tễ. ...nên việc triển khai các hoạt động theo kế hoạch bị hạn chế, gián đoạn, mặc dù kinh phí đã gửi cho các tỉnh từ tháng 4/2022
- Các xã còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc giám sát bệnh nhân hô hấp nhất là bệnh nhân Hen, COPD, lao ngoài phổi, lao kháng đa thuốc.
- Sinh phẩm và thuốc điều trị lao tiềm ẩn còn chậm so với nhu cầu cần thiết của các đơn vị.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

- Tiếp tục triển khai các hoạt động thường xuyên như thu thập số liệu, làm báo cáo quí tại các tuyến.
- Phân đầu khám sàng lọc Lao chủ động và lao tiềm ẩn đạt trên 95% đối tượng.
- Triển khai giám sát điều trị cho bệnh nhân lao tiềm ẩn.
- Hoàn thiện báo cáo hoạt động và chứng từ thanh quyết toán đúng quy định
- Hội nghị tổng kết năm 2022 và lập kế hoạch cho năm 2023 sẽ được tổ chức vào tháng 12/2022 để đưa ra các bài học kinh nghiệm cho việc “Lồng ghép phát hiện lao tiềm ẩn và lao chủ động bằng 2X” để tăng cường phát hiện sớm và nhiều bệnh nhân lao.

3. Trung tâm nghiên cứu và phát triển sức khỏe cộng đồng (RCSCH)

Trong năm 2022 RCSCH triển khai kế hoạch thực hiện hoạt động Dự án Phát hiện chủ động ở 6 tỉnh và Mở rộng đóng góp của đối tác vào phát hiện chủ động bệnh lao ở khu công nghiệp tại 03 tỉnh. Dự án Phát hiện chủ động ở 6 tỉnh triển khai tại: Đồng Tháp, Tiền Giang, Hậu Giang, Vĩnh Long, Bến Tre và Bà Rịa - Vũng Tàu (với sự tham gia của 12 huyện và tất cả các xã). Dự án Mở rộng đóng góp của đối tác vào phát hiện chủ động bệnh lao ở khu công nghiệp được triển khai tại 03 tỉnh: Vĩnh Long, Hòa Bình và Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các hoạt động đã thực hiện 6 tháng đầu năm 2022:

- Trung tâm RCSCH đã thực hiện in ấn tài liệu truyền thông và phân phối cho 6 tỉnh tham gia dự án Phát hiện chủ động tại cộng đồng năm 2022:
 - o Sổ tay hỏi đáp bệnh lao và điều trị lao: 600 quyển
 - o Sổ tay Hướng dẫn truyền thông trong phòng chống lao: 600 quyển
 - o Tờ rơi “Phát hiện sớm và điều trị khỏi bệnh lao: 6,000 tờ
 - o Tờ rơi “Những điều người bệnh lao cần biết, cần làm để bảo vệ người thân và cộng đồng: 6,000 tờ
 - o Tờ rơi “Chung tay đẩy lùi bệnh lao kháng thuốc”: 2,000 tờ
- Triển khai được 6 Hội thảo khởi động triển khai phát hiện chủ động và xây dựng kế hoạch cho 12 huyện tham gia dự án năm 2022 (2 huyện/tỉnh) nhằm lên kế hoạch tổ

chức Truyền thông tại cộng đồng với sự tham gia của các tổ chức đoàn thể; hướng dẫn lập danh sách người có nguy cơ cao mắc lao trong Ấp; hướng dẫn phỏng vấn đối tượng có trong danh sách. Hướng dẫn qui trình chụp XQ và xét nghiệm; Theo dõi và quản lý BN lao.

- Hoạt động Tập huấn tình nguyện viên về truyền thông và quản lý bệnh lao đã thực hiện tại 06 tỉnh Đồng Tháp, Hậu Giang, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre và Bà Rịa – Vũng Tàu để tăng cường kiến thức trong phát hiện chủ động bệnh lao. Nội dung tập huấn cho cán bộ y tế tuyến cơ sở: cách lập danh sách đối tượng những người có nguy cơ cao mắc lao; Các bước thực hiện khám sàng lọc phát hiện chủ động; Tư vấn và hỗ trợ người bệnh trong quá trình quản lý và điều trị lao, truyền thông cho người dân đi sàng lọc và biết cách phòng chống bệnh lao.
- Triển khai khám sàng lọc cho 18 huyện thuộc 07 tỉnh (trong đó có 2 huyện của An Giang, 2 huyện của Đồng Tháp và 2 huyện của Bến Tre chuyển từ 2021 sang). Trong 06 tháng đầu năm 2022 đã có 03 tỉnh triển khai xong khám sàng lọc tại cộng đồng: Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long. Riêng Bến Tre triển khai thêm hoạt động Khám sàng lọc cho 2 huyện Châu Thành và Mỹ Cày Bắc từ năm 2021 chuyển sang. Đồng Tháp triển khai khám sàng lọc cho 2 huyện Hồng Ngự và TP Sa Đéc năm 2021 chuyển sang.

Kết quả khám sàng lọc tại cộng đồng đồng:

Tỉnh	Bến Tre	Tiền Giang	Vĩnh Long	Đồng Tháp	Tổng số
Các chỉ số					
Số người được lập trong danh sách nguy cơ cao mắc lao	26.000	13.000	13.000	13.000	65.000
Số người dân đã qua sàng lọc và được lập danh sách chụp Xquang	4.000	2.000	2.000	2.000	10.000
Số người dân đến khám sàng lọc và tầm soát lao	3.900	2.389	2.011	2.297	10.597
Số người chụp Xquang	3.900	2.389	2.011	2.297	10.597
Số phim Xquang có tổn thương	759	321	160	779	2.019
Số xét nghiệm Genxpert	810	400	482	766	2.458
Số xét nghiệm dương tính	54	17	18	22	111
Số bệnh nhân lao thu nhận:	58	17	18	35	128
- Số BN lao có BC VKH	54	17	18	22	111
- Số BN lao không có BCVKH	04	0	0	7	11
- Số BN lao khác	0	0	0	6	06

- Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre đã thực hiện 24 cuộc truyền thông trực tiếp tại các trạm y tế xã cho đối tượng là Tổ trưởng tổ dân phố, cộng tác viên lao, Hội phụ nữ, người nhà bệnh nhân lao về các triệu chứng nghi lao, cách phát hiện người nghi lao trong cộng đồng, điều tra người tiếp xúc bệnh nhân lao, vận động giới thiệu người nghi lao tham gia tầm soát chủ động.
- Tỉnh Vĩnh Long và Hòa Bình đã tổ chức triển khai khám sàng lọc cho công nhân tại các khu công nghiệp. Riêng Vĩnh Long thực hiện Khám sàng lọc cho công nhân tại khu công nghiệp của năm 2021 chuyển sang là 3000 người. Tỉnh Hòa Bình vừa kết thúc khám sàng lọc cho công nhân tại khu công nghiệp ngày 08/07/2022 nên chưa có kết quả chạy mẫu Gene Xpert.

Kết quả khám sàng lọc tại khu công nghiệp năm 2022:

Tỉnh Các chỉ số	Vĩnh Long	Hòa Bình	Tổng số
Số công nhân được lập trong danh sách KSL	5.000	2.000	7.000
Số công nhân khám sàng lọc	5.025	1.662	6.687
Số người chụp Xquang	5.025	1.662	6.687
Số phim Xquang có tổn thương	41	44	85
Số xét nghiệm Genxpert	500	166	666
Số xét nghiệm Gen Xp dương tính	04		04
Số xét nghiệm Mantoux	353	151	504
Số xét nghiệm Mantoux dương tính	32	50	82
Số bệnh nhân lao thu nhận:	07		07
- Số BN lao có BC VKH	04		04
- Số BN lao không có BC VKH	00		00
- Số BN lao khác	03		00
Số bệnh nhân LTA thu nhận	30		30

Thuận lợi

- Các tỉnh đã có kinh nghiệm triển khai hoạt động Dự án năm 2021
- Có sự tham gia nhiệt tình của các đơn vị trong phối hợp, phản hồi, trao đổi trong hệ thống giữa RCSCH và địa phương.
- Tình hình dịch bệnh Covid bình thường trở lại thuận tiện cho việc người dân đi khám chữa bệnh.

Khó khăn

- An Giang FHI vào triển khai khám sàng lọc tất cả các huyện, hoạt động của năm 2021 chuyển sang còn khá nhiều.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

- RCSCH tiếp tục tiến hành triển khai các hoạt động đã phê duyệt của VPQTC
- Giám sát hỗ trợ tại địa phương khám sàng lọc tại cộng đồng và các khu công nghiệp. Hỗ trợ chuyên môn và triển khai kế hoạch theo đúng tiến độ.
- Thanh quyết toán tài chính

4. Hội Chống lao Hoàng gia Hà lan (KNCV)

4.1. Triển khai mở rộng xét nghiệm Xpert MTB/RIF, Xpert Ultra với mẫu phân.

Phương pháp xử lý mẫu phân đơn giản một bước (KNCV's Simple One Step stool method (SOS)), do Hội chống lao hoàng gia Hà Lan (KNCV) phát triển là một phương pháp đơn giản, không phaiair đầu tư thêm vật tư, trang thiết bị, máy móc dụng cụ, được sử dụng để xử lý mẫu phân cho xét nghiệm Xpert MTB/RIF (Ultra). Phương pháp này đã được triển khai thí điểm tại 10 bệnh viện tuyến trung ương, tỉnh và trung tâm Y tế quận/huyện trong năm 2020. Kết quả thí điểm cho thấy, tỷ lệ phù hợp của kết quả xét nghiệm Xpert sử dụng cartridge Xpert Ultra (sau đây gọi tắt là xét nghiệm Xpert Ultra) giữa mẫu bệnh phẩm hô hấp (đờm, dịch hút phế quản, dịch dạ dày) và mẫu bệnh phẩm phân lên tới 94,7% (91,8% - 96,8%) đối với trẻ em và 91,5% (87,8% - 94,4%) đối với người HIV và chung cho cả 2 nhóm là 93,3% (91,1% - 95,1%). Độ nhạy và độ đặc hiệu của xét nghiệm Xpert Ultra của mẫu bệnh phẩm phân so sánh với mẫu bệnh phẩm hô hấp (đờm, dịch hút phế quản, dịch dạ dày) tương ứng là 93,6% (85,7% - 97,9%) và 95,1% (91,9% - 97,3%) đối với trẻ em và 79,7% (67,8% - 88,7%) và 94,6% (91,0% - 97,1%) đối với người HIV.

Phương pháp xử lý mẫu phân đơn giản một bước giúp cho xét nghiệm Xpert MTB/RIF (Ultra) đến gần hơn với người bệnh, đặc biệt là trẻ em tại tuyến chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Hướng tới mục tiêu kết thúc bệnh lao vào năm 2030, theo khuyến nghị của Tổ chức Y tế thế giới, Chương trình Chống lao Quốc gia triển khai mở rộng phương pháp xử lý mẫu phân đơn giản một bước cho xét nghiệm Xpert Ultra và Xpert MTB/RIF nhằm tăng cường phát hiện sớm và điều trị đúng bệnh lao/lao kháng thuốc cho trẻ em và người nhiễm HIV.

Trong 6 tháng năm 2022, các hoạt động sau đây được thực hiện:

- Tổ chức tập huấn triển khai thường quy xét nghiệm Xpert MTB/RIF với mẫu phân cho 28 tỉnh thành phố gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà Nội, Bắc Giang, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Hà Nam, TP HCM, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hậu Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Long An, Tiền Giang và Bến Tre.

- 176 cán bộ xét nghiệm tại các tỉnh/thành nêu trên đã được tập huấn và có khả năng xử lý mẫu phân đơn giản một bước (SOS) cho xét nghiệm Xpert MTB/RIF (Ultra).
- 1.026 cán bộ lâm sàng, quản lý (bác sỹ, điều dưỡng, ...) và 146 điểm cầu trực tuyến của Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Sản-Nhi, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (Phòng khám ngoại trú HIV, ...), Trung tâm Y tế các quận/huyện và các đơn vị liên quan tại các tỉnh/thành nêu trên đã tham gia tập huấn và được cung cấp các thông tin liên quan đến triển khai thường quy xét nghiệm Xpert với mẫu phân (kế hoạch, đối tượng, hướng dẫn lấy và vận chuyển mẫu phân, ...)
- Để tăng cường xét nghiệm Xpert với mẫu phân cho nhóm đối tượng trẻ em và người HIV nghi mắc bệnh lao phổi, CTCLQG và các tỉnh/thành phố xem xét đẩy mạnh các hoạt động dưới đây nhằm tăng cường phát hiện bệnh lao trong 2 nhóm đối tượng này:
 - củng cố hoạt động quản lý trẻ tiếp xúc tại cộng đồng (tuyến xã/phường). Đây là phương pháp tiếp cận phù hợp để tăng cường phát hiện bệnh lao ở trẻ em: quản lý trẻ tiếp xúc tại cộng đồng, chỉ định lấy mẫu phân đối với trẻ có dấu hiệu nghi mắc bệnh lao phổi và chuyển mẫu phân đến các điểm máy GeneXpert. Cung cấp thông tin, hướng dẫn lấy và vận chuyển mẫu phân đến phòng xét nghiệm GeneXpert cho cán bộ y tế liên quan tại tuyến huyện và xã
 - Tăng cường phối hợp với hệ thống Y tế công lập (Đa khoa, Nhi khoa, HIV, ...):
 - Tăng cường năng lực xác định người bệnh nghi mắc bệnh lao cho bác sỹ nhi khoa, đa khoa
 - Cập nhật thông tin về xét nghiệm Xpert, mẫu bệnh phẩm phân, hướng dẫn lấy và vận chuyển mẫu cho cán bộ lâm sàng nhi khoa, đa khoa tuyến tỉnh và quận huyện
 - Xây dựng, in ấn và phân phối tờ rơi hướng dẫn lấy mẫu phân cho xét nghiệm Xpert.
- Nhằm tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng công tác xét nghiệm, đặc biệt là hoạt động xét nghiệm Xpert sau 2 năm dịch bệnh covid, KNCV phối hợp với cán bộ của BVPTU và BVPNT thực hiện giám sát, hỗ trợ kỹ thuật hoạt động xét nghiệm và Xpert.
 - Trong 6 tháng đầu năm 2022, KNCV phối hợp với BVPTU thực hiện giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho 12 tỉnh gồm: Nam Định, Ninh Bình, Hải Phòng, Bắc Giang, Phú Thọ, Hưng Yên, Hải Dương và Hà Giang; Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang và Bình Dương.
 - Trong tháng 4 và tháng 5/2022, KNCV đã phối hợp với BV. Phạm Ngọc Thạch thực hiện giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động xét nghiệm tại 8 tỉnh miền Đông Nam Bộ và 24 quận/huyện tại TP. Hồ Chí Minh.

Hỗ trợ kỹ thuật quốc tế: Theo trao đổi và thông nhất với CTCLQG, TS. Agnes Gebhard – Giám đốc Kỹ thuật của Hội Chống lao Hoàng gia Hà lan (KNCV) tiến hành làm việc với Chương trình chống lao Quốc gia (CTCLQG), gồm hai đợt hỗ trợ kỹ thuật từ xa từ ngày 23/5/2022 – 2/6/2022 và làm việc tại Việt Nam từ ngày 26/6/2022 – 2/7/2022, nhằm hỗ trợ CTCLQG trong việc phân tích tình hình phát hiện và thu nhận điều trị bệnh nhân lao, đánh giá và so sánh các phương pháp phát hiện khác nhau để thúc đẩy hoạt động phát hiện và thu nhận bệnh nhân lao, bao gồm lao trẻ em và quản lý lao tiềm ẩn, làm cơ sở xây dựng kế hoạch hướng tới Mục Tiêu Chấm Dứt Bệnh Lao của Chính Phủ Việt Nam cũng như Mục Tiêu Thiên Niên Kỷ của Liên Hợp Quốc trong bối cảnh và các tác động của đại dịch Covid-19.

4.2. Dự án Đẩy mạnh đổi mới (thuốc mới/phác đồ mới) để điều trị bệnh lao ngắn hạn (Leveraging Innovation for Faster Treatment of Tuberculosis - LIFT TB)

- Đề cương nghiên cứu phác đồ BPaL đã được Hội đồng NCKH của Bệnh viện Phổi Trung ương phê duyệt ngày 29/12/2020 và được Hội đồng NCKH và Y đức của Bộ Y tế phê duyệt ngày 21/7/2021
- Phối hợp với nhóm nghiên cứu BPaL của CTCLQG cập nhật đề cương nghiên cứu phác đồ BPaL chủ yếu đối với các phần mở rộng tiêu chuẩn đầu vào, điều chỉnh liều lượng linezolid và quản lý điều trị ngoại trú ngay từ đầu. Đề cương nghiên cứu phác đồ BPaL cập nhật đã được trình Bộ Y tế phê duyệt trong tháng 1/2022
- Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ đã được thực hiện tại 4 đơn vị tham gia nghiên cứu trong tháng 3/2022.
- Đến 30/6/2022, 22 bệnh nhân đã được sàng lọc và thu nhận vào nghiên cứu phác đồ BPaL tại 4 đơn vị tham gia nghiên cứu.

4.3. Dự án triển khai kỹ thuật giải trình tự gen thế hệ mới trong tầm soát, phát hiện, chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng tại Việt Nam

- Dự án tiến hành xây dựng đề cương nghiên cứu liên quan, xây dựng quy trình thực hiện kỹ thuật giải trình tự gen cho một số bệnh.
- Dự án đang tiến hành mua trang thiết bị và vật tư tiêu hao, dự kiến về Việt Nam trong quý 3/2022

❖ **Khó khăn:** Về tình hình hoàn thuế GTGT theo yêu cầu của dự án Quỹ Toàn cầu, hiện tại hồ sơ hoàn thuế của Văn phòng KNCV cho các giai đoạn từ 2015-2017 và 2018-2020 đều bị từ chối do không thuộc đối tượng được hoàn thuế. Văn phòng đã xúc tiến các thủ tục đệ trình, các cuộc họp với cơ quan quản lý nhà nước nhưng không có kết quả. Văn phòng kính đề nghị Bệnh viện Phổi Trung ương, CTCLQG và Nhà tài trợ Quỹ Toàn cầu xem xét cho phép Văn phòng KNCV được quyết toán chi phí thuế GTGT vào chi phí của hoạt động

❖ **Phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2022:** Trong 6 tháng cuối năm 2022, Văn phòng KNCV tiếp tục triển khai các dự án theo kế hoạch đã được phê duyệt gồm dự án Quỹ toàn cầu, dự án LIFT TB và dự án Triển khai kỹ thuật giải trình tự gen.

5. Cục Y tế - Bộ Công an

- Đào tạo cán bộ công an bao gồm CBYT ở khu vực trại giam về kiểm soát, chẩn đoán, điều trị, kiểm soát lây nhiễm, ghi chép/ báo cáo điện tử, giám sát và lượng giá, v.v.
- Sàng lọc bệnh lao trong nhóm tạm giam bằng phát hiện triệu chứng hàng năm, xét nghiệm đờm, X-quang, Xpert để phát hiện lao, lao kháng đa thuốc. Cục Y tế đã có công văn gửi Công an các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương về việc đăng ký nhu cầu khám, sàng lọc phát hiện lao, lao tiềm ẩn cho cán bộ, chiến sĩ và can phạm, phạm nhân do đơn vị quản lý (công văn số 657/H06-P2 ngày 29/3/2022) và công văn đề nghị Bệnh viện Phổi Trung ương có văn bản chỉ đạo Chương trình chống lao các tỉnh, thành phố hỗ trợ Bộ Công an để triển khai các hoạt động tại các trại tạm giam. Hiện tại Cục Y tế đang liên hệ với Chương trình chống lao các tỉnh, thành phố để ký hợp đồng trách nhiệm triển khai tại 31 trại tạm giam.
- Phát hiện lao, lao tiềm ẩn và lao cho cán bộ chiến sĩ công tác tại các trại giam. Cục Y tế đã có công văn gửi Cục C10 về việc đăng ký nhu cầu khám, sàng lọc phát hiện lao, lao tiềm ẩn cho cán bộ, chiến sĩ và can phạm, phạm nhân do đơn vị quản lý (công văn số 656/H06-P2 ngày 29/3/2022). Hiện tại Cục Y tế đang ký hợp đồng trách nhiệm với 06 trại giam dự kiến triển khai năm 2022.
- Tập huấn đào tạo đồng đảng viên cho phạm nhân. Cục Y tế đang trao đổi với Công an các đơn vị, địa phương để lập kế hoạch thời gian cụ thể triển khai thực hiện. Dự kiến tổ chức từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2022.

Thuận lợi.

- Có sự quan tâm, chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa Chương trình chống lao quốc gia - Bệnh viện Phổi Trung ương và Cục Y tế, Bộ Công an. Cũng như sự quan tâm, hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ giữa Công an các đơn vị, địa phương với Chương trình chống lao tỉnh/thành phố nơi đơn vị đóng quân trong triển khai các hoạt động phòng, chống lao.
- Lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương quan tâm và chú trọng đến công tác chăm sóc sức khỏe đặc biệt là công tác phòng, chống lao.
- Bệnh nhân lao tại các trại giam, trại tạm giam ăn ở tập trung nên theo dõi việc tuân thủ điều trị rất tốt.

Khó khăn.

- Một số đơn vị chưa thành lập tổ chống lao đặc biệt là các trại tạm giam.
- Cơ sở vật chất, phương tiện chẩn đoán (máy XQ) chưa đầy đủ tại một số trại giam. Phần lớn các trại tạm giam chưa có máy XQ nên còn khó khăn trong công tác sàng lọc, phát hiện lao.
- Cán bộ y tế tại các trại tạm giam còn thiếu hoặc chuyển công tác, trình độ chuyên môn còn hạn chế.

Phương hướng triển khai năm 2022

- Tập huấn cho cán bộ Công an về công tác chuyên môn phòng, chống lao: chẩn đoán, điều trị, kiểm soát lây nhiễm, ghi chép, báo cáo,...
 - Tổ chức 02 lớp về chẩn đoán, điều trị lao tiềm ẩn cho cán bộ y tế tại các trại giam.
 - Tổ chức 11 lớp tập huấn kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng chống lao cho CBCS các trại tạm giam, trại giam do Bộ Công an quản lý.
- Phát hiện chủ động bệnh lao cho cán bộ, chiến sỹ Công an công tác tại các trại giam, trại tạm giam; phát hiện chủ động bệnh lao cho phạm nhân tại các trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an quản lý.
 - Ký hợp đồng và triển khai sàng lọc lao cho cán bộ, chiến sỹ tại 06 trại giam: Trại giam Yên Hạ, Trại giam Nà Tấu, Trại giam Ngọc Lý, Trại giam Xuân Phước, Trại giam Kênh 5 và Trại giam Tổng Lê Chân.
 - Ký hợp đồng với Chương trình chống lao các tỉnh, thành phố và triển khai sàng lọc lao cho cán bộ, chiến sỹ và can phạm phạm nhân tại 31 trại tạm giam: Trại tạm giam Số 1, Trại tạm giam Số 2 - Công an TP Hà Nội; Trại tạm giam Bồ Lát, Trại tạm giam Chí Hòa - CA TP Hồ Chí Minh; Trại tạm giam Công an các tỉnh/thành phố: Sơn La; Hà Giang; Gia Lai; Đắk Lắk; Tuyên Quang; Lạng Sơn; Hải Phòng; Thái Nguyên; Quảng Ninh; Phú Thọ; Bắc Ninh; Bắc Giang; Hải Dương; Hưng Yên; Hà Nam; Nam Định; Ninh Bình; Thái Bình; Nghệ An; Bà Rịa- Vũng Tàu; Bình Dương; Tây Ninh; Tiền Giang; Trà Vinh; Cần Thơ; Kiên Giang; Quảng Nam.
- Tập huấn đồng đẳng viên về công tác trại tạm giam để từ đó các phạm nhân sẽ thành lập các nhóm truyền thông về phòng chống bệnh lao cho các phạm nhân khác trong trại tạm giam.
- Tăng cường giám sát, hỗ trợ kỹ thuật tại một số trại tạm giam, trại giam: Triển khai giám sát tại 14 đơn vị.

6. Cục C10 - Bộ công an

Trong 6 tháng đầu năm 2022 tình hình dịch bệnh Covid-19 đã dần được kiểm soát, các hoạt động khám sàng lọc đầu vào, sàng lọc định kỳ đã được triển khai nhằm phát hiện, thu dung và điều trị phạm nhân lao, hạn chế nguy cơ lây nhiễm trong khu giam giữ. Việc triển khai các hoạt động của dự án đã đạt được những kết quả tích cực và cơ bản đáp ứng theo kế hoạch đề ra.

- Tổ chức 02 lớp tập huấn về lao, lao kháng đa thuốc cho cán bộ y tế, kỹ thuật viên xét nghiệm, quản giáo trại của 54 trại giam.
- Xây dựng kế hoạch triển khai cải tạo, sửa chữa phòng điều trị lao tại 03 đơn vị: Trại Giam Xuyên Mộc, Xuân Lộc, Kim Sơn.

- Xây dựng kế hoạch gửi các đơn vị triển khai hỗ trợ ăn cho các phạm nhân lao kháng thuốc, hiện nay các đơn vị đang tổng hợp hồ sơ quyết toán kinh phí hỗ trợ ăn 6 tháng đầu năm 2022 gửi về Ban Quản lý tiểu dự án để thanh toán theo đúng quy định.
- Các trại giam có phạm nhân lao kháng thuốc, Cục có Công văn hướng dẫn lập hồ sơ quyết toán gửi về Ban Quản lý tiểu dự án để thanh toán theo đúng quy định.
- Giám sát các hoạt động phòng, chống lao kháng thuốc tại 10 đơn vị trại giam trong đó có 08 đơn vị phía Bắc và Trung, 02 đơn vị phía Nam gồm: Tân Lập, Suối Hai, Ngọc Lý, Xuân Nguyên, Quảng Ninh, A2, Đại Bình, Sông Cái, Xuân Lộc và Xuyên Mộc, 24 đơn vị còn lại dự kiến triển khai vào quý III, Quý IV/2022.

Thuận lợi:

- Có sự phối hợp tốt giữa Chương trình chống lao Quốc gia, Bệnh viện phổi Trung ương với Cục C10; giữa bệnh viện lao và bệnh phổi các tỉnh/thành phố với các trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc trên địa bàn trong việc phát hiện bệnh lao.
- Chương trình chống lao hỗ trợ kinh phí, chụp phim Xquang sàng lọc định kỳ cho phạm nhân.
- Nhân viên y tế tại các trại giam, được đào tạo, tập huấn hàng năm về xét nghiệm lao, kỹ thuật X-Quang.

Khó khăn tồn tại:

- Nhân lực phòng, chống lao trong các trại giam còn thiếu và phần lớn là kiêm nhiệm.
- Nhiều đơn vị chưa có khu điều trị cách ly cho phạm nhân mắc lao kháng thuốc.
- Số phạm nhân lao đa kháng thuốc mới được phát hiện tại một số trại giam chưa được điều trị kịp thời do yêu cầu giam giữ và chuyên môn
- Máy X-Quang tại nhiều đơn vị đã bị xuống cấp, thường xuyên phải sửa chữa, thay thế rất tốn kém; một số đơn vị chưa được trang bị.
- Các thiết bị, văn phòng phục vụ các hoạt động của tổ chống lao tại các đơn vị còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác
- Kinh phí hỗ trợ cho công tác phòng, chống lao còn hạn hẹp chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế tại các trại giam.
- Không có chế độ đãi ngộ cho cán bộ làm công tác phòng, chống lao nên chưa thu hút được cán bộ gắn bó lâu dài với công tác phòng, chống lao.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

Căn cứ vào kế hoạch hoạt động năm 2022 và tình hình triển khai các hoạt động phòng chống lao 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm 2022 cần tập trung vào một số hoạt động trọng tâm như sau:

- Tiếp tục triển khai hoạt động hỗ trợ ăn cho phạm nhân lao kháng đa thuốc và cán bộ tiếp xúc trực tiếp với phạm nhân lao kháng đa thuốc tại các trại giam 6 tháng cuối năm 2022. Thời gian kết thúc: 31/12/2022.
- Hoàn thành cải tạo và đưa vào sử dụng phòng điều trị cách ly cho phạm nhân mắc lao kháng thuốc tại 03 trại giam Xuyên Mộc, Xuân Lộc, Kim Sơn.
- Hoàn thành việc xây dựng pano, áp phích cấp cho các trại giam, thời gian hoàn thành: 9/2022.
- Hoàn thiện hồ sơ quyết toán gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế cấp cho các trại giam phát hiện và điều trị lao kháng đa thuốc: Thời gian hoàn thành 09/2022.
- Triển khai giám sát các hoạt động phòng chống lao tại 24 đơn vị còn lại. Thời gian hoàn thành: 20/12/2022.
- Tổ chức Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả triển khai các hoạt động phòng chống lao kháng đa thuốc trại các trại giam. Dự kiến tháng 12/2022.
- Chi trả lương thuê khoán cho chuyên gia theo đúng quy định.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý tiêu dự án quỹ toàn cầu phòng chống lao

7. Học viện Quân y

Học viện Quân y đã triển khai kế hoạch về công tác chụp Xquang chủ động và tuyên truyền phòng chống lao đến Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh đối tác thực hiện. Các đối tác đã chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động chụp Xquang chủ động và truyền thông phòng chống lao.

7.1. Tại tỉnh Hà Giang

- Ban quân y, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang đã phối hợp với Trung tâm y tế thành phố Hà Giang, triển khai được 02 đợt truyền thông phòng chống lao và 02 đợt chụp Xquang chủ động.
- Tổng số người được chụp Xquang chủ động là 378 người trong đó phát hiện 03 bệnh nhân lao AFB (+) gửi Bệnh viện Phổi Hà Giang điều trị.

7.2. Tại tỉnh Yên Bái

- Ban quân y, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái đã triển khai được 02 đợt truyền thông phòng chống lao và 02 đợt chụp Xquang chủ động.
- Tổng số người được chụp Xquang chủ động là 421 người trong đó có 16 phim có tổn thương, tuy nhiên chưa phát hiện bệnh nhân lao

7.3. Tại tỉnh Lạng Sơn

- Ban Quân y, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn đã triển khai được 01 lớp tập huấn về công tác phòng chống lao cho cán bộ nhân viên quân y, 02 đợt khám chụp Xquang với tổng số chụp Xquang là 400 người, chưa phát hiện bệnh nhân lao.

7.4. Tại tỉnh Cao Bằng

- Ban quân y, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng đã triển khai 02 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về bệnh lao cho đội ngũ quân y các đơn vị.
- Triển khai chụp Xquang chủ động cho 670 lượt người trong đó phát hiện 01 trường hợp mắc lao chuyển đi điều trị.

Thuận lợi

- Các địa bàn triển khai mô hình kết hợp quân dân y trong phòng chống Lao tiếp tục duy trì khu vực biên giới, hải đảo thuộc hai tỉnh Hà Giang và Kiên Giang là những địa bàn đã được triển khai từ nhiều năm nay, lực lượng quân y trên địa bàn bao gồm Ban chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang và Kiên Giang, quân y Vùng 5 Hải quân và lực lượng dân y gồm các Trung tâm y tế, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh đã phối hợp và hoạt động nhiều năm nên thuận lợi trong quá trình triển khai các hoạt động.

Khó khăn

- Các địa bàn phát triển mới bao gồm 5 tỉnh miền núi phía Bắc và hải đảo bao gồm Yên Bái, Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Cạn là những địa bàn mới triển khai và mới được bàn giao máy Xquang di động, cán bộ quân y còn ít kinh nghiệm triển khai hoạt động kết hợp quân dân y trong phòng chống lao.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

- Tiếp tục bám sát kế hoạch, triển khai thực hiện các nội dung hoạt động bảo đảm đầy đủ theo kế hoạch đề ra.
- Các tỉnh chưa thực hiện được các hoạt động trong 6 tháng đầu năm cần tích cực khẩn trương triển khai hoạt động đầy đủ trong 6 tháng cuối năm.

8. MOLISA

Cục Bảo trợ xã hội đã ký hợp đồng và phối hợp với 5 tỉnh, thành phố: Vĩnh Long, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Hòa Bình và Khánh Hòa phổ triển khai mô hình trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao/lao kháng thuốc, Các hoạt động được triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

- Các tỉnh, thành phố tổ chức các cuộc họp triển khai mô hình và chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa Ngành LĐTBXH với Ngành Y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện, tuyến xã trong việc triển khai, trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao/lao kháng thuốc đang quản lý và điều trị tại cộng đồng; cộng tác viên phối hợp với trạm y tế các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thực hiện mô hình; các cộng tác viên báo cáo về việc tiến hành thu thập thông tin về bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn; thảo luận thống nhất phân bổ số lượng và cách thực hiện trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao/lao kháng thuốc như hỗ trợ dinh dưỡng, bảo hiểm, việc làm...

- Triển khai tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng và nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội về tâm lý lâm sàng, công tác xã hội trong lĩnh vực lao/lao kháng thuốc.
- Phát triển mô hình trợ giúp xã hội toàn diện và định hướng cộng đồng:
 - Hỗ trợ người tư vấn theo ca với tổng số ca là 602 ca, trong đó (Khánh Hòa 120 ca; Hòa Bình 108 ca; Vĩnh Long 87 ca; Đà Nẵng 200 ca; Thanh Hóa 87 ca). Hiện nay các trung tâm công tác xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai hỗ trợ người tư vấn theo ca, trên cơ sở số bệnh nhân đang điều trị tại cộng đồng được quản lý, cộng tác viên công tác xã hội đã tiến hành lập hồ sơ đưa vào quản lý trường hợp. Song song với việc người bệnh lao được tư vấn liên quan đến tình hình sức khỏe, điều kiện hoàn cảnh gia đình, những mong muốn, nguồn vọng của bản thân trong điều trị bệnh, cải thiện chất lượng cuộc sống... Cộng tác viên đã phối hợp với Trạm y tế các xã, phường, thị trấn tư vấn bệnh nhân an tâm điều trị, tránh bỏ trị; tư vấn cho bệnh nhân và gia đình bệnh nhân phương pháp phòng tránh lây lan trong gia đình và trong cộng đồng xung quanh. Tìm kiếm, kết nối nguồn lực và tiến hành trợ giúp xã hội cho bệnh nhân lao phổi; kiểm tra kết quả thực hiện trợ giúp xã hội đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân; kết thúc và và trợ giúp bệnh nhân hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống. Do tình hình dịch Covid-19 kéo dài nên vẫn ảnh hưởng đến việc rà soát, hỗ trợ hồ sơ quản lý trường hợp gặp khó khăn, các tỉnh, thành phố sẽ cố gắng hoàn thành chỉ tiêu theo như dự án đã đề ra trong năm 2022.
 - Hỗ trợ cán bộ kết nối, trợ giúp: Mỗi tháng, Trung tâm phân công 02 cán bộ thực hiện nhiệm vụ khảo sát các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ nguồn lực từ mô hình, đáp ứng nhu cầu của bệnh nhân và gia đình bệnh nhân như: hỗ trợ dinh dưỡng, hỗ trợ mô hình sinh kế, hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế. Ngoài ra, cũng tiến hành tìm kiếm, vận động, kết nối các nguồn lực từ cộng đồng để hỗ trợ các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn.
 - Tư vấn và chuyển người nghi lao đi khám với tổng số là 1.427 người, trong đó (Khánh Hòa 109 người; Hòa Bình 141 người; Vĩnh Long 224 người; Đà Nẵng 640 người; Thanh Hóa 313 người); Trung tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan và cộng tác viên công tác xã hội tiến hành rà soát, tư vấn và chuyển người nghi lao đi khám từ các cơ sở trợ giúp xã hội đến cộng đồng tới Trung tâm y tế huyện hoặc Bệnh viện phổi tỉnh để được khám.
 - Tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị, tránh bỏ trị; giám sát định kỳ, tiếp xúc, trao đổi thông tin với tổng số là 566 người, trong đó (Khánh Hòa 42 người; Hòa Bình 150 người; Vĩnh Long 87 người; Đà Nẵng 200 người; Thanh Hóa 87 người): Cộng tác viên công tác xã hội các xã, phường, thị trấn phối hợp với Trạm Y tế tổ chức tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị, tránh bỏ trị; cộng tác viên cũng đã thực hiện giám sát định kỳ, tiếp xúc trao đổi thông tin đối với bệnh nhân và gia đình bệnh nhân. Đã thực hiện tư vấn cho tất cả bệnh nhân và gia đình bệnh nhân

Hỗ trợ bệnh nhân và cán bộ quản lý trường hợp:

STT	Tỉnh, thành phố	Hỗ trợ người tư vấn theo ca (ca)	Hỗ trợ cán bộ kết nối (người)	Tư vấn và chuyển người nghỉ lao đi khám (người)	Tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị, tránh bỏ trị; giám sát định kỳ, tiếp xúc.. (người)
1	Hòa Bình	108	2	141	150
2	Khánh Hòa	120	2	109	42
3	Đà Nẵng	200	2	640	200
4	Thanh Hóa	87	2	313	87
5	Vĩnh Long	87	2	224	87
Tổng số		602	10	1.427	566

- Chăm sóc dinh dưỡng với tổng số là 500 người, trong đó (Khánh Hòa 42 người; Hòa Bình 100 người; Vĩnh Long 108 người; Đà Nẵng 200 người; Thanh Hóa 50 người): Các tỉnh, thành phố chỉ đạo Trung tâm phối hợp với các đơn vị liên quan đặc biệt là chỉ đạo cộng tác viên công tác xã hội để hỗ trợ dinh dưỡng cho bệnh nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn... trong số bệnh nhân được quản lý. Ngoài kinh phí hỗ trợ dinh dưỡng của dự án, Trung tâm Công tác xã hội đã phối hợp với cộng tác viên công tác xã hội cùng với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức đoàn thể vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ thêm kinh phí để mua đồ cho bệnh nhân như: đường, sữa và các nhu cầu thiết yếu khác.
- Hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho 50 người, trong đó (Khánh Hòa 15 người; Hòa Bình 7 người; Vĩnh Long 15 người; Thanh Hóa 10 người, Đà Nẵng 3 người).
- Hỗ trợ mô hình sinh kế với tổng số là 45 người, trong đó (Khánh Hòa 4 người; Hòa Bình 15 người; Vĩnh Long 10 người; Đà Nẵng 6 người; Thanh Hóa 10 người): Trung tâm đã chỉ đạo cộng tác viên công tác xã hội đánh giá và hỗ trợ các gia đình bệnh nhân lao phổi có nhu cầu hỗ trợ vốn làm sinh kế và mời bệnh nhân lao đến để tư vấn, giới thiệu việc làm cho bệnh nhân.
- Bên cạnh đó, bằng nguồn lực ngoài dự án, Cục Bảo trợ xã hội phối hợp với phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố kết nối với các Trung tâm Dạy nghề, giáo dục thường xuyên cấp huyện để tuyển sinh những bệnh nhân học nghề theo chương trình đào tạo của Trung tâm dạy nghề, giáo dục thường xuyên và Trung tâm Công tác xã hội. Thực hiện phối hợp với Chính quyền địa phương phối hợp với các cá nhân, doanh nghiệp tại địa phương tư vấn và hỗ trợ kết nối việc làm cho gia đình bệnh nhân. Trung tâm đã phối hợp với cộng tác viên công tác xã hội và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cùng với bệnh nhân xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện mô hình sinh kế tạo việc làm, phát triển kinh tế cho gia đình bệnh nhân. Thực hiện việc hỗ trợ cho bệnh nhân như: Cây giống, con giống, nuôi gà, nuôi bò, vật nuôi, dụng cụ sản xuất, phục vụ quán ăn,

làm cá, làm công nhân khu công nghiệp, buôn bán nước giải khát trang thiết bị làm việc... Các tỉnh, thành phố đã chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với Trung tâm công tác xã hội vận động các mạnh thường quân, đặc biệt là phối hợp với ngân hàng chính sách hỗ trợ vay vốn cho người nghèo để cùng với nguồn của dự án mua con giống để tăng gia sản xuất cho gia đình; dự án hỗ trợ 5 triệu vay ngân hàng chính sách 15-40 triệu đồng để triển mở rộng trang trại nuôi bò, dê, vườn ao chuồng...

- Tỉnh Khánh Hòa đã chỉ đạo Trung tâm công tác xã hội và quỹ bảo trẻ em, Trung tâm y tế các huyện không chuyển bệnh nhân nên sau khi có giấy chuyển tuyến, bệnh nhân tự đến Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh để điều trị. Vì vậy, Trung tâm đã phối hợp với Bệnh viện hỗ trợ 200.000đ/bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn để giúp họ đi lại trong thời gian điều trị tại Bệnh viện.
- Phối hợp với đài truyền hình Việt Nam làm phóng sự truyền thông về lĩnh vực lao phổi, chương trình sẽ phát sóng tháng 3 và tháng 6 trên kênh VTV! Nhằm tuyên truyền nhận thức của cộng đồng về vấn đề trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao/lao kháng thuốc...
- Nhân 24/3/2022 ngày thế giới phòng chống lao, các tỉnh, thành phố tổ chức công tác tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về vấn đề lao/lao kháng thuốc nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về ảnh hưởng của bệnh lao đến sức khỏe, kinh tế và xã hội, đồng thời đẩy mạnh nỗ lực chấm dứt đại dịch lao trên toàn cầu. Các hình thức truyền thông đa dạng, phong phú, thực hiện ở các hình thức khác nhau như treo băng rôn, khẩu hiệu, tuyên truyền trực tiếp trên loa đài, đài phát thanh, đăng bài tuyên truyền trên Báo Khánh Hòa, Hòa Bình, Vĩnh Long, Đà Nẵng, Thanh Hóa và trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Trung tâm Công tác xã hội.

Thuận lợi

- Được sự quan tâm của Bệnh viện phổi Trung ương và Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống lao giai đoạn 2021-2023, đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Y tế và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Trung tâm Công tác xã hội với Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội. Đội ngũ cán bộ ban điều phối tham gia mô hình nhiệt tình, có trách nhiệm nên bước đầu mô hình đã đạt được hiệu quả.
- Phòng Lao động – Thương binh và các tỉnh, thành phố phối hợp với trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo cán bộ cộng tác viên công tác xã hội và cán bộ y tế các xã, phường, thị trấn tích cực tham gia và đánh giá nhu cầu hỗ trợ của bệnh nhân trên địa bàn. Đội ngũ cộng tác viên công tác xã hội và y tế nhiệt tình, tâm huyết với nghề...
- Công tác tìm kiếm, kết nối các nguồn lực từ gia đình, từ địa phương nơi bệnh nhân đang cư trú, từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài tỉnh để tiến hành trợ giúp xã

hội cho những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn đã được tiến hành rất tích cực và đạt kết quả tương đối khả quan trong 6 tháng đầu năm

Khó khăn:

- Thành viên Ban điều phối cấp tỉnh, thành phố có sự thay đổi, phần nào có ảnh hưởng đến công tác tiếp cận, điều phối vận hành mô hình trợ giúp xã hội.
- Đội ngũ cán bộ xã hội tại địa phương bố trí không ổn định, hầu hết phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, trong khi mô hình cần có nhiều thời gian để tiếp cận và nắm bắt công việc nên sự kết nối, phối hợp giải quyết các vấn đề cũng gặp không ít khó khăn.
- Trong quá trình tư vấn, hỗ trợ bệnh nhân, cộng tác viên phải đến tiếp xúc, trao đổi với bệnh nhân rất nhiều lần, bệnh nhân đang cư trú tại các vùng sâu, vùng xa nên còn nhiều khó khăn khi tiếp cận đánh giá hỗ trợ.
- Đa số bệnh nhân có hoàn cảnh rất khó khăn đều phải trả chi phí nhiều trong quá trình điều trị, thời gian điều trị kéo dài nên đã ảnh hưởng đến sức khỏe, việc làm, thu nhập... Do vậy, nhu cầu của bệnh nhân rất nhiều nhưng Trung tâm chưa thể kết nối nguồn lực, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu bệnh nhân.
- Các bệnh nhân mắc lao đa số thuộc các địa bàn khó khăn, nhu cầu hỗ trợ của bệnh nhân nhiều nên việc kết nối các nguồn lực để hỗ trợ bệnh nhân chưa thực hiện được.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

- Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam truyền thông nâng cao nhận thức của gia đình, cộng đồng về vấn đề phòng chống lao, lao kháng thuốc; dự kiến phát phóng sự trên truyền hình VTV1 vào tháng 9-10/2022.
- Tổ chức hội thảo chia sẻ mô hình về lĩnh vực lao/lao kháng thuốc.
- Tổ chức họp giao ban định kỳ và tổng kết thực hiện mô hình năm 2022.
- Tiếp tục thực hiện tư vấn theo ca và lập hồ sơ quản lý trường hợp cho bệnh nhân lao phổi.
- Tiếp tục rà soát hỗ trợ dinh dưỡng, hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế và hỗ trợ mô hình sinh kế cho bệnh nhân.
- Tiếp tục hỗ trợ cộng tác viên công tác xã hội tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị tránh bỏ trị cho bệnh nhân.
- Tiếp tục cử cán bộ Trung tâm Công tác xã hội kết nối, trợ giúp bệnh nhân.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tư vấn và chuyển người nghi lao đi khám cho bệnh nhân.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về bệnh lao phổi bằng hình thức thiết kế, in và phát hành tờ rơi đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp các dịch vụ như: Chăm sóc dinh dưỡng, thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ việc làm cho những bệnh nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đồng thời, tìm kiếm, kết nối nguồn lực của tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh Khánh Hòa để thực hiện việc trợ giúp đối với những bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật để giúp cho Cộng tác viên công tác xã hội và cán bộ Trạm y tế các xã, phường, thị trấn thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội đối với bệnh nhân lao phổi...

9. Hội y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh

Trong 6 tháng đầu năm 2022, tình hình dịch COVID-19 tại TP.HCM được kiểm soát, các hoạt động y tế bắt đầu trở về bình thường. Ban quản lý tiểu dự án Quỹ toàn cầu tại TP.HCM (BQL) đã phối hợp cùng các trung tâm y tế và tổ chống lao 4 quận tham gia chương trình thực hiện các hoạt động của Chương trình. Đơn vị tập trung tổ chức vào hoạt động truyền thông tại cộng đồng và x quang lưu động bù cho thời gian không thực hiện được trong năm 2021.

- Sau dịch, nhiều nhân viên của trạm y tế thay đổi, BQL đã cập nhật danh sách chuyên trách lao và tái tập huấn các hoạt động của chương trình trong các cuộc họp mạng lưới chuyên trách lao của tổ chống lao quận.
- Công tác sàng lọc tại cộng đồng (tầm soát, giới thiệu, chuyển gửi ...) đang triển khai:

Hoạt động	Quận 1	Bình Thạnh	Bình Tân	Tân Phú	Tổng số	Đạt tỷ lệ % /2022
Thu thập dữ liệu hộ gia đình	41	40	444	32	557	18,57
Thu thập dữ liệu người nguy cơ	173	556	1032	46	1807	22,6
Chuyển gửi người đến Tổ chống lao khám bệnh và chụp x quang	246	556	0	46	848	21,2
Thu thập & vận chuyển mẫu đờm	171	556	1134	29	1890	23,62
Thu dung điều trị	38	100	16	24	178	6,8
Tái khám và mang đàm kiểm soát 1	112	301	308	189	910	34,89
Tái khám và mang đàm kiểm soát 3	60	163	166	106	495	18,98
Thu dung điều trị lao tiềm ẩn	32	0	25	0	57	17
Hoàn thành điều trị lao tiềm ẩn	27	0	16	2	45	13,40
Chụp x quang tại Tổ chống lao	246	162	0	46	454	8,10
Hỗ trợ đi lại cho người nghỉ lao đến chụp x quang tại Tổ chống lao	246	162	0	46	454	8,10

- Tổ chức X-quang lưu động sàng lọc lao tại cộng đồng: Trong tháng 5 và 6, tổ chức được 10 ngày x quang lưu động tại 18 phường có nhiều người nguy cơ mắc lao của 4 quận thuộc Chương trình. Đã chụp được 3,914/5,600 người kế hoạch năm 2022, đạt tỷ lệ 69,90%. Sẽ cố gắng tăng cường hoạt động x quang lưu động trong 6 tháng còn

lại. Việc thu mẫu đàm sau chụp còn nhiều khó khăn, vẫn chưa thu hết được đàm của người có hình ảnh x quang nghi lao do người bệnh nói không có đàm, bận công việc...Nhân viên y tế đang cố gắng thuyết phục lấy mẫu đàm. Đối với những trường hợp x quang nghi lao nhưng xét nghiệm đàm âm tính sẽ theo dõi và xét nghiệm đàm tiếp.

Nội dung	Quận 1	Bình Thạnh	Bình Tân	Tân Phú	Tổng số
Số người chụp X-quang	1.859	770	810	475	3.914
Số lượng x quang bất thường nghi lao	124	57	97	70	348
Số mẫu đàm đã thu	94	57	97	70	318
Số mẫu đàm đã làm xpert	94	57	97	70	318
Tổng số xpert dương tính	11	7	9	1	28
MTB không kháng	7	4	9	1	21
MTB Kháng	2	1	0	0	3
MTB vết	2	2	0	0	4
Số đã thu dung	9	7	9	1	26

- Các TYT đã thực hiện các buổi truyền thông câu lạc bộ phòng chống lao trong cộng đồng cho đối tượng nguy cơ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân và trong các buổi XQ lưu động tầm soát lao. Kết quả ghi nhận theo báo cáo của 4 quận, tổng cộng 231 buổi và 6,871 lượt người tham dự. Đạt tỷ lệ 30,40% số buổi theo kế hoạch năm 2022.

Câu lạc bộ phòng chống lao	Quận 1	Bình Thạnh	Bình Tân	Tân Phú	Tổng số	Đạt tỷ lệ % /2022
Số buổi truyền thông	49	120	38	24	231	38,5
Số người tham dự	1,391	3600	1140	740	6,871	38,17

- Mua sắm Trang thiết bị truyền thông: Tiếp tục mua thẻ nạp sim của máy tính bảng hàng tháng cho cộng tác viên. Đã hoàn thành hệ thống thông tin địa lý GIS cho Chương trình. Dựa vào đó để chọn điểm X-quang lưu động.
- Thiết kế và sản xuất tài liệu truyền thông: Đã in và phân phối các loại ấn phẩm truyền thông đến các tổ chống lao và trạm y tế.
- Giám sát hoạt động dự án tại các tổ chống lao: Trong 6 tháng đã đi giám sát 30 lần.

Thuận lợi

- Ban Quản lý dự án Quỹ Toàn cầu hướng dẫn sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Quản lý tiểu dự án tại TP.HCM triển khai dự án.
- Ban giám đốc các trung tâm y tế rất ủng hộ và tạo điều kiện để triển khai Chương trình.

- Tổ chống lao các quận tích cực tham gia các hoạt động và chủ động hướng dẫn mạng lưới cộng tác viên triển khai hoạt động.

Khó khăn:

- Theo kế hoạch, kết quả hoạt động tiểu dự án năm 2021 chưa đạt định mức do bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 toàn thành phố.
- Trong năm 2022, các hoạt động tương đối đều nhưng chưa đạt yêu cầu của kế hoạch do nhiều nguyên nhân như: nhân sự trạm y tế biến động giảm vì nhiều khó khăn, chuyên trách lao thay đổi theo quy trình luân chuyển cán bộ, nhân sự phòng chống lao chưa quen chủ động tầm soát lao, tổ chống lao chưa tập trung nhiều cho Chương trình.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chống lao/Trung tâm y tế thực hiện chỉ tiêu năm 2022 và bù cho các chỉ tiêu chưa thực hiện trong năm 2021:

- Tăng cường hoạt động hỗ trợ cộng đồng phát hiện bệnh lao tại phòng khám lao.
- Tổ chức các buổi x quang lưu động tầm soát lao tại cộng đồng (1-2 lần/quý/quận).
- Lồng ghép tổ chức các buổi truyền thông câu lạc bộ phòng chống lao với các chương trình khác tại các khu vực nguy cơ cao.

10. Trung tâm nghiên cứu môi trường và sức khỏe (CEHS)

Năm 2022 Trung tâm nghiên cứu môi trường và sức khỏe (CEHS) mở rộng địa bàn triển khai dự án thêm tỉnh Hòa Bình bằng kinh phí kết dư từ năm 2021 và đổi địa bàn dự án từ Gia Lai sang Phú Thọ. Năm nay hoạt động gặp nhiều thuận lợi trong quá trình triển khai do tình hình dịch bệnh Covid-19 giảm mạnh, đi lại thuận tiện và sự nhiệt tình tham gia của các địa phương.

- Triển khai hội thảo định hướng và xây dựng kế hoạch tiểu Dự án Quỹ toàn cầu phòng chống lao CEHS tại Hòa Bình
- Tập huấn cho CBYT tuyến tỉnh, huyện và xã tỉnh Hòa Bình về sàng lọc phát hiện, điều trị quản lý lao, lao tiềm ẩn; Tập huấn cho các bác sĩ Bệnh viện đa khoa, phòng khám đa khoa ngoài hệ thống chống lao tham gia phối hợp y tế công tư (PPM) tại Hòa Bình
- In ấn, phân phối tài liệu truyền thông về sàng lọc lao chủ động và lao tiềm ẩn: Tờ rơi cảnh giác với lao tiềm ẩn (số lượng 20.000 tờ), Tờ rơi Phát hiện sớm và tuân thủ điều trị bệnh lao (20.000 tờ)
- Các hoạt động phát hiện chủ động đã triển khai xong tại thực địa ở các tỉnh: Bắc Giang, Hòa Bình, Kon Tum, Đắk Nông và Lâm Đồng. Phú thọ bắt đầu triển khai từ tháng 6/2022.

- Lâm Đồng bắt đầu triển khai sàng lọc lao tiềm ẩn từ quý 3/2020 sau khi nhận Tuberculin. Kon Tum 6 tháng đầu năm đưa vào điều trị 14 ca thuộc nhóm bệnh nhân HIV mới, sàng lọc trên diện rộng bắt đầu từ quý 3/2022 sau khi được nhận Tuberculin. Hòa Bình và Phú Thọ đang triển khai tuyên truyền, vận động những người có test Mantoux dương tính tham gia điều trị.

Một số kết quả chuyên môn:

Hoạt động sàng lọc chủ động:

Nội dung	Kon Tum	Bắc Giang	Lâm Đồng	Đắk Nông	Hòa Bình	Phú Thọ	Tổng
Tổng số người sàng lọc	8.016	4000	5.917	4.024	9.897	1.896	33.750
Tổng số phim chụp	7.926	4000	5.867	3.867	9.885	1.884	33.429
Tổng số phim có tổn thương nghi lao	819	147	636	379	770	97	2.848
Tổng số xét nghiệm Gen Xpert	1.288	800	1.080	594	1.908	335	6.005
Tổng số xét nghiệm dương tính	46	34	37	15	43	16	191
Tổng số xét nghiệm kháng R	01	4	01	0	2	01	9
Tổng số BN lao thu nhận và điều trị	65	147	37	15	38	15	317

Hoạt động lao tiềm ẩn:

Nội dung	Kon Tum	Bắc Giang	Lâm Đồng	Đắk Nông	Hòa Bình	Phú Thọ	Tổng
Tổng số người sàng lọc	14	537	0	558	465	441	2.015
Tổng số người tiêm Mantoux	0	537	0	358	373	441	1.709
Tổng số Mantoux dương tính	0	53	0	12	71	24	160
Tổng số BN LTA đưa vào điều trị	14	16	0	06	-	21	57

Hoạt động phối hợp y tế công tư (PPM):

Nội dung	Kon Tum	Bắc Giang	Lâm Đồng	Đắk Nông	Hòa Bình	Phú Thọ	Tổng
Số cơ sở y tế công tư ký cam kết với đơn vị chống lao tỉnh	13	28	09	15	6	18	89
Tổng số cán bộ y tế công tư được tập huấn	0	50	0	12	34	0	96
Tổng số người nghi lao	190	371	302	16	503	11	890

được các đơn vị phối hợp y tế công tư chuyển đến đơn vị chống lao tỉnh							
Tổng số bệnh nhân được chẩn đoán mắc lao	79	83	60	04	38	03	229

Thuận lợi

- CEHS đã có kinh nghiệm triển khai nhiều dự án sức khỏe cộng đồng.
- Ban quản lý tiểu dự án thành lập sớm và hoàn thiện nhân sự (8 cán bộ), trong đó có nhiều nhân sự có kinh nghiệm làm dự án QTC và chuyên ngành lao (2), có nhân sự về tốt về quản lý dữ liệu (1).
- Chuẩn bị sớm đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động: phòng làm việc, máy tính, hệ thống phòng họp trực tuyến, v.v.
- Liên kết phối hợp tổ chức CHAI về đào tạo các phần mềm phục vụ cho sàng lọc phát hiện chủ động và PPM.
- Có sự hỗ trợ kịp thời tích cực của các chuyên gia từ NTP.
- Linh hoạt chuyển đổi các hoạt động từ trực tiếp sang trực tuyến kịp thời trong bối cảnh dịch bệnh.
- Được sự hỗ trợ kịp thời của Văn phòng QTC trong hướng dẫn triển khai hoạt động, điều chỉnh địa bàn, cài đặt phần mềm BRAVO, v.v.
- Một số địa phương nhiệt tình tiếp nhận dự án, có sự chỉ đạo của lãnh đạo Sở y tế (Kon Tum/ Bắc Giang).

Khó khăn

- Khó khăn: tại một số CDC do tác động vụ Việt á nên sự chỉ đạo của lãnh đạo CDC cho các hoạt động của tiểu dự án không được tích cực. Hiệu quả hoạt động chuyên môn một số địa phương chưa cao.
- Cung cấp sinh phẩm Tuberculin của NTP chậm nên một số tỉnh không thể triển khai hoạt động sàng lọc lao tiềm ẩn
- Các tỉnh là CDC khó khăn trong việc hội chẩn để chẩn đoán các trường hợp lao không có bằng chứng vi khuẩn học.

Phương hướng triển khai năm 2022:

Các hoạt động phần mềm cơ bản đã hoàn thành cho đến cuối tháng 6/2022. Giai đoạn 6 tháng cuối năm CEHS tập trung vào:

- Hỗ trợ địa phương triển khai các hoạt động sàng lọc chủ động lao tiềm ẩn, đẩy mạnh hoạt động PPM.
- Tiếp tục giám sát hỗ trợ tại địa phương ở các hoạt động Lao tiềm ẩn, PPM và tài chính. Hỗ trợ chuyên môn và triển khai qua nhóm zalo. DALAO-CEHS.

- Thanh quyết toán tài chính.
- Cập nhật số liệu chuyên môn vào phần mềm ACIS.

11. Tổ chức Health Poverty Action tại Việt Nam (HPA)

Trong 6 tháng đầu năm 2022, HPA đã phối hợp chặt chẽ với 2 đơn vị là Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Đắk Lắk và Bệnh viện Phổi tỉnh Bình Thuận để thúc đẩy triển khai sớm các hoạt động, tăng cường hỗ trợ để 2 bệnh viện sớm trở lại các hoạt động chức năng khám chữa bệnh.

Do 4 tháng đầu năm 2022, tình hình dịch COVID-19 vẫn diễn biến phức tạp, các hoạt động của Dự án phần nào vẫn bị ảnh hưởng, nhất là liên quan đến việc triển khai mô hình FAST tại bệnh viện.

Thực tế, Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Đắk Lắk mới chỉ quay trở lại các hoạt động khám chữa bệnh theo chức năng từ tháng 4/2022. Do vậy kết quả hoạt động dự án chỉ thực sự được tăng cường từ tháng 4/2022 trở đi.

- Triển khai hội thảo khởi động dự án tại Đắk Lắk. Thông qua hội thảo, dự án đã phổ biến nội dung và Mô hình triển khai dự án; Vận động sự ủng hộ, hỗ trợ của các đối tác trung ương, địa phương về Mô hình phát hiện bệnh nhân lao mới trong cộng đồng của tổ chức HPA; đồng thời tăng cường sự quan tâm của lãnh đạo địa phương và các ban ngành liên quan trong công tác phòng chống lao hướng tới mục tiêu thanh toán bệnh lao vào năm 2030 tại Việt Nam.
- Phối hợp với hai bệnh viện, điều phối viên tuyến tỉnh và cán bộ thực địa tại tuyến huyện hoàn thiện đánh giá Mô hình FAST tại 21 bệnh viện và phát triển mô hình phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Báo cáo đánh giá đã được hoàn thiện và gửi đến 2 tỉnh dự án để làm căn cứ triển khai hiệu quả mô hình.
- Tập huấn mô hình FAST cho cán bộ y tế tại phòng khám ngoại trú của bệnh viện.
- Triển khai mô hình FAST tại 19 bệnh viện (17 bệnh viện huyện và 2 bệnh viện phổi tỉnh). Số mẫu được lấy bởi Mô hình FAST là 1,545 đạt 37,31% và phát hiện 354 bệnh nhân đạt 84,28% so với chỉ tiêu 6 tháng đầu năm.
- Tổ chức chiến dịch khám sàng lọc với nhóm dân số nguy cơ mắc lao cao. Bệnh viện phổi tỉnh Bình Thuận đã triển khai hoạt động khám sàng lọc 1X tại 21 xã/7 huyện, thành phố. Tổng số mẫu đờm được lấy được 758 mẫu đờm đạt 103.13% và phát hiện 25 bệnh nhân lao mới đạt 51.02%. Tại Đắk Lắk, đã thực hiện được 17/20 chiến dịch khám sàng lọc 1X, số mẫu đờm 573 đạt 81.86% và phát hiện 17 bệnh nhân đạt 35.42%. Chiến dịch khám sàng lọc 2X: Dự kiến thực hiện trên địa bàn 7 xã/phường của Thành phố Ban Mê Thuột vào tháng 08/2022.
- Triển khai hoạt động điều tra người tiếp xúc được thực hiện bởi cán bộ thực địa FO: Số mẫu đờm được lấy 1,457 đạt 85.2% và phát hiện 136 bệnh nhân lao mới đạt 119.29% so với chỉ tiêu 6 tháng đầu năm 2022.

- Điều tra tiếp xúc gần và lấy mẫu đờm xét nghiệm lao được thực hiện bởi cán bộ trạm y tế/nhân viên y tế thôn bản/Bệnh nhân lao được điều trị khỏi. Số mẫu đờm được lấy là 337 đạt 42.23% và phát hiện 7 bệnh nhân lao mới đạt 12.28%.
- Phối hợp y tế công tư trong phòng chống lao: Số mẫu lấy được là 38 chiếm 16.66% và phát hiện 15 bệnh nhân chiếm 78.94%.

Kết quả theo chỉ số dự án trong kỳ báo cáo:

STT	Hoạt động	Kết quả	Tỷ lệ đạt so với mục tiêu cùng kỳ
1	Tổng số mẫu đờm được lấy	4,811	59.28%
2	Tổng số bệnh nhân lao được phát hiện	554	78.35%
3	Số người tiếp xúc gần với bệnh nhân lao/người tại cộng đồng có biểu hiện nghi lao được điều tra và lấy mẫu đờm	3,266	84%
4	Tổng số người tiếp xúc với bệnh nhân lao/người trong cộng đồng nghi lao được điều tra tiếp xúc gần	13,064	84%
5	Số lượt nhân viên y tế/tình nguyện viên được đào tạo	160	94%
6	Giám sát hỗ trợ (số lượt) của trung ương và tuyến tỉnh	5	50%

Kết quả hoạt động dự án 6 tháng đầu năm 2022 theo địa bàn tỉnh:

Tỉnh	Mẫu đờm			Bệnh nhân phát hiện		
	Chỉ tiêu	Thực tế	% đạt được	Chỉ tiêu	Thực tế	% đạt được
Đắk Lắk	4,602	2,507	54.48%	414	253	61.11%
Bình Thuận	3,513	2,304	65.58%	293	301	102.73%
Tổng	8,115	4,811	59.28%	707	554	78.35%

Tồn tại:

- Do diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19 tại 2 tỉnh Bình Thuận và Đắk Lắk trong 4 tháng đầu năm 2022 nên ảnh hưởng đến kết quả lấy mẫu đờm và phát hiện bệnh nhân mới trong 6 tháng đầu năm. Cụ thể như sau:
 - o Mẫu đờm: Tổng số mẫu đờm được lấy là 4,811 và đạt 59.28%;
 - o Phát hiện bệnh nhân: Tổng số bệnh nhân được phát hiện là 554 và đạt 78.35%.
- Bình Thuận chưa nhận được máy GeneXpert do chưa có Quyết định về định mức trang thiết bị do Sở Y tế tỉnh ban hành;

- Hoạt động đánh giá nguy cơ mắc lao đối với những người tiếp xúc bệnh nhân lao chỉ điểm/người nghi lao tại cộng đồng của Y tế xã/y tế thôn bản còn chưa hiệu quả, chưa xác định được đúng đối tượng;
- Cán bộ y tế từ tuyến huyện đến tuyến xã chưa lồng ghép hoạt động truyền thông vào các hoạt động lấy mẫu đờm của dự án;
- Địa phương chưa nhận được khẩu trang N95 (do BVP TƯ hỗ trợ mua sắm);
- Các chiến dịch sàng lọc tại cộng đồng 1X thực hiện chưa thực sự hiệu quả do quy trình triển khai chưa lồng ghép các hoạt động truyền thông về lao, cách hướng dẫn lấy mẫu đờm và bố trí nơi lấy mẫu đờm chưa thực sự tốt, vì vậy tỷ lệ phát hiện ca lao trong các chiến dịch chưa cao như kì vọng.
- Cán bộ chuyên trách lao tuyến xã/Y tế thôn bản chưa nhiệt tình tham gia vào các hoạt động dự án.
- Tháng 4/2022, do có sự triển khai chồng chéo hoạt động sàng lọc phát hiện lao chủ động của 2 đơn vị tại tỉnh Đắk Lắk là Tổ chức HPA và Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến phát triển cộng đồng, HPA đã đề xuất và được Bệnh viện Phổi trung ương phê duyệt về việc dừng hoạt động tại 2 huyện Ea Hleo và Ea Kar. Toàn bộ kinh phí kết dư do việc dừng hoạt động tại 2 huyện này đã được điều chỉnh để triển khai chiến lược khám sàng lọc 2X ở thành phố Buôn Ma Thuột. Dự kiến chiến dịch này sẽ được triển khai vào tháng 7 và 8/2022 để tăng cường phát hiện chủ động các ca lao tại cộng đồng

Khó khăn:

- Năng lực điều phối các hoạt động tại tuyến huyện của một số cán bộ thực địa FO còn yếu và chưa huy động hết các nguồn lực sẵn có trong cộng đồng;
- Cán bộ y tế từ tuyến huyện, xã, y tế thôn bản phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các hoạt động dự án;
- Bệnh viện lao tuyến tỉnh được huy động điều trị COVID19 trong những tháng đầu năm nên ảnh hưởng đến quá trình khám, phát hiện bệnh nhân lao ở giai đoạn đầu năm;
- Tỷ lệ bệnh nhân có triệu chứng lao đến khám tại các cơ sở y tế bị giảm, chưa phục hồi so với trước khi dịch COVID19 diễn ra;
- Sự kỳ thị đối với bệnh nhân lao và người nhà vẫn còn tồn tại trong cộng đồng nên ảnh hưởng đến hoạt động lấy mẫu, việc này cần chú trọng hơn trong các hoạt động truyền thông tại cộng đồng để nâng cao nhận thức của người dân;
- Số lượng điểm xét nghiệm GeneXpert tại hai tỉnh quá ít nên đã ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển mẫu;
- Quy trình mua sắm vật tư tiêu hao mất thời gian nên đã ảnh hưởng đến tiến độ thu thập mẫu đờm tại cộng đồng.

Giải pháp đã thực hiện

- Tăng cường trao đổi thông tin, cập nhật tình hình triển khai dự án với các cán bộ FO bằng hình thức online hàng ngày, hành tuần nhằm nâng cao năng lực trong điều phối và lập kế hoạch các hoạt động dự án trên địa bàn huyện và hỗ trợ tuyến xã/y tế thôn bản hiểu được ý nghĩa các hoạt động dự án;
- Tổ chức họp giao ban trực tuyến với 2 đơn vị bệnh viện để kịp thời cập nhật tiến độ, trao đổi những khó khăn/thách thức để đưa ra các giải pháp phù hợp và kịp thời;
- Thực hiện lồng ghép kế hoạch triển khai hoạt động của dự án với kế hoạch triển khai chương trình chống lao cấp huyện nhằm tăng cường hiệu quả các hoạt động, tránh chồng chéo các hoạt động.
- Tăng cường giám sát hoạt động dự án tại hai tỉnh qua báo cáo, cập nhật số liệu online, trao đổi trực tiếp;
- Thiết lập hệ thống theo dõi giám sát phù hợp và kịp thời hỗ trợ các huyện khi chỉ số không đạt tiến độ;
- Thực hiện tập huấn trực tiếp cho các cán bộ thực địa và đại diện các Trung tâm y tế, phòng xét nghiệm của các bệnh viện tuyến huyện, đại diện các tổ chống lao tuyến huyện về việc triển khai mô hình FAST tại bệnh viện nhằm tăng cường việc thực hiện hiệu quả mô hình, tăng tỷ lệ phát hiện ca lao;
- Thực hiện tập huấn nâng cao kiến thức chung về lao, quy trình lấy mẫu đờm và các kỹ năng lập kế hoạch tốt cho cán bộ thực địa, nhằm giúp các học viên triển khai hiệu quả các hoạt động của Dự án.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

Để hoàn thành kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022, BQL Tiểu Dự án dự kiến triển khai các giải pháp sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh liên lạc và trao đổi thông tin với các đối tác liên quan và đề xuất các giải pháp phù hợp, kịp thời;
- Tiếp tục tăng cường trao đổi và hỗ trợ cán bộ tại địa phương thông qua liên hệ trực tuyến hoặc gọi điện thoại trực tiếp;
- Họp giao ban (trực tuyến) với lãnh đạo hai bệnh viện tỉnh hàng quý, nếu trong trường hợp cần, có thể là 1 tháng/lần để cập nhật kết quả và đưa ra các giải pháp phù hợp;
- Tổ chức hội thảo điều phối phân tích thành công và thách thức của các phòng khám ngoại trú và chia sẻ thực hành FAST vào quý III năm 2022;

- Tăng cường lồng ghép các hoạt động truyền thông phòng chống lao vào các hoạt động của Dự án nhằm nâng cao nhận thức của người dân về bệnh lao, giảm kỳ thị cộng đồng, từ đó tăng cường hiệu quả phát hiện chủ động các ca lao tại cộng đồng;
- Xây dựng các nội dung truyền thông phòng chống bệnh lao để hướng dẫn các cán bộ địa phương lồng ghép trong các hoạt động tại cộng đồng;
- Liên tục cập nhật tiến độ hoạt động theo tuần, tháng, quý trên nhóm trực tuyến của cán bộ thực địa và lãnh đạo hai bệnh viện để có sự điều chỉnh phù hợp;
- Điều chỉnh các hoạt động của dòng ngân sách đảm bảo phù hợp tình hình thực tế;
- Huy động sự tham gia của cán bộ y tế tuyến xã/y tế thôn bản trong lập danh sách những người có nguy cơ mắc lao cao tại cộng đồng và tham gia lấy mẫu đờm bằng cách phối hợp chặt chẽ với các Trung tâm Y tế tuyến huyện để lồng ghép các hoạt động trong các buổi giao ban hàng tháng giữa tuyến huyện và tuyến xã, triển khai hoạt động thông qua sự hỗ trợ của tổ chống lao và trung tâm y tế huyện;
- Thực hiện giám sát trực tiếp tại các huyện có mô hình FAST triển khai chưa hiệu quả, trao đổi trực tiếp với lãnh đạo các Trung tâm y tế huyện để tăng cường sự hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai mô hình FAST tại huyện;
- Rà soát ngân sách kết dư trong 6 tháng đầu năm 2022 để xây dựng kế hoạch triển khai các chiến lược sàng lọc 1X tại các địa bàn trọng điểm, đồng thời xây triển khai xen kẽ các hoạt động khám sàng lọc 2X nhằm tăng cường hiệu quả nguồn lực tại Đắk Lắk và Bình Thuận;
- Tập huấn nâng cao năng lực cho hệ thống y tế tuyến cơ sở

12. Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phát triển Cộng đồng (SCDI)

- Triển khai chiến lược chủ động sàng lọc và xét nghiệm các đối tượng có nguy cơ cao nhằm tăng thông báo ca bệnh lao và giảm tỷ lệ người mắc lao thông qua 2 mô hình:
 - Mô hình 1: chủ động sàng lọc sử dụng xe XQ lưu động để tìm ca lao hoạt động theo chiến lược 2X tại các tỉnh: Bà Rịa Vũng Tàu, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Hải Phòng. Thực tế 6 tháng đầu năm tập trung vào sàng lọc tại các tỉnh Tây Nguyên, máy móc và thiết bị chưa đủ để triển khai tại nhiều điểm cùng lúc. Tại các tỉnh Duyên hải, 6 tháng đầu năm tập trung vào triển khai kế hoạch với các đối tác.

Bảng tổng hợp Kết quả sàng lọc chủ động lao và lao tiềm ẩn sử dụng xe XQ lưu động

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả
1	Số tỉnh triển khai hoạt động (Hải Phòng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, BR-VT)	Tỉnh	5	4
2	Số cuộc sàng lọc chủ động sử dụng xe XQ lưu động	Cuộc	66	33
3	Số người được sàng lọc bằng bảng hỏi	Người	23,100	18,433
4	Trung bình số người được sàng lọc trong 1 buổi sàng lọc chủ động	Người	700	369
5	Tổng số người được chụp XQ trong các cuộc sàng lọc chủ động	Người	23,100	12,178
6	Số người được làm xét nghiệm GeneXpert	Người	2,339	1,218
7	Số người được chẩn đoán xác định là lao hoạt động	Người	171	61
8	Tổng số người được làm xét nghiệm Mantoux	Người	7,665	1,123
9	Tổng số người được đọc kết quả xét nghiệm Mantoux	Người	-	956
10	Tổng số người được chẩn đoán là Lao tiềm ẩn	Người	1,022	123

- Mô hình 2: Sàng lọc chủ động dựa vào mạng lưới cộng đồng phòng chống lao (CSET). CSET phối hợp với các tổ lao để tiếp cận và sàng lọc bằng bảng hỏi cho những người có nguy cơ cao trong cộng đồng. CSET chuyên gửi khách hàng đến cơ sở y tế làm xét nghiệm Mantoux để phát hiện nhiễm lao. Khách hàng được chụp XQ/ lấy đờm và chuyển đến điểm thu nhận đờm hoặc đến khoa vi sinh Bệnh viện để làm xét nghiệm Gen-Xpert. Trong 6 tháng đầu năm dự án tập trung vào xây dựng nội dung kỹ thuật cho mạng lưới lao, kết nối, thảo luận với các đối tác để đưa ra phương án, mô hình phù hợp. Các nhóm cộng đồng được thành lập và thực hiện sàng lọc, chuyển gửi và hỗ trợ người mắc lao và nhiễm lao tiềm ẩn. Các nhóm đã được đào tạo đầy đủ kiến thức cơ bản về Lao, mục tiêu và các hoạt động của dự án cũng như các công cụ hỗ trợ để thực hiện hoạt động và báo cáo.

- ✓ **Tại Hải Dương**, nhóm CBO Niềm Tin Hải Dương gồm 6 thành viên hoạt động trên địa bàn tỉnh Hải Dương, đã chuyển gửi 79 khách hàng đi sàng lọc và phát hiện ra 18 ca lao hoạt động.
- ✓ **Tại Thái Bình**, nhóm CBO gồm 4 thành viên hoạt động trên địa bàn Thành phố Thái Bình, huyện Quỳnh Phụ và huyện Đông Hưng từ tháng 3/2022, dự kiến nhóm tại Thái Bình sẽ tìm ra 40 ca lao hoạt động trong năm 2022. Đến hết tháng 6, nhóm đã tìm ra 8 ca lao hoạt động trong số 16 khách hàng chuyển gửi.

- ✓ **Tại Nghệ An**, nhóm CBO gồm 7 thành viên hoạt động trên địa bàn thành phố Vinh và các huyện lân cận, nhóm thành lập từ tháng 5/2022 và dự kiến tìm ra 56 ca lao hoạt động trong năm. Đến thời điểm hiện tại nhóm đã chuyển gửi 40 khách hàng đi làm các xét nghiệm XQ, xét nghiệm Gen-xpert và phát hiện ra 15 ca lao hoạt động.

Bảng kết quả sàng lọc chủ động theo Mô hình 2

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Kết quả
1	Số tỉnh triển khai hoạt động	Tỉnh	4	3
2	Tổng số CBO tham gia	Người	20	11
3	Số người được sàng lọc	Người	250	500
4	Số người được chuyển gửi chụp XQ	Người	250	148
5	Số người được chuyển gửi làm xét nghiệm Gen Expert	Người	250	148
6	Tổng số người được Chẩn đoán xác định là lao hoạt động	Người	120	42

- Chuyển gửi điều trị các ca lao hoạt động và lao tiềm ẩn: bệnh nhân lao được đưa vào điều trị bao gồm những bệnh nhân được phát hiện từ cuối năm 2021 và trong 6 tháng đầu năm 2022, hiện đã hỗ trợ đưa vào điều trị 87 bệnh nhân lao trong tổng số 122 bệnh nhân được phát hiện. Đối với lao tiềm ẩn, đã vận động đưa được 99 bệnh nhân vào điều trị trong 6 tháng đầu năm. Hiện các bệnh nhân này vẫn đang trong quá trình điều trị (Hải Phòng 53 khách hàng là bệnh nhân của hai phòng Methadone An Hưng, An Lão và Thủy Nguyên, Nghệ An 6 khách hàng là người dân tại TP. Vinh, Trung tâm cai nghiện Bà Rịa – Vũng Tàu 40).
- Hỗ trợ xã hội cho khách hàng điều trị lao và lao tiềm ẩn: Người điều trị lao và lao tiềm ẩn có hoàn cảnh khó khăn hoặc gặp khó khăn về giấy tờ tùy thân... sẽ được dự án hỗ trợ trong quá trình điều trị, giảm thiểu tối đa các yếu tố làm ảnh hưởng đến quá trình điều trị và tuân thủ điều trị của bệnh nhân. Trong 6 tháng dự án đã hỗ trợ mua Bảo hiểm y tế cho 06 bệnh nhân và hỗ trợ dinh dưỡng cho 12 Bệnh nhân và đưa 3 bệnh nhân vào điều trị Methadone.

Kết quả kết nối và hỗ trợ điều trị

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
1	Số ca lao hoạt động được phát hiện 6 tháng đầu năm (Bao gồm cả 2 mô hình)	Người	103
2	Số ca lao hoạt động được phát hiện trong 6 tháng đầu năm được đưa vào điều trị	Người	98

3	Số ca lao được phát hiện cuối năm 2021 được đưa vào điều trị trong 6 tháng đầu năm 2022	Người	11
4	Số Lao tiềm ẩn đủ điều kiện điều trị trong 6 tháng đầu năm (Bao gồm cả 2 mô hình)	Người	123
5	Số ca lao tiềm ẩn đủ điều kiện điều trị trong 6 tháng đầu năm được đưa vào điều trị	Người	68
6	Số ca lao đủ điều kiện điều trị cuối năm 2021 được đưa vào điều trị trong 6 tháng đầu năm 2022	Người	67
7	Số khách hàng được hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế	Người	10
8	Số khách hàng được hỗ trợ tiếp tục điều trị	Người	31

- Nâng cao năng lực cho CSET và nhân viên y tế thông qua tập huấn cung cấp kiến thức và năng lực (242 người); Lồng ghép Phối hợp tổ chức 02 cuộc hội thảo thống nhất với đối tác tuyến tỉnh Đak Lawk và Gia Lai (lồng ghép với nguồn kinh phí dự án khác của SCDI); Tổ chức họp thống nhất với đối tác tuyến huyện.
- Xây dựng, in ấn và phổ biến tài liệu truyền thông phổ biến về mô hình sàng lọc lao, lợi ích của việc khám, phát hiện sớm bệnh lao, kiến thức cơ bản về lao... cho đội ngũ thực hiện và cộng đồng người hưởng lợi đã được dự án hoàn thành và cấp phát. Phát thanh truyền thông về lao trước và trong các cuộc sàng lọc chủ động sử dụng xe XQ di động. Dự án còn phối hợp đài phát thanh thôn, xã để tuyên truyền, thông tin đến các đối tượng nguy cơ tham gia khám sàng lọc

Thuận lợi:

- Được sự NTP hỗ trợ kịp thời và phối hợp chặt chẽ trong suốt quá trình triển khai hoạt động
- Hoạt động lao triển khai trên các tỉnh mà SCDI đã có mối quan hệ với đối tác vì thế các hoạt động của dự án nhận được sự hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ của các cơ quan đối tác tại địa phương
- Tại các tỉnh triển khai dự án đều có cán bộ đầu mối của SCDI phụ trách hoạt động vì thế việc kết nối, phối hợp với các đối tác tại địa bàn được thực hiện đều đặn tạo điều kiện để các hoạt động diễn ra thuận lợi
- Hiện các nhóm CBO và mạng lưới đều đang thực hiện tại địa bàn quen thuộc nên nắm bắt được nhiều thông tin địa lý và tập tính của khách hàng.
- Cơ cấu tổ chức của các CBO cũng dựa trên nền tảng sẵn có và kinh nghiệm trong triển khai các dự án khác nên quá trình kết nối và thành lập không mất quá nhiều thời gian.

- Các cuộc sàng lọc được tổ chức tại các địa bàn SCDI đã có hệ thống cộng đồng hiểu địa bàn và phong tục tập quán vì thế thuận lợi trong việc huy động khách hàng tham gia

Khó khăn:

- Do có nhiều bờ ngõ trong triển khai và thanh quyết toán các hoạt động nên SCDI mong muốn được Chương trình và Kế toán của Dự án hỗ trợ đặc biệt là các quy định, thủ tục liên quan chứng từ thanh quyết toán
- Nhiều tỉnh triển khai dự án, các đối tác (đặc biệt là các đối tác tuyến huyện và xã) còn có hạn chế năng lực về lao tiềm ẩn. Kiến nghị: tăng cường tập huấn, cung cấp kiến thức, thực hành cho cán bộ tuyến huyện, và xã về Lao tiềm ẩn
- Đối với khách hàng: Nhìn chung kiến thức về Lao tiềm ẩn còn hạn chế. Lao tiềm ẩn không có triệu chứng, trong thời gian điều trị thường có tác dụng phụ nên việc vận động, thuyết phục, kết nối và hỗ trợ hoàn thành điều trị lao tiềm ẩn còn gặp nhiều khó khăn và tốn thời gian. Kiến nghị: tăng truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ y tế về lao tiềm ẩn
- Hợp đồng giữa SCDI và NTP được ký theo năm và thường chậm. Kiến nghị được ký hợp đồng theo giai đoạn để chủ động triển khai hoạt động.
- Tại các tỉnh tây Nguyên, địa bàn địa án rộng nên việc tiếp cận mời khách hàng đi sàng lọc chủ động và kết nối điều trị mất nhiều công sức, thời gian và chi phí đi lại tăng đáng kể so với cùng nội dung hoạt động được diễn ra ở các tỉnh khác
- Tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Chương trình trong quá trình triển khai hoạt động.

Phương hướng triển khai năm 2022:

- Đẩy mạnh mô hình sàng lọc lao tại cộng đồng sử dụng CSET tại tất cả các tỉnh. Lồng ghép với các dự án SCDI đang triển khai
- Đẩy mạnh củng cố và kết nối mạng lưới cộng đồng tham gia chấm dứt bệnh lao.
- Đẩy mạnh hỗ trợ các ca bệnh lao và lao tiềm ẩn vào điều trị và điều trị khỏi.
- Tiếp tục triển khai các hoạt động sàng lọc chủ động sử dụng xe XQ di động tại các tỉnh Hải Phòng, Nghệ An, Thái Bình, Gia Lai, Đak Lak và Đak Nông. Bổ sung thêm tỉnh Bình Phước trong triển khai hoạt động này.

13. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Công tác tuyên truyền phòng chống lao

Tập huấn cho hội viên, phụ nữ tuyến huyện về phòng chống lao, phòng ngừa lao đa kháng thuốc, giảm kỳ thị cộng đồng tại Quảng Bình với sự tham gia của Hội LHPN các tỉnh: Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Tại lớp tập huấn,

các đại biểu đã được cung cấp những kiến thức về bệnh lao, phòng ngừa lao đa kháng thuốc và giảm kỳ thị cộng đồng nhằm triển khai hiệu quả chương trình chống lao năm 2022, định hướng tuyên truyền gắn với xây dựng “Gia đình có sức khỏe”.

Hỗ trợ Hội LHPN 12 tỉnh/thành (Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Hoà Bình, Hải Phòng, Tuyên Quang, Lai Châu, Bắc Giang, Thái Nguyên, Thái Bình, Quảng Trị, Khánh Hoà) triển khai tập huấn, lồng ghép các nội dung về phòng chống lao vào hoạt động thường kỳ tại cơ sở. Thông qua các lớp tập huấn đại biểu được bồi dưỡng nâng cao kiến thức về phòng chống lao, hướng dẫn kỹ năng, phương pháp nâng cao hiệu quả tuyên truyền phòng chống dịch bệnh tại cơ sở, góp phần triển khai hiệu quả nội dung Gia đình có sức khỏe, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tập huấn TOT cho giảng viên nòng cốt về phòng chống lao, phòng ngừa lao đa kháng thuốc, giảm kỳ thị cộng đồng tại Quảng Bình và Bình Dương với sự tham gia của Hội LHPN 20 tỉnh/thành: TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận, Ninh Thuận, Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, An Giang, Phú Yên, Cà Mau; Lãnh đạo, cán bộ Hội LHPN tỉnh Bình Dương, đại diện cán bộ Hội Phụ nữ thành phố Thủ Dầu Một và một số quận nội thành. Tại lớp tập huấn, các đại biểu đã được cung cấp những kiến thức về bệnh lao, phòng ngừa lao đa kháng thuốc và giảm kỳ thị cộng đồng nhằm triển khai hiệu quả chương trình chống lao năm 2022, định hướng tuyên truyền gắn với xây dựng “Gia đình có sức khỏe”.

Công tác thăm hộ, hỗ trợ tư vấn tham gia và duy trì, tuân thủ điều trị bệnh nhân lao

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 và các dịch bệnh khác, các cấp Hội đã chủ động bám sát và kịp thời nắm bắt tình hình của hội viên, phụ nữ, duy trì thăm hỏi, động viên với các trường hợp hội viên, phụ nữ nhiễm lao (trực tiếp/quá điện thoại tùy theo tình hình dịch bệnh tại địa phương), đảm bảo kịp thời tư vấn giải quyết khó khăn, hỗ trợ nâng cao chất lượng đời sống, sức khỏe của hội viên tại 12 tỉnh/thành: Vĩnh Phúc, Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Hoà Bình, Hải Phòng, Tuyên Quang, Lai Châu, Bắc Giang, Thái Nguyên, Thái Bình, Quảng Trị, Khánh Hoà.

Thuận lợi:

- Các cấp Hội thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ trong chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ.
- Các hoạt động phòng chống lao 6 tháng đầu năm 2022 đã được chủ động triển khai gắn với nhiệm vụ trọng tâm của Hội, với nhiều chương trình, hoạt động hiệu quả, thiết thực, có sức lan toả trong cộng đồng.
- Hoạt động phòng chống lao của TW Hội LHPN Việt Nam nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện, chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Hội và ngành y tế, nhất là Bệnh viện Phổi Trung ương.

- Hội LHPN các cấp chú trọng nêu cao vai trò của phụ nữ trong công tác phòng chống lao. Đội ngũ cán bộ Hội và báo cáo viên, tuyên truyền viên là lực lượng nòng cốt trong tuyên truyền, giáo dục, vận động, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, hành động của gia đình và cộng đồng về công tác phòng chống lao trong tình hình hiện nay, góp phần đạt mục tiêu của Chương trình chống lao Quốc gia vào năm 2025, tầm nhìn đến 2030.

Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, với những biến thể mới và các dịch bệnh khác xuất hiện trong cộng đồng. Vì vậy, công tác thăm hỏi, vận động hội viên duy trì khám, điều trị và phát hiện các ca bệnh lao trong cộng đồng gặp nhiều khó khăn.
- Kinh phí triển khai các hoạt động phòng chống lao của Hội còn hạn chế, thực hiện chủ yếu thông qua việc lồng ghép vào các nội dung sinh hoạt, các hoạt động phòng chống dịch, chăm sóc sức khỏe của các chương trình, đề án nên chưa đạt được hiệu quả sâu rộng; công tác tập huấn, nâng cao kiến thức về phòng chống lao cho cán bộ, hội viên còn khó khăn.
- Đội ngũ cán bộ Hội cơ sở, chi hội trưởng hội phụ nữ, những người trực tiếp tư vấn, hỗ trợ, chuyển tải thông tin về phòng chống lao đến với hội viên, phụ nữ còn hạn chế về kỹ năng, kiến thức, phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên hiệu quả của công tác truyền thông chưa cao, chưa đồng đều giữa các vùng miền.

Phương hướng triển khai 6 tháng cuối năm 2022:

Phối hợp với Bệnh viện Phổi Trung ương triển khai các hoạt động:

- Truyền thông xây dựng các sản phẩm truyền thông về phòng chống lao tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet như kịch truyền thanh, phim ngắn, clip truyền thông; bộ tài liệu về bệnh lao phục vụ giảng dạy, tập huấn cho sinh viên Học viện phụ nữ trong các buổi ngoại khoá, sinh hoạt chuyên đề.
- Tập huấn về phòng chống lao và giảm kỳ thị trong cộng đồng cho cán bộ, hội viên, phụ nữ đảm bảo tất cả các đối tượng tại các tỉnh/thành phố được cung cấp kiến thức về bệnh lao và phòng chống lao, không để xảy ra tình trạng giấu bệnh, bỏ điều trị do thiếu kiến thức, sợ bị kỳ thị, xa lánh. Đồng thời tăng tỷ lệ phát hiện sớm, được tiếp cận với các dịch vụ y tế cần thiết, được tư vấn, giám sát tuân thủ điều trị với các trường hợp lao đa kháng thuốc trong cán bộ, hội viên, phụ nữ.
- Tiếp tục tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp Hội Phụ nữ trong triển khai công tác phòng chống lao, hướng đến mục tiêu xây dựng người Phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, gia đình hạnh phúc, bền vững.

- Phát huy vai trò của tổ chức Hội trong đề xuất chính sách liên quan đến sức khỏe phụ nữ, trẻ em; giám sát cộng đồng, phát hiện và kiến nghị xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm chế độ, chính sách ảnh hưởng quyền chăm sóc sức khỏe nhân dân trong đó có phụ nữ và trẻ em. Chủ động kết nối, khai thác nguồn lực đẩy mạnh công tác phòng chống lao cho phụ nữ, trẻ em một cách hiệu quả.
- Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể trong triển khai công tác phòng chống lao; trong giám sát, phản biện xã hội về công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng ngừa bệnh lao; có cơ chế thuận lợi để đẩy mạnh phối hợp hỗ trợ tăng cường phát hiện và điều trị sớm các ca nhiễm lao trong cộng đồng.

14. Dự án USAID – SET – Hỗ trợ kết thúc bệnh lao

Để tiếp tục hỗ trợ Việt nam trong nỗ lực chấm dứt bệnh lao vào năm 2030, tổ chức FHI 360 phối hợp với CTCLQG triển khai Dự án USAID Hỗ trợ Chấm dứt bệnh Lao (USAID - SET) nhằm hướng đến mục tiêu: 1) tăng cường năng lực hệ thống khám chữa bệnh lao, 2) cải thiện tiếp cận với các dịch vụ toàn diện về phát hiện, điều trị và dự phòng lao nhạy cảm, lao kháng thuốc và 3) thúc đẩy vai trò của địa phương trong ứng phó với bệnh lao thông qua hỗ trợ chuyển đổi sang thực hiện Bảo hiểm Y tế. Trong năm 2022, dự án đã triển khai tại 36 huyện (39 cơ sở y tế) thuộc 7 tỉnh trọng điểm bao gồm An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Nghệ An, Tây Ninh, Tiền Giang và Thái Bình. Theo đó “Chiến lược 2X” trong đó XQ ngược là chỉ định đầu tiên, tiếp theo là xét nghiệm GeneXpert - một chiến lược mang lại hiệu quả cao cho việc phát hiện ca lao hoạt động và lao tiềm ẩn ở cả hai mô hình tại cộng đồng và cơ sở y tế - tiếp tục là cách tiếp cận chính tại các tỉnh.

14.1. Tăng cường năng lực hệ thống khám chữa bệnh lao

14.1.1. Hỗ trợ xây dựng các chính sách văn bản hướng dẫn

a. Xây dựng Quy trình chuẩn/ hướng dẫn để cải thiện hoạt động quản lý lao kháng thuốc

Trong năm 2021, Dự án USAID SET đã hỗ trợ đơn vị PMDT-CTCLQG xây dựng Quy trình quản lý và theo dõi người bệnh lao kháng thuốc sau hoàn thành điều trị và Bảng kiểm, Hướng dẫn giám sát chuyên đề quản lý lao kháng thuốc thực hiện cho tất cả các tuyến. Tiếp theo, trong năm 2022 Dự án tiếp tục hỗ trợ CTCLQG triển khai thí điểm các quy trình nói trên và phát triển thêm các quy trình/ hướng dẫn mới bao gồm:

- Quy trình thực hiện giám sát chuyên đề quản lý lao kháng thuốc
- Quy trình điều trị ngoại trú ngay từ đầu cho BN lao kháng đa thuốc
- Quy trình thực hiện quản lý biến cố bất lợi của thuốc (aDSM) tại tuyến trung ương
- Cập nhật hướng dẫn quản lý lâm sàng tác dụng không mong muốn của thuốc (aDSM)

Các quy trình và hướng dẫn nói trên được hoàn thành và phê duyệt trong năm 2022 sẽ góp phần hỗ trợ CTCLQG cải thiện chất lượng quản lý điều trị lao kháng thuốc

b. Chính sửa Hướng dẫn quốc gia về phát hiện và điều trị bệnh lao (Quyết định 1314)

Hướng dẫn hiện hành về chẩn đoán và điều trị lao, ban hành theo quyết định số 1314/2020/QĐ-BYT ngày 26/3/2020 chưa đề cập đầy đủ và cụ thể đến các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến phát hiện, chẩn đoán, điều trị, quản lý theo dõi bệnh lao; đồng thời gần đây Tổ chức Y tế Thế giới cũng đã ban hành một số khuyến cáo mới liên quan đến chẩn đoán và điều trị lao. Chính vì vậy, việc cập nhật Hướng dẫn này là rất cần thiết. Trong năm 2022, Dự án đã thảo luận và hỗ trợ CTCLQG xây dựng kế hoạch cập nhật Hướng dẫn, đồng thời tổ chức các cuộc họp kỹ thuật đầu tiên để thống nhất về nội dung khung tài liệu và phân công công việc. Dự kiến đến cuối năm 2022, Hướng dẫn này sẽ được trình BYT phê duyệt và trở thành một tài liệu tham khảo hữu ích nhất đối với các cán bộ làm công tác chống lao trên toàn quốc.

c. Chính sửa hệ thống ghi chép báo cáo trong CTCLQG

Để cập nhật hệ thống sổ sách, biểu mẫu báo cáo chương trình chống lao phù hợp với thay đổi về hướng dẫn chuyên môn trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng lao và quản lý CTCL. Đồng thời tạo căn cứ pháp lý để sửa đổi biểu mẫu sổ sách, báo cáo trên hệ thống thông tin điện tử của chương trình chống lao Quốc gia (VITIMES). Trong 6 tháng đầu năm 2022, dự án đã phối hợp với CTCLQG xây dựng kế hoạch sửa đổi biểu mẫu báo cáo trình trưởng ban điều hành phê duyệt, phân công các chuyên gia soạn thảo, triển khai cuộc họp nhóm kỹ thuật quốc gia và tiến hành xây dựng dự thảo biểu mẫu sổ sách và báo cáo. Dự kiến đến cuối năm 2022, Hướng dẫn này sẽ được CTCLQG phê duyệt và ban hành.

d. Chuẩn hóa quy trình, tài liệu tập huấn và đảm bảo chất lượng xét nghiệm TST trong chẩn đoán lao tiềm ẩn”

Hoạt động phát hiện, chẩn đoán và điều trị lao tiềm ẩn là hoạt động ưu tiên của CTCLQG. Chính vì vậy, từ năm 2021, Dự án USAID-SET đã làm việc chặt chẽ với CTCLQG và các đối tác để hỗ trợ CTCLQG rà soát phân tích số liệu, cập nhật và điều chỉnh ngưỡng dương tính xét nghiệm Mantoux chẩn đoán Lao tiềm ẩn theo khuyến cáo mới của TCYTTG từ $\geq 10\text{mm}$ xuống $\geq 5\text{mm}$ trong nhóm NTX hộ gia đình với bệnh nhân lao”

Năm 2022, Dự án tiếp tục hỗ trợ CTCLQG thành lập nhóm kỹ thuật (TWG) để rà soát, chuẩn hóa Quy trình thực hiện và tài liệu tập huấn xét nghiệm TST chẩn đoán lao tiềm ẩn (bảo quản, vận chuyển, thực hiện tiêm, đọc và phiên giải kết quả TST). Bộ tài liệu đang được nhóm chuyên gia hoàn thiện để được thông qua và phê duyệt.

Bên cạnh đó trong 6 tháng đầu năm, Dự án đã phối hợp với nhóm TWG thực hiện đảm bảo chất lượng xét nghiệm TST tại 08 chiến dịch Phát hiện chủ động tại 5 tỉnh dự án nhằm nâng cao chất lượng tiêm, đọc, phiên giải kết quả TST tại cơ sở và áp dụng các khuyến nghị trong bộ tài liệu chuẩn hóa, giúp cho việc chuẩn hóa quy trình quốc gia.

14.1.2. Nâng cao năng lực mạng lưới CTCLQG

a. Hội nghị, tập huấn và giám sát hỗ trợ kỹ thuật

Dự án đã phối hợp với CTCLQG tổ chức trực tuyến Hội Nghị Tổng Kết Năm 2021 và Triển Khai năm 2022. Hội nghị đã có sự tham gia của Lãnh đạo CTCLQG, Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Vụ BHYT/Bộ Y tế, các Lãnh đạo và y bác sỹ thuộc các Bệnh viện Phổi tỉnh/TT Kiểm soát bệnh tật tỉnh và Bệnh viện/TTYT huyện triển khai Dự án thuộc 7 tỉnh. Thông qua hội nghị các đại biểu có cơ hội chia sẻ các thành quả đã đạt được, bài học kinh nghiệm có được sau 1 năm triển khai để tiếp tục triển khai dự án năm thứ 2 hiệu quả.

Dự án cũng đã hỗ trợ CTCLQG xây dựng quy trình triển khai và tài liệu tập huấn khám sàng lọc lao cho trẻ em, xây dựng kế hoạch tổ chức hội chẩn lâm sàng ca bệnh lao để tăng cường phát hiện và nâng cao chất lượng điều trị bệnh lao cho các tuyến, đặc biệt là lao trẻ em.

Bên cạnh đó, một số các khóa tập huấn đã được tổ chức cho 07 tỉnh dự án bao gồm: 05 khóa tập huấn về phát hiện chủ động/phát hiện tích cực ca lao và lao tiềm ẩn cho cán bộ tuyến huyện/tỉnh, 06 khóa tập huấn cho các cộng tác viên tham gia triển khai chiến dịch phát hiện chủ động bệnh lao tại cộng đồng, 02 khóa tập huấn về triển khai khám phát hiện bệnh lao cho trẻ em và 03 tập huấn về triển khai thí điểm quy trình theo dõi BN lao kháng đa thuốc sau hoàn thành điều trị. Ngoài ra, 03 tập huấn về sử dụng bảng kiểm giám sát chuyên đề lao kháng thuốc cho 63 tỉnh/TP cũng đã được tổ chức.

Thông qua các khóa tập huấn trên các chuyên gia của CTCLQG và cán bộ dự án đã chia sẻ, cập nhật các kiến thức mới về phát hiện, chẩn đoán, điều trị bệnh lao, các kỹ năng, kinh nghiệm để đảm bảo triển khai các mô hình mới của dự án hiệu quả

Để đảm bảo chất lượng triển khai các hoạt động theo đúng hướng dẫn của CTCLQG và dự án, 24 chuyến giám sát hỗ trợ kỹ thuật trực tiếp đã được thực hiện tới 07 tỉnh dự án tập trung vào hỗ trợ việc triển khai các hoạt động phát hiện điều trị bệnh lao, đảm bảo chất lượng tiêm TST trong chiến dịch cộng đồng, bảo hiểm y tế, hoàn thiện hệ thống VITIMES...

b. Cải Thiện Chất Lượng Liên Tục hoạt động phát hiện và điều trị lao

Nhằm tăng cường việc sử dụng số liệu báo cáo trong việc theo dõi quản lý cải thiện chất lượng chương trình, từ năm 2021 Dự án đã phối hợp với CTCLQG triển khai thí điểm mô hình Cải Thiện Chất Lượng Liên Tục (CTCLLT) tại 2 tỉnh Tây Ninh, Tiền Giang. Theo đó hàng quý, cán bộ tỉnh/ huyện sẽ phân tích số liệu, xác định vấn đề, tìm hiểu nguyên nhân gốc rễ và thảo luận các giải pháp khả thi, hiệu quả để giải quyết vấn đề nhằm cải thiện chất lượng triển khai các hoạt động phát hiện và điều trị bệnh lao. Trong năm 2022, Dự án tiếp tục mở rộng đến các tỉnh An Giang và Thái Bình. Trong 6 tháng đầu năm 2022, 03 cuộc họp CTCLLT đã được tổ chức tại các tỉnh Tây Ninh, Tiền Giang và An Giang. Chủ đề của các cuộc họp tập trung chủ yếu vào việc cải thiện chất lượng hoạt động phát hiện tích cực bệnh lao tại cơ sở y tế, chẩn đoán lao không có bằng

chứng vi khuẩn học để tăng cường sàng lọc lao, cải thiện chất lượng đọc XQ, tăng tỷ lệ phát hiện ca lao tại cơ sở y tế.

14.1.3 Các công cụ và cách tiếp cận mới:

a. Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI/DL) để cải thiện chất lượng đọc phim XQ

Từ năm 2021, thiết bị trí tuệ nhân tạo (qBox) đã được lắp đặt trên các xe XQ lưu động tại các chiến dịch phát hiện chủ động bệnh lao tại cộng đồng của 7 tỉnh dự án để hỗ trợ cán bộ chẩn đoán hình ảnh của tỉnh phối hợp đọc kết quả XQ cùng AI theo quy trình hướng dẫn của CTCLQG. Trong năm 2022, Dự án tiếp tục sử dụng AI trong 08 chiến dịch cộng đồng và triển khai tại 05 cơ sở y tế. Kết quả ban đầu cho thấy, trí tuệ nhân tạo (AI/DL) hứa hẹn giúp cải thiện chất lượng sàng lọc lao, tăng hiệu suất phát hiện ca lao.

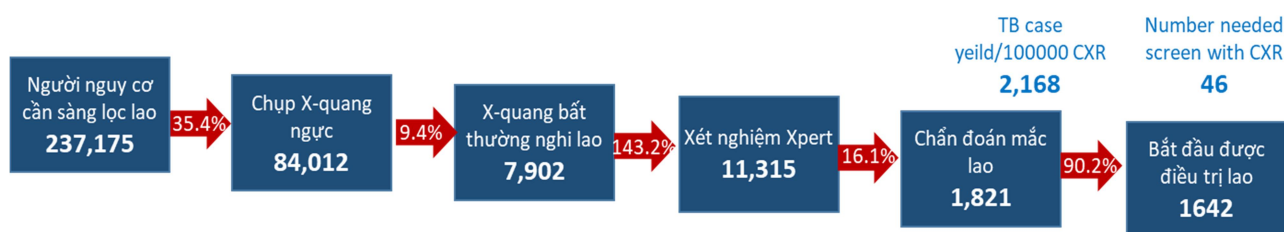
b. Phát triển công cụ sàng lọc lao tại cộng đồng bằng mã QR:

Nhằm hỗ trợ CTCLQG phục hồi công tác phát hiện bệnh lao sau đại dịch COVID, từ tháng 4/2022 Dự án đã phát triển công cụ sàng lọc lao tại cộng đồng bằng quét mã QR. Theo đó người dân có thể tự quét mã QR để sàng lọc, xác định nguy cơ mắc lao và được khuyến khích tìm đến cơ sở y tế gần nhất khám phát hiện bệnh lao sớm. Kết quả triển khai ban đầu cho thấy quét mã QR hứa hẹn là một công cụ hỗ trợ hiệu quả trong hoạt động sàng lọc và phát hiện sớm bệnh lao tại cộng đồng. Trong gần 2 tháng triển khai (tháng 5-6/2022) tại địa bàn các huyện dự án ghi nhận 1231 lượt người tự đánh giá nguy cơ thông qua quét mã QR, 302 người có nguy cơ đã đến cơ sở y tế để được khám, chụp X-quang ngực sàng lọc lao, 176 người được xét nghiệm Xpert, chẩn đoán 39 người mắc lao trong đó 34 người có bằng chứng vi khuẩn học.

14.2. Cải thiện tiếp cận dịch vụ toàn diện

Trong năm 2022, Dự án USAID-SET tiếp tục phối hợp với CTCLQG triển khai chiến lược 2X và các mô hình linh hoạt nhằm tăng cường khám phát hiện lao hoạt động và lao tiềm ẩn tại cơ sở y tế và cộng đồng. Trong 5 tháng đầu năm, thông qua các can thiệp của dự án, 1821 ca lao đã được phát hiện, chiếm 16,1% số BN được làm xét nghiệm GeneXpert. 1642 ca được đưa vào điều trị đạt 90.2%.

Kết quả phát hiện ca bệnh lao tại 7 tỉnh Dự án, tháng 1- tháng 5/2022



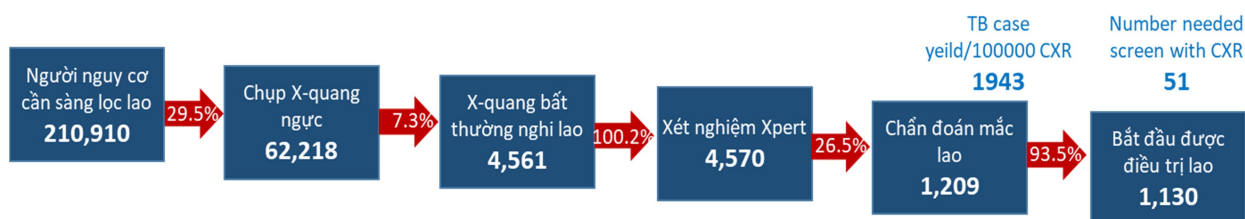
14.2.1. Hoạt động phát hiện tích cực ca lao tại cơ sở y tế (ICF)

Mô hình phát hiện tích cực ca lao tại cơ sở y tế được thực hiện tại 39 cơ sở y tế, tập trung vào các nhóm đối tượng chính: (1) bệnh nhân khám ngoại trú với các triệu chứng hô hấp (2) bệnh nhân bệnh phổi nội trú (3) bệnh nhân tiểu đường có nguy cơ mắc lao (4)

nhóm nguy cơ cao bao gồm người trên 60 tuổi, Người hút thuốc, người sử dụng đồ uống có cồn được sàng lọc triệu chứng và đánh giá nguy cơ mắc lao

Trong 5 tháng đầu năm, chiến lược 2X tại cơ sở y tế (ICF) đã phát hiện 1.209 ca lao bằng xét nghiệm GeneXpert (1943 trên 100.000 phim XQ ngực). Nhóm bệnh nhân hô hấp ngoại trú có số lượng phát hiện cao nhất với 783 ca (65%).

Kết quả hoạt động phát hiện tích cực ca lao tại cơ sở y tế, tháng 1-tháng 5/2022



14.2.2. Hoạt động phát hiện chủ động ca lao và lao tiềm ẩn (ACF) tại cộng đồng và CSYT

08 chiến dịch ACF cộng đồng tại các huyện Thoại Sơn, Phú Tân và Tân Châu – An Giang, Châu Thành- Tiền Giang, Vĩnh Thạch- Cần Thơ, Dương Minh Châu, Tân Biên và Tân Châu - Tây Ninh đã được triển khai. Chiến dịch đã sàng lọc bệnh lao cho các người tiếp xúc hộ gia đình của bệnh nhân lao phổi được chẩn đoán từ năm 2020-2021, các nhóm nguy cơ cao bao gồm: người già trên 60 tuổi, bệnh nhân tiểu đường, người hút thuốc lá, người mắc bệnh nền hoặc bệnh hô hấp mãn tính và nhóm bệnh nhân lao cũ đã hoàn thành điều trị. Tổng cộng, phát hiện được 323 ca lao hoạt động và 993 ca lao tiềm ẩn.

Kết quả 07 chiến dịch phát hiện bệnh lao lao tiềm ẩn chủ động tại cộng đồng

Tỉnh	Huyện	Lao hoạt động						Lao tiềm ẩn		
		Số lượng XQ ngực	XQ ngực nghi lao	% XQ ngực nghi lao	Số lượng XN Xpert	Số lượng Xpert (+)	% Xpert (+)	Số lượng đọc TST	TST (+) (≥5mm)	% TST (+)
An Giang	Thoại Sơn	4145	614	14.8%	736	45	6.2%	654	175	26.8%
	Phú Tân	5055	777	15.4%	779	72	9.4%	640	193	30.2%
	Tân Châu	4790	832	17.4%	740	58	7.8%	459	90	19.6%
Tiền Giang	Châu Thành	2562	440	17.2%	458	34	7.6%	448	75	16.7%
Cần Thơ	Vĩnh Thạch	2055	263	12.8%	276	16	6%	282	141	50%
Tây Ninh	Dương Minh Châu	3062	385	12.6%	422	25	6.3%	540	155	28.7%
	Tân Biên	3074	402	13.1%	434	41	9.8%	397	82	20.7%
	Tân Châu	3529	374	10.6%	421	32	7.6%	234	82	35%
		28272	4087	14.5%	4266	323	7.7%	3654	993	27.2%

Dự án cũng triển khai mô hình phát hiện ca lao chủ động tại cơ sở y tế (CSYT) cho người tiếp xúc hộ gia đình (NTXHGĐ) BN lao phổi được phát hiện vào năm 2021 - 2022, nhưng chưa đến chiến dịch và NTXHGĐ BN lao phổi mới được chẩn đoán vào năm 2022. Kết quả đến tháng 5/2022, trong số 2336 người đến khám tại CSYT, 1475 (63.1%) người đã được chụp XQ ngực, 357 người có XQ bất thường nghi lao, XN Xpert cho 359 trường hợp, phát hiện và đưa vào điều trị 26/27 ca có kết quả Xpert dương tính. Các huyện đã thực hiện 2562 xét nghiệm TST, 403 (15.7%) người tiếp xúc được chẩn đoán mắc bệnh LTA, trong đó 362 (88.7%) được đưa vào điều trị.

Mô hình 1X cũng đã được triển khai tại các tỉnh có tình hình dịch tễ cao cho đối tượng có nguy cơ cao và có ho khạc đờm kéo dài trên 2 tuần. Tại tuyến xã/phường, cán bộ y tế xã thực hiện thu thập mẫu đờm của BN đủ tiêu chuẩn, sau đó chuyển đến cơ sở theo phân vùng chuyển mẫu để làm XN Xpert. Kết quả đến tháng 5/2022, có 321 (10,1%) trường hợp có kết quả Xpert dương tính trong tổng số 3182 người được làm XN Xpert

Kết quả triển khai mô hình 1X từ tháng 1-5/2022

Tỉnh	Số lượng XN Xpert	Số lượng (%) Xpert (+)	Số lượng (%) bắt đầu điều trị
An Giang	2903	295 (10.2%)	256 (86.8%)
Cần Thơ	9	2 (22.2%)	2 (100%)
Đồng Tháp	52	8 (15.4%)	8 (100%)
Tây Ninh	218	16 (7.4%)	10 (62.5%)
Tổng số	3182	321 (10.1%)	276 (86%)

14.3. Thúc đẩy vai trò ứng phó với bệnh lao của địa phương - chuyển giao khám bệnh chữa bệnh lao qua bảo hiểm y tế (BHYT)

14.3.1 Phổ biến các hướng dẫn mới của Bộ Y tế liên quan đến KCB lao thuộc phạm vi được hưởng BHYT

Dự án đã phối hợp với CTCLQG/ CTCL tỉnh tổ chức 2 hội nghị tại Nghệ An và Cần Thơ với sự tham dự của gần 100 cơ sở y tế tham gia KCB lao, cùng đại diện Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội của 7 tỉnh dự án để phổ biến về nội dung thông tư số 36/2021/TT-BYT về việc quy định KCB và thanh toán chi phí KCB lao BHYT và thông tư 35/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 về việc sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 9 Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Đồng thời, Dự án đã góp ý kiến để Vụ BHYT/BYT sau đó đã ban hành công văn số 3153/BYT-BH ngày 26/6/2022 hướng dẫn về tổ chức thực hiện thông tư 36/2021/TT-BYT cũng như làm rõ một số nội dung liên quan.

14.3.2 Thúc đẩy và theo dõi tiến độ kiện toàn cơ sở y tế đáp ứng điều kiện khám bệnh, chữa bệnh lao BHYT tại 7 tỉnh Dự án.

Để hỗ trợ các tỉnh thực hiện kiện toàn các CSYT nhằm đáp ứng điều kiện khám chữa bệnh lao qua BHYT, trong 6 tháng đầu năm 2022, Dự án đã hỗ trợ CTCLQG:

- Tập huấn cho 722 cán bộ y tế tham gia KCB lao từ tuyến tỉnh, huyện và xã, phường về hướng dẫn chẩn đoán và điều trị lao (quyết định 1314);
- Tổ chức họp, dưới sự chỉ đạo của Sở Y tế /CTCL tuyến tỉnh với các cơ sở y tế tham gia KCB lao để phổ biến về hướng dẫn của BHYT liên quan đến công tác kiện toàn tổ chức KCB lao đáp ứng điều kiện KCB BHYT;
- Tổ chức các cuộc họp giữa cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương để xem xét tiến độ kiện toàn, những vướng mắc và giải pháp khắc phục;
- Hỗ trợ CTCL tuyến tỉnh xây dựng kế hoạch kiện toàn và tham mưu cho Sở Y tế phê duyệt hoặc ban hành các văn bản chỉ đạo;
- Tổ chức chuyến đi thực địa tại các tỉnh và huyện đặc biệt ở các tỉnh có mô hình KCB lao tại TTYT một chức năng, có đại diện của Bộ Y tế làm việc với Sở Y tế, cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương để tư vấn cũng như thúc đẩy quy trình nội bộ ra quyết định của tỉnh về phương án kiện toàn cho các huyện có TTYT một chức năng.
- Kết quả đến hết tháng 6/2022: đã có 90/99 (91%) cơ sở y tế tham gia KCB lao tại 7 tỉnh dự án đã hoàn thành công tác kiện toàn, đảm bảo đủ tiêu chuẩn cấp thuốc lao BHYT.

3.3 Hỗ trợ công tác chuẩn bị cấp thuốc lao BHYT từ ngày 1/7/2022:

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Dự án đã hỗ trợ các tỉnh một số hoạt động để chuẩn bị cấp thuốc lao qua BHYT từ ngày 1/7/2022 như sau:

- Hỗ trợ tỉnh Nghệ An và thành phố Cần Thơ gửi công văn cho CTCLQG đề nghị bổ sung thêm các CSYT vào trong thỏa thuận khung với các công ty trúng thầu thuốc lao BHYT.
- Thúc đẩy các CSYT ký hợp đồng với các công ty cung ứng thuốc lao BHYT và lập dự trù thuốc cho quý 3/2022;
- Báo cáo cho CTCLQG về việc tiếp tục được sử dụng thuốc lao nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn chưa nhận được thuốc lao nguồn BHYT từ nhà thầu (sau ngày 1/7/2022).
- Kết quả là 98% các hợp đồng cung ứng thuốc (với 315/320 hợp đồng) đã được ký kết; 84% số CSYT (883/99) đã dự trù thuốc cho Q3/2022. Tuy nhiên đến ngày 10/7/2022 mới chỉ có 16 cơ sở y tế (16%) bắt đầu nhận được thuốc tuy nhiên chưa đủ thuốc để có thể cấp phát cho người bệnh.

14.4. Cải thiện hệ thống giám sát để quản lý toàn diện bệnh lao

Trong năm 2021 dự án USAID-SET đã phối hợp với CTCLQG thực hiện đánh giá hệ thống thông tin điện tử của CTCLQG gọi tắt là VITIMES và hệ thống quản lý bệnh nhân lao kháng thuốc gọi tắt là eTB manager. Tài liệu về kiến trúc hệ thống và một kế hoạch nâng cấp hệ thống VITIMES nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý điều trị lao nói chung đã được xây dựng.

Tiếp nối hoạt động 2021, trong năm 2022, Dự án tiếp tục xây dựng phân hệ lao kháng thuốc dựa trên kết quả đánh giá, đề xuất của nhóm kỹ thuật, nhóm PMDT đồng thời dựa theo nền tảng giao diện của hệ thống eTB manager nhằm đảm bảo phân hệ mới thân thiện với người sử dụng (đặc biệt là những người đã quen sử dụng hệ thống eTB manager) và đáp ứng nhu cầu quản lý hoạt động điều trị lao kháng thuốc.

Với sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên nhóm kỹ thuật quốc gia và đơn vị xây dựng phần mềm. Phân hệ lao kháng thuốc đã được hoàn thiện vào cuối tháng 4 năm 2022 và được tiến hành triển khai kiểm thử tại 6 cơ sở y tế của 3 tỉnh, thành phố gồm Tp Hồ Chí Minh (Bệnh Viện Phạm Ngọc Thạch, Trung tâm Y tế Củ Chi), Hà Nội (Bệnh viện Phổi Trung Ương, Bệnh viện Phổi Hà Nội) và An Giang (Trung tâm y tế Thành phố Long Xuyên, Trung tâm y tế Huyện Châu Phú). Trong 1 tháng triển khai thử nghiệm, Dự án đã hướng dẫn 30 cán bộ y tế nhập đầy đủ liệu trình điều trị của 115 hồ sơ bệnh án lao kháng thuốc vào hệ thống mới. Dự án đã tiếp nhận 125 yêu cầu góp ý sửa đổi của cơ sở y tế và 126 yêu cầu góp ý sửa đổi của nhóm kỹ thuật quốc gia. Tất cả những góp ý này đã được nhóm kỹ thuật đánh giá, thống nhất và đơn vị lập trình đã tiến hành điều chỉnh, sửa đổi lại hệ thống.

Hiện tại các chức năng của phân hệ Lao kháng thuốc đã hoàn thiện và Dự án đang thực hiện kiểm tra dữ liệu cũ của hệ thống eTB Manager chuyển sang hệ thống mới. Theo kế hoạch, tháng 8 năm 2022, Phân hệ Lao kháng thuốc sẽ hoàn thiện và sẵn sàng chuyển qua giai đoạn đào tạo và triển khai mở rộng.

14.5. Một số hoạt động truyền thông

Nhân ngày Thế giới Phòng chống bệnh Lao 2022, Dự án đã hỗ trợ CTCLQG xây dựng chiến lược truyền thông trực tuyến Facebook trên kênh của CTCLQG và USAID nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng chống bệnh lao. Dự án đã hỗ trợ 07 tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông tại tất cả các huyện bao gồm (1) In và treo băng rôn (04 mẫu) tại các trục đường chính, Bệnh viện phổi tỉnh/Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh và bệnh viện/trung tâm y tế huyện (2) Thực hiện phát loa trên xe tuyên truyền với nội dung về thúc đẩy khám phát hiện lao và lao tiềm ẩn và (3) Thực hiện phát thanh tại đài phát thanh Quận/huyện, xã với nội dung thúc đẩy khám phát hiện lao và lao tiềm ẩn.

Dự án cũng đã phối hợp với CTCLQG tổ chức thành công buổi tiếp đón Ngài đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Marc E. Knapper và phái đoàn cấp cao chính phủ Hoa Kỳ tới thăm Bệnh viện Lao và bệnh Phổi TP. Cần Thơ ngày 8 tháng 4 năm 2022. Đại sứ đã được

thăm quan và giới thiệu các hoạt động mà Bệnh viện Lao và bệnh Phổi TP. Cần Thơ đang thực hiện để chống lại bệnh lao và giảm thiểu tác động của đại dịch COVID-19.

Bên cạnh đó, Dự án phối hợp cùng CTCLQG triển khai các hoạt động truyền thông với Áp phích hướng dẫn quét mã QR hoặc truy cập trang SANGLOCLAO.NET và thông điệp truyền thông nhằm tăng cường hoạt động phát hiện bệnh lao sau ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Áp phích và tờ rơi được phân phát tại BV Phổi tỉnh, BVĐK TP, TTYT huyện/BV huyện và TTYT xã. Ngoài ra, Dự án cũng đã phối hợp cùng CTCLQG xây dựng và phân phối Áp phích thông báo về “Thuốc chống lao được Quỹ bảo hiểm Y tế cấp phát và thanh toán từ ngày 1 tháng 7” cho toàn bộ 63 tỉnh cả nước.

D. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN

1. Công tác lập kế hoạch

Năm 2022, Chương trình Chống lao tích cực phối hợp cùng Vụ Kế hoạch Tài chính, Cục Y tế dự phòng Bộ Y tế hoàn thiện kế hoạch ngân sách Chương trình Mục tiêu Y tế Dân số năm 2022. Ngày 29/6/2022, tại Quyết định số 1692/QĐ-BYT, Chương trình chống lao đã được phân bổ kinh phí cho hoạt động năm 2022 là 32.500 triệu đồng, trong đó có 30.000 triệu đồng dành cho Mua thuốc phòng chống lao (đã được BHYT phê duyệt tại QĐ số 1630/QĐ-BYT ngày 24/6/2022).

Bệnh viện Phổi Trung ương tiếp tục triển khai năm thứ 2 Dự án Quỹ Toàn cầu Phòng chống lao giai đoạn 2021-2023 với tổng kinh phí 39.736.675 USD. Kế hoạch thực hiện và kế hoạch tài chính năm 2022 đã được Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định 814/QĐ-BYT ngày 1/4/2022. Do tình hình COVID-19 diễn biến phức tạp từ năm 2021 đến đầu tháng 4/2022, một số hoạt động thuộc kế hoạch dự án Quỹ Toàn cầu phòng chống lao năm 2021 đã bị chậm tiến độ, Bệnh viện Phổi Trung ương – Ban Quản lý Dự án đã gửi Công văn cho phép các đơn vị triển khai dự án tiếp tục thực hiện các hoạt động chậm tiến độ năm 2021. Bên cạnh đó, Ban Quản lý Dự án đã gửi tất cả đơn vị triển khai dự án tuyến tỉnh (bao gồm Bệnh viện 71 Trung ương, Bệnh viện 74 Trung ương) Kế hoạch phân bổ kinh phí Quỹ Toàn cầu tại Công văn số 1122/CV-BVPTU-DAPCL ngày 12/05/2022, đồng thời gửi thông báo Kế hoạch kinh phí cho các đối tác cùng triển khai dự án (SR) từ tháng 1/2022.

6 tháng đầu năm 2022, bộ phận kế hoạch của Dự án Quỹ Toàn cầu Phòng chống lao cũng đã liên tục hỗ trợ các đối tác và các tỉnh rà soát, điều chỉnh/ thay đổi kế hoạch hoạt động do khó khăn/ tồn đọng một số dòng kinh phí năm 2021 cũng như nhu cầu thay đổi phù hợp với thực tế triển khai, đảm bảo các kế hoạch điều chỉnh phù hợp với quy định của nhà tài trợ và thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch của lãnh đạo dự án.

Để phục hồi các hoạt động của dự án, tăng cường hiệu quả của các can thiệp dự án phòng chống lao, Bệnh viện Phổi trung ương, Chương trình chống lao Quốc gia đã có

Công văn thông báo và hướng dẫn mở rộng triển khai chiến lược 1X, 2X ở tất cả các cơ sở phòng chống lao; ngoài ra, đã tổ chức tập huấn trực tuyến hướng dẫn triển khai chiến lược 1X, 2X với sự tham gia đầy đủ của lãnh đạo, bộ phận chỉ đạo tuyến, kế toán tuyến tỉnh. Các hoạt động phát hiện chủ động, phát hiện tích cực cũng đã được ưu tiên lập kế hoạch triển khai sớm, nhằm tăng tỷ lệ phát hiện và thu nhận bệnh nhân lao.

Dự án Quỹ Toàn cầu Phòng chống lao trong nhóm dân di cư khu vực tiểu vùng sông Mê công giai đoạn 2022-2024 đã nhận được phê duyệt với tổng kinh phí 953.478 USD. Văn kiện dự án hiện đang trong quy trình phê duyệt tại Bộ Y tế sau khi đã nhận được văn bản đồng thuận của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

6 tháng đầu năm CTCL đã xây dựng đề xuất viện trợ CDC 5 năm giai đoạn 2022-2027 và kế hoạch chi tiết năm đầu tiên với tổng kinh phí năm 2022-2023 gần 1 triệu USD. Chương trình đã nhận được thông báo phê duyệt kế hoạch kinh phí viện trợ từ CDC HQ. Đơn vị KHCLHC cũng rà soát kinh phí kế hoạch CDC năm 2021-2022, đôn đốc các nhóm kỹ thuật triển khai đảm bảo tiến độ kế hoạch và hiệu quả hoạt động. Phối hợp chặt chẽ với VP CDC tại Việt nam chuẩn bị xây dựng kế hoạch đề xuất gia hạn triển khai dự án để đảm bảo hoàn thiện triển khai các hoạt động và giải ngân tối đa kinh phí dự án được hỗ trợ cho giai đoạn 2017-2022.

Trong 6 tháng đầu năm, Chương trình chống lao đã phối hợp với vụ Bảo hiểm y tế - Bộ Y tế và các đối tác tổ chức các hội thảo phổ biến và đôn đốc triển khai thông tư 36/2021/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2021, quy định về Khám bệnh chữa bệnh và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh BHYT liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh lao; Thông tư 35/2021/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 9 thông tư số [30/2020/TT-BYT](#) ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng BYT quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/ 2018 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của luật BHYT. CTCL cũng xây dựng các văn bản đôn đốc, hướng dẫn địa phương ký hợp đồng với các nhà cung cấp, tiếp nhận, quản lý, sử dụng và điều tiết thuốc chống lao thanh toán từ nguồn ngân sách BHYT.

CTCL tiếp tục đôn đốc, hỗ trợ địa phương hoàn thiện các điều kiện kiện toàn CSYT để đảm bảo đủ các điều kiện thực hiện khám chữa bệnh lao thanh toán BHYT; phối hợp với BHXH Việt Nam và đối tác xây dựng phần mềm quản lý, điều tiết thuốc lao nguồn BHYT (e-LMIST), chuẩn bị vận hành thử phần mềm để tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện và tập huấn triển khai mở rộng. Tổng hợp các câu hỏi từ địa phương trong quá trình cấp phát, thanh toán thuốc lao BHYT; phối hợp với BYT, BHXH Việt Nam, các đối tác để hoàn thiện các câu trả lời, trình lãnh đạo CTCL phê duyệt và đưa lên hệ thống.

2. Hoạt động quản lý tài chính

Bảng 17: Tổng hợp kinh phí giải ngân 6 tháng đầu năm 2022

Đơn vị: đồng

Stt	Hoạt động	Kế hoạch được phê duyệt	Kinh phí đã giải ngân	Tỷ lệ %
I	Dự án PC lao /NSNN 2022	32,300,000,000	-	0%
	Giám sát dịch tễ	442,000,000		Mới được phê duyệt tại QĐ1692/QĐ-BYT ngày 29/6/2022
	In ấn tài liệu chuyên môn	814,000,000		
	Mua thuốc lao hàng 1	30,000,000,000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	1,044,000,000		
	<i>Mua trang thiết bị PVCM thuê mướn, tiếp nhận hàng viện trợ, duy tu bảo dưỡng, vận hành kho miền, tập huấn đào tạo hỗ trợ chuyển đổi Tt thuốc lao bằng nguồn BHYTcho các tỉnh trên toàn Quốc</i>			
II	Nguồn viện trợ (A+B)	611,147,405,052	253,409,430,670	
A	QUỸ TOÀN CẦU	578,728,143,928	236,786,524,540	41%
	Chăm sóc và dự phòng lao	251,763,305,604	103,024,479,557	
	Phối hợp Lao/HIV	7,938,927,232	8,606,200,000	
	Lao đa kháng thuốc	106,584,726,029	73,017,617,656	
	Quản lý chuỗi mua sắm và cung ứng	6,045,081,270	2,056,165,069	
	Hệ thống quản lý thông tin y tế và theo dõi & lượng giá	13,054,856,560	6,944,477,136	
	Quản lý dự án	13,229,905,644	3,385,517,373	
	COVID-19	180,111,341,589	39,752,067,749	
B	Viện trợ NGO KHÁC	32,419,261,124	16,622,906,130	51%
	Dự án TBTC (R2D2, Dramatic)	8,621,837,500	3,868,301,000	
	Dự án Tifa	6,645,320,338	3,627,339,137	
	Nghiên cứu Fujilam TB	623,216,086	623,216,086	
	Dự án ZTV hope	2,091,000,000	992,447,500	
	Dự án FEND TB	2,000,000,000	1,300,000,000	
	Nghiên cứu ProveTB	1,400,000,000	1,400,000,000	
	Hoạt động CDC	11,037,887,200	4,811,602,407	
Tổng cộng (I+II)		643,447,405,052	253,409,430,670	

3. Hoạt động đối ngoại

Những tháng đầu năm 2022, do vẫn chịu tác động của dịch bệnh, hoạt động đối ngoại chủ yếu diễn ra qua hình thức trực tuyến. Hoạt động hợp tác với đối tác trong giai đoạn này vẫn tiếp tục tập trung vào đảm bảo cung ứng sinh phẩm, trang thiết bị phòng chống dịch.

Ngày 10/1/2022, TS. Takeshi Kasai, Giám đốc Tổ chức Y tế thế giới (TCYTTG) khu vực Tây Thái Bình Dương cùng PGS.TS. Trần Thị Giáng Hương, Giám đốc Chương trình Kiểm soát dịch bệnh, TCYTTG khu vực Tây Thái Bình Dương; TS. Kidong Park, Trưởng Đại diện TCYTTG tại Việt Nam và các cán bộ kỹ thuật của TCYTTG đã có buổi đến thăm và làm việc với Chương trình Chống Lao Quốc gia (CTCLQG). CTCLQG đã chia sẻ những định hướng chính trong triển khai các hoạt động phòng chống lao thường quy, các ưu tiên và can thiệp tích cực, đảm bảo tăng cường công tác phòng chống lao tại các tuyến và đảm bảo an toàn cho hệ thống bệnh viện chuyên khoa trước đại dịch. TS. Takeshi Kasai khẳng định TCYTTG sẽ tiếp tục đồng hành với Việt Nam trong công tác phòng chống dịch, chống lao, cũng như trong các vấn đề liên quan đến khó khăn, thách thức trong công tác phòng chống lao dưới tác động của dịch bệnh.



Giám đốc Tổ chức Y tế Thế giới khu vực Tây Thái Bình Dương và đoàn công tác đến thăm và làm việc tại Bệnh viện Phổi Trung ương ngày 10/1/2022

Điểm nhấn trong hoạt động hợp tác với các đối tác trong các tháng đầu năm là các chương trình phối hợp, quản lý, chăm sóc, theo dõi người nhiễm COVID-19 tại nhà trên địa bàn quận Ba Đình và thành phố Hà Nội.



***Bệnh viện Phổi Trung ương ký kết hợp tác với các phường thuộc quận Ba Đình
ngày 17/1/2022***



***Bệnh viện Phổi Trung ương ký kết hợp tác với các quận của thành phố Hà Nội
ngày 20/1/2022***

Nhằm hỗ trợ Việt Nam đạt được mục tiêu chấm dứt bệnh lao vào năm 2030, ngày 16/2, tại Hà Nội, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) trao tặng thêm các thiết bị phát hiện và chẩn đoán nhanh bệnh lao và thuốc điều trị lao với tổng trị giá khoảng 3 triệu USD cho Bệnh viện Phổi Trung Ương.

Đợt trao tặng này bao gồm 38 máy chẩn đoán lao nhanh cùng 90.000 bộ xét nghiệm kèm theo và 10 máy X-quang kỹ thuật số, sẽ được phân bổ cho các cơ sở y tế tuyến

huyện trên cả nước, trong đó có các tỉnh vùng sâu, vùng xa như Nghệ An, Lai Châu, An Giang và Đồng Tháp, những nơi có gánh nặng bệnh lao và lao đa kháng thuốc cao.

Đợt trao tặng này cũng bao gồm thuốc đủ để điều trị cho 15.000 bệnh nhân lao tiềm ẩn với liệu trình điều trị 3 tháng và sẽ được cấp phát trên toàn quốc. Bên cạnh đó, USAID cũng cung cấp các chương trình đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho Chương trình Chống lao Quốc gia, cho nhân viên các cơ sở y tế và các đối tác địa phương.



USAID trao tặng thuốc và trang thiết bị phòng chống lao cho Việt Nam ngày 16/2/2022

Nhân dịp Ngày Thế giới phòng chống lao, Quỹ PASTB tổ chức trao tặng quà cho



Quỹ PASTB tổ chức trao tặng quà cho người bệnh lao có hoàn cảnh khó khăn ngày 24/3/2022

ương - Chương trình Chống lao Quốc gia - Quỹ PASTB tiếp tục phối hợp với Công thông tin nhân đạo Quốc gia 1400 mở cổng nhận tin ủng hộ Quỹ PASTB.

người bệnh lao có hoàn cảnh khó khăn tại hơn 40 đơn vị trên 63 tỉnh/TP với gần 1.100 suất quà với tổng trị giá hơn 320 triệu đồng. Đồng thời, với mong muốn, vận động nhân dân cả nước ủng hộ, giúp đỡ người bị bệnh lao vượt qua những ảnh hưởng của bệnh tật, mặc cảm bệnh tật để chữa khỏi bệnh lao và

hòa nhập với cộng đồng, Bệnh viện Phổi Trung



GS. Guy Marks, Chủ tịch Hiệp hội Bài Lao và Bệnh phổi Quốc tế thăm CTCLQG Việt Nam ngày 21/4/2022

Từ quý 2/2022, các hoạt động hỗ trợ đón tiếp, làm việc với các đoàn chuyên gia, khách quốc tế đến thăm và làm việc với chương trình bắt đầu được tiến hành trở lại. Chương trình chống lao quốc gia đã có buổi làm việc với GS. Guy Marks, Chủ tịch Hiệp hội Bài Lao và Bệnh phổi Quốc tế, kết hợp với hội thảo khởi động dự án ACT5 về Đánh giá tính hiệu quả và an toàn của mô hình chẩn đoán và điều trị phổ cập lao tiềm ẩn kết hợp phát hiện chủ động các ca bệnh lao trong việc làm giảm tỷ lệ mắc lao trong cộng đồng. Chương trình cũng có các buổi làm việc với đoàn công tác của Quỹ Toàn cầu về các hoạt động của dự án, đoàn công tác của Stop TB Partnership về sáng kiến Re-imagining TB Care (TBC), đoàn công tác của Tổng Giám đốc tổ chức FHI 360 toàn cầu về các hoạt động hợp tác giữa hai bên.



TS. Tessie San Martin - Tổng Giám đốc FHI 360 toàn cầu tới thăm và làm việc tại Việt Nam ngày 23/6/2022

PHẦN 2

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

1. Các hoạt động trọng tâm

- Tập trung hỗ trợ các địa phương trong việc quản lý điều tiết sử dụng thuốc chống lao hàng 1 nguồn BHYT để đảm bảo có đủ thuốc sử dụng cho người bệnh, đáp ứng các điều kiện về thanh quyết toán với cơ quan BHXH theo quy định. Đề xuất với Ban điều hành và các đối tác hỗ trợ kỹ thuật có kế hoạch tổ chức tập huấn trực tiếp về quản lý và điều tiết thuốc BHYT.
- Khẩn trương thực hiện gói thầu mua sắm thuốc hàng 1 nguồn NSNN để đảm bảo cung ứng thuốc lao hàng 1 cho các đối tượng bệnh nhân không có thẻ BHYT, bệnh nhân là người bị tạm giam tạm giữ, phạm nhân trong các trại giam và bệnh nhân tại các cơ sở y tế chưa đảm bảo đủ các điều kiện thanh quyết toán thuốc nguồn BHYT.
- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng phần mềm hỗ trợ quản lý thuốc BHYT kết nối với hệ thống thông tin của cơ quan BHXHVN. Triển khai đào tạo tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh trong việc thực hiện Thông tư 36/TT-BYT ngày 31/12/2021 – đặc biệt chú trọng nội dung liên quan đến quản lý thuốc chống lao BHYT.
- Điều chỉnh, sửa đổi bổ sung hệ thống sổ sách biểu mẫu liên quan đến cung ứng để đảm bảo thực hiện hiệu quả trong quá trình chuyển đổi thuốc lao từ nguồn NSNN sang nguồn BHYT và để đáp ứng những yêu cầu rất chặt chẽ trong việc thanh quyết toán của BHYT.
- Khẩn trương triển khai các hoạt động dự án Quỹ Toàn cầu giai đoạn 2021-2023, nguồn CDC, v.v đã được Bộ Y tế và nhà tài trợ phê duyệt, đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và đạt chỉ tiêu đề ra.
- Đẩy mạnh tiến độ hoàn thiện mua sắm và nhận hàng các gói mua sắm test xét nghiệm, máy móc, vật tư, trang bị phòng hộ cá nhân, xe X-quang KTS thuộc nguồn kinh phí Quỹ Toàn cầu. Cung ứng đầy đủ thuốc chống lao hàng 2, vật tư, hóa chất, thiết bị xét nghiệm tới tất cả các tuyến của CTCL.
- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin quản lý, nghiên cứu ứng dụng AI trong chẩn đoán và điều trị.
- Duy trì đảm bảo chất lượng hoạt động phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh lao thường quy tại các tuyến của CTCL lồng ghép trong các hoạt động chung của hệ thống y tế.
- Đẩy mạnh phát hiện chủ động tại cộng đồng, phát hiện tích cực tại cơ sở y tế tập trung vào các nhóm nguy cơ cao nhằm tăng cường phát hiện tối đa các bệnh nhân lao có trong cộng đồng, đưa vào điều trị sớm, chất lượng trong CTCL nhằm cắt đứt

nguồn lây trong cộng đồng, giảm nhanh dịch tễ bệnh lao. Ngoài ra những người được chẩn đoán loại trừ bệnh lao và đủ điều kiện cần được thu nhận điều trị lao tiềm ẩn nhằm giảm nguy cơ chuyển từ nhiễm sang bệnh lao.

- Tăng cường áp dụng chiến lược 2X (Xquang, Xpert) trong các tiếp cận phát hiện chủ động, phát hiện tích cực bệnh nhân lao, sử dụng hiệu quả 27 xe Xquang di động kỹ thuật số và các máy Xquang di động được cấp cho các tỉnh trong phát hiện bệnh nhân lao.
- Đẩy nhanh tiến độ cập nhật hệ thống VITIMES đảm bảo đáp ứng yêu cầu ghi chép, thống kê, báo cáo và dự báo mua sắm, cung ứng, phân phối, v.v. của CTCLQG.

2. Các hoạt động chuyên môn cụ thể

➤ Hoạt động quản lý lao kháng thuốc

- Tăng cường chẩn đoán lao kháng R/MDR-TB và tiền/siêu kháng. Đặc biệt lưu ý chỉ định LPA2 đối với 100% bệnh nhân kháng R, đồng thời theo dõi sát kết quả xét nghiệm để điều chỉnh phác đồ ngay sau khi phát hiện kháng FQs, tránh tình trạng bỏ sót như hiện nay
- Tiếp tục mở rộng tiếp cận phác đồ ngắn hạn thuốc uống và triển khai một số nghiên cứu liên quan đến điều trị lao đa kháng (nghiên cứu BPaL, BPaLM)
- Triển khai các lớp tập huấn về quản lý lâm sàng cơ bản, quản lý lâm sàng nâng cao trong điều trị lao kháng thuốc, giao ban vùng về quản lý PMDT
- Tăng cường quản lý biến cố bất lợi aDSM thông qua việc theo dõi chỉ tiêu đã giao, thu thập số liệu, phối hợp trao đổi, cập nhật thông tin với Trung tâm DI & ADR Quốc gia, xúc tiến hoạt động phân tích quan hệ nhân quả, giám sát chuyên đề nhằm hỗ trợ kỹ thuật kịp thời.
- Hoàn thiện công cụ và ứng dụng công nghệ trong quản lý, theo dõi người bệnh lao kháng thuốc và quản lý chuỗi cung ứng
- Tăng cường hoạt động giám sát, tổ chức giám sát chuyên sâu quản lý lao kháng thuốc sử dụng công cụ mới, ghi nhận và báo cáo hoạt động theo dõi tái phát lao kháng thuốc sau khi hoàn thành điều trị.
- Các hoạt động chuẩn bị cho việc áp dụng triển khai các phác đồ điều trị lao kháng thuốc cập nhật (bao gồm việc cập nhật tài liệu hướng dẫn, dự báo nhu cầu thuốc, xây dựng kinh phí mua sắm thuốc và sinh phẩm xét nghiệm KSD với thuốc lao hàng hai bao gồm thuốc mới, mua sắm các trang thiết bị bổ sung phục vụ xét nghiệm theo dõi biến cố bất lợi khi sử dụng thuốc mới...).

➤ Nghiên cứu khoa học

- Xây dựng hệ thống quản lý nghiên cứu điện tử và thư viện điện tử

- Hệ thống quản lý tích hợp thư viện điện tử đã được hoàn thiện trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021. Tiếp theo cần huy động nguồn hỗ trợ từ WHO và FIT để thuê server, tiến hành mở rộng hoạt động của hệ thống trên phạm vi toàn bệnh viện, tiến hành đánh giá và lấy phản hồi từ người dùng để hoàn thiện hệ thống, đặt mục tiêu có hệ thống hoàn chỉnh để sử dụng hiệu quả vào tháng 7/2022. Mở rộng phạm vi hoạt động của hệ thống trên toàn quốc.
- Cải tiến mô hình hoạt động của Trung tâm, hướng tới tự chủ tài chính
 - Từng bước tiến tới quản lý tất cả các nghiên cứu được thực hiện tại Bệnh viện. Phân công thành viên Trung tâm thực hiện vị trí điều phối nghiên cứu để quản lý sát tiến độ, phương pháp và hỗ trợ thường xuyên cho nghiên cứu, hưởng lương điều phối theo nghiên cứu mình phụ trách.
 - Cán bộ điều phối nghiên cứu có trách nhiệm báo cáo tiến độ nghiên cứu hàng tháng lên hệ thống quản lý nghiên cứu điện tử sau khi hệ thống vận hành tốt trên quy mô bệnh viện.
 - Quản lý, mở rộng quy mô thư viện điện tử, cung cấp tài nguyên nghiên cứu khoa học miễn phí cho cán bộ thuộc chuyên ngành, thu phí truy cập và phí thành viên cho người xem vắng lai.
 - Chuyên môn hóa hoạt động của cán bộ Trung tâm. Tổ chức cán bộ theo các hoạt động chuyên môn và hoạt động tài chính – đối ngoại để cán bộ chuyên môn tập trung thời gian điều phối nghiên cứu. Cán bộ thực hiện hoạt động tài chính – đối ngoại tập trung thực hiện các hoạt động thanh quyết toán (đề xuất hỗ trợ của cán bộ phòng tài chính – kế toán do các nghiên cứu đều có dòng lương cho cán bộ kế toán) và các hoạt động đối ngoại.
 - Tổ chức giám sát GCP nội bộ 2 lần/ năm đối với tất cả nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng để hỗ trợ nghiên cứu, tránh tình trạng bị động tại mỗi đợt giám sát của Bộ Y tế.
 - Sinh hoạt chuyên đề theo tuần/tháng để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho cán bộ Trung tâm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ điều phối nghiên cứu. Tổ chức các khóa học về Hướng dẫn phương pháp Nghiên cứu khoa học cho nhân viên y tế Bệnh viện Phổi Trung ương và các bệnh viện thuộc hệ thống Chương trình chống lao.
- Nâng cao chất lượng thực hiện chuyên môn
 - Thực hiện hoạt động nhóm nhằm nâng cao hiệu quả công việc

- Báo cáo hoạt động định kỳ theo tuần/tháng nhằm giải quyết khó khăn vướng mắc một cách kịp thời
- Nâng cao tinh thần đoàn kết hỗ trợ trong công việc cũng như đời sống của cán bộ trung tâm.
- Tiếp tục kết nối đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế lao và bệnh phổi.
- **Đảm bảo cung ứng, mua sắm thuốc, vật tư, trang thiết bị để phục vụ cho hoạt động phát hiện điều trị**
- Tập trung hỗ trợ các địa phương trong việc quản lý điều tiết sử dụng thuốc chống lao hàng 1 nguồn BHYT để đảm bảo có đủ thuốc sử dụng cho người bệnh, đáp ứng các điều kiện về thanh quyết toán với cơ quan BHXH theo quy định. Đề xuất với Ban điều hành và các đối tác hỗ trợ kỹ thuật có kế hoạch tổ chức tập huấn trực tiếp về quản lý và điều tiết thuốc BHYT.
- Khẩn trương thực hiện gói thầu mua sắm thuốc hàng 1 nguồn NSNN để đảm bảo cung ứng thuốc lao hàng 1 cho các đối tượng bệnh nhân không có thẻ BHYT, bệnh nhân là người bị tạm giam tạm giữ, phạm nhân trong các trại giam và bệnh nhân tại các cơ sở y tế chưa đảm bảo đủ các điều kiện thanh quyết toán thuốc nguồn BHYT.
- Trong 6 tháng cuối năm tập trung hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận thuốc chống lao hàng 2 đảm bảo cung ứng đủ thuốc và tiếp nhận thuốc nguồn Quỹ Toàn cầu đúng tiến độ (hợp đồng 2 năm 2022).
- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng phần mềm hỗ trợ quản lý thuốc BHYT kết nối với hệ thống thông tin của cơ quan BHXHVN. Triển khai đào tạo tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật cho các tỉnh trong việc thực hiện Thông tư 36/TT-BYT ngày 31/12/2021 – đặc biệt chú trọng nội dung liên quan đến quản lý thuốc chống lao BHYT.
- Điều chỉnh, sửa đổi bổ sung hệ thống sổ sách biểu mẫu liên quan đến cung ứng để đảm bảo thực hiện hiệu quả trong quá trình chuyển đổi thuốc lao từ nguồn NSNN sang nguồn BHYT và để đáp ứng những yêu cầu rất chặt chẽ trong việc thanh quyết toán của BHYT.
- Tổ chức các lớp tập huấn về công tác dự trữ thuốc, hóa chất, vật tư trang thiết bị cũng như công tác báo cáo cung ứng của CTCLQG cho 63 đơn vị trong toàn quốc;
- Tổ chức 02 cuộc họp tổ kỹ thuật cung ứng thuốc và vật tư tại Cần Thơ và Hà Nội.
- Có kế hoạch hướng dẫn các địa phương trong việc mua sắm, cung ứng hóa chất, vật tư tiêu hao từ nguồn địa phương hoặc thanh toán BHYT trong bối cảnh NSNN không còn đầu tư cho hoạt động này.
- Tiếp tục hỗ trợ/hướng dẫn các đơn vị hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tiếp nhận máy móc, trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống lao.

➤ **Công tác giám sát, đánh giá hoạt động CTCL**

- Duy trì hoạt động giám sát thường quy từ Trung ương – tỉnh (nguồn QTC) để góp phần duy trì và củng cố hoạt động mạng lưới chống lao
- Triển khai giám sát từ tỉnh - huyện trong phạm vi toàn quốc theo kế hoạch của dự án TIFA về nâng cao năng lực giám sát cho hệ thống mạng lưới CTCLQG (1044 chuyên giám sát từ tỉnh – huyện).
- Theo dõi, đôn đốc để các chuyên giám sát để triển khai đúng hướng dẫn, đúng kế hoạch và tinh thần đổi mới đã được trưởng ban điều hành chỉ đạo.

➤ **Duy trì tốt hoạt động quản lý thông tin**

- Xây dựng app điện thoại di động (VITIMES, sàng lọc và chuyển bằng phần mềm ACIS cộng đồng, v.v.) trong ghi chép, báo cáo, giám sát chẩn đoán, điều trị lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn; xây dựng và cập nhật hệ thống chi chép và báo cáo điện tử để hỗ trợ sự thay đổi của chương trình.
- Bảo trì hệ thống Vitimes, thuê máy chủ, duy trì, nâng cấp máy chủ, thuê máy chủ.
- Tiếp tục triển khai hoạt động nhắn tin hỗ trợ bệnh nhân tuân thủ điều trị.
- Chi trả kinh phí thuê bao 3G cho cán bộ y tế triển khai hoạt động hỗ trợ điều trị bệnh nhân lao.

➤ **Lao trẻ em**

- Tiếp tục triển khai các hoạt động lao trẻ em nguồn QTC theo kế hoạch
- Tập trung chỉ đạo, giám sát để chỉ đạo các tỉnh phối hợp thường xuyên với khoa nhi bệnh viện đa khoa tỉnh - huyện, bệnh viện nhi tỉnh để tăng cường phát hiện bệnh nhân lao trẻ em.
- Triển khai hoạt động hội chẩn - hỗ trợ chẩn đoán lao trẻ em cho tuyến dưới qua Zoom, Zalo.
- Triển khai các hoạt động lao trẻ em tại Bắc Giang, Vĩnh Long (nguồn CDC)
- Triển khai các hoạt động lao trẻ em khác trong khuôn khổ tài trợ của CDC Hoa Kỳ.
- Triển khai hoạt động ARI lồng ghép với lao trẻ em tại Sơn La, Quảng Bình, Quảng Trị.

➤ **Hoạt động quản lý lao tiềm ẩn**

- Cập nhật hướng dẫn quản lý lao tiềm ẩn trong Hướng dẫn Quốc gia về chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh lao.
- Cập nhật biểu mẫu báo cáo lao tiềm ẩn
- Triển khai các lớp tập huấn phát hiện, chẩn đoán, điều trị lao tiềm ẩn cho 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc
- Tiếp tục tiến hành in ấn sổ sách, biểu mẫu báo cáo để cấp cho các tỉnh triển khai hoạt động

- Cung ứng đầy đủ sinh phẩm, thuốc điều trị lao tiềm ẩn cho các tỉnh triển khai
- Tăng cường giám sát hỗ trợ kỹ thuật để thúc đẩy tiến độ triển khai và đảm bảo chất lượng triển khai quản lý lao tiềm ẩn tại các tỉnh.
- **Hoạt động phát triển mạng lưới – phát hiện chủ động cho các nhóm có nguy cơ cao và nhóm dễ tổn thương với bệnh lao**
- Tích cực tăng cường thúc đẩy triển khai các hoạt động
- Tăng cường giám sát, hỗ trợ kỹ thuật
- Thu thập số liệu, tổng hợp báo cáo.
- Giám sát hỗ trợ kỹ thuật Hoạt động phòng chống lao khu vực biên giới tại Long An, Kiên Giang.
- Xây dựng các tài liệu truyền thông cho hoạt động phát hiện, điều trị bệnh nhân lao khu vực biên giới.
- Cung ứng đầy đủ vật tư, hoá chất, sinh phẩm, thuốc điều trị lao và lao tiềm ẩn cho các tỉnh triển khai.
- Thúc đẩy triển khai và hoàn thành sớm các chiến dịch đảm bảo tiến độ, chất lượng để tăng tỷ lệ phát hiện
- Hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình triển khai đảm bảo chất lượng sàng lọc, đọc XQ, xét nghiệm Xpert để đạt tỷ lệ phát hiện cao nhất
- Triển khai xét nghiệm Gen-X phát hiện bệnh lao tại cơ sở y tế cho nhóm nguy cơ cao có tổn thương nghi lao trên phim Xquang cho đủ số mẫu theo kế hoạch khi triển khai tại cộng đồng chưa đủ.
- Thanh quyết toán theo từng đợt và quyết toán trước 31 tháng 12 năm 2022
- Báo cáo kết quả triển khai.
- **Phối hợp y tế công tư (PPM) và chiến lược tiếp cận thực hành sức khỏe phổi (PAL)**
- Tăng cường thúc đẩy tuyến tỉnh triển khai mở rộng PPM/PAL nhằm góp phần tăng tỷ lệ phát hiện, thu dung, quản lý điều trị lao chung với các hoạt động khác
- Xây dựng kế hoạch mở rộng thí điểm PPM Model 5 các tỉnh khác ngoài 10 tỉnh đang triển khai năm 2022
- Giám sát, hỗ trợ kỹ thuật tuyến dưới triển khai mở rộng PPM
- Thu thập số liệu báo cáo 6 tháng cuối năm.
- **Hệ thống xét nghiệm**
- Tiếp tục triển khai các hoạt động theo kế hoạch 6 tháng cuối năm nguồn QTC, CDC.

- Cung cấp thông tin, hỗ trợ nhóm Mua sắm cung ứng NTP thực hiện gói thầu mua sắm phần mềm kết nối dữ liệu hệ thống GeneXpert.
- Triển khai thí điểm giám sát kháng thuốc thông qua dữ liệu phần mềm kết nối dữ liệu xét nghiệm Xpert MTB/RIF tại 3 tỉnh có dịch tể lao kháng thuốc cao.
- Điều phối và giám sát triển khai xét nghiệm mới Truenat tại các điểm máy.
- Đảm bảo cung ứng đầy đủ sinh phẩm Xpert MTB/RIF cho các đơn vị trên toàn quốc.
- Xác nhận giá trị sử dụng xét nghiệm Xpert XDR tại BV Phổi trung ương, tiến tới mở rộng cho các điểm máy tuyến tỉnh và khu vực.
- Hoàn thiện hồ sơ phát triển NRL trở thành phòng xét nghiệm chuẩn khu vực của WHO..

➤ **Phối hợp lao/HIV:**

- Phối hợp với Cục Phòng chống HIV xây dựng các văn bản hướng dẫn về lồng ghép giữa 2 chương trình giai đoạn 2021 – 2025.
- Triển khai tập huấn mô hình lồng ghép cung cấp dịch vụ lao/HIV tại một địa điểm cho học viên tuyến tỉnh/huyện

➤ **Xây dựng Kế hoạch**

- Hoàn thiện thủ tục phê duyệt Dự án khu vực phòng chống lao tại Việt Nam giai đoạn 2022-2024, Kế hoạch thực hiện và Kế hoạch tài chính năm 2022 Dự án QTC khu vực.
- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục kết thúc Dự án Quỹ Toàn cầu phòng chống lao giai đoạn 2018-2020, kết thúc Dự án khu vực Phòng chống lao tại Việt Nam giai đoạn 2019-2021 do QTC viện trợ.
- Thực hiện các báo cáo triển khai hoạt động, báo cáo tài chính theo yêu cầu của Bộ Y tế, nhà tài trợ.
- Theo dõi, hỗ trợ, rà soát tiến độ triển khai các hoạt động của địa phương, các đơn vị tiếp nhận viện trợ so với kế hoạch đề ra.
- Rà soát, cập nhật chiến lược Dự án Phòng chống lao giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn 2030.
- Chuẩn bị kế hoạch xây dựng Đề xuất viện trợ Quỹ Toàn cầu cho hoạt động phòng chống lao giai đoạn 2024-2026.

PHẦN 3

KẾT LUẬN

Từ tháng 4/2022, sau khi đại dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát, dưới sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt, chiến lược của Ban điều hành, Chương trình chống lao tất cả các tuyến đã có sự phục hồi mạnh mẽ, quyết tâm đạt được chỉ tiêu về phát hiện và điều trị lao nhạy cảm, lao kháng thuốc, lao tiềm ẩn năm 2022.

Quý 2/2022 là giai đoạn ghi nhận sự nỗ lực không ngừng của đơn vị chống lao từ Trung ương xuống địa phương trong việc mở rộng và đẩy mạnh triển khai chiến lược 2X trong phát hiện tích cực và phát hiện chủ động bệnh lao, các hoạt động truyền thông cũng được triển khai đồng bộ, mặc dù kinh phí còn rất hạn chế, nhưng đã đưa lại các hiệu quả khả quan ban đầu, giúp người dân nói chung và các nhóm nguy cơ cao chủ động đến cơ sở chống lao hoặc tham gia các chiến dịch phát hiện chủ động bệnh lao để bảo vệ sức khỏe bản thân và gia đình sau đại dịch COVID-19. Kết quả là 6 tháng đầu năm 2022, Chương trình chống lao đã phát hiện được số bệnh nhân mắc lao cao hơn cùng kỳ năm 2020 và 2021, đang từng bước tiến đến mục tiêu đã cam kết về số bệnh nhân lao được phát hiện cả năm 2022.

Từ 1/7/2022, CTCL thực hiện chuyển giao cơ chế cung ứng thuốc lao từ nguồn ngân sách Nhà nước sang nguồn Quỹ BHYT. Do đó, trong 6 tháng đầu năm, Chương trình chống lao đã phối hợp với vụ Bảo hiểm y tế - Bộ Y tế triển khai các công tác chuẩn bị, đôn đốc, hướng dẫn địa phương tiếp nhận, quản lý, sử dụng và điều tiết thuốc chống lao thanh toán từ nguồn ngân sách BHYT. Trong giai đoạn tiếp theo, CTCL sẽ tiếp tục đôn đốc, hỗ trợ địa phương hoàn thiện các điều kiện kiện toàn CSYT để đảm bảo đủ các điều kiện thực hiện khám chữa bệnh lao thanh toán BHYT, tập trung hỗ trợ các địa phương trong việc quản lý điều tiết sử dụng thuốc chống lao hàng 1 nguồn BHYT để đảm bảo có đủ thuốc sử dụng cho người bệnh.

PHẦN 4

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: BẢNG, BIỂU ĐỒ HOẠT ĐỘNG PHÁT HIỆN, ĐIỀU TRỊ, XÉT NGHIỆM THEO MIỀN

*Bảng 5: Kết quả phát hiện bệnh nhân lao 6 tháng đầu năm 2022 và 2021
Khu vực miền Bắc*

Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
6 tháng 2022	6.480	471	68	3.046	2.513	0	12.578
%	51,52	3,74	0,54	24,22	19,98	0,00	100
6 tháng 2021	7.255	577	128	3.549	3.193	2	14.704
%	49,34	3,92	0,87	24,14	21,72	0,01	100
SS số lượng	-775	-106	-60	-503	-680	-2	-2.126
SS TL %	2,18	-0,18	-0,33	0,08	-1,74	-0,01	0,00
SS TL/SL	-10,68	-18,37	-46,88	-14,17	-21,30	-100,00	-14,46

* SS: So sánh

*Bảng 6: Kết quả phát hiện bệnh nhân lao 6 tháng đầu năm 2022 và 2021
Khu vực miền Trung*

Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
6 tháng 2022	3.220	252	51	1.478	889	7	5.897
%	54,60	4,27	0,86	25,06	15,08	0,12	100
6 tháng 2021	2.704	238	59	1.313	1.116	5	5.435
%	49,75	4,38	1,09	24,16	20,53	0,09	100
SS số lượng	516	14	-8	165	-227	2	462
SS TL %	4,85	-0,11	-0,22	0,91	-5,46	0,03	0,00
SS TL/SL	19,08	5,88	-13,56	12,57	-20,34	40,00	8,50

* SS: So sánh

Bảng 7: Kết quả phát hiện bệnh nhân lao 6 tháng đầu năm 2022 và 2021**Khu vực miền Nam**

Năm	Lao phổi có bằng chứng VK			Lao phổi không có bằng chứng VK	Lao NP	Không rõ tiền sử	Tổng cộng
	Mới	Tái phát	Điều trị lại				
6 tháng 2022	19.062	1.722	272	3.713	4.803	9	29.581
%	64,44	5,82	0,92	12,55	16,24	0,03	100
6 tháng 2021	16.476	1.768	373	3.461	5.471	48	27.597
%	59,70	6,41	1,35	12,54	19,82	0,17	100
SS số lượng	2.586	-46	-101	252	-668	-39	1.984
SS TL %	4,74	-0,59	-0,43	0,01	-3,59	-0,14	0,00
SS TL/SL	15,70	-2,60	-27,08	7,28	-12,21	-81,25	7,19

* SS: So sánh

Bảng 9: Kết quả điều trị bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát 6 tháng đầu năm 2020 và 2021**Khu vực miền Bắc.**

Năm		Số BN đánh giá	Kết quả điều trị					
			Khỏi	HTĐT	Chết	Thất bại	Không theo dõi được	Không đánh giá
6 tháng 2021	Số BN	7671	5542	1594	148	22	154	211
	%		72,2	20,8	1,9	0,3	2,0	2,8
6 tháng 2020	Số BN	6804	5578	741	151	28	164	142
	%		82,0	10,9	2,2	0,4	2,4	2,1

Bảng 10: Kết quả điều trị bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát 6 tháng đầu năm 2020 và 2021

Khu vực miền Trung

Năm		Số BN đánh giá	Kết quả điều trị					
			Khỏi	HTĐT	Chết	Thất bại	Không theo dõi được	Không đánh giá
6 tháng 2021	Số BN	2787	2285	366	69	12	35	20
	%		82,0	13,1	2,5	0,4	1,3	0,7
6 tháng 2020	Số BN	3040	2615	254	70	14	41	46
	%		86,0	8,4	2,3	0,5	1,3	1,5

Bảng 11: Kết quả điều trị bệnh nhân lao có bằng chứng vi khuẩn học mới và tái phát 6 tháng đầu năm 2020 và 2021

Khu vực Miền Nam

Năm		Số BN đánh giá	Kết quả điều trị					
			Khỏi	HTĐT	Chết	Thất bại	Không theo dõi được	Không đánh giá
6 tháng 2021	Số BN	17615	13619	2428	508	134	471	455
	%		77,3	13,8	2,9	0,8	2,7	2,6
6 tháng 2020	Số BN	17315	14.856	898	585	160	450	366
	%		85,8	5,2	3,4	0,9	2,6	2,1

Bảng 12: Kết quả xét nghiệm đờm sau 2(3) tháng điều trị (6 tháng đầu năm 2022)

Khu vực		Dương tính mới				Điều trị lại			
		Dương tính	Âm tính	KXN	Tổng số	Dương tính	Âm tính	K XN	Tổng số
MBắc	Số BN	53	2.914	372	3.339	15	249	32	296
	%	1,6	87,3	11,1		5,1	84,1	10,8	
Mtrung	Số BN	55	1.665	236	1.956	8	129	24	161

Khu vực		Dương tính mới				Điều trị lại			
		Dương tính	Âm tính	KXN	Tổng số	Dương tính	Âm tính	K XN	Tổng số
	%	2,8	85,1	12,1		5,0	80,1	14,9	
MNam	Số BN	446	10.708	1.273	12.427	78	1.084	161	1.323
	%	3,6	86,2	10,2		5,9	81,9	12,2	
Toàn quốc	Số BN	554	15.287	1.881	17.722	101	1.462	217	1.780
	%	3,1	86,3	10,6		5,7	82,1	12,2	

Bảng 13: Số tiêu bản thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 theo miền

Miền	Số tiêu bản phát hiện			Số tiêu bản theo dõi điều trị			Tổng số
	(+)	(-)	Cộng	(+)	(-)	Cộng	
M. Bắc							
6 tháng 2021	9.153	219.647	228.800	659	24.712	25.371	254.171
6 tháng 2022	3.508	103.826	107.334	212	7.591	7.803	115.137
M. Trung							
6 tháng 2021	4.239	61.673	65.912	335	8.810	9.145	75.057
6 tháng 2022	2.057	24.465	26.522	169	3.219	3.388	29.910
Mnam							
6 tháng 2021	26.424	302.269	328.693	2.139	62.786	64.925	393.618
6 tháng 2022	13.658	140.671	154.329	1.054	23.743	24.797	179.126
Toàn quốc							
6 tháng 2021	39.816	583.589	623.405	3.133	96.308	99.441	722.846
6 tháng 2022	19.223	268.962	288.185	1.435	34.553	35.988	324.173

Bảng 14: Tình hình thử đờm phát hiện.

Khu vực	Người thử đờm / dân số				Người thử đờm (+) / người thử đờm			
	6 tháng 2021		6 tháng 2022		6 tháng 2021		6 tháng 2022	
	S.lượng	%	S.lượng	%	S.lượng	%	S.lượng	%
M.Bắc	119.542	0,26	83.111	0,19	4.879	4,08	3.063	3,69
M.Trung	41.424	0,26	26.352	0,17	2.652	6,40	1.940	7,36
M.Nam	174.978	0,44	141.096	0,35	14.344	8,20	14.017	9,93
T.quốc	335.944	0,33	250.559	0,25	21.875	6,51	19.020	7,59

Bảng 15: Kết quả kiểm định tiêu bản Q1 năm 2021 - 2022 theo miền.

Miền	Số TB kiểm định	Lỗi lớn		Lỗi nhỏ	
		SL	%	SL	%
M. Bắc					
Q1 - 2021	14.636	2	0,01%	49	0,33%
Q1 - 2022	10.432	49	0,47%	37	0,35%
M. Trung					
Q1 - 2021	5.903	2	0,03%	41	0,69%
Q1 - 2022	3.596	3	0,08%	42	1,17%
M. Nam					
Q1 - 2021	18.013	8	0,04%	97	0,54%
Q1 - 2022	12.081	11	0,09%	82	0,68%
Toàn quốc					
Q1 - 2021	38.552	12	0,03%	187	0,49%
Q1 - 2022	26.109	63	0,24%	161	0,62%

PHỤ LỤC 2: TÌNH HÌNH CUNG ỨNG THUỐC, VẬT TƯ VÀ TRANG THIẾT BỊ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

BẢNG 2.1: SỐ LƯỢNG THUỐC CHỐNG LAO PHÂN PHỐI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

St t	Tỉnh/ Đơn vị	NGUỒN: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							NGUỒN QUỸ TOÀN CẦU					
		Strep mycin	Turbe	Turbezid	Ethambu tol	Pyrazina mid	Isoniazi d	Isoniaz id	Ethambu tol	Pyrazina mid	RH	RH	RHZ	Ethambu tol
		(S)	(R/H)	(R/H/Z)	(E)	(Z)	(H)	(H)	(E)	(Z)	T/E	T/E	T/E	T/E
		lọ	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên
		01g	150/100 mg	150/75/400 mg	400mg	500mg	300mg	50mg	400mg	500mg	150/75mg	75/50mg	75/50/150 mg	100mg
I	MIỀN BẮC													
1	Hà Nội	-	163.800	68.040	-	-	31.284	4.500	122.304	-	98.420	19.376	9.464	5.400
2	Hải Phòng	-	36.000	-	120.000	-	33.408	1.500	-	-	70.308	13.832	6.776	-
3	Hưng Yên	-	-	-	-	-	3.000	-	-	-	9.380	1.848	924	-
4	Hải Dương	-	72.000	36.000	114.000	-	4.884	-	-	-	51.548	10.164	4.956	3.960
5	Thái Bình	-	-	-	-	-	4.560	-	-	-	42.196	8.316	4.060	3.240
6	Hà Nam	-	-	-	-	-	3.720	-	-	-	46.844	9.240	4.508	3.600
7	Nam Định	-	-	-	-	-	4.824	-	-	-	46.844	9.240	4.508	3.600
8	Ninh Bình	-	97.200	-	36.000	-	14.100	3.000	-	-	23.436	4.620	2.268	-
9	Thanh Hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	46.844	9.240	4.508	3.600
10	Nghệ An	-	-	-	-	-	30.624	-	-	-	103.068	20.300	9.912	7.920
11	Hà Tĩnh	-	55.800	39.400	74.400	-	2.400	1.500	-	-	14.084	2.772	1.372	-
12	Phú Thọ	-	36.000	10.800	24.000	-	35.436	-	-	-	14.084	2.772	1.372	-
13	Vĩnh Phúc	-	36.000	10.800	36.000	-	7.980	-	-	-	9.380	1.848	924	-
14	Bắc Ninh	-	90.360	37.800	87.600	-	3.000	-	-	-	14.084	2.772	1.372	-
15	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	131.684	24.892	13.160	7.200
16	Hòa Bình	-	79.200	39.600	78.000	-	-	-	-	-	14.084	2.772	1.372	-
17	Yên Bái	60	-	-	-	-	-	-	-	-	14.084	2.772	1.372	-
18	Lào Cai	-	14.400	-	24.000	-	5.328	-	-	-	23.436	4.620	2.268	-
19	Bắc Kạn	-	6.480	3.600	7.200	-	7.800	-	-	-	4.6048	924	476	-
20	Thái Nguyên	-	18.000	-	-	-	-	15.000	-	36.960	37.492	7.392	3.612	-

21	Quảng Ninh	-	210.000	72.000	219.600	-	-	-	-	-	60.900	11.984	5.852	4.680
22	Lạng Sơn	500	50.040	10.800	60.000	-	-	-	-	-	65.604	12.908	6.300	5.040
23	Cao Bằng	-	-	-	12.000	-	16.260	-	-	-	18.704	3.696	1.820	-
24	Hà Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	98.420	19.376	9.464	3.600
25	Tuyên Quang	-	10.800	-	-	-	-	-	-	-	4.648	924	476	-
26	Lai Châu	-	10.800	10.800	13.800	-	-	-	-	-	9.380	1.848	924	-
27	Điện Biên	500	19.080	7.200	13.200	-	32.676	3.000	-	-	9.380	1.848	924	-
28	Sơn La	-	33.840	7.200	12.000	-	-	-	12.096	-	9.380	1.848	924	-
	CỘNG I	1.060	1.039.800	354.040	931.800	-	241.284	28.500	134.400	36.960	1.092.364	214.144	105.868	51.840
II	BỆNH VIỆN TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Bệnh viện 71 TW	-	216.600	223.200	264.000	-	-	-	-	-	20.020	10.024	10.024	-
2	Bệnh viện 74 TW	-	-	-	-	-	-	-	-	10.080	-	-	-	-
3	BV Phổi TW	5.000	522.000	144.000	996.000	-	-	-	-	-	1.038.378	195.636	90.941	54.954
4	BVTWQĐ 108	-	-	10.800	22.440	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	BVTWQĐ 103	-	32.420	-	26.520	-	-	-	3.584	-	-	-	-	-
6	BV 198 BCA	-	-	5.040	7.320	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Bệnh viện E	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	BV Hữu Nghị	50.000	9.360	3.960	9.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	BV Nội Tiết TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	BV Nhiệt Đới TW	-	-	3.240	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	BV Bạch Mai	85	180	1.440	1.200	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	BV Nhi TW	-	-	-	-	200	-	1.500	-	-	-	-	-	-
	CỘNG II	55.085	780.560	391.680	1.326.720	200	-	1.500	3.584	10.080	1.058.398	205.660	100.965	54.954
	KHO TW	56.145	1.820.360	745.720	2.258.520	200	241.284	30.000	137.984	47.040	2.150.762	419.804	206.833	106.794
III	MIỀN TRUNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Quảng Bình	-	10.000	-	-	-	3.934	6.000	-	-	9.380	1.848	924	-
2	Quảng Trị	-	100.000	40.000	-	-	6.576	-	-	-	28.140	5.544	2.716	-

3	Thừa Thiên Huế	-	-	-	-	-	19.216	-	-	-	37.492	7.392	3.612	-
4	Quảng Nam	-	37.908	12.672	-	-	12.072	-	-	-	74.956	14.756	7.224	-
5	Đà Nẵng	-	-	20.000	20.000	-	56.544	-	-	-	70.308	13.832	6.776	-
6	Bình Định	-	-	-	-	-	13.200	-	-	-	42.196	8.316	4.060	-
7	Quảng Ngãi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	74.956	14.756	7.224	-
8	Phú Yên	-	-	-	-	-	3.360	-	-	-	23.436	4.620	2.268	-
9	Đắk Lắk	-	-	-	-	-	70.352	-	-	-	37.492	7.392	3.612	-
10	Đắk Nông	-	-	-	-	-	15.720	-	-	-	37.492	7.392	3.612	-
11	Kon Tum	-	12.000	-	-	-	2.500	-	-	-	46.844	9.240	4.508	-
12	Gia Lai	-	-	-	-	-	9.822	-	-	-	18.704	3.696	1.820	-
13	Khánh Hòa	-	-	-	72.000	-	7.392	-	-	-	84.364	16.604	8.120	-
	CỘNG III	-	159.908	72.672	92.000	-	220.688	6.000	-	-	585.760	115.388	56.476	-
IV	MIỀN ĐÔNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Bà Rịa Vũng Tàu	-	162.000	43.200	60.000	-	18.000	9.000	-	18.816	89.012	35.056	17.136	-
2	Bình Dương	-	532.800	18.000	99.600	-	138.024	10.500	-	31.504	121.856	47.936	23.408	-
3	Bình Phước	-	12.600	-	22.800	-	3.900	3.000	-	1.344	65.604	25.816	12.600	-
4	Bình Thuận	-	54.000	-	79.560	-	21.000	18.000	-	9.408	74.956	29.512	14.448	-
5	Đồng Nai	-	406.800	50.400	120.360	-	65.064	10.500	-	81.984	178.108	126.588	36.400	-
6	Lâm Đồng	-	10.800	27.000	9.600	-	6.216	3.000	-	1.344	46.844	18.480	9.016	-
7	Ninh Thuận	-	54.000	-	22.800	-	9.408	3.000	-	33.600	70.308	30.912	13.552	-
8	Tây Ninh	-	36.000	-	66.000	-	3.600	-	-	9.408	65.604	25.816	12.600	-
9	TP Hồ Chí Minh	4.500	1.898.888	918.161	2.155.024	-	596.964	43.500	-	225.565	2.392.656	998.816	482.608	-
	CỘNG IV	4.500	3.167.888	1.056.761	2.635.744	-	862.176	100.500	-	412.973	3.104.948	1.338.932	621.768	-
V	MIỀN TÂY	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	An Giang	-	-	64.800	36.000	-	51.864	3.000	-	-	126.980	47.936	23.408	-
2	Bến Tre	-	-	3.600	-	-	48.000	-	-	-	46.844	18.480	9.016	-
3	Bạc Liêu	-	-	-	-	-	38.280	-	-	-	28.140	11.088	5.432	-

4	Cà Mau	-	43.200	-	36.000	-	-	-	-	-	46.844	18.480	9.016	-
5	Cần Thơ	-	144.000	-	240.000	-	-	-	-	-	70.308	27.664	13.552	-
6	Hậu Giang	-	-	108.000	36.000	-	-	-	-	-	46.844	18.480	9.016	-
7	Kiên Giang	-	122.400	-	132.000	-	43.224	-	-	-	84.364	33.208	16.240	-
8	Sóc Trăng	-	-	28.800	-	-	128.952	-	-	-	56.252	22.120	10.808	-
9	Trà Vinh	-	-	61.200	7.200	-	29.760	-	-	-	18.704	7.392	3.640	-
10	Vĩnh Long	-	-	82.800	24.000	-	-	-	-	-	18.704	7.392	3.640	-
11	Đồng Tháp	-	108.000	-	60.000	-	19.704	-	-	-	107.800	42.448	20.720	-
12	Tiền Giang	-	25.200	-	-	-	2.640	6.000	-	-	56.252	22.120	10.808	-
13	Long An	-	18.000	-	24.000	-	45.048	-	-	-	51.548	20.272	9.912	-
	CỘNG V	-	460.800	349.200	595.200	-	407.472	9.000	-	-	759.584	297.080	145.208	-
	TỔNG CỘNG	60.645	5.608.956	2.224.353	5.581.464	200	1.731.620	145.500	137.984	460.013	6.601.054	2.171.204	1.030.285	106.794

Stt	Tỉnh/ Đơn vị	NGUỒN: CDC		NGUỒN: FIT	NGUỒN: WHO			NGUỒN STOPTB USAID		NGUỒN: VIMEDIMEX	
		Rifapentine	Isoniazid	Rifapentine	Rifapentine	Isoniazid	Isoniazid	RH	RH	Rifampicin	Rifampicin
		(P)	(H)	(P)	(P)	(H)	(H)	N/L	T/E	(R)	(R)
		viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên	viên
		150mg	300mg	150mg	150mg	300mg	100mg	150/75mg	75/50mg	150mg	300mg
I	MIỀN BẮC										
1	Hà Nội	36.640	-	-	-	-	240	50.400	21.616	-	-
2	Hải Phòng	8.832	-	-	33.904	5.264	6.030	126.000	54.012	-	-
3	Hưng Yên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Hải Dương	-	-	-	-	-	60	-	-	-	-
5	Thái Bình	-	-	-	-	-	1.050	50.400	21.616	-	-
6	Hà Nam	-	-	-	-	-	-	25.200	10.808	-	-
7	Nam Định	-	-	-	-	-	-	50.400	21.616	-	-
8	Ninh Bình	-	-	-	-	-	270	125.640	50.428	-	-
9	Thanh Hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Nghệ An	-	-	-	-	-	-	126.000	54.012	-	-

11	Hà Tĩnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Phú Thọ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Vĩnh Phúc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Bắc Ninh	-	-	-	-	-	-	32.760	14.056	-	-
15	Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Hòa Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Yên Bái	-	-	-	-	-	-	25.200	10.808	-	-
18	Lào Cai	-	-	-	-	-	720	-	-	-	-
19	Bắc Kạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
20	Thái Nguyên	6.840	-	-	-	-	-	11.536	4.704	-	-
21	Quảng Ninh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Lạng Sơn	-	-	-	-	-	-	11.536	4.704	-	-
23	Cao Bằng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Hà Giang	-	-	-	1.992	924	360	-	-	-	-
25	Tuyên Quang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Lai Châu	-	-	-	2.760	1.092	-	-	-	-	-
27	Điện Biên	-	-	-	-	-	270	-	-	-	-
28	Sơn La	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CỘNG I	52.312	-	-	38.656	7.280	9.000	635.072	268.380	-	-
II	BENH VIEN TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Bệnh viện 71 TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Bệnh viện 74 TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	BV Phổi TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	BVTWQĐ 108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	BVTWQĐ 103	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	BV 198 BCA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Bệnh viện E	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	BV Hữu Nghị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

9	BV Nội Tiết TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	BV Nhiệt Đới TW	8.712	25.200	-	-	-	-	-	-	-	-
11	BV Bạch Mai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	BV Nhi TW	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CỘNG II	8.712	25.200	-	-	-	-	-	-	-	-
	KHO TW	61.024	25.200	-	38.656	7.280	9.000	635.072	268.380	-	-
III	MIỀN TRUNG	-	-	-	-	-	-			-	-
1	Quảng Bình	-	-	-	-	-	-	75.600	32.424	-	-
2	Quảng Trị	-	-	608	51.000	22.512	18.000	151.200	64.820	-	-
3	Thừa Thiên Huế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Quảng Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Đà Nẵng	-	-	464	-	-	2.420	100.800	43.204	-	-
6	Bình Định	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Quảng Ngãi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Phú Yên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Đắk Lắk	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Đắk Nông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Kon Tum	-	-	-	-	-	-	12.600	5.404	-	-
12	Gia Lai	-	-	-	-	-	3.500	30.240	12.964	-	-
13	Khánh Hòa	-	-	-	5.000	-	-	75.600	32.424	-	-
	CỘNG III	-	-	1.072	56.000	22.512	23.920	446.040	191.240	-	-
IV	MIỀN ĐÔNG	-	-	-	-	-	-			-	-
1	Bà Rịa Vũng Tàu	12.128	-	-	-	-	200	-	-	-	-
2	Bình Dương	96.192	-	-	-	-	360	-	-	-	-
3	Bình Phước	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-
4	Bình Thuận	-	-	-	-	-	60	-	-	-	-
5	Đồng Nai	15.552	-	-	-	-	8.100	132.132	56.532	-	-
6	Lâm Đồng	656	-	656	-	-	-	-	-	-	-

7	Ninh Thuận	-	-	-	-	-	3.600	7.560	3.248	-	-
8	Tây Ninh	-	-	-	-	-	-	145.824	62.300	-	-
9	TP Hồ Chí Minh	158.400	-	-	-	-	-	138.600	59.416	7.660	36.600
	CỘNG IV	282.928	-	656	-	-	12.350	424.116	181.496	7.660	36.600
V	MIỀN TÂY	-	-	-	-	-	-			-	-
1	An Giang	-	-	-	-	-	1.260	201.600	86.408	-	-
2	Bến Tre	-	-	-	-	-	540	-	-	-	-
3	Bạc Liêu	-	-	-	-	-	1.260	-	-	-	-
4	Cà Mau	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Cần Thơ	-	-	-	-	-	-	75.600	32.424	-	-
6	Hậu Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Kiên Giang	-	-	-	-	-	180	21.616	9.016	-	-
8	Sóc Trăng	-	-	-	-	-	28.800	12.600	5.404	-	-
9	Trà Vinh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Vĩnh Long	-	-	-	-	-	-	100.800	43.204	-	-
11	Đồng Tháp	-	-	-	-	-	2.220	-	-	-	-
12	Tiền Giang	1.440	-	-	-	-	-	50.400	21.616	-	-
13	Long An	29.856	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	CỘNG V	31.296	-	-	-	-	34.260	462.616	198.072	-	-
	TỔNG CỘNG	375.248	25.200	1.728	94.656	29.792	79.530	1.967.844	839.188	7.660	36.600

BẢNG 2.2: BẢNG PHÂN PHỐI THUỐC CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO HÀNG HAI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Stt	Tỉnh/ Đơn vị	Amikacin 500MG/2ML	Streptomycin 1G	Cycloserine 250MG	Levofloxacin 250MG	PAS 5.52G	Prothionamide 250MG	Pyrazinamid 500MG	Clofazimine 100MG	Linezolid 600MG	Moxifloxacin 400MG	Isoniazid 300MG	Bedaquiline 100MG	Delamanid 50MG	Pretomanid 200MG	Imipenem/Cilastatin 500MG/500MG	Amoxicillin 875/ Acid Clavulanic 125MG
		(ống)	(lọ)	(viên)	(viên)	(gói)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)
Khu vực miền Bắc		10.660	0	96.300	283.500	3.175	60.100	146.496	79.600	26.700	2.000	40.992	44.556	672	0	500	300
1	BV Phổi Hà Nội	0	0	31.600	63.900	0	24.500	33.600	24.800	6.000	0	4.032	9.964	0	0	0	0
2	BV Phổi TW	2.000	0	11.100	74.200	0	0	0	7.800	3.000	2.000	2.016	4.700	0	0	0	0
3	Nghệ An	0	0	2.200	15.000	1.400	9.500	16.800	5.400	1.000	0	2.688	5.828	672	0	300	300
4	Thanh Hóa	0	0	4.500	8.000	275	6.000	16.800	3.000	200	0	1.344	3.196	0	0	0	0
5	Hải Dương	1.000	0	3.200	19.400	0	700	16.128	2.500	2.100	0	672	1.128	0	0	200	0
6	Hải Phòng	0	0	16.100	3.500	500	0	1.344	8.700	1.600	0	1.344	940	0	0	0	0
7	Hưng Yên	200	0	200	2.000	0	600	0	0	300	0	3.360	564	0	0	0	0
8	Nam Định	2.000	0	0	17.000	0	3.500	12.096	5.700	3.000	0	1.344	3.572	0	0	0	0
9	Quảng Ninh	1.200	0	5.000	9.700	200	0	3.360	2.500	2.500	0	1.344	1.316	0	0	0	0
10	K74	0	0	900	1.300	200	1.500	8.064	600	700	0	1.344	564	0	0	0	0
11	Thái Bình	0	0	3.200	4.400	100	1.500	1.344	2.300	500	0	672	2.068	0	0	0	0
12	Bắc Giang	0	0	0	5.700	0	700	3.360	2.600	700	0	0	940	0	0	0	0
13	Thái Nguyên	1.000	0	1.000	5.000	0	1.000	0	500	300	0	672	564	0	0	0	0
14	Hà Tĩnh	0	0	800	0	0	300	0	0	200	0	1.344	1.128	0	0	0	0
15	Điện Biên	500	0	1.000	1.400	0	0	672	200	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Ninh Bình	0	0	600	3.600	0	1.300	672	500	1.000	0	672	376	0	0	0	0
17	Lạng Sơn	0	0	0	1.500	0	300	2.016	400	200	0	0	564	0	0	0	0
18	Hà Nam	400	0	2.000	13.000	0	0	1.344	4.700	0	0	2.016	1.316	0	0	0	0

Stt	Tỉnh/ Đơn vị	Amikacin 500MG/2ML	Streptomycin 1G	Cycloserine 250MG	Levofloxacin 250MG	PAS 5.52G	Prothionamide 250MG	Pyrazinamid 500MG	Clofazimine 100MG	Linezolid 600MG	Moxifloxacin 400MG	Isoniazid 300MG	Bedaquiline 100MG	Delamanid 50MG	Pretomanid 200MG	Imipenem/Cilastatin 500MG/500MG	Amoxicillin 875/ Acid Clavulanic 125MG
		(ống)	(lọ)	(viên)	(viên)	(gói)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)	(viên)
19	Bắc Ninh	0	0	2.700	5.900	500	2.000	4.704	2.300	1.000	0	672	376	0	0	0	0
20	Phú Thọ	0	0	800	1.100	0	700	1.344	1.400	600	0	0	940	0	0	0	0
21	BV 71	0	0	6.000	13.000	0	4.000	17.472	2.000	0	0	14.112	3.008	0	0	0	0
22	Cao Bằng	0	0	0	0	0	300	1.344	0	100	0	0	188	0	0	0	0
23	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	100	672	0	100	0	0	188	0	0	0	0
24	Hà Giang	1.500	0	0	500	0	0	0	0	100	0	0	0	0	0	0	0
25	Tuyên Quang	0	0	0	1.700	0	100	1.344	300	100	0	0	188	0	0	0	0
26	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Yên Bái	0	0	100	1.300	0	200	672	100	300	0	0	0	0	0	0	0
28	Lai Châu	0	0	0	0	0	100	0	0	0	0	0	188	0	0	0	0
29	Sơn La	0	0	500	200	0	200	0	100	100	0	672	376	0	0	0	0
30	Hòa Bình	500	0	800	2.700	0	600	0	300	500	0	0	188	0	0	0	0
31	Bệnh viện 103	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Vĩnh Phúc	360	0	2.000	8.500	0	400	1.344	900	500	0	672	188	0	0	0	0
Khu vực miền Trung		0	0	30.000	101.000	0	27.100	79.296	30.000	10.000	0	0	33.840	0	0	0	0
Khu vực miền Tây Nam Bộ		0	0	50.000	180.000	900	30.000	57.120	93.000	20.000	2.500	0	40.232	0	0	0	0
Khu vực miền Đông Nam Bộ		17.600	0	48.800	236.400	1.900	46.900	700.224	71.200	22.700	0	0	94.188	2.016	1.820	0	10.000
TỔNG CỘNG		28.260	0	225.100	800.900	5.975	164.100	983.136	273.800	79.400	4.500	40.992	212.816	2.688	1.820	500	10.300

BẢNG 2.3: THEO DÕI CẤP PHÁT VẬT TƯ TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 (PHẦN 1)

STT	Tỉnh/ Đơn vị	Cốc đờm	Lam kính	Giấy lau KHV	Giấy lọc Fucsin	Bộ dụng cụ XN	Hộp đựng tiêu bản	Cốc uống thuốc
	ĐVT	cái	cái	tập (100 tờ)	tờ	bộ	hộp	cái
I	MIỀN BẮC	-	86.328	10.000	62	16	24	-
1	Hải Phòng		36.000			2		
2	Hà Nam		15.120					
3	Hà Tĩnh		10.008	10.000	37	2		
4	Hòa Bình					12	24	
5	Quảng Ninh		10.800					
6	Lạng Sơn		7.200		25			
7	Lai Châu		7.200					
II	MIỀN TRUNG	500	7.200	-	-	-	-	-
1	Quảng Nam	500						
2	Đà Nẵng		7.200					
III	MIỀN ĐÔNG	-	91.808	40.067	65	-	576	3.100
1	Bà Rịa Vũng Tàu		7.208	5.000	6		72	400
2	Bình Dương		1.296	5.000	6		72	400
3	Bình Phước		21.600	5.000	5		72	400
4	Bình Thuận		21.600	5.000	6		72	400
STT	Tỉnh/ Đơn vị	Cốc đờm	Lam kính	Giấy lau KHV	Giấy lọc Fucsin	Bộ dụng cụ XN	Hộp đựng tiêu bản	Cốc uống thuốc
	ĐVT	cái	cái	tập (100 tờ)	tờ	bộ	hộp	cái
5	Đồng Nai		-	5.000	6		72	300
6	Lâm Đồng		14.400	5.000	5		72	400
7	Ninh Thuận		14.400	5.000	6		72	400
8	Tây Ninh		10.800	5.000	6		72	400
9	TPHCM		504	67	19			
	TỔNG CỘNG	500	185.336	50.067	127	16	600	3.100

BẢNG 2.4: THEO DÕI CẤP PHÁT VẬT TƯ (PHẦN 2) VÀ VẬT TƯ PHÒNG DỊCH COVID-19 CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO QUỐC GIA 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	Ống ly tâm 50ml chia vạch (ống falcon)	Khẩu trang N95	Khẩu trang Y tế	Bộ quần áo phòng dịch	Nước rửa tay
		cái	cái	(chiếc)	Bộ	(chai)
I	MIỀN BẮC	4.000	2.000	925.820	7.620	2.503
1	Hà Nội	650		80.080	240	108
2	Hải Phòng	200		85.050	420	235
3	Hưng Yên	100		30.030	240	72
4	Hải Dương	100	1000	30.030	240	72
5	Thái Bình	100		30.030	240	72
6	Hà Nam	50	1000	40.040	240	72
7	Nam Định	150		30.030	240	72
8	Ninh Bình	50		30.030	240	72
9	Thanh Hóa	200		30.030	240	72
10	Nghệ An	150		30.030	240	72
11	Hà Tĩnh	50		30.030	240	72
12	Phú Thọ	100		30.030	240	72
13	Vĩnh Phúc	50		20.020	240	72
14	Bắc Ninh	50		30.030	240	72
15	Bắc Giang	100		30.030	240	72
16	Hòa Bình	50		30.030	240	72
17	Yên Bái	50		30.030	240	72
18	Lào Cai	50		10.010	240	72
19	Bắc Cạn	50		10.010	240	72
20	Thái Nguyên	50		10.010	240	72
21	Quảng Ninh	150		30.030	240	72

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	Ống ly tâm 50ml chia vạch (ống falcon)	Khẩu trang N95	Khẩu trang Y tế	Bộ quần áo phòng dịch	Nước rửa tay
		cái	cái	(chiếc)	Bộ	(chai)
22	Lạng Sơn	250		20.020	240	72
23	Cao Bằng	50		10.010	240	72
24	Hà Giang	50		10.010	240	72
25	Tuyên Quang	50		10.010	240	72
26	Lai Châu	50		10.010	240	72
27	Điện Biên	50		10.010	240	72
28	Sơn La	50		10.010	240	72
29	BV 71 TW	50		30.030	240	72
30	BV 74 TW	100		30.030	240	72
31	BVPTW	750		110.040	240	144
32	BV 103	50				
III	MIỀN TRUNG	850	-	63.250	2.040	1.418
1	Quảng Bình	50				
2	Quảng Trị	50		3.500		180
3	Thừa Thiên Huế	50		5.250	420	50
4	Quảng Nam	50		8.750	360	180
5	Đà Nẵng	100		14.000		
6	Bình Định	100				
7	Quảng Ngãi	50		5.250		180
8	Phú Yên	50				
9	Đắk Lắk	50		8.750	360	180
10	Đắk Nông	50				
11	Kon Tum	50		2.000	180	288
12	Gia Lai	50		8.750	360	180
13	Khánh Hòa	150		7.000	360	180

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	Ống ly tâm 50ml chia vạch (ống falcon)	Khẩu trang N95	Khẩu trang Y tế	Bộ quần áo phòng dịch	Nước rửa tay
		cái	cái	(chiếc)	Bộ	(chai)
IV	MIỀN ĐÔNG	2.600	49.880	167.160	1.080	372
1	Bà Rịa Vũng Tàu	100	1120	20.020	120	48
2	Bình Dương	250	2800	20.020	180	72
3	Bình Phước	50	4880	20.020	180	72
4	Bình Thuận	100	1400	20.020	120	36
5	Đồng Nai	250	3520	20.020	120	36
6	Lâm Đồng	50	5600	20.020	120	36
7	Ninh Thuận	100	1960	20.020	120	36
8	Tây Ninh	200	3520	20.020	120	36
9	TPHCM	1.500	25080	7.000		
V	MIỀN TÂY	2.050	-	920	133.000	358
1	An Giang	350		-	20.000	50
2	Bến Tre	100		30	11.000	28
3	Bạc Liêu	100		120	15.000	55
4	Cà Mau	100		-	5.000	-
5	Cần Thơ	150		310	20.000	40
6	Hậu Giang	100		-	-	-
7	Kiên Giang	150		-	-	-
8	Sóc Trăng	150		110	2.000	43
9	Trà Vinh	100		-	-	-
10	Vĩnh Long	150		70	-	28
11	Đồng Tháp	200		140	20.000	43
12	Tiền Giang	200		140	30.000	43
13	Long An	200		-	10.000	28
	TỔNG CỘNG	9.500	51.880	1.157.150	143.740	4.651

BẢNG 2.5: THEO DÕI CẤP PHÁT HÓA CHẤT CTCLQG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	Fuccin	XML	Phenol	HCL	Dầu soi
		gam	gam	gam	ml	ml
I	MIỀN BẮC	12.700	20.500	9.750	-	-
1	Hà Nam	1.000		750		
2	Nam Định	1.200		4.000		
3	Hà Tĩnh	10.000	20.000	2.500		
4	Quảng Ninh			1.000		
5	Lạng Sơn			750		
6	Hà Giang	500	500			
7	Sơn La			750		
II	MIỀN ĐÔNG	5.000	5.000	11.250	8.000	8.500
1	Bà Rịa Vũng Tàu	500	500	1.250	500	500
2	Bình Dương	300	300	1.500	1.000	500
3	Bình Phước	200	200	1.000	500	500
4	Bình Thuận	300	300	1.750	500	500
5	Đồng Nai	1.200	1.200	1.500	500	500
6	Lâm Đồng	400	400	2.000	500	500
7	Ninh Thuận	900	900	1.000	500	500
8	Tây Ninh	1.200	1.200	1.250	500	500
9	TPHCM				3.500	4.500
	TỔNG CỘNG	17.700	25.500	21.000	8.000	8.500

BẢNG 2.6: THEO DÕI CẤP PHÁT SINH PHẨM VÀ VẬT TƯ PHÒNG CHỐNG COVID CTCLQG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	PPD Tuberculin	Bộ dụng cụ lấy mẫu và vận chuyển mẫu covid	Test Covid	Test thử GeneXpert	Test nhanh kháng nguyên
		lọ	bộ	test	test	test
I	MIỀN BẮC	4.090	22.000	39.950	53.000	53.600
1	Hà Nội	480	2.500	2.500	3.500	7.000
2	Hải Phòng	200	1.000	1.000	4.000	3.300
3	Hưng Yên	200	300	300	7.300	300
4	Hải Dương	200	1.500	1.500	600	3.000
5	Thái Bình	200	1.800	1.800	1.000	300
6	Hà Nam	100	1.100	600	3.000	800
7	Nam Định	100	800	800		3.300
8	Ninh Bình	600	800	800	2.500	300
9	Thanh Hóa	300	300	300	1.000	300
10	Nghệ An	300	300	600	2.500	1.800
11	Hà Tĩnh	-	300	300	1.300	300
12	Phú Thọ	180	500	500		1.000
13	Vĩnh Phúc	-	600	600	50	2.100
14	Bắc Ninh	200	300	300	1.500	1.300
15	Bắc Giang	100	800	800	2.200	800
16	Hòa Bình	120	300	300	2.050	300
17	Yên Bái	140	1.600	1.600	550	3.600
18	Lào Cai	-	300	300	100	300
19	Bắc Cạn	-	300	300		300
20	Thái Nguyên	400	300	300		300
21	Quảng Ninh	100	2.000	2.000	600	2.000
22	Lạng Sơn	50	300	300	350	800
23	Cao Bằng	-	500	500	400	300
24	Hà Giang	-	300	300	100	800
25	Tuyên Quang	-	800	800	300	800
26	Lai Châu	-	800	800	300	300
27	Điện Biên	-	800	800		800

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	PPD Tuberculin	Bộ dụng cụ lấy mẫu và vận chuyển mẫu covid	Test Covid	Test thử GeneXpert	Test nhanh kháng nguyên
		lọ	bộ	test	test	test
28	Sơn La	100	800	800	400	800
29	BV 71 TW		300	300	600	300
30	BV 74 TW		500	1.000		300
31	BVPTW	20	9.000	9.000	15.500	13.000
32	BV 108		3.200	3.200		200
33	BV 103		500	500		200
34	BV 198		200	200	200	200
35	BV E		400	400		200
36	BV Hữu Nghị		500	500		300
37	BV Nội Tiết		750	750		200
38	BV Bạch Mai		500	500	500	300
39	BV Nhi TW		200	200	300	200
40	BV Nhiệt Đới		300	300	300	300
41	BV ĐH Y Hà Nội		200	200		200
41	BVĐK Hà Đông		200	200		200
42	BV K		400	900		200
II	MIỀN TRUNG	3.380	8.000	8.000	20.900	8.400
1	Quảng Bình	450	1300	1.300	400	1.300
2	Quảng Trị	460	500	500	1.900	800
3	Thừa Thiên Huế	0	1000	1.000	600	600
4	Quảng Nam	160	800	800	2.600	1.300
5	Đà Nẵng	600	1800	1.800	3.300	1.800
6	Bình Định	0	300	300	950	300
7	Quảng Ngãi	170	300	300	500	300
8	Phú Yên	0			300	
9	Đắk Lắk	400	500	500	5.200	300
10	Đắk Nông	400	300	300	400	800
11	Kon Tum	140	600	600	700	300
12	Gia Lai	300	300	300	2.200	300
13	Khánh Hòa	300	300	300	1.850	300

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	PPD Tuberculin	Bộ dụng cụ lấy mẫu và vận chuyển mẫu covid	Test Covid	Test thử GeneXpert	Test nhanh kháng nguyên
		lọ	bộ	test	test	test
III	MIỀN ĐÔNG	1.430	10.300	10.300	38.400	9.300
1	Bà Rịa Vũng Tàu	150	300	300	550	300
2	Bình Dương	-	800	800	600	500
3	Bình Phước	-	300	300	500	300
4	Bình Thuận	200	1.300	1.300	750	2.300
5	Đồng Nai	150	900	900	4.500	900
6	Lâm Đồng	100	500	500	700	300
7	Ninh Thuận	90	2.300	2.300	250	2.800
8	Tây Ninh	-	300	300	2.300	300
9	TPHCM	740	3.600	3.600	28.250	1.600
V	MIỀN TÂY	1.020	16.500	16.800	4.200	21.675
1	An Giang	-	-	6.950	200	1.975
2	Bến Tre	-	600	800	-	2.400
3	Bạc Liêu	-	300	350	-	300
4	Cà Mau	140	400	100	400	2.300
5	Cần Thơ	60	5.000	300	50	4.000
6	Hậu Giang	100	1.000	550	1.250	-
7	Kiên Giang	100	-	600	200	-
8	Sóc Trăng	140	900	500	-	300
9	Trà Vinh	-	-	-	-	3.000
10	Vĩnh Long	140	1.600	2.250	900	3.300
11	Đồng Tháp	60	2.550	1.500	500	2.800
12	Tiền Giang	80	3.550	2.500	700	300
13	Long An	200	600	400	-	1.000
	TỔNG CỘNG	9.920	56.800	75.050	116.500	92.975

BẢNG 2.7: THEO DÕI CẤP PHÁT SINH PHẨM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 (tiếp)

ST T	TỈNH/ĐƠN VỊ	Kít tách chiết DNA tổng số từ vi khuẩn (GenoLyse VER 1.0)	Kít xét nghiệm định tính các loại vi khuẩn lao đa kháng thuốc - dòng thứ 2 -Phiên bản 2 (GenoType MTBDRsl Version2.0)	Kít xét nghiệm định tính các loại vi khuẩn lao đa kháng thuốc - Phiên bản 2 (GenoType MTBDR plus Ver 2 Test kit/Verion2)	Bộ xét nghiệm bán định lượng AND Mycobacterium tuberculosis (Bộ kít xét nghiệm Lao MTB Plus dùng cho máy Realtime PCR Truelab Duo)	Bộ xét nghiệm định tính AND Mycobacterium tuberculosis kháng Rifampicin (Bộ kít xét nghiệm lao kháng Rifampicin (MTB-RIF) dùng cho máy Realtime PCR Truelab Duo)
		Kít - Hộp	Kít - Hộp	Kít - Hộp	Test	Test
I	MIỀN BẮC	10	10	6	9.400	1.700
1	Hà Nội				900	150
2	Hải Phòng				1.400	250
3	Thái Bình				900	150
4	Thanh Hóa				1.400	250
5	Nghệ An				1.400	250
6	Hà Giang				1.300	250
7	Lai Châu				1.300	250
8	BVPTW	10	10	6	800	150
II	MIỀN TRUNG	2	2	2	5.500	950
1	Quảng Nam				1.400	250
2	Đà Nẵng	2	2	2	900	150
3	Quảng Ngãi				1.400	250
4	Gia Lai				900	150
5	Khánh Hòa				900	150
III	MIỀN ĐÔNG	8	8	3	1.400	250
1	Tây Ninh				1.400	250
2	TPHCM	8	8	3		
IV	MIỀN TÂY	4	4	1	4.600	800
1	An Giang				1.400	250
2	Cần Thơ	4	4	1	900	150
3	Kiên Giang				900	150
4	Đồng Tháp				1.400	250
	TỔNG CỘNG	24	24	12	20.900	3.700

BẢNG 2.8: THEO DÕI CẤP PHÁT MÁY MÓC THIẾT BỊ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 (PHẦN 1)

STT	TỈNH/ĐƠN VỊ	Modul cho máy GX	Máy GeneXpert	Máy GeneXpert 10 màu	UPS và điều hòa cho máy GX	Máy Realtime RT-PCR	Máy tính bảng	Máy đo thân nhiệt
		bộ	bộ	bộ	cái/bộ	hệ thống	Chiếc	Chiếc
I	MIỀN BẮC	35	22	3	2	14	20	-
1	Hà Nội	6	3	1		1		
2	Hải Phòng	2	1			2		
3	Hưng Yên		1					
4	Hải Dương	2	1					
5	Thái Bình					1		
7	Nam Định	2	1					
8	Ninh Bình	2						
9	Thanh Hóa	1				2		
10	Nghệ An					2		
11	Hà Tĩnh	3	1					
12	Phú Thọ	2	1					
14	Bắc Ninh		1					
15	Bắc Giang		1					
17	Yên Bái	2						
21	Quảng Ninh	2						
22	Lạng Sơn		2					
23	Cao Bằng		1					
24	Hà Giang		1			2		
26	Lai Châu					2		
27	BV 71 TW	2	1					
29	BVPTW	8	6	2	2	2	20	
30	BV Nhiệt Đới	1						
III	MIỀN TRUNG	1	7	-	-	7	52	13
1	Quảng Bình						4	1
2	Quảng Trị		1				4	1
3	Thừa Thiên Huế		1				4	1
4	Quảng Nam					2	4	1

STT	TỈNH/ĐƠN VỊ	Modul cho máy GX	Máy GeneXpert	Máy GeneXpert 10 màu	UPS và điều hòa cho máy GX	Máy Realtime RT-PCR	Máy tính bảng	Máy đo thân nhiệt
		bộ	bộ	bộ	cái/bộ	hệ thống	Chiếc	Chiếc
5	Đà Nẵng	1				1	4	1
6	Bình Định						4	1
7	Quảng Ngãi		1			2	4	1
8	Phú Yên						4	1
9	Đắk Lắk		1				4	1
10	Đắk Nông		1				4	1
11	Kon Tum		1				4	1
12	Gia Lai					1	4	1
13	Khánh Hòa		1			1	4	1
IV	MIỀN ĐÔNG	12	2	-	-	2	36	-
1	Bà Rịa Vũng Tàu	2					4	
2	Bình Dương	1					4	
3	Bình Phước	1					4	
4	Bình Thuận	1					4	
5	Đồng Nai						4	
6	Lâm Đồng						4	
7	Ninh Thuận		1				4	
8	Tây Ninh	1	1			2	4	
9	TPHCM	6					4	
V	MIỀN TÂY	10	3		-	6	-	-
1	An Giang	1	2			2		
2	Bến Tre							
4	Cà Mau	1	1					
5	Cần Thơ	2				1		
7	Kiên Giang	4				1		
8	Sóc Trăng							
10	Vĩnh Long							
11	Đồng Tháp					2		
12	Tiền Giang	2						
	TỔNG CỘNG	58	34	3	2	29	108	13

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	Kính hiển vi hai mắt đèn LED	Máy X quang kỹ thuật số cầm tay kèm phần mềm kết nối máy tính (CAD4TB) để phát hiện lao	Máy Lắc	Bảng mạch điều khiển cho máy GX	Bộ hiệu chuẩn
		cái	Chiếc	cái	Cái	Bộ
I	MIỀN BẮC	4	6	1	2	17
1	Hà Nội					2
2	Hải Phòng		1			1
3	Hải Dương		1			1
4	Thái Bình		1			1
5	Nam Định		1			2
6	Thanh Hóa					2
7	Nghệ An		1			2
8	Bắc Giang					1
9	Lạng Sơn					1
10	BV 74 TW					1
11	BVPTW	4	1	1		
12	BV 108				2	2
13	BV 103					1
II	MIỀN TRUNG	-		-	-	6
1	Quảng Nam					1
2	Bình Định					1
3	Quảng Ngãi					2
4	Đắk Lắk					1
5	Khánh Hòa					1
III	MIỀN ĐÔNG	-		-	-	15
1	Bà Rịa Vũng Tàu					1
2	Bình Dương					2

STT	TỈNH/ ĐƠN VỊ	Kính hiển vi hai mắt đèn LED	Máy X quang kỹ thuật số cầm tay kèm phần mềm kết nối máy tính (CAD4TB) để phát hiện lao	Máy Lắc	Bảng mạch điều khiển cho máy GX	Bộ hiệu chuẩn
		cái	Chiếc	cái	Cái	Bộ
3	Tây Ninh					1
4	TPHCM					11
IV	MIỀN TÂY	-	4	-	-	11
1	An Giang		1			3
2	Bến Tre					1
3	Cần Thơ		1			1
4	Kiên Giang					1
5	Sóc Trăng					1
6	Vĩnh Long					1
7	Đồng Tháp		1			2
8	Tiền Giang		1			1
	TỔNG CỘNG	4	10	1	2	49

PHỤ LỤC 3.1. TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ BỆNH NHÂN LAO 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

STT	TỈNH	Mới				Tái phát				Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)				Không rõ tiền sử điều trị				Tổng cộng
		Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	
Vùng đồng bằng Sông hồng																		
1	Hà Nội	1064	254	17	363	118	33	2	13	13	3	0	0	0	0	0	0	1880
2	Hải Phòng	438	146	6	123	31	3	0	2	3	1	0	1	0	0	0	0	754
3	Vĩnh Phúc	267	54	4	35	2	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	366
4	Bắc Ninh	151	118	1	68	9	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	351
5	Hải Dương	298	67	6	52	22	1	1	3	7	3	0	0	0	0	0	0	460
6	Hưng Yên	141	87	3	40	28	33	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	334
7	Hà Nam	131	90	3	41	1	1	0	1	2	0	0	1	0	0	0	0	271
8	Nam Định	295	175	0	88	2	1	0	0	4	4	0	2	0	0	0	0	571
9	Thái Bình	229	100	1	73	20	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	426
10	Ninh Bình	183	53	6	46	28	0	0	1	4	0	0	0	0	0	0	0	321
11	TB Hospital	751	475	89	525	20	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1869
	Tổng	3948	1619	136	1454	281	88	3	21	38	11	0	4	0	0	0	0	7603
Vùng Đông bắc																		
12	Hà Giang	187	36	2	67	7	1	0	1	5	1	0	0	0	0	0	0	307
13	Cao Bằng	83	8	1	26	7	1	0	1	2	1	0	0	0	0	0	0	130
14	Lào Cai	76	7	3	34	6	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	128
15	Tuyên Quang	75	9	1	20	12	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	118
16	Lạng Sơn	195	79	2	68	19	7	0	1	0	5	0	1	0	0	0	0	377
17	Bắc Kạn	33	12	5	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	53

18	Thái Nguyên	90	86	0	56	12	17	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	263
19	Yên Bái	53	21	3	6	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	87
20	Phú Thọ	148	36	4	31	4	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	224
21	Quảng Ninh	260	105	9	64	34	1	0	1	2	2	1	0	0	0	0	0	479
22	Bắc Giang	223	272	10	99	26	55	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	687
	Tổng	1423	671	40	474	131	85	0	6	12	9	1	1	0	0	0	0	2853
Vùng Tây bắc																		
23	Điện Biên	30	22	0	17	2	4	0	1	2	1	0	0	0	0	0	0	79
24	Sơn La	78	25	1	42	5	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	154
25	Hoà Bình	88	36	0	55	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	189
26	Lai Châu	64	23	1	11	5	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	106
	Tổng	260	106	2	125	22	9	0	1	2	1	0	0	0	0	0	0	528
Vùng Bắc Trung bộ																		
27	Thanh Hóa	314	283	11	52	8	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	681
28	Nghệ An	425	57	9	123	25	2	0	2	16	2	0	0	0	0	0	0	661
29	Hà Tĩnh	110	87	2	46	4	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	252
30	Quảng Bình	125	129	0	28	5	7	0	0	6	18	0	1	0	0	0	0	319
31	Quảng Trị	227	254	7	12	26	19	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	548
32	Thừa Thiên Huế	225	218	1	62	11	4	0	1	8	0	0	0	0	0	0	0	530
	Tổng	1426	1028	30	323	79	46	0	3	33	22	0	1	0	0	0	0	2991
Vùng Nam Trung bộ																		
33	Đà Nẵng	486	128	2	129	41	2	0	5	13	0	0	1	0	0	1	2	810
34	Quảng Nam	392	96	7	106	42	3	0	4	8	0	0	0	0	0	0	0	658
35	Quảng Ngãi	106	62	2	36	5	3	0	0	0	0	0	0	1	3	0	0	218
36	Bình Định	181	216	6	106	13	5	0	0	0	5	0	2	0	0	0	0	534
37	Phú Yên	181	34	1	40	9	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	267
38	Khánh Hoà	564	38	0	122	54	2	0	1	5	0	0	2	0	0	0	0	788
	Tổng	1910	574	18	539	164	17	0	10	26	5	0	5	1	3	1	2	3275
Vùng Tây nguyên																		
39	Kon Tum	157	20	4	22	1	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	206
40	Gia Lai	207	81	10	39	7	2	1	0	4	0	0	0	0	0	0	0	351
41	Đắk Lắk	280	110	6	82	30	6	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	518
42	Đắk Nông	89	12	6	33	8	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	150

43	Lâm Đồng	180	17	0	72	8	2	0	1	4	0	0	0	0	0	0	0	284
	Tổng	913	240	26	248	54	10	1	3	12	2	0	0	0	0	0	0	1509
Vùng Đông Nam bộ																		
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	405	81	11	89	30	7	0	4	4	1	0	0	0	0	0	0	632
45	Bình Dương	789	65	11	182	66	1	0	3	22	1	0	0	0	0	0	0	1140
46	Bình Phước	319	27	0	70	19	0	0	1	7	0	0	0	0	0	0	0	443
47	Bình Thuận	510	108	2	68	68	5	0	0	6	1	0	0	0	0	0	0	768
48	Đồng Nai	1046	277	11	328	67	2	0	1	19	2	0	1	0	0	0	0	1754
49	Ninh Thuận	237	23	2	41	20	0	0	0	14	3	1	6	0	0	0	0	347
50	Tây Ninh	878	91	3	143	61	20	0	0	8	3	0	0	0	0	0	0	1207
51	TP. Hồ Chí Minh	5383	1243	170	1708	719	33	7	64	108	10	5	31	0	1	0	0	9482
	Tổng	9567	1915	210	2629	1050	68	7	73	188	21	6	38	0	1	0	0	15773
Vùng đồng bằng sông Cửu long																		
52	An Giang	1896	284	5	221	148	21	0	0	17	17	0	4	5	1	0	0	2619
53	Bạc Liêu	384	33	5	89	30	2	0	0	3	0	0	0	2	0	0	0	548
54	Bến Tre	432	38	3	111	44	1	0	2	4	2	0	0	0	0	0	0	637
55	Cà Mau	464	91	0	78	21	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	655
56	Cần Thơ	821	170	11	152	65	3	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1225
57	Hậu Giang	456	153	14	48	20	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	692
58	Đồng Tháp	1021	95	7	139	85	3	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	1352
59	Kiên Giang	961	173	18	176	61	0	0	0	15	1	0	0	0	0	0	0	1405
60	Long An	775	96	4	146	54	6	0	3	14	2	0	1	0	0	0	0	1101
61	Sóc Trăng	548	282	1	141	38	8	0	2	12	2	0	2	0	0	0	0	1036
62	Tiền Giang	696	64	2	164	36	1	1	5	8	0	0	0	0	0	0	0	977
63	Trà Vinh	378	24	58	24	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	492
64	Vĩnh Long	483	108	3	123	54	0	0	0	4	8	0	2	0	0	0	0	785
	Tổng	9315	1611	131	1612	664	45	2	13	80	34	0	9	7	1	0	0	13524
	Tổng cộng	28762	7764	593	7404	2445	368	13	130	391	105	7	58	8	5	1	2	48056

PHỤ LỤC 3.2. BỆNH NHÂN LAO MỚI VÀ TÁI PHÁT THEO GIỚI VÀ TUỔI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

				Nhóm tuổi														Tổng		
TT	Tỉnh	0 - 4		5 - 14		15-24		25-34		35-44		45-54		55-64		>=65				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Chung
Vùng đồng bằng Sông hồng																				
1	Hà Nội	0	1	3	8	127	87	159	129	202	112	239	73	290	80	211	143	1231	633	1864
2	Hải Phòng	0	0	4	4	46	29	61	42	82	43	95	35	136	48	87	37	511	238	749
3	Vĩnh Phúc	0	0	1	1	30	8	31	20	48	9	64	10	47	11	59	26	280	85	365
4	Bắc Ninh	0	0	1	1	3	14	19	13	49	18	50	14	61	17	61	30	244	107	351
5	Hải Dương	0	0	1	1	25	17	50	18	41	19	52	14	67	22	82	41	318	132	450
6	Hưng Yên	0	0	0	0	9	9	23	12	24	12	53	9	49	20	72	41	230	103	333
7	Hà Nam	0	0	0	1	14	2	21	12	31	4	39	7	46	11	51	29	202	66	268
8	Nam Định	0	0	0	0	19	14	33	25	35	22	85	16	92	27	115	79	379	183	562
9	Thái Bình	0	0	0	0	6	6	29	16	42	19	55	33	63	28	79	47	274	149	423
10	Ninh Bình	0	0	2	0	21	12	31	11	30	8	36	12	48	11	60	35	228	89	317
11	TB Hospital	1	0	4	6	134	78	153	105	186	90	210	76	270	96	327	133	1285	584	1869
	Tổng	1	1	16	22	434	276	610	403	770	356	978	299	1169	371	1204	641	5182	2369	7551
Vùng Đông bắc																				
12	Hà Giang	1	1	1	1	29	12	50	17	65	17	47	5	30	14	8	3	231	70	301
13	Cao Bằng	0	0	0	0	2	0	10	3	26	7	31	4	26	3	9	6	104	23	127
14	Lào Cai	2	0	1	1	4	7	16	6	26	6	21	5	16	4	11	1	97	30	127
15	Tuyên Quang	0	0	0	1	9	5	26	7	14	3	10	5	13	4	9	12	81	37	118
16	Lạng Sơn	0	0	2	1	7	3	38	17	58	19	56	11	68	22	47	22	276	95	371
17	Bắc Kạn	0	0	0	0	2	2	8	2	4	2	9	0	11	2	8	3	42	11	53
18	Thái Nguyên	0	0	0	1	4	8	22	15	41	13	53	9	47	11	24	14	191	71	262
19	Yên Bái	0	0	0	1	2	4	11	5	22	1	14	5	16	1	3	2	68	19	87
20	Phú Thọ	0	0	0	1	15	5	23	10	27	10	27	8	44	11	33	10	169	55	224
21	Quảng Ninh	0	1	1	1	25	17	47	25	76	16	70	24	73	14	57	27	349	125	474
22	Bắc Giang	0	0	1	0	14	10	37	28	72	19	112	16	147	44	121	65	504	182	686
	Tổng	3	2	6	8	113	73	288	135	431	113	450	92	491	130	330	165	2112	718	2830

				Nhóm tuổi														Tổng		
TT	Tỉnh	0 - 4		5 - 14		15-24		25-34		35-44		45-54		55-64		>=65				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Chung
Vùng Tây bắc																				
23	Điện Biên	0	1	0	0	6	7	12	4	13	4	9	1	10	2	3	4	53	23	76
24	Sơn La	0	0	0	0	10	8	27	6	21	6	26	11	22	5	11	1	117	37	154
25	Hoà Bình	0	0	0	0	9	9	20	17	29	11	34	5	27	5	15	8	134	55	189
26	Lai Châu	0	1	0	0	6	4	12	8	21	7	18	5	12	3	6	3	75	31	106
	Tổng	0	2	0	0	31	28	71	35	84	28	87	22	71	15	35	16	379	146	525
Vùng Bắc Trung bộ																				
27	Thanh Hóa	0	1	1	0	16	9	117	18	134	28	131	10	95	20	72	29	566	115	681
28	Nghệ An	4	1	3	2	28	24	68	44	81	21	101	17	95	17	97	40	477	166	643
29	Hà Tĩnh	2	1	1	1	10	10	20	15	18	9	49	3	53	5	36	17	189	61	250
30	Quảng Bình	0	0	0	0	12	3	28	7	40	9	61	14	48	21	36	15	225	69	294
31	Quảng Trị	0	0	2	4	11	3	39	20	42	21	62	17	67	24	146	87	369	176	545
32	Thừa Thiên Huế	1	1	0	3	36	16	65	34	60	14	80	19	84	13	73	23	399	123	522
	Tổng	7	4	7	10	113	65	337	138	375	102	484	80	442	100	460	211	2225	710	2935
Vùng Nam Trung bộ																				
33	Đà Nẵng	3	1	4	6	49	41	77	52	99	30	120	24	135	25	98	29	585	208	793
34	Quảng Nam	1	0	1	0	31	27	65	29	91	30	107	23	103	22	91	29	490	160	650
35	Quảng Ngãi	0	0	1	1	9	8	27	10	17	9	32	7	33	8	41	11	160	54	214
36	Bình Định	1	1	1	1	16	9	41	17	54	10	116	20	91	18	108	23	428	99	527
37	Phú Yên	0	0	1	2	8	5	19	10	41	8	63	12	37	10	35	16	204	63	267
38	Khánh Hoà	0	1	1	3	40	23	76	40	97	33	161	33	130	31	89	23	594	187	781
	Tổng	5	3	9	13	153	113	305	158	399	120	599	119	529	114	462	131	2461	771	3232
Vùng Tây nguyên																				
39	Kon Tum	1	0	3	1	13	9	29	12	36	5	32	8	27	7	15	6	156	48	204
40	Gia Lai	1	1	1	2	8	15	38	18	50	16	68	12	43	13	47	14	256	91	347
41	Đắk Lắk	0	0	0	0	36	17	58	31	61	19	79	22	71	28	69	25	374	142	516
42	Đắk Nông	0	0	0	0	8	5	19	6	25	6	21	4	23	4	23	4	119	29	148
43	Lâm Đồng	0	1	0	1	12	13	21	24	31	14	47	13	45	8	37	13	193	87	280
	Tổng	2	2	4	4	77	59	165	91	203	60	247	59	209	60	191	62	1098	397	1495

				Nhóm tuổi														Tổng		
TT	Tỉnh	0 - 4		5 - 14		15-24		25-34		35-44		45-54		55-64		≥65				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Chung
Vùng Đông Nam bộ																				
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	1	29	24	73	28	88	32	104	30	101	26	61	30	456	171	627
45	Bình Dương	0	1	1	5	67	57	128	102	207	79	174	49	130	30	66	21	773	344	1117
46	Bình Phước	0	0	1	0	29	14	60	32	60	22	66	20	69	19	32	12	317	119	436
47	Bình Thuận	0	1	3	1	37	26	84	37	124	24	140	32	91	39	81	41	560	201	761
48	Đồng Nai	1	1	3	7	96	73	182	122	245	104	288	66	241	67	169	67	1225	507	1732
49	Ninh Thuận	2	1	0	2	12	7	40	15	46	14	61	10	46	10	40	17	247	76	323
50	Tây Ninh	0	1	1	0	45	26	87	32	139	51	230	40	238	47	188	71	928	268	1196
51	TP. Hồ Chí Minh	20	29	36	58	594	538	836	773	1105	577	1406	424	1254	402	827	448	6078	3249	9327
	Tổng	23	34	45	74	909	765	1490	1141	2014	903	2469	671	2170	640	1464	707	10584	4935	15519
Vùng đồng bằng sông Cửu long																				
52	An Giang	1	1	2	3	69	46	195	72	313	84	508	120	485	130	415	131	1988	587	2575
53	Bạc Liêu	0	0	0	2	18	9	35	22	71	23	71	19	97	37	102	37	394	149	543
54	Bến Tre	0	0	1	0	14	11	44	29	71	23	109	24	107	27	132	39	478	153	631
55	Cà Mau	0	1	1	1	31	10	54	18	91	36	122	29	92	26	101	41	492	162	654
56	Cần Thơ	0	0	1	6	52	38	73	64	147	49	204	43	208	64	191	83	876	347	1223
57	Hậu Giang	0	0	0	0	29	10	93	20	116	18	107	29	90	29	116	34	551	140	691
58	Đồng Tháp	1	1	3	1	33	27	105	44	175	41	231	42	229	73	248	97	1025	326	1351
59	Kiên Giang	0	0	2	5	50	38	104	61	203	58	226	53	229	63	204	93	1018	371	1389
60	Long An	1	0	0	0	35	29	81	58	136	36	221	46	171	51	151	68	796	288	1084
61	Sóc Trăng	1	0	0	5	44	37	84	54	119	43	139	45	166	53	176	54	729	291	1020
62	Tiền Giang	1	0	2	1	38	19	70	35	128	24	173	32	167	49	160	70	739	230	969
63	Trà Vinh	0	1	2	1	22	18	39	29	69	18	77	13	72	21	82	28	363	129	492
64	Vĩnh Long	1	0	1	0	21	15	53	30	67	34	129	33	133	43	133	78	538	233	771
	Tổng	6	4	15	25	456	307	1030	536	1706	487	2317	528	2246	666	2211	853	9987	3406	13393
	Tổng cộng	47	52	102	156	2286	1686	4296	2637	5982	2169	7631	1870	7327	2096	6357	2786	34028	13452	47480

PHỤ LỤC 3.3: TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ BỆNH NHÂN LAO TRẺ EM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng đồng bằng Sông hồng										
1	Hà Nội	12	100	0	0	0	0	0	0	12
2	Hải Phòng	8	100	0	0	0	0	0	0	8
3	Vĩnh Phúc	2	100	0	0	0	0	0	0	2
4	Bắc Ninh	2	100	0	0	0	0	0	0	2
5	Hải Dương	2	100	0	0	0	0	0	0	2
6	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Hà Nam	1	100	0	0	0	0	0	0	1
8	Nam Định	0	0	0	0	1	100	0	0	1
9	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Ninh Bình	2	100	0	0	0	0	0	0	2
11	TB Hospital	11	100	0	0	0	0	0	0	11
	Tổng	40	97	0	0	1	2	0	0	41
Vùng Đông bắc										
12	Hà Giang	4	100	0	0	0	0	0	0	4
13	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Lào Cai	4	100	0	0	0	0	0	0	4
15	Tuyên Quang	1	100	0	0	0	0	0	0	1
16	Lạng Sơn	3	100	0	0	0	0	0	0	3
17	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thái Nguyên	1	100	0	0	0	0	0	0	1
19	Yên Bái	1	100	0	0	0	0	0	0	1
20	Phú Thọ	1	100	0	0	0	0	0	0	1
21	Quảng Ninh	3	100	0	0	0	0	0	0	3
22	Bắc Giang	1	100	0	0	0	0	0	0	1
	Tổng	19	100	0	0	0	0	0	0	19
Vùng Tây bắc										
23	Điện Biên	1	100	0	0	0	0	0	0	1
24	Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lai Châu	1	100	0	0	0	0	0	0	1
	Tổng	2	100	0	0	0	0	0	0	2
Vùng Bắc Trung bộ										
27	Thanh Hóa	2	100	0	0	0	0	0	0	2
28	Nghệ An	10	100	0	0	0	0	0	0	10
29	Hà Tĩnh	5	100	0	0	0	0	0	0	5
30	Quảng Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Quảng Trị	6	100	0	0	0	0	0	0	6
32	Thừa Thiên Huế	5	100	0	0	0	0	0	0	5
	Tổng	28	100	0	0	0	0	0	0	28
Vùng Nam Trung bộ										
33	Đà Nẵng	13	92	1	7	0	0	0	0	14
34	Quảng Nam	2	100	0	0	0	0	0	0	2
35	Quảng Ngãi	2	100	0	0	0	0	0	0	2

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
36	Bình Định	4	100	0	0	0	0	0	0	4
37	Phú Yên	3	100	0	0	0	0	0	0	3
38	Khánh Hoà	5	100	0	0	0	0	0	0	5
	Tổng	29	96	1	3	0	0	0	0	30
Vùng Tây nguyên										
39	Kon Tum	5	100	0	0	0	0	0	0	5
40	Gia Lai	5	100	0	0	0	0	0	0	5
41	Đắk Lắk	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lâm Đồng	2	100	0	0	0	0	0	0	2
	Tổng	12	100	0	0	0	0	0	0	12
Vùng Đông Nam bộ										
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	100	0	0	0	0	0	0	1
45	Bình Dương	7	100	0	0	0	0	0	0	7
46	Bình Phước	1	100	0	0	0	0	0	0	1
47	Bình Thuận	5	100	0	0	0	0	0	0	5
48	Đồng Nai	12	100	0	0	0	0	0	0	12
49	Ninh Thuận	5	100	0	0	0	0	0	0	5
50	Tây Ninh	2	100	0	0	0	0	0	0	2
51	TP. Hồ Chí Minh	143	99	0	0	1	0	0	0	144
	Tổng	176	99	0	0	1	0	0	0	177
Vùng đồng bằng sông Cửu long										
52	An Giang	7	100	0	0	0	0	0	0	7
53	Bạc Liêu	2	100	0	0	0	0	0	0	2
54	Bến Tre	1	100	0	0	0	0	0	0	1
55	Cà Mau	3	100	0	0	0	0	0	0	3
56	Cần Thơ	6	85	1	14	0	0	0	0	7
57	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Đồng Tháp	6	100	0	0	0	0	0	0	6
59	Kiên Giang	7	100	0	0	0	0	0	0	7
60	Long An	1	100	0	0	0	0	0	0	1
61	Sóc Trăng	6	100	0	0	0	0	0	0	6
62	Tiền Giang	4	100	0	0	0	0	0	0	4
63	Trà Vinh	4	100	0	0	0	0	0	0	4
64	Vĩnh Long	2	100	0	0	0	0	0	0	2
	Tổng	49	98	1	2	0	0	0	0	50
	Tổng cộng	355	98	2	0	2	0	0	0	359

PHỤ LỤC 3.4. TÌNH HÌNH PHÁT HIỆN BỆNH NHÂN LAO CÓ XÉT NGHIỆM HIV 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

ST T	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng đồng bằng Sông hồng										
1	Hà Nội	1640	90	160	8	16	0	0	0	1816
2	Hải Phòng	642	90	65	9	3	0	0	0	710
3	Vĩnh Phúc	318	99	0	0	1	0	0	0	319
4	Bắc Ninh	232	96	9	3	0	0	0	0	241
5	Hải Dương	420	92	25	5	10	2	0	0	455
6	Hưng Yên	264	81	58	17	1	0	0	0	323
7	Hà Nam	257	97	3	1	3	1	0	0	263
8	Nam Định	519	97	3	0	9	1	0	0	531
9	Thái Bình	388	95	17	4	3	0	0	0	408
10	Ninh Bình	277	95	11	3	1	0	0	0	289
11	TB Hospital	727	98	12	1	0	0	0	0	739
	Tổng	5684	93	363	5	47	0	0	0	6094
Vùng Đông bắc										
12	Hà Giang	242	94	9	3	6	2	0	0	257
13	Cao Bằng	95	93	6	5	1	0	0	0	102
14	Lào Cai	119	93	7	5	1	0	0	0	127
15	Tuyên Quang	100	89	12	10	0	0	0	0	112
16	Lạng Sơn	331	90	27	7	6	1	0	0	364
17	Bắc Kạn	51	100	0	0	0	0	0	0	51
18	Thái Nguyên	219	88	28	11	1	0	0	0	248
19	Yên Bái	51	92	4	7	0	0	0	0	55
20	Phú Thọ	194	97	5	2	0	0	0	0	199
21	Quảng Ninh	350	92	25	6	5	1	0	0	380
22	Bắc Giang	600	89	73	10	0	0	0	0	673
	Tổng	2352	91	196	7	20	0	0	0	2568
Vùng Tây bắc										
23	Điện Biên	43	86	6	12	1	2	0	0	50
24	Sơn La	142	95	7	4	0	0	0	0	149
25	Hoà Bình	174	94	10	5	0	0	0	0	184
26	Lai Châu	17	100	0	0	0	0	0	0	17
	Tổng	376	94	23	5	1	0	0	0	400
Vùng Bắc Trung bộ										
27	Thanh Hóa	631	98	12	1	0	0	0	0	643
28	Nghệ An	582	92	28	4	17	2	0	0	627
29	Hà Tĩnh	228	97	4	1	2	0	0	0	234
30	Quảng Bình	235	92	5	1	15	5	0	0	255
31	Quảng Trị	236	91	18	7	3	1	0	0	257
32	Thừa Thiên Huế	430	95	14	3	4	0	0	0	448
	Tổng	2342	95	81	3	41	1	0	0	2464
Vùng Nam Trung bộ										
33	Đà Nẵng	593	93	34	5	9	1	1	0	637

ST T	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
34	Quảng Nam	523	91	43	7	7	1	0	0	573
35	Quảng Ngãi	78	97	2	2	0	0	0	0	80
36	Bình Định	394	95	13	3	4	0	0	0	411
37	Phú Yên	254	95	11	4	0	0	0	0	265
38	Khánh Hoà	724	91	57	7	7	0	0	0	788
	Tổng	2566	93	160	5	27	0	1	0	2754
Vùng Tây nguyên										
39	Kon Tum	147	98	1	0	2	1	0	0	150
40	Gia Lai	310	99	3	0	0	0	0	0	313
41	Đắk Lắk	208	90	23	9	0	0	0	0	231
42	Đắk Nông	79	97	2	2	0	0	0	0	81
43	Lâm Đồng	240	95	9	3	3	1	0	0	252
	Tổng	984	95	38	3	5	0	0	0	1027
Vùng Đông Nam bộ										
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	392	94	23	5	1	0	0	0	416
45	Bình Dương	972	91	67	6	20	1	0	0	1059
46	Bình Phước	353	95	16	4	2	0	0	0	371
47	Bình Thuận	681	89	73	9	7	0	0	0	761
48	Đồng Nai	1140	95	37	3	13	1	0	0	1190
49	Ninh Thuận	271	87	17	5	23	7	0	0	311
50	Tây Ninh	1046	92	77	6	10	0	0	0	1133
51	TP. Hồ Chí Minh	6321	89	646	9	105	1	1	0	7073
	Tổng	11176	90	956	7	181	1	1	0	12314
Vùng đồng bằng sông Cửu long										
52	An Giang	2303	91	160	6	37	1	6	0	2506
53	Bạc Liêu	460	93	30	6	3	0	0	0	493
54	Bến Tre	538	91	45	7	6	1	0	0	589
55	Cà Mau	596	97	16	2	0	0	0	0	612
56	Cần Thơ	1129	94	69	5	2	0	0	0	1200
57	Hậu Giang	657	97	18	2	1	0	0	0	676
58	Đồng Tháp	1191	93	87	6	0	0	0	0	1278
59	Kiên Giang	1279	94	58	4	14	1	0	0	1351
60	Long An	998	92	59	5	17	1	0	0	1074
61	Sóc Trăng	644	92	37	5	12	1	0	0	693
62	Tiền Giang	849	94	43	4	7	0	0	0	899
63	Trà Vinh	398	98	5	1	0	0	0	0	403
64	Vĩnh Long	717	91	54	6	14	1	0	0	785
	Tổng	11759	93	681	5	113	0	6	0	12559
	Tổng cộng	37239	92	2498	6	435	1	8	0	40180

PHỤ LỤC 3.5. TÌNH HÌNH PHÁT HIỆN BỆNH NHÂN LAO/HIV 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng đồng bằng Sông hồng										
1	Hà Nội	34	69	14	28	1	2	0	0	49
2	Hải Phòng	14	77	3	16	1	5	0	0	18
3	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	1	100	0	0	0	0	0	0	1
5	Hải Dương	5	100	0	0	0	0	0	0	5
6	Hưng Yên	2	66	1	33	0	0	0	0	3
7	Hà Nam	2	100	0	0	0	0	0	0	2
8	Nam Định	9	81	0	0	2	18	0	0	11
9	Thái Bình	6	75	2	25	0	0	0	0	8
10	Ninh Bình	5	83	1	16	0	0	0	0	6
11	TB Hospital	9	100	0	0	0	0	0	0	9
	Tổng	87	77	21	18	4	3	0	0	112
Vùng Đông bắc										
12	Hà Giang	1	100	0	0	0	0	0	0	1
13	Cao Bằng	5	100	0	0	0	0	0	0	5
14	Lào Cai	4	100	0	0	0	0	0	0	4
15	Tuyên Quang	2	100	0	0	0	0	0	0	2
16	Lạng Sơn	0	0	1	100	0	0	0	0	1
17	Bắc Kạn	1	100	0	0	0	0	0	0	1
18	Thái Nguyên	9	90	1	10	0	0	0	0	10
19	Yên Bái	1	100	0	0	0	0	0	0	1
20	Phú Thọ	1	100	0	0	0	0	0	0	1
21	Quảng Ninh	20	71	6	21	2	7	0	0	28
22	Bắc Giang	3	75	1	25	0	0	0	0	4
	Tổng	47	81	9	15	2	3	0	0	58
Vùng Tây bắc										
23	Điện Biên	2	100	0	0	0	0	0	0	2
24	Sơn La	2	50	2	50	0	0	0	0	4
25	Hoà Bình	5	100	0	0	0	0	0	0	5
26	Lai Châu	1	100	0	0	0	0	0	0	1
	Tổng	10	83	2	16	0	0	0	0	12
Vùng Bắc Trung bộ										
27	Thanh Hóa	34	97	1	2	0	0	0	0	35
28	Nghệ An	15	93	1	6	0	0	0	0	16
29	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Quảng Bình	2	100	0	0	0	0	0	0	2
31	Quảng Trị	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	51	96	2	3	0	0	0	0	53
Vùng Nam Trung bộ										
33	Đà Nẵng	2	66	1	33	0	0	0	0	3
34	Quảng Nam	1	33	2	66	0	0	0	0	3

STT	TỈNH	Mới		Tái phát		Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)		Không rõ tiền sử điều trị		Tổng cộng
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
35	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Bình Định	3	100	0	0	0	0	0	0	3
37	Phú Yên	2	100	0	0	0	0	0	0	2
38	Khánh Hoà	9	90	1	10	0	0	0	0	10
	Tổng	17	80	4	19	0	0	0	0	21
Vùng Tây nguyên										
39	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	3	100	0	0	0	0	0	0	3
41	Đắk Lắk	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lâm Đồng	4	100	0	0	0	0	0	0	4
	Tổng	7	100	0	0	0	0	0	0	7
Vùng Đông Nam bộ										
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	13	100	0	0	0	0	0	0	13
45	Bình Dương	41	93	3	6	0	0	0	0	44
46	Bình Phước	6	100	0	0	0	0	0	0	6
47	Bình Thuận	8	100	0	0	0	0	0	0	8
48	Đồng Nai	23	92	2	8	0	0	0	0	25
49	Ninh Thuận	3	60	0	0	2	40	0	0	5
50	Tây Ninh	30	96	1	3	0	0	0	0	31
51	TP. Hồ Chí Minh	273	81	57	17	5	1	0	0	335
	Tổng	397	85	63	13	7	1	0	0	467
Vùng đồng bằng sông Cửu long										
52	An Giang	47	88	3	5	3	5	0	0	53
53	Bạc Liêu	19	95	1	5	0	0	0	0	20
54	Bến Tre	13	81	3	18	0	0	0	0	16
55	Cà Mau	7	87	1	12	0	0	0	0	8
56	Cần Thơ	14	93	1	6	0	0	0	0	15
57	Hậu Giang	6	100	0	0	0	0	0	0	6
58	Đồng Tháp	33	94	2	5	0	0	0	0	35
59	Kiên Giang	36	100	0	0	0	0	0	0	36
60	Long An	14	87	2	12	0	0	0	0	16
61	Sóc Trăng	26	100	0	0	0	0	0	0	26
62	Tiền Giang	20	90	2	9	0	0	0	0	22
63	Trà Vinh	5	100	0	0	0	0	0	0	5
64	Vĩnh Long	16	100	0	0	0	0	0	0	16
	Tổng	256	93	15	5	3	1	0	0	274
	Tổng cộng	872	86	116	11	16	1	0	0	1004

PHỤ LỤC 3.6. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO PHỔI CÓ BẰNG CHỨNG VI KHUẨN HỌC MỚI VÀ TÁI PHÁT 6 THÁNG NĂM 2021

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	1290	68	555	29	3	0	23	1	8	0	2	0	1881	15
2	Hải Phòng	284	55	196	38	2	0	3	0	19	3	8	1	512	1
3	Vĩnh Phúc	27	17	23	14	0	0	3	1	8	5	96	61	157	0
4	Bắc Ninh	112	50	71	32	2	0	5	2	25	11	5	2	220	1
5	Hải Dương	212	82	11	4	1	0	18	7	8	3	6	2	256	1
6	Hưng Yên	111	81	20	14	1	0	3	2	2	1	0	0	137	2
7	Hà Nam	119	91	3	2	0	0	0	0	6	4	2	1	130	0
8	Nam Định	361	92	7	1	0	0	11	2	1	0	11	2	391	3
9	Thái Bình	290	91	6	1	2	0	3	0	5	1	10	3	316	1
10	Ninh Bình	187	85	16	7	0	0	9	4	3	1	3	1	218	1
11	TB Hospital	293	53	202	37	0	0	0	0	16	2	34	6	545	1
	Tổng	3286	68	1110	23	11	0	78	1	101	2	177	3	4763	26
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	122	63	53	27	0	0	9	4	7	3	0	0	191	0
13	Cao Bằng	57	76	14	18	0	0	2	2	1	1	1	1	75	0
14	Lào Cai	45	65	19	27	0	0	2	2	2	2	1	1	69	0
15	Tuyên Quang	58	74	8	10	0	0	6	7	0	0	6	7	78	0
16	Lạng Sơn	166	91	8	4	4	2	4	2	0	0	0	0	182	4
17	Bắc Kạn	35	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	35	2
18	Thái Nguyên	148	88	8	4	0	0	5	2	4	2	2	1	167	0
19	Yên Bái	55	96	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	57	0
20	Phú Thọ	151	90	4	2	1	0	5	3	2	1	3	1	166	1
21	Quảng Ninh	143	59	74	30	1	0	13	5	4	1	5	2	240	6
22	Bắc Giang	203	94	7	3	0	0	4	1	0	0	1	0	215	0
	Tổng	1183	80	196	13	6	0	51	3	20	1	19	1	1475	13
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	21	84	4	16	0	0	0	0	0	0	0	0	25	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
24	Sơn La	80	87	4	4	0	0	4	4	0	0	3	3	91	0
25	Hoà Bình	82	94	3	3	1	1	1	1	0	0	0	0	87	3
26	Lai Châu	39	81	5	10	0	0	3	6	0	0	1	2	48	1
	Tổng	222	88	16	6	1	0	8	3	0	0	4	1	251	4
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	351	56	220	35	2	0	6	0	30	4	8	1	617	0
28	Nghệ An	434	92	22	4	2	0	5	1	3	0	3	0	469	0
29	Hà Tĩnh	66	68	30	31	0	0	0	0	0	0	0	0	96	0
30	Quảng Bình	56	82	9	13	0	0	1	1	2	2	0	0	68	0
31	Quảng Trị	79	81	14	14	0	0	2	2	2	2	0	0	97	0
32	Thừa Thiên Huế	179	67	78	29	2	0	2	0	4	1	0	0	265	0
	Tổng	1165	72	373	23	6	0	16	0	41	2	11	0	1612	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	341	90	17	4	1	0	6	1	12	3	1	0	378	3
34	Quảng Nam	374	84	35	7	1	0	13	2	10	2	9	2	442	0
35	Quảng Ngãi	30	29	69	68	1	0	1	0	0	0	0	0	101	0
36	Bình Định	192	86	22	9	0	0	4	1	3	1	2	0	223	2
37	Phú Yên	126	84	13	8	0	0	11	7	0	0	0	0	150	0
38	Khánh Hoà	432	94	0	0	5	1	14	3	1	0	5	1	457	1
	Tổng	1495	85	156	8	8	0	49	2	26	1	17	0	1751	6
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	87	90	7	7	0	0	2	2	0	0	0	0	96	0
40	Gia Lai	142	72	48	24	0	0	4	2	0	0	3	1	197	0
41	Đắk Lắk	190	76	47	18	2	0	9	3	1	0	0	0	249	0
42	Đắk Nông	57	89	7	10	0	0	0	0	0	0	0	0	64	0
43	Lâm Đồng	139	90	5	3	3	1	2	1	2	1	3	1	154	1
	Tổng	615	80	114	15	5	0	17	2	3	0	6	0	760	1
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	297	87	6	1	5	1	9	2	19	5	3	0	339	10
45	Bình Dương	514	66	197	25	8	1	14	1	25	3	18	2	776	19

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
46	Bình Phước	168	62	91	33	0	0	8	2	3	1	0	0	270	1
47	Bình Thuận	373	78	43	9	6	1	28	5	20	4	4	0	474	4
48	Đồng Nai	653	76	69	8	9	1	17	1	76	8	27	3	851	6
49	Ninh Thuận	146	74	35	17	3	1	5	2	5	2	1	0	195	2
50	Tây Ninh	714	93	17	2	7	0	17	2	5	0	2	0	762	1
51	TP. Hồ Chí Minh	3423	67	872	17	68	1	126	2	224	4	363	7	5076	63
	Tổng	6288	71	1330	15	106	1	224	2	377	4	418	4	8743	106
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	1501	90	83	5	3	0	53	3	14	0	1	0	1655	39
53	Bạc Liêu	317	89	7	1	3	0	17	4	11	3	0	0	355	2
54	Bến Tre	356	85	38	9	1	0	13	3	9	2	1	0	418	0
55	Cà Mau	381	87	29	6	0	0	19	4	3	0	1	0	433	0
56	Cần Thơ	659	85	65	8	1	0	31	4	13	1	0	0	769	1
57	Hậu Giang	447	99	0	0	0	0	1	0	1	0	2	0	451	0
58	Đồng Tháp	697	64	334	30	2	0	36	3	6	0	6	0	1081	11
59	Kiên Giang	688	78	120	13	9	1	28	3	16	1	13	1	874	14
60	Long An	513	76	110	16	1	0	33	4	6	0	9	1	672	0
61	Sóc Trăng	291	55	207	39	1	0	22	4	8	1	0	0	529	0
62	Tiền Giang	640	97	1	0	1	0	12	1	3	0	1	0	658	1
63	Trà Vinh	347	97	2	0	1	0	5	1	0	0	0	0	355	0
64	Vĩnh Long	355	75	97	20	2	0	12	2	2	0	0	0	468	16
	Tổng	7192	82	1093	12	25	0	282	3	92	1	34	0	8718	84
	Tổng cộng	21446	76	4388	15	168	0	725	2	660	2	686	2	28073	240

PHỤ LỤC 3.7. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO PHỔI KHÔNG CÓ BẰNG CHỨNG VI KHUẨN HỌC MỚI VÀ TÁI PHÁT 6 THÁNG NĂM 2021

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	2	0	497	98	0	0	5	0	2	0	0	0	506	1
2	Hải Phòng	0	0	194	91	0	0	1	0	15	7	1	0	211	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	63	47	1	0	0	0	20	14	50	37	134	0
4	Bắc Ninh	0	0	45	90	0	0	1	2	2	4	2	4	50	0
5	Hải Dương	0	0	105	88	0	0	5	4	6	5	3	2	119	0
6	Hưng Yên	0	0	82	100	0	0	0	0	0	0	0	0	82	0
7	Hà Nam	0	0	78	95	0	0	0	0	1	1	3	3	82	0
8	Nam Định	0	0	146	97	0	0	0	0	1	0	2	1	149	0
9	Thái Bình	0	0	128	94	2	1	1	0	1	0	4	2	136	0
10	Ninh Bình	0	0	38	92	0	0	0	0	0	0	3	7	41	0
11	TB Hospital	0	0	391	89	0	0	2	0	17	3	26	5	436	1
	Tổng	2	0	1767	90	3	0	15	0	65	3	94	4	1946	2
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	27	96	0	0	0	0	1	3	0	0	28	0
13	Cao Bằng	0	0	16	100	0	0	0	0	0	0	0	0	16	1
14	Lào Cai	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	0	0	17	1
15	Tuyên Quang	0	0	10	83	0	0	0	0	2	16	0	0	12	0
16	Lạng Sơn	0	0	56	98	0	0	1	1	0	0	0	0	57	0
17	Bắc Kạn	0	0	17	94	0	0	1	5	0	0	0	0	18	0
18	Thái Nguyên	0	0	191	95	0	0	6	2	2	0	2	0	201	0
19	Yên Bái	0	0	27	96	0	0	1	3	0	0	0	0	28	0
20	Phú Thọ	0	0	29	85	0	0	0	0	2	5	3	8	34	0
21	Quảng Ninh	0	0	86	95	0	0	3	3	1	1	0	0	90	0
22	Bắc Giang	0	0	317	98	0	0	0	0	0	0	6	1	323	0
	Tổng	0	0	793	96	0	0	12	1	8	0	11	1	824	2
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
24	Sơn La	0	0	43	95	0	0	1	2	1	2	0	0	45	0
25	Hoà Bình	0	0	42	93	0	0	1	2	1	2	1	2	45	0
26	Lai Châu	0	0	5	83	0	0	1	16	0	0	0	0	6	0
	Tổng	0	0	93	93	0	0	3	3	2	2	1	1	99	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	280	98	1	0	2	0	0	0	2	0	285	0
28	Nghệ An	0	0	142	97	0	0	1	0	0	0	3	2	146	0
29	Hà Tĩnh	0	0	115	100	0	0	0	0	0	0	0	0	115	0
30	Quảng Bình	0	0	124	90	0	0	3	2	8	5	2	1	137	0
31	Quảng Trị	0	0	107	96	1	0	1	0	2	1	0	0	111	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	184	96	0	0	1	0	6	3	0	0	191	0
	Tổng	0	0	952	96	2	0	8	0	16	1	7	0	985	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	0	0	76	90	0	0	2	2	4	4	2	2	84	0
34	Quảng Nam	0	0	105	96	0	0	2	1	1	0	1	0	109	1
35	Quảng Ngãi	0	0	113	99	0	0	0	0	1	0	0	0	114	0
36	Bình Định	0	0	164	94	0	0	2	1	3	1	5	2	174	1
37	Phú Yên	0	0	52	98	0	0	1	1	0	0	0	0	53	0
38	Khánh Hoà	0	0	38	95	0	0	1	2	0	0	1	2	40	0
	Tổng	0	0	548	95	0	0	8	1	9	1	9	1	574	2
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	27	96	0	0	1	3	0	0	0	0	28	0
40	Gia Lai	0	0	16	88	1	5	1	5	0	0	0	0	18	0
41	Đắk Lắk	6	12	34	72	0	0	3	6	2	4	2	4	47	0
42	Đắk Nông	0	0	15	100	0	0	0	0	0	0	0	0	15	0
43	Lâm Đồng	0	0	23	95	0	0	0	0	1	4	0	0	24	0
	Tổng	6	4	115	87	1	0	5	3	3	2	2	1	132	0
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	1	1	63	85	0	0	2	2	7	9	1	1	74	0
45	Bình Dương	0	0	67	91	0	0	1	1	4	5	1	1	73	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
46	Bình Phước	0	0	14	100	0	0	0	0	0	0	0	0	14	0
47	Bình Thuận	0	0	160	86	0	0	12	6	9	4	5	2	186	1
48	Đồng Nai	0	0	164	87	0	0	4	2	10	5	9	4	187	0
49	Ninh Thuận	0	0	16	88	0	0	1	5	0	0	1	5	18	0
50	Tây Ninh	0	0	129	89	1	0	9	6	4	2	1	0	144	0
51	TP. Hồ Chí Minh	0	0	928	76	5	0	14	1	96	7	165	13	1208	0
	Tổng	1	0	1541	80	6	0	43	2	130	6	183	9	1904	1
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	0	0	201	97	0	0	3	1	1	0	1	0	206	0
53	Bạc Liêu	0	0	20	90	0	0	2	9	0	0	0	0	22	0
54	Bến Tre	0	0	32	86	0	0	4	10	0	0	1	2	37	0
55	Cà Mau	0	0	78	96	0	0	3	3	0	0	0	0	81	0
56	Cần Thơ	0	0	135	97	1	0	1	0	0	0	1	0	138	0
57	Hậu Giang	0	0	119	95	0	0	1	0	2	1	2	1	124	0
58	Đồng Tháp	3	2	124	89	0	0	10	7	1	0	1	0	139	0
59	Kiên Giang	0	0	175	90	2	1	12	6	5	2	0	0	194	0
60	Long An	0	0	99	94	0	0	6	5	0	0	0	0	105	0
61	Sóc Trăng	0	0	94	88	0	0	8	7	4	3	0	0	106	0
62	Tiền Giang	0	0	93	96	0	0	2	2	0	0	1	1	96	0
63	Trà Vinh	0	0	35	100	0	0	0	0	0	0	0	0	35	0
64	Vĩnh Long	0	0	74	94	0	0	3	3	1	1	0	0	78	0
	Tổng	3	0	1279	93	3	0	55	4	14	1	7	0	1361	0
	Tổng cộng	12	0	7088	90	15	0	149	1	247	3	314	4	7825	7

PHỤ LỤC 3.8. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO NGOÀI PHỔI CÓ BẰNG CHỨNG VI KHUẨN HỌC MỚI VÀ TÁI PHÁT 6 THÁNG NĂM 2021

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	0	0	26	100	0	0	0	0	0	0	0	0	26	0
2	Hải Phòng	0	0	4	80	0	0	0	0	1	20	0	0	5	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	5	38	0	0	0	0	7	53	1	7	13	0
4	Bắc Ninh	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
5	Hải Dương	0	0	2	50	0	0	0	0	1	25	1	25	4	0
6	Hưng Yên	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
7	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nam Định	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
9	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Ninh Bình	0	0	9	100	0	0	0	0	0	0	0	0	9	0
11	TB Hospital	0	0	67	93	0	0	0	0	2	2	3	4	72	1
	Tổng	0	0	121	88	0	0	0	0	11	8	5	3	137	1
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	17	80	0	0	1	4	3	14	0	0	21	0
13	Cao Bằng	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
14	Lào Cai	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
15	Tuyên Quang	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
16	Lạng Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Bắc Kạn	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
18	Thái Nguyên	0	0	10	100	0	0	0	0	0	0	0	0	10	0
19	Yên Bái	0	0	14	93	0	0	0	0	0	0	1	6	15	0
20	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Quảng Ninh	0	0	6	100	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0
22	Bắc Giang	0	0	15	83	0	0	1	5	0	0	2	11	18	0
	Tổng	0	0	70	89	0	0	2	2	3	3	3	3	78	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Sơn La	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
25	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
28	Nghệ An	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
29	Hà Tĩnh	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
30	Quảng Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Quảng Trị	0	0	7	100	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
	Tổng	0	0	20	100	0	0	0	0	0	0	0	0	20	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Quảng Nam	0	0	6	100	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0
35	Quảng Ngãi	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
36	Bình Định	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
37	Phú Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Khánh Hoà	0	0	5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0
	Tổng	0	0	15	100	0	0	0	0	0	0	0	0	15	0
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
41	Đắk Lắk	0	0	7	87	0	0	1	12	0	0	0	0	8	0
42	Đắk Nông	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
43	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	11	91	0	0	1	8	0	0	0	0	12	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
45	Bình Dương	0	0	4	66	0	0	0	0	2	33	0	0	6	0
46	Bình Phước	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
47	Bình Thuận	0	0	5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	5	1
48	Đồng Nai	0	0	4	80	0	0	0	0	1	20	0	0	5	0
49	Ninh Thuận	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
50	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	TP. Hồ Chí Minh	0	0	138	63	0	0	4	1	18	8	59	26	219	0
	Tổng	0	0	161	65	0	0	4	1	21	8	59	24	245	1
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	0	0	11	100	0	0	0	0	0	0	0	0	11	1
53	Bạc Liêu	0	0	4	80	0	0	1	20	0	0	0	0	5	0
54	Bến Tre	0	0	3	75	0	0	1	25	0	0	0	0	4	0
55	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Cần Thơ	0	0	16	94	0	0	0	0	1	5	0	0	17	0
57	Hậu Giang	0	0	19	100	0	0	0	0	0	0	0	0	19	0
58	Đồng Tháp	0	0	24	96	0	0	1	4	0	0	0	0	25	0
59	Kiên Giang	0	0	21	91	0	0	2	8	0	0	0	0	23	0
60	Long An	0	0	12	85	0	0	2	14	0	0	0	0	14	0
61	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Tiền Giang	0	0	7	87	0	0	1	12	0	0	0	0	8	0
63	Trà Vinh	0	0	42	95	0	0	1	2	0	0	1	2	44	0
64	Vĩnh Long	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
	Tổng	0	0	161	93	0	0	9	5	1	0	1	0	172	1
	Tổng cộng	0	0	561	82	0	0	16	2	36	5	68	9	681	3

PHỤ LỤC 3.9. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO NGOÀI PHỔI KHÔNG CÓ BẰNG CHỨNG VI KHUẨN HỌC MỚI VÀ TÁI PHÁT 6 THÁNG NĂM 2021

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	0	0	648	98	1	0	4	0	2	0	2	0	657	2
2	Hải Phòng	0	0	165	89	0	0	4	2	14	7	2	1	185	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	15	34	0	0	0	0	9	20	20	45	44	0
4	Bắc Ninh	0	0	53	86	0	0	0	0	8	13	0	0	61	0
5	Hải Dương	0	0	39	86	0	0	2	4	2	4	2	4	45	0
6	Hưng Yên	0	0	56	100	0	0	0	0	0	0	0	0	56	0
7	Hà Nam	0	0	51	94	0	0	0	0	2	3	1	1	54	0
8	Nam Định	0	0	94	98	0	0	0	0	0	0	1	1	95	2
9	Thái Bình	0	0	96	98	0	0	1	1	0	0	0	0	97	0
10	Ninh Bình	0	0	44	91	0	0	0	0	0	0	4	8	48	0
11	TB Hospital	0	0	501	91	0	0	4	0	30	5	15	2	550	2
	Tổng	0	0	1762	93	1	0	15	0	67	3	47	2	1892	6
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	73	92	0	0	1	1	4	5	1	1	79	0
13	Cao Bằng	0	0	34	87	0	0	2	5	3	7	0	0	39	0
14	Lào Cai	0	0	26	96	0	0	0	0	0	0	1	3	27	0
15	Tuyên Quang	0	0	17	85	0	0	2	10	0	0	1	5	20	0
16	Lạng Sơn	0	0	76	100	0	0	0	0	0	0	0	0	76	0
17	Bắc Kạn	0	0	15	100	0	0	0	0	0	0	0	0	15	0
18	Thái Nguyên	0	0	59	98	0	0	1	1	0	0	0	0	60	0
19	Yên Bái	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	0	0	17	0
20	Phú Thọ	0	0	31	88	0	0	0	0	2	5	2	5	35	0
21	Quảng Ninh	0	0	105	96	0	0	1	0	1	0	2	1	109	0
22	Bắc Giang	0	0	139	96	0	0	2	1	0	0	3	2	144	0
	Tổng	0	0	592	95	0	0	9	1	10	1	10	1	621	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	11	91	0	0	0	0	1	8	0	0	12	0
24	Sơn La	0	0	10	90	0	0	0	0	0	0	1	9	11	0
25	Hoà Bình	0	0	58	98	0	0	0	0	1	1	0	0	59	0
26	Lai Châu	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
	Tổng	0	0	83	96	0	0	0	0	2	2	1	1	86	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	106	88	0	0	1	0	10	8	3	2	120	0
28	Nghệ An	0	0	135	96	0	0	4	2	0	0	1	0	140	0
29	Hà Tĩnh	0	0	36	100	0	0	0	0	0	0	0	0	36	0
30	Quảng Bình	0	0	14	87	0	0	1	6	0	0	1	6	16	0
31	Quảng Trị	0	0	31	100	0	0	0	0	0	0	0	0	31	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	84	97	0	0	1	1	1	1	0	0	86	0
	Tổng	0	0	406	94	0	0	7	1	11	2	5	1	429	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	0	0	147	96	0	0	1	0	1	0	3	1	152	0
34	Quảng Nam	0	0	110	88	1	0	4	3	5	4	4	3	124	0
35	Quảng Ngãi	0	0	40	97	0	0	0	0	1	2	0	0	41	0
36	Bình Định	0	0	116	95	0	0	4	3	0	0	1	0	121	0
37	Phú Yên	0	0	41	100	0	0	0	0	0	0	0	0	41	0
38	Khánh Hoà	0	0	120	96	0	0	2	1	1	0	2	1	125	0
	Tổng	0	0	574	95	1	0	11	1	8	1	10	1	604	0
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	37	97	0	0	1	2	0	0	0	0	38	0
40	Gia Lai	0	0	77	96	1	1	1	1	0	0	1	1	80	0
41	Đắk Lắk	0	0	100	91	2	1	4	3	3	2	0	0	109	0
42	Đắk Nông	0	0	43	100	0	0	0	0	0	0	0	0	43	0
43	Lâm Đồng	0	0	87	95	0	0	3	3	1	1	0	0	91	0
	Tổng	0	0	344	95	3	0	9	2	4	1	1	0	361	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	96	90	0	0	4	3	3	2	3	2	106	0
45	Bình Dương	0	0	247	93	0	0	3	1	7	2	8	3	265	0
46	Bình Phước	0	0	72	94	0	0	3	3	1	1	0	0	76	0
47	Bình Thuận	0	0	59	96	0	0	1	1	1	1	0	0	61	1
48	Đồng Nai	0	0	327	90	0	0	6	1	25	6	2	0	360	0
49	Ninh Thuận	0	0	46	92	0	0	3	6	1	2	0	0	50	0
50	Tây Ninh	0	0	195	93	0	0	5	2	7	3	1	0	208	0
51	TP. Hồ Chí Minh	0	0	1372	82	3	0	22	1	71	4	201	12	1669	2
	Tổng	0	0	2414	86	3	0	47	1	116	4	215	7	2795	3
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	0	0	253	95	0	0	10	3	1	0	1	0	265	0
53	Bạc Liêu	0	0	57	78	0	0	9	12	6	8	1	1	73	0
54	Bến Tre	0	0	142	93	0	0	8	5	2	1	0	0	152	0
55	Cà Mau	0	0	108	98	0	0	1	0	1	0	0	0	110	0
56	Cần Thơ	0	0	168	88	0	0	10	5	8	4	3	1	189	0
57	Hậu Giang	0	0	73	98	0	0	1	1	0	0	0	0	74	1
58	Đồng Tháp	0	0	196	94	0	0	9	4	2	0	0	0	207	0
59	Kiên Giang	0	0	177	96	0	0	7	3	0	0	0	0	184	0
60	Long An	0	0	151	92	1	0	9	5	1	0	2	1	164	0
61	Sóc Trăng	0	0	157	92	0	0	8	4	4	2	0	0	169	0
62	Tiền Giang	0	0	201	96	1	0	4	1	1	0	1	0	208	0
63	Trà Vinh	0	0	34	100	0	0	0	0	0	0	0	0	34	0
64	Vĩnh Long	0	0	133	97	0	0	3	2	0	0	0	0	136	1
	Tổng	0	0	1850	94	2	0	79	4	26	1	8	0	1965	2
	Tổng cộng	0	0	8025	91	10	0	177	2	244	2	297	3	8753	11

PHỤ LỤC 3.10. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN ĐIỀU TRỊ LẠI (THẤT BẠI, ĐIỀU TRỊ LẠI SAU BỎ TRỊ, TIỀN SỬ ĐIỀU TRỊ KHÁC) 6 THÁNG NĂM 2021

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	10	26	28	73	0	0	0	0	0	0	0	0	38	0
2	Hải Phòng	5	35	7	50	0	0	0	0	1	7	1	7	14	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	1	25	0	0	0	0	2	50	1	25	4	0
4	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	0
5	Hải Dương	7	58	4	33	0	0	0	0	0	0	1	8	12	1
6	Hưng Yên	3	50	2	33	0	0	1	16	0	0	0	0	6	0
7	Hà Nam	1	50	1	50	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
8	Nam Định	6	28	11	52	0	0	2	9	1	4	1	4	21	1
9	Thái Bình	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
10	Ninh Bình	1	50	1	50	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1
11	TB Hospital	3	33	3	33	0	0	0	0	2	22	1	11	9	0
	Tổng	37	33	58	52	0	0	4	3	6	5	5	4	110	3
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
13	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Lào Cai	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
15	Tuyên Quang	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
16	Lạng Sơn	4	80	1	20	0	0	0	0	0	0	0	0	5	3
17	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thái Nguyên	5	35	9	64	0	0	0	0	0	0	0	0	14	0
19	Yên Bái	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
20	Phú Thọ	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
21	Quảng Ninh	5	62	2	25	1	12	0	0	0	0	0	0	8	1
22	Bắc Giang	1	25	3	75	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
	Tổng	17	45	19	51	1	2	0	0	0	0	0	0	37	4

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	0
24	Sơn La	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
25	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	1	50	0	0	0	0	1	50	0	0	2	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	6	85	0	0	0	0	1	14	0	0	7	0
28	Nghệ An	19	79	4	16	0	0	0	0	0	0	1	4	24	0
29	Hà Tĩnh	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
30	Quảng Bình	0	0	34	87	0	0	0	0	4	10	1	2	39	0
31	Quảng Trị	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
32	Thừa Thiên Huế	1	25	1	25	0	0	0	0	2	50	0	0	4	0
	Tổng	20	25	49	62	0	0	0	0	7	8	2	2	78	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	5	50	3	30	0	0	1	10	1	10	0	0	10	0
34	Quảng Nam	7	46	5	33	0	0	0	0	2	13	1	6	15	0
35	Quảng Ngãi	0	0	3	60	2	40	0	0	0	0	0	0	5	0
36	Bình Định	3	14	14	66	0	0	3	14	0	0	1	4	21	0
37	Phú Yên	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
38	Khánh Hoà	9	81	0	0	0	0	1	9	1	9	0	0	11	0
	Tổng	25	39	25	39	2	3	5	7	4	6	2	3	63	0
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
40	Gia Lai	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
41	Đắk Lắk	5	83	1	16	0	0	0	0	0	0	0	0	6	1
42	Đắk Nông	0	0	4	100	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
43	Lâm Đồng	1	50	1	50	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1
	Tổng	8	47	9	52	0	0	0	0	0	0	0	0	17	2

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2	22	2	22	1	11	2	22	1	11	1	11	9	0
45	Bình Dương	11	42	12	46	2	7	1	3	0	0	0	0	26	0
46	Bình Phước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
47	Bình Thuận	5	41	5	41	0	0	2	16	0	0	0	0	12	0
48	Đồng Nai	10	37	8	29	1	3	0	0	5	18	3	11	27	1
49	Ninh Thuận	9	39	8	34	2	8	4	17	0	0	0	0	23	0
50	Tây Ninh	4	33	6	50	0	0	1	8	1	8	0	0	12	0
51	TP. Hồ Chí Minh	95	52	59	32	7	3	5	2	10	5	6	3	182	2
	Tổng	136	46	100	34	13	4	15	5	17	5	10	3	291	3
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	25	51	21	42	0	0	1	2	2	4	0	0	49	0
53	Bạc Liêu	2	66	0	0	1	33	0	0	0	0	0	0	3	0
54	Bến Tre	4	40	3	30	0	0	0	0	3	30	0	0	10	0
55	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Cần Thơ	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
57	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Đồng Tháp	1	50	1	50	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
59	Kiên Giang	16	57	6	21	2	7	1	3	3	10	0	0	28	0
60	Long An	12	63	4	21	0	0	2	10	0	0	1	5	19	0
61	Sóc Trăng	11	50	8	36	0	0	2	9	1	4	0	0	22	0
62	Tiền Giang	24	82	1	3	0	0	3	10	0	0	1	3	29	0
63	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	0
64	Vĩnh Long	6	54	3	27	0	0	1	9	1	9	0	0	11	2
	Tổng	104	58	47	26	3	1	11	6	10	5	2	1	177	2
	Tổng cộng	347	44	308	39	19	2	35	4	45	5	21	2	775	14

PHỤ LỤC 3.11. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN KHÔNG RÕ TIỀN SỬ 6 THÁNG NĂM 2021

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
2	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Lạng Sơn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Bắc Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
24	Son La	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Quảng Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Quảng Trị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
34	Quảng Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
35	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Bình Định	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
37	Phú Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
38	Khánh Hoà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Đắk Lắk	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
42	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	0
45	Bình Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
46	Bình Phước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
47	Bình Thuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
48	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Ninh Thuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	TP. Hồ Chí Minh	1	3	22	81	0	0	0	0	4	14	0	0	27	1
	Tổng	1	3	22	78	0	0	0	0	5	17	0	0	28	1
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	10	62	5	31	0	0	1	6	0	0	0	0	16	0
53	Bạc Liêu	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
54	Bến Tre	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
55	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Kiên Giang	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
60	Long An	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
61	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
64	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	11	57	7	36	0	0	1	5	0	0	0	0	19	0
	Tổng cộng	12	23	33	64	0	0	1	1	5	9	0	0	51	1

PHỤ LỤC 3.12. KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN LAO/HIV 6 THÁNG NĂM 2021

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	22	45	19	39	0	0	3	6	3	6	1	2	48	0
2	Hải Phòng	5	16	22	70	0	0	1	3	3	9	0	0	31	0
3	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
5	Hải Dương	3	25	6	50	0	0	2	16	1	8	0	0	12	0
6	Hưng Yên	2	25	6	75	0	0	0	0	0	0	0	0	8	1
7	Hà Nam	5	55	4	44	0	0	0	0	0	0	0	0	9	0
8	Nam Định	4	66	1	16	0	0	1	16	0	0	0	0	6	0
9	Thái Bình	2	28	4	57	0	0	1	14	0	0	0	0	7	0
10	Ninh Bình	3	75	0	0	0	0	1	25	0	0	0	0	4	0
11	TB Hospital	3	42	4	57	0	0	0	0	0	0	0	0	7	3
	Tổng	49	36	67	50	0	0	9	6	7	5	1	0	133	4
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	1	20	2	40	0	0	1	20	1	20	0	0	5	0
13	Cao Bằng	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
14	Lào Cai	1	25	3	75	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
15	Tuyên Quang	1	25	2	50	0	0	0	0	0	0	1	25	4	0
16	Lạng Sơn	1	25	3	75	0	0	0	0	0	0	0	0	4	1
17	Bắc Kạn	3	60	1	20	0	0	1	20	0	0	0	0	5	0
18	Thái Nguyên	12	28	28	66	1	2	1	2	0	0	0	0	42	0
19	Yên Bái	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
20	Phú Thọ	2	50	2	50	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
21	Quảng Ninh	8	42	9	47	0	0	0	0	1	5	1	5	19	0
22	Bắc Giang	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0
	Tổng	30	32	54	58	1	1	3	3	2	2	2	2	92	1
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	2	50	1	25	0	0	0	0	1	25	0	0	4	0

STT	TỈNH	Khởi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
24	Sơn La	8	72	3	27	0	0	0	0	0	0	0	0	11	0
25	Hoà Bình	2	28	3	42	0	0	1	14	1	14	0	0	7	0
26	Lai Châu	2	66	1	33	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
	Tổng	14	56	8	32	0	0	1	4	2	8	0	0	25	0
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	6	35	10	58	0	0	0	0	1	5	0	0	17	0
28	Nghệ An	8	30	16	61	0	0	1	3	0	0	1	3	26	0
29	Hà Tĩnh	0	0	3	100	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0
30	Quảng Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Quảng Trị	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Thừa Thiên Huế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	14	30	29	63	0	0	1	2	1	2	1	2	46	0
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	3	60	2	40	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0
34	Quảng Nam	4	57	1	14	0	0	1	14	0	0	1	14	7	0
35	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Bình Định	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
37	Phú Yên	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	0
38	Khánh Hoà	8	72	1	9	0	0	2	18	0	0	0	0	11	0
	Tổng	15	60	5	20	0	0	4	16	0	0	1	4	25	0
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
41	Đắk Lắk	2	50	2	50	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0
42	Đắk Nông	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lâm Đồng	2	66	0	0	0	0	1	33	0	0	0	0	3	0
	Tổng	5	62	2	25	0	0	1	12	0	0	0	0	8	0
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	9	42	10	47	0	0	1	4	1	4	0	0	21	1
45	Bình Dương	15	32	26	56	2	4	1	2	1	2	1	2	46	0

STT	TỈNH	Khỏi		Hoàn thành		Thất bại		Chết		Không theo dõi được		Không đánh giá		TSBN đánh giá	Chuyển MDR
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
46	Bình Phước	2	28	5	71	0	0	0	0	0	0	0	0	7	0
47	Bình Thuận	2	20	6	60	0	0	2	20	0	0	0	0	10	0
48	Đồng Nai	7	26	15	57	0	0	0	0	3	11	1	3	26	0
49	Ninh Thuận	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
50	Tây Ninh	21	53	13	33	0	0	4	10	1	2	0	0	39	0
51	TP. Hồ Chí Minh	162	40	143	35	3	0	29	7	19	4	43	10	399	4
	Tổng	218	39	219	39	5	0	37	6	25	4	45	8	549	5
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	18	33	26	49	0	0	6	11	2	3	1	1	53	1
53	Bạc Liêu	10	47	3	14	0	0	6	28	2	9	0	0	21	0
54	Bến Tre	9	45	7	35	0	0	4	20	0	0	0	0	20	0
55	Cà Mau	3	75	0	0	0	0	1	25	0	0	0	0	4	0
56	Cần Thơ	11	55	7	35	0	0	1	5	1	5	0	0	20	0
57	Hậu Giang	5	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0
58	Đồng Tháp	19	38	26	52	0	0	5	10	0	0	0	0	50	0
59	Kiên Giang	12	38	13	41	0	0	3	9	3	9	0	0	31	0
60	Long An	11	42	13	50	0	0	2	7	0	0	0	0	26	0
61	Sóc Trăng	5	16	22	73	0	0	2	6	1	3	0	0	30	0
62	Tiền Giang	21	77	6	22	0	0	0	0	0	0	0	0	27	0
63	Trà Vinh	4	80	1	20	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0
64	Vĩnh Long	7	36	8	42	0	0	3	15	1	5	0	0	19	0
	Tổng	135	43	132	42	0	0	33	10	10	3	1	0	311	1
	Tổng cộng	480	40	516	43	6	0	89	7	47	3	51	4	1189	11

PHỤ LỤC 3.13. KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM ÂM HÓA ĐỜM SAU 2(3) THÁNG ĐIỀU TRỊ 6 THÁNG NĂM 2022

STT	TỈNH	DƯƠNG TÍNH MỚI							ĐIỀU TRỊ LẠI						
		Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng	Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng
		SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng đồng bằng Sông hồng															
1	Hà Nội	8	1,48	449	82,84	85	15,68	542	4	5,88	56	82,35	8	11,76	68
2	Hải Phòng	1	0,43	207	89,22	24	10,34	232	1	12,5	5	62,5	2	25	8
3	Vĩnh Phúc	1	0,72	84	60,87	53	38,41	138	0	0	9	100	0	0	9
4	Bắc Ninh	1	2,56	29	74,36	9	23,08	39	0	0	0	0	0	0	0
5	Hải Dương	7	4,29	149	91,41	7	4,29	163	1	4,55	17	77,27	4	18,18	22
6	Hưng Yên	2	2,6	72	93,51	3	3,9	77	0	0	6	100	0	0	6
7	Hà Nam	0	0	40	97,56	1	2,44	41	0	0	2	100	0	0	2
8	Nam Định	1	0,63	140	88,05	18	11,32	159	0	0	3	75	1	25	4
9	Thái Bình	2	0,99	195	96,53	5	2,48	202	0	0	11	100	0	0	11
10	Ninh Bình	2	1,15	150	86,21	22	12,64	174	1	3,45	24	82,76	4	13,79	29
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	25	1,41	1515	85,74	227	12,85	1767	7	4,4	133	83,65	19	11,95	159
Vùng Đông bắc															
12	Hà Giang	2	1,64	85	69,67	35	28,69	122	1	14,29	3	42,86	3	42,86	7
13	Cao Bằng	5	23,81	13	61,9	3	14,29	21	0	0	2	66,67	1	33,33	3
14	Lào Cai	3	5,08	40	67,8	16	27,12	59	1	16,67	3	50	2	33,33	6
15	Tuyên Quang	0	0	27	90	3	10	30	0	0	3	100	0	0	3
16	Lạng Sơn	5	6,02	67	80,72	11	13,25	83	2	20	6	60	2	20	10
17	Bắc Kạn	1	3,23	30	96,77	0	0	31	0	0	1	100	0	0	1
18	Thái Nguyên	1	1,37	66	90,41	6	8,22	73	1	5,26	18	94,74	0	0	19
19	Yên Bái	1	1,82	51	92,73	3	5,45	55	0	0	1	100	0	0	1
20	Phú Thọ	3	2,31	126	96,92	1	0,77	130	0	0	5	100	0	0	5
21	Quảng Ninh	2	1,39	126	87,5	16	11,11	144	2	8,33	21	87,5	1	4,17	24
22	Bắc Giang	0	0	170	98,84	2	1,16	172	0	0	26	100	0	0	26
	Tổng	23	2,5	801	87,07	96	10,43	920	7	6,67	89	84,76	9	8,57	105

STT	TỈNH	DƯƠNG TÍNH MỚI							ĐIỀU TRỊ LẠI						
		Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng	Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng
		SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng Tây bắc															
23	Điện Biên	0	0	24	100	0	0	24	0	0	1	100	0	0	1
24	Sơn La	0	0	63	100	0	0	63	0	0	1	100	0	0	1
25	Hoà Bình	1	1,41	60	84,51	10	14,08	71	1	20	3	60	1	20	5
26	Lai Châu	1	3,33	21	70	8	26,67	30	0	0	3	100	0	0	3
	Tổng	2	1,06	168	89,36	18	9,57	188	1	10	8	80	1	10	10
Vùng Bắc Trung bộ															
27	Thanh Hóa	0	0	105	98,13	2	1,87	107	0	0	1	100	0	0	1
28	Nghệ An	3	1,24	210	86,78	29	11,98	242	0	0	18	85,71	3	14,29	21
29	Hà Tĩnh	0	0	115	100	0	0	115	0	0	0	0	0	0	0
30	Quảng Bình	3	6,82	18	40,91	23	52,27	44	0	0	3	75	1	25	4
31	Quảng Trị	1	0,88	92	80,7	21	18,42	114	0	0	15	83,33	3	16,67	18
32	Thừa Thiên Huế	7	3,61	160	82,47	27	13,92	194	0	0	11	84,62	2	15,38	13
	Tổng	14	1,72	700	85,78	102	12,5	816	0	0	48	84,21	9	15,79	57
Vùng Nam Trung bộ															
33	Đà Nẵng	3	1,03	268	92,1	20	6,87	291	1	2,94	29	85,29	4	11,76	34
34	Quảng Nam	8	3,65	160	73,06	51	23,29	219	2	6,67	17	56,67	11	36,67	30
35	Quảng Ngãi	2	2,38	74	88,1	8	9,52	84	0	0	3	100	0	0	3
36	Bình Định	0	0	91	96,81	3	3,19	94	0	0	8	100	0	0	8
37	Phú Yên	0	0	84	100	0	0	84	0	0	2	100	0	0	2
38	Khánh Hoà	30	7,54	353	88,69	15	3,77	398	3	9,09	30	90,91	0	0	33
	Tổng	43	3,68	1030	88,03	97	8,29	1170	6	5,45	89	80,91	15	13,64	110
Vùng Tây nguyên															
39	Kon Tum	0	0	135	98,54	2	1,46	137	0	0	5	100	0	0	5
40	Gia Lai	0	0	121	88,97	15	11,03	136	0	0	1	100	0	0	1
41	Đắk Lắk	1	1,03	57	58,76	39	40,21	97	1	12,5	4	50	3	37,5	8
42	Đắk Nông	0	0	52	81,25	12	18,75	64	1	50	1	50	0	0	2
43	Lâm Đồng	3	2,16	133	95,68	3	2,16	139	0	0	1	50	1	50	2
	Tổng	4	0,7	498	86,91	71	12,39	573	2	11,11	12	66,67	4	22,22	18

STT	TỈNH	DƯƠNG TÍNH MỚI							ĐIỀU TRỊ LẠI						
		Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng	Dương tính		Âm tính		Không XN		Cộng
		SL	%	SL	%	SL	%		SL	%	SL	%	SL	%	
Vùng Đông Nam bộ															
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	11	3,07	234	65,36	113	31,56	358	0	0	18	72	7	28	25
45	Bình Dương	18	6,72	180	67,16	70	26,12	268	1	2,78	19	52,78	16	44,44	36
46	Bình Phước	3	1,7	133	75,57	40	22,73	176	0	0	11	73,33	4	26,67	15
47	Bình Thuận	26	8,52	259	84,92	20	6,56	305	3	9,09	29	87,88	1	3,03	33
48	Đồng Nai	19	3,35	488	85,92	61	10,74	568	6	8,22	58	79,45	9	12,33	73
49	Ninh Thuận	16	10,67	118	78,67	16	10,67	150	1	5,26	14	73,68	4	21,05	19
50	Tây Ninh	9	2,13	368	87,2	45	10,66	422	2	6,9	26	89,66	1	3,45	29
51	TP. Hồ Chí Minh	214	5,27	3402	83,81	443	10,91	4059	37	5,81	533	83,67	67	10,52	637
	Tổng	316	5,01	5182	82,18	808	12,81	6306	50	5,77	708	81,66	109	12,57	867
Vùng đồng bằng sông Cửu long															
52	An Giang	9	0,63	1391	97	34	2,37	1434	2	1,33	141	94	7	4,67	150
53	Bạc Liêu	9	4,33	184	88,46	15	7,21	208	1	3,85	24	92,31	1	3,85	26
54	Bến Tre	9	2,82	281	88,09	29	9,09	319	0	0	16	76,19	5	23,81	21
55	Cà Mau	12	3,82	285	90,76	17	5,41	314	1	6,25	14	87,5	1	6,25	16
56	Cần Thơ	9	1,85	450	92,59	27	5,56	486	1	2,56	36	92,31	2	5,13	39
57	Hậu Giang	2	0,66	301	99,34	0	0	303	1	12,5	6	75	1	12,5	8
58	Đồng Tháp	6	1,13	426	80,08	100	18,8	532	2	5,71	21	60	12	34,29	35
59	Kiên Giang	32	4,79	526	78,74	110	16,47	668	6	11,11	33	61,11	15	27,78	54
60	Long An	2	0,38	490	94,23	28	5,38	520	4	10,53	34	89,47	0	0	38
61	Sóc Trăng	2	0,78	235	91,44	20	7,78	257	2	14,29	11	78,57	1	7,14	14
62	Tiền Giang	25	6,58	352	92,63	3	0,79	380	3	11,54	23	88,46	0	0	26
63	Trà Vinh	3	1,04	278	96,53	7	2,43	288	2	66,67	1	33,33	0	0	3
64	Vĩnh Long	7	2,56	194	71,06	72	26,37	273	3	12,5	15	62,5	6	25	24
	Tổng	127	2,12	5393	90,15	462	7,72	5982	28	6,17	375	82,6	51	11,23	454
	Tổng cộng	554	3,13	15287	86,26	1881	10,61	17722	101	5,67	1462	82,13	217	12,19	1780

PHỤ LỤC 3.14. TÌNH HÌNH THỬ ĐỒM PHÁT HIỆN 6 THÁNG NĂM 2022

TT	Tỉnh	Tổng số người xét nghiệm	Tỷ lệ xét nghiệm/dân số	AFB(+)			AFB(-)			Số BN lao phổi AFB(+) được quản lý ngay sau khi PH
				1 mẫu	≥ 2 mẫu	Tổng	1 mẫu	≥ 2 mẫu	Tổng	
Vùng đồng bằng Sông hồng										
1	Hà Nội	8050	0,12	62	225	287	977	6786	7763	92
2	Hải Phòng	1077	0,05	2	12	14	325	738	1063	10
3	Vĩnh Phúc	599	0,05	0	5	5	46	548	594	3
4	Bắc Ninh	985	0,08	8	81	89	86	810	896	43
5	Hải Dương	6029	0,31	37	230	267	543	5219	5762	255
6	Hưng Yên	3875	0,29	2	131	133	89	3653	3742	133
7	Hà Nam	1505	0,18	3	67	70	167	1268	1435	66
8	Nam Định	3952	0,20	0	237	237	4	3711	3715	183
9	Thái Bình	4979	0,25	44	158	202	1287	3490	4777	85
10	Ninh Bình	4451	0,45	7	71	78	2585	1788	4373	78
11	TB Hospital	0		0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	35502	0,17	165	1217	1382	6109	28011	34120	948
Vùng Đông bắc										
12	Hà Giang	642	0,07	79	65	144	236	262	498	0
13	Cao Bằng	400	0,07	23	37	60	92	248	340	2
14	Lào Cai	1452	0,19	18	47	65	677	710	1387	65
15	Tuyên Quang	1453	0,17	8	31	39	405	1009	1414	20
16	Lạng Sơn	3582	0,43	33	127	160	6	3416	3422	160
17	Bắc Kạn	668	0,21	7	25	32	59	577	636	32
18	Thái Nguyên	3312	0,23	41	41	82	1509	1721	3230	69
19	Yên Bái	2761	0,34	9	39	48	84	2629	2713	14
20	Phú Thọ	6194	0,41	0	80	80	99	6015	6114	80
21	Quảng Ninh	5131	0,37	95	220	315	1256	3560	4816	230
22	Bắc Giang	5335	0,29	0	61	61	26	5248	5274	60
	Tổng	30930	0,28	313	773	1086	4449	25395	29844	732
Vùng Tây bắc										
23	Điện Biên	1018	0,16	7	35	42	225	751	976	40
24	Sơn La	1971	0,15	6	48	54	27	1890	1917	48
25	Hoà Bình	811	0,04	36	26	62	456	293	749	24
26	Lai Châu	1288	0,27	12	39	51	29	1208	1237	42
	Tổng	5088	0,12	61	148	209	737	4142	4879	154
Vùng Bắc Trung bộ										
27	Thanh Hóa	8579	0,24	21	191	212	2622	5745	8367	212
28	Nghệ An	1115	0,03	21	22	43	729	343	1072	2
29	Hà Tĩnh	1897	0,16	37	94	131	487	1279	1766	35
30	Quảng Bình	1707	0,19	34	8	42	426	1239	1665	40
31	Quảng Trị	970	0,14	63	82	145	560	265	825	0
32	Thừa Thiên Huế	1022	0,09	22	95	117	131	774	905	96
	Tổng	15290	0,14	198	492	690	4955	9645	14600	385
Vùng Nam Trung bộ										
33	Đà Nẵng	1306	0,11	19	45	64	238	1004	1242	362

TT	Tỉnh	Tổng số người xét nghiệm	Tỷ lệ xét nghiệm/dân số	AFB(+)			AFB(-)			Số BN lao phổi AFB(+) được quản lý ngay sau khi PH
				1 mẫu	≥ 2 mẫu	Tổng	1 mẫu	≥ 2 mẫu	Tổng	
34	Quảng Nam	4692	0,30	309	77	386	2988	1318	4306	379
35	Quảng Ngãi	638	0,05	7	66	73	14	551	565	30
36	Bình Định	5959	0,38	147	60	207	3984	1768	5752	208
37	Phú Yên	2038	0,21	52	55	107	849	1082	1931	55
38	Khánh Hoà	4137	0,31	47	385	432	46	3659	3705	431
	Tổng	18770	0,24	581	688	1269	8119	9382	17501	1465
Vùng Tây nguyên										
39	Kon Tum	1098	0,19	0	61	61	1	1036	1037	27
40	Gia Lai	573	0,04	21	47	68	58	447	505	2
41	Đắk Lắk	1809	0,10	43	155	198	174	1437	1611	170
42	Đắk Nông	403	0,06	0	40	40	4	359	363	39
43	Lâm Đồng	1688	0,13	27	206	233	97	1358	1455	233
	Tổng	5571	0,09	91	509	600	334	4637	4971	471
Vùng Đông Nam bộ										
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2414	0,20	6	152	158	0	2256	2256	186
45	Bình Dương	3630	0,13	217	410	627	628	2375	3003	90
46	Bình Phước	1585	0,15	2	157	159	3	1423	1426	50
47	Bình Thuận	5305	0,43	12	425	437	23	4845	4868	425
48	Đồng Nai	3183	0,10	71	470	541	6	2636	2642	137
49	Ninh Thuận	2415	0,41	40	198	238	126	2051	2177	214
50	Tây Ninh	4113	0,34	8	336	344	35	3734	3769	254
51	TP. Hồ Chí Minh	61906	0,72	1562	4012	5574	23223	33109	56332	1053
	Tổng	84551	0,43	1918	6160	8078	24044	52429	76473	2409
Vùng đồng bằng sông Cửu long										
52	An Giang	10100	0,53	45	769	814	203	9083	9286	791
53	Bạc Liêu	1686	0,18	20	199	219	182	1285	1467	141
54	Bến Tre	3477	0,25	78	134	212	730	2535	3265	503
55	Cà Mau	2100	0,18	10	298	308	266	1526	1792	0
56	Cần Thơ	3916	0,32	104	370	474	504	2938	3442	474
57	Hậu Giang	1947	0,26	41	136	177	12	1758	1770	170
58	Đồng Tháp	5546	0,30	144	679	823	422	4301	4723	232
59	Kiên Giang	5529	0,29	54	835	889	67	4573	4640	527
60	Long An	3426	0,21	50	331	381	178	2867	3045	0
61	Sóc Trăng	3100	0,23	81	360	441	57	2602	2659	175
62	Tiền Giang	6141	0,34	2	360	362	3	5776	5779	186
63	Trà Vinh	2235	0,22	0	306	306	0	1929	1929	101
64	Vĩnh Long	5654	0,30	46	254	300	251	5103	5354	0
	Tổng	54857	0,29	675	5031	5706	2875	46276	49151	3300
	Tổng cộng	250559	0,25	4002	15018	19020	51622	179917	231539	9864

PHỤ LỤC 3.15. SỐ TIÊU BẢN THỰC HIỆN 6 THÁNG NĂM 2022

STT	Tỉnh	Số tiêu bản phát hiện			Số tiêu bản theo dõi điều trị			Tổng cộng
		TB dương	TB âm	Cộng	TB dương	TB âm	Cộng	
Vùng đồng bằng Sông hồng								
1	Hà Nội	187	7633	7820	13	1323	1336	9156
2	Hải Phòng	12	805	817	7	625	632	1449
3	Vĩnh Phúc	4	952	956	0	41	41	997
4	Bắc Ninh	104	1275	1379	0	311	311	1690
5	Hải Dương	290	7952	8242	20	624	644	8886
6	Hưng Yên	207	5983	6190	6	361	367	6557
7	Hà Nam	100	2140	2240	6	383	389	2629
8	Nam Định	308	5989	6297	1	381	382	6679
9	Thái Bình	249	6160	6409	3	328	331	6740
10	Ninh Bình	89	3611	3700	0	372	372	4072
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	1550	42500	44050	56	4749	4805	48855
Vùng Đông bắc								
12	Hà Giang	38	217	255	0	3	3	258
13	Cao Bằng	67	358	425	5	61	66	491
14	Lào Cai	63	1426	1489	9	95	104	1593
15	Tuyên Quang	43	1857	1900	0	111	111	2011
16	Lạng Sơn	204	5151	5355	30	264	294	5649
17	Bắc Kạn	25	743	768	0	10	10	778
18	Thái Nguyên	123	4646	4769	5	46	51	4820
19	Yên Bái	76	3555	3631	4	27	31	3662
20	Phú Thọ	90	7054	7144	0	301	301	7445
21	Quảng Ninh	328	6238	6566	59	446	505	7071
22	Bắc Giang	66	6587	6653	2	582	584	7237
	Tổng	1123	37832	38955	114	1946	2060	41015
Vùng Tây bắc								
23	Điện Biên	54	1164	1218	3	43	46	1264
24	Sơn La	64	3345	3409	4	84	88	3497
25	Hoà Bình	61	704	765	1	91	92	857
26	Lai Châu	57	1633	1690	6	64	70	1760
	Tổng	236	6846	7082	14	282	296	7378
Vùng Bắc Trung bộ								
27	Thanh Hóa	385	13817	14202	15	353	368	14570
28	Nghệ An	15	494	509	2	108	110	619
29	Hà Tĩnh	199	2337	2536	11	153	164	2700
30	Quảng Bình	155	1562	1717	4	121	125	1842
31	Quảng Trị	168	601	769	2	38	40	809
32	Thừa Thiên Huế	36	917	953	2	223	225	1178
	Tổng	958	19728	20686	36	996	1032	21718
Vùng Nam Trung bộ								
33	Đà Nẵng	38	771	809	8	677	685	1494
34	Quảng Nam	302	3618	3920	17	392	409	4329
35	Quảng Ngãi	120	921	1041	56	26	82	1123
36	Bình Định	162	4431	4593	4	245	249	4842
37	Phú Yên	93	1766	1859	2	218	220	2079

STT	Tỉnh	Số tiêu bản phát hiện			Số tiêu bản theo dõi điều trị			Tổng cộng
		TB dương	TB âm	Cộng	TB dương	TB âm	Cộng	
38	Khánh Hoà	477	4734	5211	56	840	896	6107
	Tổng	1192	16241	17433	143	2398	2541	19974
Vùng Tây nguyên								
39	Kon Tum	167	1694	1861	0	90	90	1951
40	Gia Lai	75	770	845	3	15	18	863
41	Đắk Lắk	210	2045	2255	11	304	315	2570
42	Đắk Nông	54	635	689	4	30	34	723
43	Lâm Đồng	109	2003	2112	7	90	97	2209
	Tổng	615	7147	7762	25	529	554	8316
Vùng Đông Nam bộ								
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	191	2809	3000	15	530	545	3545
45	Bình Dương	462	3126	3588	52	1243	1295	4883
46	Bình Phước	168	1916	2084	8	267	275	2359
47	Bình Thuận	506	8141	8647	39	760	799	9446
48	Đồng Nai	530	3580	4110	98	1438	1536	5646
49	Ninh Thuận	226	2508	2734	25	301	326	3060
50	Tây Ninh	344	4028	4372	104	938	1042	5414
51	TP. Hồ Chí Minh	4969	54006	58975	493	7041	7534	66509
	Tổng	7396	80114	87510	834	12518	13352	100862
Vùng đồng bằng sông Cửu long								
52	An Giang	758	10131	10889	29	2739	2768	13657
53	Bạc Liêu	312	2272	2584	10	451	461	3045
54	Bến Tre	172	3920	4092	21	494	515	4607
55	Cà Mau	395	2343	2738	19	505	524	3262
56	Cần Thơ	511	3797	4308	13	1207	1220	5528
57	Hậu Giang	205	2395	2600	7	478	485	3085
58	Đồng Tháp	795	5035	5830	8	787	795	6625
59	Kiên Giang	905	5814	6719	54	1201	1255	7974
60	Long An	438	3612	4050	13	996	1009	5059
61	Sóc Trăng	592	4262	4854	6	600	606	5460
62	Tiền Giang	467	7055	7522	17	857	874	8396
63	Trà Vinh	340	2020	2360	6	232	238	2598
64	Vĩnh Long	263	5898	6161	10	588	598	6759
	Tổng	6153	58554	64707	213	11135	11348	76055
	Tổng cộng	19223	268962	288185	1435	34553	35988	324173

PHỤ LỤC 3.16. BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH TIÊU BẢN QUÝ 1 NĂM 2022

BẢNG 1: PHÂN LOẠI LỖI VÀ TỶ LỆ LỖI

TT	Địa phương	TSTB thực hiện	Số TB cần KĐ	Số TB KĐ	Phân loại lỗi						Lỗi lớn		Lỗi nhỏ	
					Sai (+) lớn	Sai (-) lớn	ĐL lớn	Sai (+) nhỏ	Sai (-) nhỏ	ĐL nhỏ	SL	%	SL	%
Vùng đồng bằng Sông hồng														
1	Hà Nội	8712	896	896	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Hải Phòng	812	359	359	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
3	Vĩnh Phúc	345	322	165	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Bắc Ninh	1106	79	29	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Hải Dương	3756	556	556	0	0	1	0	0	5	1	0	5	0
6	Hưng Yên	1166	720	720	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
7	Hà Nam	910	384	384	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
8	Nam Định	4371	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Thái Bình	3722	588	482	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Ninh Bình	582	270	95	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	25482	4174	3686	0	0	1	0	0	11	1	0	11	0
Vùng Đông bắc														
12	Hà Giang	601	163	163	0	0	0	0	0	6	0	0	6	3
13	Cao Bằng	278	169	169	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0
14	Lào Cai	795	373	373	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Tuyên Quang	107	66	66	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Lạng Sơn	886	783	585	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0
17	Bắc Kạn	377	594	275	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Yên Bái	1412	313	313	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
20	Phú Thọ	3452	472	456	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Quảng Ninh	1414	844	676	0	1	0	2	1	11	1	0	14	2
22	Bắc Giang	392	392	392	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	9714	4169	3468	0	2	0	2	1	22	2	0	25	0

TT	Địa phương	TSTB thực hiện	Số TB cần KD	Số TB KD	Phân loại lỗi						Lỗi lớn		Lỗi nhỏ	
					Sai (+) lớn	Sai (-) lớn	ĐL lớn	Sai (+) nhỏ	Sai (-) nhỏ	ĐL nhỏ	SL	%	SL	%
Vùng Tây bắc														
23	Điện Biên	191	220	160	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Sơn La	161	88	88	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Hoà Bình	457	312	228	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0
26	Lai Châu	776	424	424	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	1585	1044	900	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0
Vùng Bắc Trung bộ														
27	Thanh Hóa	5031	1718	1709	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Nghệ An	807	807	173	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Hà Tĩnh	1052	609	496	46	0	0	0	0	0	46	9	0	0
30	Quảng Bình	971	170	170	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Quảng Trị	602	346	346	0	0	0	0	0	4	0	0	4	1
32	Thừa Thiên Huế	349	186	186	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	8812	3836	3080	46	0	0	0	0	4	46	1	4	0
Vùng Nam Trung bộ														
33	Đà Nẵng	1995	291	291	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Quảng Nam	1532	518	518	0	0	0	0	0	8	0	0	8	1
35	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Bình Định	1437	560	473	0	0	0	0	0	4	0	0	4	0
37	Phú Yên	1385	484	484	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
38	Khánh Hoà	1426	384	384	0	0	0	0	0	14	0	0	14	3
	Tổng	7775	2237	2150	0	0	0	0	0	28	0	0	28	1
Vùng Tây nguyên														
39	Kon Tum	479	171	171	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
40	Gia Lai	162	50	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
41	Đắk Lắk	1307	392	391	1	2	0	0	1	8	3	0	9	2
42	Đắk Nông	132	132	132	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
43	Lâm Đồng	1132	599	516	0	0	0	0	0	11	0	0	11	2
	Tổng	3212	1344	1260	1	2	0	0	1	20	3	0	21	1

TT	Địa phương	TSTB thực hiện	Số TB cần KĐ	Số TB KĐ	Phân loại lỗi						Lỗi lớn		Lỗi nhỏ	
					Sai (+) lớn	Sai (-) lớn	ĐL lớn	Sai (+) nhỏ	Sai (-) nhỏ	ĐL nhỏ	SL	%	SL	%
Vùng Đông Nam bộ														
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	1814	530	505	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0
45	Bình Dương	3474	414	404	2	0	0	1	0	1	2	0	2	0
46	Bình Phước	1197	333	290	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
47	Bình Thuận	4070	939	939	0	0	0	0	1	1	0	0	2	0
48	Đồng Nai	2096	400	400	0	1	0	0	0	3	1	0	3	0
49	Ninh Thuận	1169	471	471	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Tây Ninh	2756	737	737	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	TP. Hồ Chí Minh	24619	1949	1949	1	3	0	0	6	12	4	0	18	0
	Tổng	41195	5773	5695	3	4	0	1	9	19	7	0	29	0
Vùng đồng bằng sông Cửu long														
52	An Giang	10450	663	598	1	2	0	0	0	7	3	0	7	1
53	Bạc Liêu	1556	330	319	0	0	0	0	0	8	0	0	8	2
54	Bến Tre	2328	736	736	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0
55	Cà Mau	1927	541	541	0	1	0	0	0	18	1	0	18	3
56	Cần Thơ	1597	572	572	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
57	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Đồng Tháp	3390	308	308	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0
59	Kiên Giang	5654	519	519	0	0	0	0	2	0	0	0	2	0
60	Long An	2391	233	233	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Sóc Trăng	1481	429	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Tiền Giang	5718	1027	1027	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Trà Vinh	2279	396	396	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0
64	Vĩnh Long	3419	631	621	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	42190	6385	5870	1	3	0	0	2	40	4	0	42	0
	Tổng cộng	139965	28962	26109	51	11	1	3	14	144	63	0	161	0

BẢNG 2: CHẤT LƯỢNG TIÊU BẢN

TT	Địa phương	Số TBKD	CLBP		Tẩy màu		Độ sạch		Độ dày		Kích cỡ		Độ mịn	
			SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%
Vùng đồng bằng Sông hồng														
1	Hà Nội	896	656	73	896	100	896	100	642	71	896	100	566	63
2	Hải Phòng	359	285	79	293	81	297	82	288	80	306	85	282	78
3	Vĩnh Phúc	165	146	88	144	87	137	83	129	78	155	93	128	77
4	Bắc Ninh	29	27	93	26	89	26	89	27	93	27	93	26	89
5	Hải Dương	556	481	86	456	82	451	81	399	71	438	78	369	66
6	Hưng Yên	720	641	89	594	82	586	81	583	80	597	82	593	82
7	Hà Nam	384	280	72	347	90	339	88	280	72	273	71	275	71
8	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Thái Bình	482	285	59	318	65	307	63	308	63	317	65	313	64
10	Ninh Bình	95	75	78	78	82	79	83	66	69	72	75	72	75
11	TB Hospital	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	3686	2876	78	3152	85	3118	84	2722	73	3081	83	2624	71
Vùng Đông bắc														
12	Hà Giang	163	115	70	128	78	105	64	108	66	114	69	100	61
13	Cao Bằng	169	143	84	156	92	162	95	142	84	137	81	148	87
14	Lào Cai	373	338	90	372	99	373	100	338	90	355	95	365	97
15	Tuyên Quang	66	51	77	63	95	55	83	47	71	46	69	54	81
16	Lạng Sơn	585	473	80	538	91	548	93	475	81	503	85	525	89
17	Bắc Kạn	275	243	88	268	97	265	96	258	93	268	97	243	88
18	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Yên Bái	313	290	92	273	87	273	87	280	89	279	89	275	87
20	Phú Thọ	456	421	92	399	87	398	87	396	86	411	90	380	83
21	Quảng Ninh	676	903	133	507	75	524	77	335	49	406	60	308	45
22	Bắc Giang	392	327	83	671	171	323	82	316	80	321	81	323	82
	Tổng	3468	3304	95	3375	97	3026	87	2695	77	2840	81	2721	78
Vùng Tây bắc														
23	Điện Biên	160	92	57	109	68	100	62	87	54	90	56	77	48

TT	Địa phương	Số TBKD	CLBP		Tẩy màu		Độ sạch		Độ dày		Kích cỡ		Độ mịn	
			SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%
24	Sơn La	88	83	94	83	94	83	94	83	94	83	94	83	94
25	Hoà Bình	228	221	96	214	93	210	92	177	77	200	87	204	89
26	Lai Châu	424	260	61	324	76	330	77	167	39	299	70	169	39
	Tổng	900	656	72	730	81	723	80	514	57	672	74	533	59
Vùng Bắc Trung bộ														
27	Thanh Hóa	1709	1235	72	1265	74	1231	72	1282	75	1261	73	1288	75
28	Nghệ An	173	143	82	141	81	148	85	203	117	111	64	140	80
29	Hà Tĩnh	370	1029	278	492	132	1026	277	449	121	460	124	453	122
30	Quảng Bình	170	131	77	141	82	141	82	130	76	142	83	121	71
31	Quảng Trị	308	256	83	266	86	265	86	265	86	267	86	261	84
32	Thừa Thiên Huế	186	168	90	159	85	158	84	160	86	160	86	154	82
	Tổng	2916	2962	101	2464	84	2969	101	2489	85	2401	82	2417	82
Vùng Nam Trung bộ														
33	Đà Nẵng	291	228	78	274	94	277	95	240	82	271	93	248	85
34	Quảng Nam	518	359	69	380	73	435	83	335	64	356	68	329	63
35	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
36	Bình Định	473	456	96	436	92	437	92	437	92	428	90	406	85
37	Phú Yên	484	361	74	387	79	385	79	348	71	390	80	342	70
38	Khánh Hoà	384	349	90	347	90	344	89	340	88	346	90	336	87
	Tổng	2150	1753	81	1824	84	1878	87	1700	79	1791	83	1661	77
Vùng Tây nguyên														
39	Kon Tum	171	137	80	143	83	150	87	143	83	146	85	152	88
40	Gia Lai	50	38	76	32	64	28	56	21	42	30	60	27	54
41	Đắk Lắk	391	284	72	278	71	267	68	232	59	266	68	250	63
42	Đắk Nông	132	132	100	128	96	132	100	118	89	129	97	131	99
43	Lâm Đồng	516	410	79	474	91	452	87	315	61	456	88	330	63
	Tổng	1260	1001	79	1055	83	1029	81	829	65	1027	81	890	70
Vùng Đông Nam bộ														
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	505	432	85	458	90	492	97	417	82	464	91	431	85
45	Bình Dương	404	336	83	353	87	342	84	334	82	330	81	327	80

TT	Địa phương	Số TBKD	CLBP		Tẩy màu		Độ sạch		Độ dày		Kích cỡ		Độ mịn	
			SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%	SL Đạt	%
46	Bình Phước	290	230	79	269	92	268	92	230	79	251	86	231	79
47	Bình Thuận	939	846	90	917	97	925	98	801	85	781	83	810	86
48	Đồng Nai	400	380	95	394	98	395	98	342	85	326	81	353	88
49	Ninh Thuận	471	456	96	453	96	453	96	447	94	439	93	450	95
50	Tây Ninh	737	700	94	722	97	692	93	677	91	709	96	668	90
51	TP. Hồ Chí Minh	1949	1550	79	1792	91	1849	94	1261	64	1420	72	984	50
	Tổng	5695	4930	86	5358	94	5416	95	4509	79	4720	82	4254	74
Vùng đồng bằng sông Cửu long														
52	An Giang	598	587	98	564	94	567	94	563	94	594	99	582	97
53	Bạc Liêu	319	229	71	228	71	239	74	187	58	234	73	223	69
54	Bến Tre	736	682	92	663	90	674	91	643	87	637	86	643	87
55	Cà Mau	541	460	85	457	84	458	84	449	82	432	79	396	73
56	Cần Thơ	572	516	90	559	97	563	98	522	91	521	91	500	87
57	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Đồng Tháp	308	289	93	292	94	293	95	286	92	278	90	437	141
59	Kiên Giang	519	490	94	513	98	512	98	449	86	498	95	449	86
60	Long An	233	233	100	233	100	233	100	233	100	233	100	233	100
61	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Tiền Giang	1027	922	89	930	90	930	90	930	90	930	90	917	89
63	Trà Vinh	396	376	94	383	96	379	95	352	88	346	87	342	86
64	Vĩnh Long	621	591	95	579	93	543	87	523	84	530	85	539	86
	Tổng	5870	5375	91	5401	92	5391	91	5137	87	5233	89	5261	89
	Tổng cộng	25945	22857	88	23359	90	23550	90	20595	79	21765	83	20361	78

PHỤ LỤC 4:**BẢNG 4.1: TÌNH HÌNH THU DUNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ LAO KHÁNG THUỐC
(Q1 và Q2 năm 2022, cập nhật đến 15/07/2022)**

TT	TỈNH	Tổng phát hiện BN LKT Q1+2/22	Tổng thu nhận BN LKT Q1+2/2022	Chỉ tiêu N2022	Tỷ lệ đạt	Chi chú
KHU VỰC MIỀN BẮC		505	440	1480		
Vùng đồng bằng Sông Hồng						
1	Hà Nội	129	95	334	28%	
2	Hải Phòng	23	22	88	25%	
3	Vĩnh Phúc	6	6	23	26%	
4	Bắc Ninh	11	5	37	14%	
5	Hải Dương	14	16	52	31%	
6	Hưng Yên	6	4	35	11%	
7	Hà Nam	5	6	25	24%	
8	Nam Định	16	17	70	24%	
9	Thái Bình	12	12	35	34%	
10	Ninh Bình	3	3	34	9%	
11.1	BVP TƯ	171	147	400	37%	
11.2	BV 74 Trung ương	19	14	45	31%	
11.3	BV Quân Y 103	5	3	15	20%	
	Tổng	420	350	1193	29%	
Vùng Đông Bắc						
12	Hà Giang	0	0	10	0%	
13	Cao Bằng	4	4	8	50%	
14	Lào Cai	2	1	8	13%	
15	Tuyên Quang	2	4	12	33%	
16	Lạng Sơn	8	9	30	30%	
17	Bắc Kạn	1	1	5	20%	
18	Thái Nguyên	10	9	32	28%	
19	Yên Bái	3	2	10	20%	
20	Phú Thọ	11	11	32	34%	
21	Quảng Ninh	26	25	65	38%	
22	Bắc Giang	15	18	45	40%	
	Tổng	82	84	257	33%	
Vùng Tây Bắc						
23	Điện Biên	1	1	5	20%	
24	Sơn La	0	2	12	17%	
25	Hòa Bình	2	2	8	25%	
26	Lai Châu	0	1	5	20%	
	Tổng	3	6	30	20%	
KHU VỰC MIỀN TRUNG		234	207	583	36%	
Vùng Bắc Trung Bộ						
27	Thanh Hóa	21	17	101	41%	
	BV 71 Trung ương	24	24			
28	Nghệ An	26	27	81	33%	
29	Hà Tĩnh	1	4	30	13%	
30	Quảng Bình	12	6	18	33%	

TT	TỈNH	Tổng phát hiện BN LKT Q1+2/22	Tổng thu nhận BN LKT Q1+2/2022	Chỉ tiêu N2022	Tỷ lệ đạt	Chi chú
31	Quảng Trị	10	10	13	77%	
32	Thừa Thiên Huế	8	7	31	23%	
	Tổng	102	95	274	35%	
Vùng Nam Trung Bộ						
33	Đà Nẵng	24	17	45	38%	
34	Quảng Nam	13	11	31	35%	
35	Quảng Ngãi	2	4	25	16%	
36	Bình Định	14	10	41	24%	
37	Phú Yên	6	0	26	0%	
38	Khánh Hòa	50	48	69	70%	
	Tổng	109	90	237	38%	
Vùng Tây Nguyên						
39	Kom Tum	1	0	5	0%	
40	Gia Lai	4	5	15	33%	
41	Đắk Lắk	12	12	32	38%	
42	Đắk Nông	1	1	8	13%	
43	Lâm Đồng	5	4	12	33%	
	Tổng	23	22	72	31%	
VÙNG ĐÔNG NAM BỘ		541	547	1472	37%	
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	15	15	52	29%	
45	Bình Dương	35	46	115	40%	
46	Bình Phước	11	15	30	50%	
47	Bình Thuận	23	20	53	38%	
48	Đồng Nai	46	45	121	37%	
49	Ninh Thuận	9	9	42	21%	
50	Tây Ninh	39	34	89	38%	
51	TP Hồ Chí Minh	363	363	970	37%	
	Tổng	541	547	1472	37%	
VÙNG ĐÔNG BẮNG SÔNG CỬU LONG		385	358	965	37%	
52	An Giang	101	96	180	53%	
53	Bạc Liêu	12	14	45	31%	
54	Bến Tre	22	24	47	51%	
55	Cà Mau	17	18	45	40%	
56	Cần Thơ	45	27	75	36%	
57	Hậu Giang	14	19	45	42%	
58	Đồng Tháp	40	28	95	29%	
59	Kiên Giang	37	30	80	38%	
60	Long An	26	40	95	42%	
61	Sóc Trăng	16	8	65	12%	
62	Tiền Giang	22	22	86	26%	
63	Trà Vinh	3	6	37	16%	
64	Vĩnh Long	30	26	70	37%	
	Tổng	385	358	965	37%	
TỔNG CỘNG MDR		1,665	1,552	4,500	34%	

Bảng 4.2: BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ CUỐI CÙNG CỦA LÔ BỆNH NHÂN THU NHẬN Q1 và Q2 NĂM 2020 (cập nhật 15/07/2022)

TT	TỈNH	BN thu nhận trong quý đánh giá	Khỏi	HTĐT	Thất bại	Tử vong	Không theo dõi được (Bỏ trị)	Không đánh giá	Tổng	Điều trị thành công	GAP	Ghi chú
QUÝ 1+2/2020												
KHU VỰC MIỀN BẮC		498	149	205	15	22	42	14	444	80%	54	
Vùng Đồng bằng Sông Hồng												
1	Hà Nội	103	61	14	5	7	10	0	97	77%	6	
2	Hải Phòng	35	7	11	1	3	13	1	36	50%	-1	
3	Vĩnh Phúc	9	1	5	0	0	3	0	9	67%	0	
4	Bắc Ninh	16	5	8	1	0	2	0	16	81%	0	
5	Hải Dương	18	6	3	3	3	2	1	18	50%	0	
6	Hưng Yên	11	4	8	0	0	1	0	10	120%	1	
7	Hà Nam	8	6	0	0	1	0	0	7	86%	1	
8	Nam Định	16	15	0	0	2	0	0	17	88%	-1	
9	Thái Bình	12	0	11	0	0	1	0	12	92%	0	
10	Ninh Bình	10	4	2	2	2	0	0	10	60%	0	
11.1	BVP TƯ	169	11	104	0	0	6	5	126	91%	43	
11.2	BV 74 TƯ	17	0	1	0	0	2	6	9	11%	0	
11.3	BV Quân Y 103	0	0	0	0	0	0	0	0		57	
	Tổng	424	120	167	12	18	40	13	367	78%	0	
Vùng Đông Bắc												
12	Hà Giang	4	0	3	0	0	1	0	4	75%	-1	
13	Cao Bằng	2	2	1	0	0	0	0	3	100%	-1	
14	Lào Cai	2	0	3	0	0	0	0	3	100%	0	
15	Tuyên Quang	5	2	2	0	0	1	0	5	80%	0	
16	Lạng Sơn	7	6	0	1	0	0	0	7	86%	-1	
17	Bắc Kạn	0	1	0	0	0	0	0	1	100%	0	
18	Thái Nguyên	8	0	7	0	1	0	0	8	88%	-1	
19	Yên Bái	1	2	0	0	0	0	0	2	100%	0	
20	Phú Thọ	5	3	2	0	0	0	0	5	100%	1	
21	Quảng Ninh	20	4	13	0	1	0	1	19	89%	0	
22	Bắc Giang	12	5	3	2	2	0	0	12	67%	-3	
	Tổng	66	25	34	3	4	2	1	69	86%	0	
Vùng Tây Bắc												
23	Điện Biên	1	1	0	0	0	0	0	1	100%	0	
24	Sơn La	4	1	3	0	0	0	0	4	100%	0	
25	Hoà Bình	2	2	0	0	0	0	0	2	100%	0	
26	Lai Châu	1	0	1	0	0	0	0	1	100%	0	
	Tổng	8	4	4	0	0	0	0	8	100%	15	

TT	TỈNH	BN thu nhận trong quý đánh giá	Khởi	HTĐT	Thất bại	Tử vong	Không theo dõi được (Bỏ trị)	Không đánh giá	Tổng	Điều trị thành công	GAP	Ghi chú
KHU VỰC MIỀN TRUNG		185	80	32	7	21	28	8	170	66%	0	
Vùng Bắc Trung Bộ												
27	Thanh Hóa	28	6	2	1	2	11	6	23	35%	0	
	BV 71	7	4	0	0	1	2	0	7	57%	5	
28	Nghệ An	38	22	1	2	5	2	1	33	70%	-1	
29	Hà Tĩnh	8	0	6	0	1	2	0	9	67%	0	
30	Quảng Binh	3	0	2	0	0	1	0	3	67%	0	
31	Quảng Trị	4	1	1	0	0	2	0	4	50%	0	
32	Thừa Thiên Huế	4	1	2	0	0	1	0	4	75%	9	
	Tổng	92	34	14	3	9	21	7	83	58%	0	
Vùng Nam Trung Bộ												
33	Đà Nẵng	15	10	1	1	2	1	0	15	73%	0	
34	Quảng Nam	6	3	1	1	0	1	0	6	67%	4	(*)
35	Quảng Ngãi	10	0	6	0	0	0	0	6	100%	0	
36	Bình Định	13	9	2	0	2	0	0	13	85%	1	(*)
37	Phú Yên	7	2	0	0	3	1	0	6	33%	0	
38	Khánh Hòa	23	16	0	1	2	4	0	23	70%	5	
	Tổng	74	40	10	3	9	7	0	69	72%	0	
Vùng Tây Nguyên												
39	Kom Tum	0	0	0	0	0	0	0	0		1	
40	Gia Lai	7	0	5	0	1	0	1	6	83%	0	
41	Đắk Lắk	8	5	2	0	1	0	0	8	88%	0	
42	Đắk Nông	3	0	1	1	1	0	0	3	33%	0	
43	Lâm Đồng	1	1	0	0	0	0	0	1	100%	1	
	Tổng	19	6	8	1	3	0	1	18	78%	-1	
KHU VỰC MIỀN ĐÔNG NAM BỘ		508	272	96	29	42	45	25	509	72%	-2	
44	Bà Rịa - Vũng Tàu	17	7	5	3	1	2	1	19	63%	1	
45	Bình Dương	58	40	0	3	4	7	3	57	70%	4	
46	Bình Phước	12	1	1	2	0	4	0	8	25%	4	
47	Bình Thuận	21	9	2	3	0	2	1	17	65%	0	
48	Đồng Nai	51	27	5	3	3	12	1	51	63%	0	
49	Ninh Thuận	17	11	2	1	3	0	0	17	76%	-1	
50	Tây Ninh	27	1	20	1	5	1	0	28	75%	0	

TT	TỈNH	BN thu nhận trong quý đánh giá	Khởi	HTĐT	Thất bại	Từ vong	Không theo dõi được (Bỏ trị)	Không đánh giá	Tổng	Điều trị thành công	GAP	Ghi chú
51	TP Hồ Chí Minh	305	174	61	13	25	14	18	305	77%	-7	
	KQĐT của BN chuyển các tỉnh B2 nh thực tế k về	0	2	0	0	1	3	1	7	29%	-1	
	Tổng	508	272	96	29	42	45	25	509	72%	2	
KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG		307	196	44	9	27	23	6	305	79%	-2	
52	An Giang	58	46	2	1	7	3	1	60	80%	1	
53	Bạc Liêu	12	9	1	1	0	0	0	11	91%	-3	
54	Bến Tre	11	10	0	1	0	2	1	14	71%	0	
55	Cà Mau	19	11	0	1	4	3	0	19	58%	3	
56	Cần Thơ	22	13	1	2	2	1	0	19	74%	0	
57	Hậu Giang	16	11	3	0	0	0	2	16	88%	0	
58	Đồng Tháp	30	20	5	0	3	2	0	30	83%	0	
59	Kiên Giang	27	12	10	0	2	3	0	27	81%	0	
60	Long An	33	18	4	3	4	4	0	33	67%	0	
61	Sóc Trăng	14	7	1	0	0	5	1	14	57%	0	
62	Tiền Giang	38	26	9	0	3	0	0	38	92%	3	
63	Trà Vinh	11	0	6	0	2	0	0	8	75%	0	
64	Vĩnh Long	16	13	2	0	0	0	1	16	94%	2	
	Tổng	307	196	44	9	27	23	6	305	79%	70	
TỔNG CỘNG		1498	697	377	60	112	138	53	1428	75%		
Ghi chú: (*): thiếu BC KQĐT Q2.20												